

Số: 311 /TTr -BTC

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý,
sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt**
(*Phục vụ thẩm định của Bộ Tư pháp*)

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Bộ Tài chính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở pháp lý**

Theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng (trong đó có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt) do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công. Tại Chương IV Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đã quy định các nội dung cơ bản về chế độ quản lý, sử dụng và khai thác áp dụng chung cho các loại tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Tại Điều 13 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công giao Chính phủ quy định chi tiết việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; quyết định hoặc phân cấp quyết định giao, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng, phê duyệt đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Căn cứ các quy định nêu trên, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (sau đây gọi là Nghị định số 46/2018/NĐ-CP).

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ, Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 28/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác

quản lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý, việc Chính phủ ban hành Nghị định quy định quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (quốc gia/đô thị) để thay thế cho Nghị định số 46/2018/NĐ-CP là cơ sở pháp lý.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Để đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 46/2018/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã có Công văn số 4536/BTC-QLCS, Công văn số 4537/BTC-QLCS ngày 20/5/2022 đề nghị Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đánh giá tình hình thực hiện các Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông (trong đó có Nghị định số 46/2018/NĐ-CP) và kiến nghị sửa đổi, bổ sung (nếu có), trong đó làm rõ những kết quả đã đạt được, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất cụ thể các nội dung cần sửa đổi, bổ sung. Riêng đối với Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã có Công văn số 4538/BTC-QLCS ngày 20/5/2022 đề nghị đánh giá, phân tích và đề xuất việc giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông theo từng loại tài sản kết cấu hạ tầng giao thông cho đối tượng quản lý.

Bên cạnh đó, để tiếp tục hoàn thiện pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do Nhà nước đầu tư, quản lý; Bộ Tài chính đã có Công văn số 9274/BTC-QLCS ngày 15/9/2022 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Bình Dương) đề nghị đánh giá tình hình quản lý, sử dụng và khai thác đối với các tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đã đưa vào sử dụng tại địa phương (nếu có); đồng thời, căn cứ quy định tại Chương IV Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các pháp luật có liên quan, tình hình thực tế và yêu cầu quản lý của địa phương, kiến nghị, đề xuất cụ thể về chế độ quản lý, sử dụng và khai thác đối với các tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do Nhà nước đầu tư, quản lý làm cơ sở xây dựng quy định chi tiết, tạo lập cơ sở pháp lý cho việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị sau khi hoàn thành việc đầu tư, đưa vào khai thác, sử dụng.

Qua tổng hợp báo cáo tổng kết, đánh giá của các Bộ, ngành, địa phương có liên quan cho thấy, việc Chính phủ ban hành Nghị định số 46/2018/NĐ-CP đã tạo ra hành lang pháp lý đồng bộ để triển khai Luật Quản lý, dụng tài sản công năm 2017. Nghị định đã xác định danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; đối tượng được giao quản lý và hình thức, thẩm quyền, thủ tục giao quản lý tài sản; tài sản phải được hạch toán, kế toán đầy đủ và bảo trì theo quy định; đa dạng hóa các phương thức khai thác, tạo cơ sở pháp lý cho việc khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công.

Tuy nhiên, qua 06 năm triển khai thực hiện, quy định tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP và công tác quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã phát sinh những hạn chế, bất cập cần được giải quyết, khắc phục để tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng, khai thác đối với các tài sản này. Một số khó khăn, bất cập chủ yếu gồm:

Thứ nhất, phạm vi điều chỉnh của Nghị định 46/2018/NĐ-CP chưa bao quát hết các loại tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư, quản lý

(thiếu tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị) hoặc chưa làm rõ chế độ quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân quản lý và tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do đối tượng khác (thuộc các Bộ, ngành khác ngoài Bộ Giao thông vận tải) quản lý theo quy định của pháp luật hoặc đã bán, chuyển nhượng, tính vào giá trị doanh nghiệp.

Thứ hai, việc giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho đối tượng quản lý phát sinh bất cập; cụ thể:

Tài sản kết cấu hạ tầng nói chung, tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia nói riêng với giá trị đầu tư lớn, khó thu hồi vốn, việc quản lý, vận hành mang tính chất chuyên ngành. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP, tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được giao cho cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về đường sắt - Cục Đường sắt Việt Nam (cơ quan quản lý tài sản) quản lý với các quy định về cơ chế quản lý, sử dụng, bảo trì, khai thác, xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP áp dụng đối với cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, cơ cấu tổ chức, bộ máy, nhân lực của Cục Đường sắt Việt Nam chưa được bổ sung, hoàn thiện đầy đủ để thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia¹, nên chưa thực hiện được việc giao tài sản cho Cục Đường sắt Việt Nam quản lý.

Mặc dù, tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP có quy định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quản lý (doanh nghiệp quản lý tài sản) theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, Bộ Giao thông vận tải chủ trì lập Đề án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; song chế độ quản lý, sử dụng và khai thác lại căn cứ vào quy định áp dụng đối với cơ quan nhà nước nên dẫn đến sự chưa tương ứng và chưa phù hợp về cơ chế quản lý, không khả thi trong tổ chức thực hiện.

Đến ngày 05/8/2024, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 797/QĐ-TTg phê duyệt Đề án quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư, quản lý cho Tổng công ty đường sắt Việt Nam quản lý theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; nhưng đến nay, chưa thực hiện được.

Thứ ba, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cho đối tượng quản lý còn chông chéo hoặc chưa rõ; cụ thể: Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được hình thành từ dự án sử dụng vốn nhà nước, được xác lập quyền sở hữu toàn dân thì việc giao tài sản cho đối tượng quản lý, việc xử lý tài sản (giao, điều chuyển) thực hiện theo quy định về xử lý đối với tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân hay thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt chưa có sự phân định rõ ràng.

Thứ tư, việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia chưa phản ánh hết tính chất đặc thù của từng loại tài sản và chưa tính đến đối tượng giao

¹ Tờ trình Chính phủ số 8276/TTr-BGTVT ngày 21/8/2021 của Bộ GTVT

gắn với hình thức giao quản lý như: Đối với hình thức đối tượng được giao trực tiếp tổ chức khai thác được quy định áp dụng chung cho cơ quan nhà nước/doanh nghiệp quản lý nên chưa sát với thực tế, chưa phát huy việc khai thác nguồn lực từ tài sản công.

Đồng thời, việc quản lý, sử dụng số tiền từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định cho cơ quan nhà nước tổ chức khai thác cùng với việc xác định các chi phí liên quan đến khai thác tài sản được căn cứ vào: (i) nội dung chi theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nhưng thực tế việc phê duyệt tiêu chuẩn, định mức khó thực hiện - lý do: Việc xây dựng hệ thống định mức này phức tạp, cần nhiều thời gian, phải có quá trình xây dựng, thẩm định, ban hành, đồng thời cũng không bao quát toàn bộ các yếu tố chi phí có thể phát sinh trong tương lai); (ii) nội dung chi ngoài định mức thiếu cơ sở để phê duyệt do doanh nghiệp thực hiện và chịu trách nhiệm. Do đó, dẫn đến khó khăn trong xác định chi phí, ảnh hưởng đến việc nộp ngân sách nhà nước nguồn thu từ khai thác sau khi từ chi phí liên quan. Ngoài ra, để doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt được chủ động trong việc khai thác tài sản, chủ động trong việc chi trả, thanh toán bù đắp các chi phí phát sinh thực tế trong quá trình tạo ra nguồn thu cho thuê từ khai thác tài sản sẽ nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong quản trị (chi phí, doanh thu cho thuê), tạo động lực để tăng cường, nâng cao hiệu quả hoạt động cho thuê; thuận lợi cho công tác thanh, kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước đối với hoạt động khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Thứ năm, việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo một số hình thức (như: Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyên giao; bán tài sản) không còn phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và thực tế hiện nay; đồng thời một số loại tài sản không còn nhu cầu sử dụng hoặc thay đổi quy hoạch loại ra khỏi danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia nhưng chưa có cơ chế để thực hiện chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý; theo đó cần phải sửa đổi, bổ sung về hình thức xử lý, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện cho phù hợp với đặc thù tài sản và thực tế hiện nay.

Thứ sáu, việc kế toán, báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia chưa được đầy đủ và kịp thời; việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt chưa được thực hiện, chưa có thông tin để tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

Những khó khăn, bất cập nêu trên có nguyên nhân chủ quan từ công tác tổ chức thực hiện nhưng cũng có nguyên nhân từ nội tại các quy định tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP chưa đầy đủ, chưa bao quát được các tình huống phát sinh trong thực tế với loại tài sản gắn với đối tượng quản lý tương đối đặc thù do đây là lần đầu tiên có quy định chi tiết về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do nhà nước đầu tư, quản lý.

Từ cơ sở nêu trên, việc Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (thay thế cho Nghị định số 46/2018/NĐ-CP) là cần thiết và có cơ sở pháp lý, cơ

sở thực tiễn, phù hợp với chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ²

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

Việc xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý để giải quyết các vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình giao, quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, tạo cơ sở pháp lý để quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị, bảo đảm tất cả các tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư, quản lý đều xác định được chủ thể chịu trách nhiệm trước Nhà nước trong quản lý, hạch toán, khai thác, xử lý tài sản.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

Thứ nhất, quán triệt đầy đủ quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng, khai thác, huy động các nguồn lực của nền kinh tế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững³, thống nhất về cơ chế giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, hàng hải, hàng không, đường bộ... theo hướng tách biệt rõ vai trò quản lý nhà nước với vai trò quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông vận tải⁴, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực⁵...; chủ trương đường lối của Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và Kết luận số 49-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045⁶

Thứ hai, kế thừa các nội dung còn phù hợp của Nghị định số 46/2018/NĐ-CP, sửa đổi các nội dung không còn phù hợp với thực tiễn, bổ sung các quy định chi tiết để điều chỉnh những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn (hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị), cụ thể hóa các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

² Tại Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý tài sản KCHT do Nhà nước đầu tư, quản lý, Thủ tướng Chính phủ giao: Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giao thông vận tải, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp tục tổng hợp, đánh giá kỹ việc thực hiện các Nghị định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi; trên cơ sở đó nghiên cứu, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các Nghị định: Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và các Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông (hàng hải, hàng không, đường thủy nội địa, đường sắt, đường bộ). Tại Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài chính xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (STT 27, Phụ lục I).

³ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.

⁴ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban chấp hành TW Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁵ Kết luận số 12-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

⁶ Kết luận số 49-KL/TW ngày 28/02/2023 “hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách ưu đãi, tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển giao thông vận tải đường sắt. Ban hành cơ chế, chính sách pháp luật về sử dụng đất cho xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt và cho thuê kết cấu hạ tầng đường sắt. Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp để tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến trình đầu tư các tuyến đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị...”

năm 2017 về quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng, bảo đảm phù hợp với đặc thù của tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, bảo đảm tính đồng bộ với pháp luật về đường sắt và các quy định của pháp luật có liên quan.

Thứ ba, tăng cường công tác quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thông qua việc giao tài sản cho các chủ thể, chế độ kê khai báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bộ Tài chính đã có các Công văn đề nghị Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đánh giá tình hình thực hiện Nghị định của Chính phủ (nội dung đánh giá được tổng hợp, báo cáo tại mục 2 phần A nêu trên).

2. Bộ Tài chính đã giao các đơn vị chức năng phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Tổng công ty đường sắt Việt Nam tổ chức xây dựng dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định, góp ý nhiều lần để hoàn thiện dự thảo.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính đã có Quyết định số 1116/QĐ-BTC ngày 02/6/2023, Quyết định số 1847/QĐ-BTC ngày 01/8/2024 về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Nghị định. Ban soạn thảo đã lấy ý kiến của các thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập bằng văn bản và các cuộc họp để xây dựng, hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.

4. Ngày 04/4/2024, Bộ Tài chính đã có Công văn số 3578/BTC-QLCS gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và công nghiệp Việt Nam, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội, Công ty TNHH MTV Đường sắt đô thị số 1 Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính, Trang thông tin về tài sản công (từ ngày 04/04/2024) để lấy ý kiến rộng rãi đối với dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

5. Ngày /11/2024, Bộ Tài chính có Công văn số /BTC-QLCS lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về hồ sơ dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định gồm 06 Chương với 51 Điều và Phụ lục các mẫu biểu kèm theo, trong đó:

Chương I. Quy định chung.

Chương II. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Chương III. Quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Chương IV. Quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường

sắt đô thị giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Chương V. Chế độ báo cáo và Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Chương VI. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

2.1. Quy định chung (Chương I)

Chương này gồm 04 điều (từ Điều 1 đến Điều 4) quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, nguyên tắc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Một số nội dung chính như sau:

2.1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư, quản lý, gồm: Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia và tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

Đồng thời, xác định rõ các loại tài sản không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này để thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật, gồm: (i) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; (ii) trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước tại khu vực ga đường sắt; (iii) tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do đối tượng khác (ngoài các đối tượng được giao quy định tại Nghị định này và đối tượng quản lý tại điểm (i), (ii) nêu trên) quản lý theo quy định của pháp luật và các tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư, quản lý nhưng đã bán, chuyên nhượng, tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tương ứng với từng trường hợp (i), (ii), (iii) theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công áp dụng đối với tài sản công phục vụ công tác quản lý, hoạt động của cơ quan nhà nước, của pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.

2.1.2. Đối tượng áp dụng (Điều 2)

- Cơ quan thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu và quản lý nhà nước về đường sắt.

- Cơ quan quản lý đường sắt (gồm: Cơ quan quản lý đường sắt quốc gia, Cơ quan quản lý đường sắt đô thị).

- Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (gồm: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia và Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị)⁷

- Tổ chức, doanh nghiệp thuê quyền khai thác, nhận chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này.

⁷ Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt ở trung ương là doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; doanh nghiệp quản lý đường sắt ở địa phương là doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng hoặc kinh doanh vận tải đường sắt đô thị do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt để bảo đảm yêu cầu các tài sản kết cấu hạ tầng trọng yếu phải do Nhà nước sở hữu.

- Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

2.1.3. Về giải thích từ ngữ (Điều 3):

Để thống nhất cách hiểu, tại Điều 3 dự thảo Nghị định giải thích một số cụm từ ngữ gồm: Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có liên quan đến quốc phòng/có liên quan đến an ninh quốc gia; doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Trong đó, tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được quy định khái quát là công trình, hạng mục công trình đường sắt theo quy định của pháp luật đường sắt và đất gắn với công trình đường sắt; trên cơ sở quy định của pháp luật đường sắt về danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị sẽ được quy định cụ thể tại Thông tư quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Không quy định phân chia thành 2 loại tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trực tiếp liên quan đến chạy tàu, không trực tiếp liên quan đến chạy tàu như Nghị định số 46/2018/NĐ-CP (Lý do: Công năng, mục đích sử dụng của tài sản có thể không cố định (cùng một tài sản có thể phục vụ hai mục đích nêu trên), việc phân loại tài sản trực tiếp/không trực tiếp chạy tàu trước đây phục vụ công tác thu (phí sử dụng/giá sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt); với định hướng tại dự thảo Luật Đường sắt (sửa đổi) sắp tới không quy định việc phân loại này).

2.1.4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (Điều 4)

Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các nguyên tắc cụ thể sau đây:

- Việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo phương thức cho thuê quyền khai thác, chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được thực hiện đối với toàn bộ hoặc một phần của từng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

- Khi thực hiện khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này mà làm ảnh hưởng đến tài sản kết cấu hạ tầng khác thì phải có ý kiến của đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan đó.

- Khi thực hiện giao, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này phải xác định rõ tài sản có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia hay không tại hồ sơ giao, khai thác, xử lý tài sản làm cơ sở để cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này.

- Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo quy định; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

- Việc quản lý, sử dụng đối với đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan (quản lý, sử dụng, thu hồi đất gắn với kết cấu hạ tầng

đường sắt). Việc sử dụng quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về đất đai.

2.2. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (Chương II)

Chương này gồm 02 mục với 08 Điều từ Điều 5 đến Điều 12 (Mục 1: Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia. Mục 2: Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị) quy định về phạm vi, đối tượng, hình thức giao, thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị; cụ thể:

2.2.1. Về phạm vi và hình thức giao

Trên cơ sở thực tế quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trong thời gian qua, phân tích báo cáo của các Bộ, cơ quan có liên quan, đề bảo đảm rõ ràng, khả thi trong thực hiện; tại dự thảo Nghị định quy định giao quản lý tài sản như sau:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

a1) Quy định phạm vi tài sản giao

(1) Toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hiện có được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

(2) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho doanh nghiệp quản lý (trong đó, có giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp/không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp) thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao, điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

(3) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước: Quy định cụ thể việc giao tài sản đối với từng trường hợp cụ thể⁸ theo nguyên tắc, pháp luật khác để có quy định về việc giao, bàn giao, điều chuyển được thực hiện theo pháp luật đó; không phải thực hiện lại phương án giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

(4) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do các đối tượng không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quản lý mà đối tượng đang quản lý có nhu cầu điều chuyển tài sản về Bộ Giao thông vận tải để giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

⁸ Gồm các trường hợp:

- (i) Trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án và đối tượng thụ hưởng đó là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt;
- (ii) Trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án nhưng đối tượng thụ hưởng không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt;
- (iii) Trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt không xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án.

* Như vậy: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia được giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Sau khi giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (như trên), trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia có nhu cầu thì căn cứ quy định của pháp luật về đường sắt và khả năng quản lý, khai thác tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia xây dựng Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

a2) Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao

(1) Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (*Điều 6, Điều 7 dự thảo*).

(2) Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (*Điều 8 dự thảo*), trong đó quy định việc xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia; cụ thể:

(i) Trường hợp tài sản được mua sắm, đầu tư xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng trong vòng 03 năm tính đến ngày lập hồ sơ đề nghị chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp⁹ thì giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp là giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán. Trường hợp tài sản chưa theo dõi trên sổ kế toán hoặc đã theo dõi trên sổ kế toán nhưng chưa tính hao mòn hoặc đã tính hao mòn nhưng chưa phù hợp với quy định thì phải xác định lại giá trị còn lại theo đúng quy định làm căn cứ xác định phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

(ii) Các trường hợp không thuộc quy định tại điểm (i) nêu trên:

Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia thuê doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật để thẩm định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được đề xuất chuyển hình thức giao tài sản.

Căn cứ danh mục và thực trạng tài sản dự kiến chuyển hình thức giao, căn cứ kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia trình Bộ Giao thông vận tải quyết định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia làm căn cứ xác định giá trị phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá, báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp

⁹ Tham khảo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp nhà nước và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần.

luật về giá.

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị

b1) Quy định phạm vi tài sản giao

(1) Toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị hiện có (trừ các tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đã giao cho doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp) được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

(2) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị là: (i) Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; (ii) kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước; (iii) do các đối tượng không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quản lý mà đối tượng đang quản lý có nhu cầu điều chuyển tài sản về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quản lý được quy định tương tự như đường sắt quốc gia nêu trên.

b2) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản

(1) Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (*Điều 10, Điều 11 dự thảo*).

(2) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (*Điều 12 dự thảo*).

2.3. Quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Chương III)

Chương này gồm 5 Mục với 18 Điều (từ Điều 13 đến Điều 30) quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia giao cho doanh nghiệp quản lý đường sắt quốc gia quản lý theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, gồm các nội dung: Hồ sơ, kế toán tài sản; quản lý, bảo trì tài sản và quản lý, vận hành tài sản trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản; khai thác tài sản; xử lý tài sản; quản lý, sử dụng tài sản đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Một số nội dung chính như sau:

2.3.1. Về hồ sơ, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (*Điều 13, Điều 14 dự thảo*)

Dự thảo Nghị định kế thừa các quy định tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP; đồng thời, điều chỉnh, bổ sung các quy định để đáp ứng yêu cầu quản lý về việc xác định giá trị đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trong các trường hợp: (i) đã có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại; (ii) được mua sắm, đầu tư xây dựng mới; (iii) do cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận theo quyết định giao, quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền; (iv) thực hiện kiểm kê phát hiện thừa trong quá trình sử dụng; (v) không có thông tin về giá trị tài sản.

2.3.2. Về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia và quản lý, vận hành tài sản trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản (Mục II)

*a) Về việc quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (*Điều 15 dự**

thảo)

a1) Hình thức, tổ chức quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về đường sắt, pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

a2) Kinh phí quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

a3) Trường hợp kinh phí quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được bố trí từ ngân sách nhà nước:

(1) Trường hợp căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá bảo trì, khối lượng công việc cần thực hiện, kế hoạch quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và các căn cứ khác (nếu có) theo quy định của pháp luật, cơ quan quản lý đường sắt quốc gia có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản đường sắt quốc gia (Bộ Giao thông vận tải) tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Bộ Giao thông vận tải giao dự toán ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định.

Bộ Giao thông vận tải tổ chức đặt hàng toàn bộ đối với việc quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (bao gồm toàn bộ nhiệm vụ quản lý, bảo trì theo quy định) với doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia. Việc tổ chức thực hiện đặt hàng theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.

(2) Trường hợp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, dự toán được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia thì việc lập, tổng hợp, phê duyệt dự toán được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì, nghiệm thu và chịu trách nhiệm về số lượng, khối lượng, tiến độ, chất lượng sản phẩm bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định.

a4) Việc sử dụng, quyết toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

b) Về việc quản lý, vận hành trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (Điều 16)

Thời gian vừa qua, thực tế có phát sinh các trường hợp chủ đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông không phải là đối tượng được giao quản lý tài sản, song chưa có quy định để điều chỉnh việc quản lý, vận hành tài sản trong thời gian thực hiện dự án. Vì vậy, dự thảo Nghị định bổ sung Điều 16 quy định việc quản lý, vận hành trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở

rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, quy định doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm tạm bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cho chủ đầu tư dự án; trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng; bàn giao lại tài sản, phần giá trị tài sản tăng thêm sau đầu tư.

2.3.3. Về khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (Mục III)

a) *Về phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (Điều 17):*

Tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP quy định các phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gồm: (i) Trực tiếp tổ chức khai thác tài sản; (ii) Cho thuê quyền khai thác tài sản; (iii) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia. Đánh giá thực tiễn thực hiện, không phát sinh các phương thức khai thác ngoài các phương thức nêu trên; vì vậy, dự thảo Nghị định giữ nguyên các phương thức khai thác như Nghị định số 46/2018/NĐ-CP. Đồng thời, để phù hợp với thực tế khai thác, dự thảo Nghị định quy định cụ thể:

- Việc khai thác bao gồm cả trường hợp khai thác toàn bộ hoặc một phần của từng tài sản; trường hợp khai thác một phần của từng tài sản thì phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại.

- Trường hợp xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông, công trình cấp, thoát nước trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì việc xây dựng, lắp đặt các công trình này trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về viễn thông, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.

- Trường hợp nhượng quyền để kinh doanh, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo Hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (O&M) thì trong thời gian thực hiện hợp đồng, việc nhượng quyền để kinh doanh, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; không thực hiện việc khai thác theo quy định tại Nghị định này.

b) *Về nội dung của các phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (từ Điều 18 đến Điều 20)*

b1) Đối với việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trong trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác

- Quy định về thẩm quyền phê duyệt Đề án, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt Đề án: (i) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì thẩm quyền phê duyệt Đề án khai thác tài sản là Thủ tướng Chính phủ; (ii) Các trường hợp còn lại, thẩm quyền phê duyệt Đề án khai thác tài sản là Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

- + Ý kiến tham gia của Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đề nghị quy định thẩm quyền phê duyệt Đề án khai thác tài sản trong trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác cho Hội đồng thành

viên của doanh nghiệp¹⁰

+ Trên cơ sở đó, tiếp thu ý kiến tham gia, Bộ Tài chính hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định: "*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định phê duyệt hoặc ban hành quy định thẩm quyền phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định*". Trường hợp Đề án thuộc trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định thì Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia.

- Quy định doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thực hiện việc cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân gồm: (i) Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt; (ii) Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi; (iii) Dịch vụ phòng chờ, lưu trú công vụ; (iv) Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, khám, chỉnh bị phương tiện, trang thiết bị vận tải đường sắt; (v) Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt; (vi) Dịch vụ khai thác kết cấu hạ tầng thông tin tín hiệu, viễn thông đường sắt; (vii) Dịch vụ khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt phục vụ hoạt động du lịch, văn hóa, thể thao; (viii) Các dịch vụ khác liên quan đến khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật.

- Quy định việc xác định giá cung cấp dịch vụ quy định đối với việc cung cấp các dịch vụ nêu trên trong trường hợp: (i) Thuộc danh mục dịch vụ do Nhà nước định giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giá. (ii) Không thuộc danh mục dịch vụ do Nhà nước định giá, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định giá của từng loại dịch vụ, trình Hội đồng thành viên của doanh nghiệp phê duyệt.

b2) Đối với việc cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

(1) Phạm vi tài sản cho thuê/chuyển nhượng quyền khai thác là tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

(1) Quy định về thẩm quyền phê duyệt Đề án khai thác: Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

(3) Quy định về trình tự, thủ tục và hồ sơ trình phê duyệt Đề án khai thác.

(4) Quy định về điều kiện tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản: Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (trừ trường hợp việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là các công trình hạ tầng kỹ thuật (như đường dây, cáp, đường ống), biển quảng cáo và các công trình khác lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường sắt, hành lang an toàn đường sắt phù hợp với quy định của pháp luật về đường sắt), tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản các điều kiện sau:

(i) Có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề kinh doanh theo Quyết định thành lập, Quyết định về tổ chức và hoạt động, Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh

¹⁰ Tại Điều 5 dự thảo Nghị định quy định giao toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hiện có cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia; như vậy, trường hợp doanh nghiệp trực tiếp tổ chức khai thác tài sản thì chỉ có 01 đối tượng là Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thực hiện; do đó, việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án khai thác tài sản cho Hội đồng thành viên của doanh nghiệp là phù hợp, giám thủ tục hành chính.

doanh phù hợp với việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc danh mục cho thuê quyền khai thác;

(ii) Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá;

(iii) Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp), theo Báo cáo quyết toán đã được thẩm định, xét duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

(5) Quy định về điều kiện doanh nghiệp tham gia đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, ngoài các điều kiện như trường hợp tham gia đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, phải đáp ứng thêm điều kiện là tỷ lệ vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư của Dự án nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (Lý do: Phương thức này theo quy định tại Điều 84 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công phải gắn với việc thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; tham khảo quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức PPP về tỷ lệ vốn chủ sở hữu tối thiểu của doanh nghiệp trong tổng mức đầu tư của dự án).

(6) Nội dung chủ yếu của Hợp đồng khai thác tài sản theo từng phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

(7) Trách nhiệm của các bên.

c) Về giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

c1) Giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là khoản tiền tổ chức, doanh nghiệp thuê quyền khai thác, nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải trả cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia theo giá trúng đấu giá để được quyền khai thác tài sản theo hợp đồng ký kết.

c2) Căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt:

(1) Đối với hoạt động vận tải đường sắt (trừ tài sản là ga), giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản được xác định căn cứ các yếu tố: Giá khởi điểm bình quân cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là 8% tính trên doanh thu kinh doanh vận tải đường sắt, chiều dài hành trình, lợi thế của tuyến khai thác và các yếu tố khác tác động đến khả năng khai thác của tài sản trong thời gian cho thuê.

(2) Đối với kết cấu hạ tầng đường sắt là ga, cơ sở dịch vụ, kho bãi, nhà, xưởng và các công trình phụ trợ riêng lẻ thì giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản được xác định căn cứ vào: (i) Giá cho thuê quyền khai thác tài sản trên thị trường của tài sản cùng loại hoặc có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, công năng sử dụng tại thời điểm xác định (nếu có); (ii) Doanh thu

ước tính, chi phí ước tính từ việc khai thác tài sản trong thời gian cho thuê quyền khai thác tài sản;

c3) Căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được xác định trên cơ sở:

(1) Giá trị đầu tư bổ sung theo dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

Trong đó, giá trị đầu tư bổ sung là phần giá trị do doanh nghiệp nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản có trách nhiệm thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

(2) Doanh thu ước tính, chi phí ước tính từ việc khai thác tài sản trong thời gian chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

Quy định tại c2, c3 (nêu trên) khi sử dụng Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá đối với theo quy định của pháp luật về giá hoặc kết quả xác định giá của Hội đồng xác định giá. Việc sử dụng Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

c4) Quy định trình tự xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;

c5) Quy định về việc xử lý trong trường hợp tổ chức đấu giá không thành.

d) Về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

Dự thảo Nghị định cơ bản kế thừa quy định tại Điều 18 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP theo hướng số tiền thu được từ khai thác trong trường hợp cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được nộp vào tài khoản tạm giữ, sau khi trừ chi phí thực hiện nộp NSNN; Tuy nhiên, để tháo gỡ các vướng mắc hiện nay, bảo đảm để thực hiện, thuận lợi trong kiểm tra, giám sát, Dự thảo quy định:

(1) Bổ sung việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trong trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản như sau: (i) Số tiền thu được từ phí, lệ phí được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan. (ii) Số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều 17 Nghị định này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt được sử dụng 80% để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, trả nợ vốn vay, vốn huy động liên quan đến khai thác tài sản (nếu có) để duy trì, phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật và phải hạch toán vào doanh thu của doanh nghiệp; phần còn lại (20%) nộp vào ngân sách nhà nước. Việc quản lý, sử dụng số tiền doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt được sử dụng (80%) thực hiện theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt.

Lý do¹¹:

Một là: Kế thừa những ưu điểm của các cơ chế, chính sách liên quan trước đây, cụ thể: (i) Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 84/2007/QĐ-TTg ngày 11/6/2007 của quy định về phương thức và mức thu phí, giá thuê sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư; trong đó, quy định giao cho Bộ Tài chính ban hành khung giá cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, doanh nghiệp có trách nhiệm trích 20% số tiền thu được từ cho thuê tài sản nộp vào ngân sách nhà nước; phần còn lại hạch toán vào doanh thu của doanh nghiệp. (ii) Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 21/2008/TT-BTC ngày 04/3/2008 hướng dẫn phương thức và mức thu phí, giá thuê sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do nhà nước đầu tư, Quyết định số 1129/QĐ-BTC ngày 27/5/2014 quy định về giá tối thiểu cho thuê sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do nhà nước đầu tư; Thông tư số 295/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt; trong đó quy định: *Mức thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt được xác định là 8% trên doanh thu kinh doanh vận tải đường sắt.*

Với các quy định nêu trên, hoạt động kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam diễn ra thuận lợi, công tác thanh, quyết toán và thanh, kiểm tra của các cấp có thẩm quyền đối với việc thu, chi trong hoạt động này cũng minh bạch, hiệu quả.

Hai là: Khắc phục một số tồn tại, vướng mắc trong thực tế triển khai hoạt động khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia tại Tổng công ty đường sắt Việt Nam theo quy định tại Nghị định 46/2018/NĐ-CP cụ thể: cơ quan, người có thẩm quyền (Bộ Giao thông vận tải không phê duyệt được dự toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (Lý do: (i) Thiếu các tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; thiếu cơ sở để phê duyệt các nội dung chi ngoài định mức do doanh nghiệp thực hiện và chịu trách nhiệm. (ii) Việc xây dựng hệ thống định mức này phức tạp, cần nhiều thời gian, đồng thời cũng không bao quát toàn bộ các yếu tố chi phí có thể phát sinh trong tương lai. Thực tế trong thời gian qua, do không phê duyệt được các chi phí liên quan đến việc khai thác tài sản, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đã phải chủ động dùng nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp để chi trả kịp thời cho các khoản chi phí này để tiếp tục duy trì việc khai thác tài sản (hiện tại các chi phí này phải tạm thời hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ kế toán, ảnh hưởng đến nguồn vốn kinh doanh, các chỉ tiêu tài chính và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp). Như vậy, quy định trên chưa đảm bảo phù hợp giữa quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp, làm giảm động lực của doanh nghiệp đối với việc khai thác, cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

Ba là: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia được chủ động trong việc khai thác tài sản; chủ động trong việc chi trả, thanh toán bù đắp các chi phí phát sinh thực tế trong quá trình tạo ra nguồn thu cho thuê từ khai thác tài sản; nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong quản trị chi phí cho thuê, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, tạo động lực để doanh

¹¹ Nội dung thông tin đánh giá của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

nghiệp tăng cường, nâng cao hiệu quả hoạt động cho thuê, tăng tối đa nguồn thu cho ngân sách nhà nước; thuận lợi cho công tác thanh, kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước đối với hoạt động khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

(Phụ lục Bản thống kê quản lý nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia giai đoạn từ năm 2016 - 2018 - Đính kèm)

Hàng năm, sau khi thực hiện việc trích nộp 20% tiền thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định, 80% tiền thu còn lại đã được Tổng công ty ĐSVN hạch toán vào doanh thu và thực hiện phê duyệt kế hoạch chi rõ ràng, cụ thể, trong đó, phần lớn (khoảng 30%) tiền thu được sử dụng để quay lại đầu tư, nâng cấp các tài sản đang được khai thác, kinh doanh, không chỉ góp phần nâng cao chất lượng hạ tầng đường sắt nhằm đáp ứng chất lượng dịch vụ đường sắt theo yêu cầu mà còn giảm kinh phí từ ngân sách nhà nước để bảo trì, sửa chữa các tài sản này.

Như vậy, áp dụng cơ chế “khoán” trong quy định về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trong trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản là có cơ sở, khắc phục những hạn chế, tồn tại của chính sách hiện hành tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP, tạo động lực cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia trực tiếp khai thác tài sản hiệu quả, minh bạch.

Đồng thời, bổ sung quy định (khoản 2 Điều 22 dự thảo) để đảm bảo bao quát các trường hợp: *Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tốc độ cao theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tốc độ cao, Bộ Giao thông vận tải trình Chính phủ xem xét, quyết định tỷ lệ (%) số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ phải nộp ngân sách nhà nước, tỷ lệ (%) số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia được sử dụng.*

(2) Sửa đổi quy định về cơ quan làm chủ tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước trong trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo phương thức cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là cơ quan được Bộ Giao thông vận tải chỉ định làm chủ tài khoản.

(3) Sửa đổi quy định về việc lập và phê duyệt chi phí liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia: Dự toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

2.3.4. Về xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (Mục IV)

a) Về các hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

Tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP quy định về các hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gồm: (i) Thu hồi tài sản; (ii) Điều chuyển tài sản; (iii) Bán tài sản; (iv) Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao; (v) Thanh lý tài sản; (vi) Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; (vii) Xử lý tài sản trong trường hợp cơ

quan, người có thẩm quyền quyết định giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; (viii) Hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật.

- Hiện nay, việc xử lý tài sản theo hình thức (iv) không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP); Đồng thời, quán triệt tinh thần Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (*Nhà nước thống nhất sở hữu các công trình hạ tầng quan trọng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh*) đảm bảo quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với từng loại tài sản kết cấu hạ tầng (trong đó có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia); theo đó, việc bán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia để tiếp tục vào mục đích làm hạ tầng đường sắt quốc gia (thay đổi chủ sở hữu về tài sản) là không còn phù hợp. Việc bán chỉ phù hợp khi thay đổi công năng của tài sản kết cấu hạ tầng và khi thay đổi công năng sử dụng của tài sản phụ thuộc vào quy định của pháp luật về quy hoạch và đất đai. Như vậy, khi thay đổi công năng của một số loại tài sản (không còn nhu cầu sử dụng hoặc thay đổi quy hoạch không sử dụng vào mục đích tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia) thì xử lý theo hình thức chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý để áp dụng theo pháp luật đất đai và quy hoạch là phù hợp; do đó, tại dự thảo Nghị định này bỏ hình thức xử lý (iii), (iv) nêu trên; đồng thời bổ sung hình thức xử lý “*Chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý*”.

b) Về nội dung của các hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

(1) Bổ sung quy định về trường hợp áp dụng hình thức chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia về địa phương quản lý, xử lý; theo đó:

- Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý trong các trường hợp sau đây: (i) Khi có sự thay đổi về quy hoạch; (ii) Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; (iii) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Việc xử lý tài sản theo hình thức chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý chỉ áp dụng trong trường hợp không tiếp tục sử dụng tài sản đó cho mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

(2) Sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định và thực hiện xử lý tài sản cho phù hợp với đặc thù tài sản, đồng bộ với các quy định khác về quản lý, sử dụng tài sản công và thực tế hiện nay.

c) Quy định về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản

Kế thừa quy định tại Điều 26 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP theo hướng số tiền thu được từ xử lý tài sản được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan, đơn vị được Bộ Giao thông vận tải chỉ định làm chủ tài khoản sau khi trừ đi các chi phí liên quan, được nộp ngân sách nhà nước; đồng thời, để đảm bảo chặt chẽ dự thảo quy định bổ sung quy định thời hạn gửi hồ sơ đến chủ tài khoản tạm giữ xác định chi phí liên quan, thời gian gia hạn, thông báo việc không phát sinh chi phí (nếu có) để làm căn cứ để chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

2.3.5. Về sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Mục V)

Tại Điều 30 dự thảo Nghị định: (i) Bổ quy định về sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyên giao để phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; (ii) Bổ sung quy định về thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định sử dụng tài sản hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư để phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 13, khoản 2 Điều 95 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2.4. Quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Chương IV)

Chương này gồm 5 Mục với 16 Điều (từ Điều 31 đến Điều 46) quy định về việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị giao cho doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, gồm các nội dung: Hồ sơ, kế toán tài sản; bảo trì tài sản và quản lý, vận hành tài sản; khai thác tài sản; xử lý tài sản; quản lý, sử dụng tài sản đầu tư theo hình thức đối tác công - tư. Nội dung quy định của Chương này được thiết kết theo hướng dẫn chi tiết các nội dung tương tự tại Chương III, chỉ quy định chi tiết các nội dung có tính chất đặc thù; một số nội dung chính như sau:

2.4.1. Về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (Điều 32)

a) Kinh phí quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp kinh phí quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được bố trí từ ngân sách nhà nước:

(1) Trường hợp việc lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản đường sắt đô thị (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho cơ quan quản lý đường sắt đô thị.

Cơ quan quản lý đường sắt đô thị tổ chức đặt hàng toàn bộ đối với việc quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (bao gồm toàn bộ nhiệm vụ quản lý, bảo trì theo quy định) với doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị. Việc tổ chức thực hiện đặt hàng theo quy định của pháp luật đường sắt và pháp luật có liên quan.

(2) Trường hợp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, dự toán được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thì việc lập, tổng hợp, phê duyệt dự toán được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị tổ chức thực hiện

công tác quản lý, bảo trì, nghiệm thu và chịu trách nhiệm về số lượng, khối lượng, tiến độ, chất lượng sản phẩm bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định.

2.4.2. Về khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (Mục 2)

a) Về phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (Điều 34):

- Các phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị gồm:
(i) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản; (ii) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị. Không quy định hình thức chuyển nhượng có thời hạn tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị. Lý do: Việc chuyển nhượng có thời hạn tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đối với tài sản hiện có và gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đều là tài sản mới đầu tư đưa vào sử dụng nên việc áp dụng hình thức này chưa phù hợp.

- Trường hợp xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông, công trình cấp, thoát nước trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì việc xây dựng, lắp đặt các công trình này trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về viễn thông, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.

- Trường hợp nhượng quyền để kinh doanh, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo Hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (O&M) thì trong thời gian thực hiện hợp đồng, việc nhượng quyền để kinh doanh, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; không thực hiện việc khai thác theo quy định tại Nghị định này.

b) Về nội dung của các phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị; xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (các Điều: 35, 36 và 37): Quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ lập Đề án, thẩm quyền phê duyệt Đề án.

c) Về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (Điều 38)

c1) Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt:

(1) Số tiền thu được từ phí được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

(2) Số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định tỷ lệ (%) số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ phải nộp ngân sách nhà nước, tỷ lệ (%) số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được sử dụng theo đề nghị của cơ quan quản lý đường sắt đô thị để áp dụng ổn định cho từng thời kỳ nhưng không quá 3 năm. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm quản lý số tiền được sử dụng để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, duy trì, phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật và phải hạch toán vào doanh thu của

doanh nghiệp. Việc quản lý, sử dụng số tiền doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị được sử dụng thực hiện theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

Đồng thời, trong thời gian chưa được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa ban hành quy quy định về tỷ lệ (%) số tiền cung cấp dịch vụ phải nộp ngân sách nhà nước, tỷ lệ (%) số tiền cung cấp dịch vụ được để lại cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thì được áp dụng theo tỷ lệ quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này nhưng tối đa không quá 24 tháng kể từ ngày phát sinh doanh thu từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (nội dung này được quy định tại điểm 6 Điều 50 dự thảo Nghị định).

c2) Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị tương tự như việc quản lý tiền thu được đối với doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia cho thuê quyền khai thác/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

2.4.3. Về xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (Mục 4), về sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Mục 5)

a) Về hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị

Gồm 06 hình thức tương tự như xử lý đối với đường sắt quốc gia, cụ thể: (i) Thu hồi tài sản; (ii) Điều chuyển tài sản; (iii) Chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý; (iv) Thanh lý tài sản; (v) Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; (vi) Hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật.

b) Về thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

(1) Thủ tướng Chính phủ quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

(2) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.

c) Về hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

Quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo các hình thức nêu tại mục 2.3.4 (nêu trên).

2.5. Chế độ báo cáo và Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị (Chương V)

Chương này gồm 02 Điều (Điều 47, Điều 48)

Dự thảo Nghị định cơ bản kế thừa các quy định tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP; riêng Mẫu báo cáo kê khai và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt để tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công giao Bộ Tài chính ban hành theo chức năng quản lý nhà nước để bảo đảm sát với yêu cầu thực tiễn.

2.6. Tổ chức thực hiện (Chương VI)

Chương này gồm 03 Điều (từ Điều 49 đến Điều 51) quy định về trách nhiệm thi hành, xử lý chuyển tiếp, hiệu lực thi hành, điều khoản thi hành. Trong

đó việc xử lý chuyển tiếp được quy định như sau:

- Quy định việc Bộ Giao thông vận tải/ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo hoàn thành việc rà soát, thống kê và giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia/đô thị

- Đối với việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ các dự án thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận và đưa vào sử dụng trong công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

- Đối với các Hợp đồng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo hình thức cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản đã được cơ quan, người có thẩm quyền ký kết theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đến hết thời hạn của hợp đồng ký kết.

- Đối với số tiền thu được từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành mà chưa xử lý thì được quản lý, sử dụng theo quy định tại Nghị định này.

- Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đã được cơ quan, người có thẩm quyền giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo đúng quy định.

- Về quản lý, sử dụng số tiền thu được trong trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị trực tiếp khai thác.

- Quy định về xác định nguyên giá, giá trị còn lại theo quy định tại khoản 3 Điều 14, khoản 2 Điều 31 Nghị định này.

- Đối với việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành.

2.7. Các mẫu biểu tại Phụ lục gồm:

- Mẫu số 01: Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

- Mẫu số 01A: Biên bản tạm bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

- Mẫu số 02A: Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (*Phương thức: Trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị*).

- Mẫu số 02B: Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (*Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị*).

- Mẫu số 02C: Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (*Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia*).

V. NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

1. Bảo đảm nguồn lực thực hiện Nghị định

Dự thảo Nghị định lần này đưa các quy định cụ thể, rõ ràng và dễ thực hiện hơn để làm cơ sở cho Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện giao tài sản cho các đối tượng quản lý. Việc giao tài sản cho các

doanh nghiệp 100% vốn nhà nước là thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao, được sử dụng từ nguồn ngân sách do Nhà nước cấp trong dự toán ngân sách của các cơ quan và nguồn thu có sẵn; vì vậy không phát sinh thêm chi ngân sách nhà nước.

2. Về đánh giá tác động

- Dự thảo Nghị định không phát sinh vấn đề giới.
- Đối với tác động chính sách, thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định theo quy định: Bộ Tài chính đã thực hiện đánh giá tác động theo đúng quy định và có Báo cáo về vấn đề này.

3. Về thời gian dự kiến trình Chính phủ: Tháng 11/2024.

*

*

*

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để báo cáo);
- VPCP;
- Bộ GTVT;
- Bộ Tư pháp;
- UBQL vốn Nhà nước tại DN;
- UBND TP Hà Nội;
- UBND TP Hồ Chí Minh;
- TCT ĐSVN;
- Các thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, Cục QLCS.(606) 2

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi

Phụ lục

**THỐNG KÊ NGUỒN THU TỪ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ
TẦNG ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2016 - 2018**

(Kèm theo Tờ trình số 34/TTr-BTC ngày 4 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài chính)

Từ năm 2016-2018, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đã trực tiếp khai thác tài sản và đạt doanh thu là 268 tỷ đồng, đã nộp ngân sách nhà nước 53 tỷ đồng (20%) và chi hơn 87 tỷ đồng để đầu tư sửa chữa, nâng cấp, mua bảo hiểm cháy nổ,... tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia bằng nguồn thu từ kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt. Các chi phí quản lý được phân bổ đến từng đơn vị, chi phí nhân sự được trả trực tiếp cho người lao động, do đó đã tạo động lực để các đơn vị phấn đấu, khai thác kinh doanh hiệu quả.

Trong 03 năm, tổng chi phí quản lý tại các đơn vị trực tiếp khai thác tài sản đạt 162 tỷ đồng. Cụ thể:

Đơn vị tính: tỷ đồng

| TT | NỘI DUNG | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Tổng | Tỷ lệ % / Tổng thu |
|----------|---|----------------|----------------|----------------|----------------|--------------------|
| A | DOANH THU | 120.573 | 157.510 | 220.530 | 498.613 | |
| I | Cho thuê tài sản nhóm 1 (tài sản do Nhà nước đầu tư) | 58.541 | 69.457 | 70.041 | 198.039 | |
| II | Cho thuê tài sản nhóm 2 (tài sản của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam) | 3.130 | 15.810 | 13.507 | 32.447 | |
| 1 | Tài sản nhóm 2 trên đất dành cho đường sắt | 2.586 | 6.110 | 3.779 | 12.475 | |
| - | Cho thuê theo đơn giá 1129 | 2.333 | 4.026 | 2.175 | 8.533 | |
| - | Cho thuê theo đơn giá 1368 | 66 | 2.084 | 1.998 | 4.148 | |
| 2 | Tài sản nhóm 2 không nằm trên đất dành cho đường sắt | - | 9.294 | 9.373 | 18.667 | |
| - | Cho thuê theo đơn giá 1129 | - | - | - | - | |
| - | Cho thuê theo đơn giá 1368 | - | 9.294 | 9.373 | 18.667 | |
| III | Dịch vụ hỗ trợ vận tải | 52.054 | 64.503 | 100.293 | 216.850 | |
| 1 | Dịch vụ hỗ trợ có sử dụng | 13.081 | 17.096 | 27.329 | 57.506 | |

| | | | | | | |
|----------|--|----------------|----------------|----------------|----------------|------------|
| | <i>tài sản hoặc đất dành cho đường sắt</i> | | | | | |
| 2 | <i>Dịch vụ hỗ trợ không sử dụng tài sản hoặc đất dành cho đường sắt</i> | 38.973 | 47.406 | 72.964 | 159.344 | |
| - | Dịch vụ điều hành giao thông đường nhánh | 6.241 | 5.891 | 8.103 | 20.236 | |
| - | Dịch vụ hỗ trợ vận tải khác | 32.063 | 35.496 | 55.608 | 123.167 | |
| IV | Dịch vụ khác (bao gồm trả hộ điện nước) | 6.848 | 7.741 | 36.689 | 51.278 | |
| B | CHI PHÍ | 120.573 | 157.510 | 220.936 | 499.019 | |
| 1 | Nộp ngân sách nhà nước 20% (tiền thu liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia) | 14.942 | 18.322 | 20.357 | 53.621 | 11% |
| 2 | Trả tiền thuê đất | 3.110 | 15.878 | 16.468 | 35.456 | 7% |
| 3 | Khấu hao tài sản cố định | 1.199 | 2.915 | 3.780 | 7.894 | 2% |
| 4 | Chi phí quản lý Tổng công ty Đường sắt Việt Nam theo Quy chế nội bộ 1032 | 13.529 | 16.164 | 18.373 | 48.066 | 10% |
| 5 | <i>Chi phí quản lý chi nhánh theo Quy chế nội bộ 1032</i> | <i>39.233</i> | <i>49.172</i> | <i>73.734</i> | <i>162.140</i> | <i>32%</i> |
| 6 | Chuyên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quản lý tập trung theo Quy chế nội bộ 1032 | 36.984 | 42.578 | 46.321 | 125.884 | 25% |
| 7 | Trả hộ tiền điện nước | 6.303 | 6.883 | 6.110 | 19.297 | 4% |
| 8 | Chi phí khác (nếu có) | 5.273 | 5.597 | 35.793 | 46.663 | 9% |

Hàng năm, sau khi thực hiện việc trích nộp 20% tiền thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định, 80% tiền thu còn lại đã được Tổng công ty Đường sắt Việt Nam hạch toán vào doanh thu và thực hiện phê duyệt kế hoạch chi rõ ràng; trong đó, phần lớn (khoảng 30%) tiền thu được sử dụng để quay lại đầu tư, nâng cấp các tài sản đang được khai thác, kinh doanh, không chỉ góp phần nâng cao chất lượng hạ tầng đường sắt nhằm đáp ứng chất lượng dịch vụ đường sắt theo yêu cầu mà còn giảm kinh phí từ ngân sách nhà nước để bảo trì, sửa chữa các tài sản này.

Như vậy, áp dụng cơ chế “khoán” trong quy định về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trong trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản là có cơ sở, khắc phục những hạn chế, tồn tại của chính sách hiện hành tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP, tạo động lực cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia trực tiếp khai thác tài sản hiệu quả, minh bạch.

Số: 308 /BC-BTC

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá tác động thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

I. Xác định vấn đề tổng quan

Thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2024, căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn hướng dẫn việc đánh giá tác động thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ và Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp), Bộ Tài chính thực hiện Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Dự thảo Nghị định quy định 02 nhóm thủ tục hành chính; gồm:

(i) Nhóm các thủ tục lập, trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao quản lý, khai thác, xử lý tài sản (tại các Điều 7, 8, 11, 12, 18, 19, 20, 24, 25, 26, 27, 28, 35, 36, 40, 41, 42, 43 và 44 dự thảo Nghị định).

(iii) Nhóm các thủ tục thanh toán các khoản chi phí liên quan đến việc khai thác, xử lý tài sản (tại các Điều 22, 29, 38 và 45 dự thảo Nghị định).

II. Đánh giá tác động của từng thủ tục hành chính

Căn cứ quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ, qua rà soát 02 nhóm thủ tục hành chính nêu trên thì:

1. Đối với nhóm các thủ tục lập, trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao quản lý, khai thác, xử lý tài sản (tại các Điều 7, 8, 11, 12, 18, 19, 20, 24, 25, 26, 27, 28, 35, 36, 40, 41, 42, 43 và 44 dự thảo Nghị định) có:

- 19 thủ tục không thuộc phạm vi phải kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ, gồm:

+ 01 thủ tục quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (Điều 7 dự thảo Nghị định).

+ 01 thủ tục quyết định chuyển hình thức từ giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo hình thức không tính thành vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Điều 8 dự thảo Nghị định).

+ 01 thủ tục quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (Điều 11 dự thảo Nghị định).

+ 01 thủ tục quyết định chuyển hình thức từ giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo hình thức không tính thành vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Điều 12 dự thảo Nghị định).

+ 01 thủ tục phê duyệt Đề án “Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trực tiếp tổ chức khai thác tài sản” (Điều 17 dự thảo Nghị định).

+ 01 thủ tục phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (Điều 18 dự thảo Nghị định).

+ 01 thủ tục phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (Điều 19 dự thảo Nghị định).

+ 01 thủ tục quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (Điều 24 dự thảo Nghị định).

+ 01 thủ tục quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (Điều 25 dự thảo Nghị định).

+ 01 thủ tục quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia về địa phương quản lý, xử lý (Điều 26 dự thảo Nghị định).

+ 01 thủ tục quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (Điều 27 dự thảo Nghị định).

+ 01 thủ tục quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại (Điều 28 dự thảo Nghị định).

+ 01 thủ tục phê duyệt Đề án “Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trực tiếp tổ chức khai thác tài sản” (Điều 34 dự thảo Nghị định).

+ 01 thủ tục phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (Điều 35 dự thảo Nghị định).

+ 01 thủ tục quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (Điều 40 dự thảo Nghị định).

+ 01 thủ tục quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (Điều 41 dự thảo Nghị định).

+ 01 thủ tục quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị về địa phương quản lý, xử lý (Điều 42 dự thảo Nghị định).

+ 01 thủ tục quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (Điều 43 dự thảo Nghị định).

+ 01 thủ tục quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại (Điều 44 dự thảo Nghị định).

Lý do: Quy định tại dự thảo Nghị định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc, trong đó quy định:

Việc giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/dô thị do Nhà nước đầu tư, quản lý cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý đường sắt quốc gia)/doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng hoặc kinh doanh vận tải đường sắt đô thị do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (theo hình thức tăng tài sản). Theo đó việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản đối với trường hợp này của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia/dô thị thực hiện theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan (tương tự như đối với giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông khác (đường bộ, đường thủy nội địa) cho Cục đường bộ Việt Nam, Cục đường thủy nội địa Việt Nam).

Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia/dô thị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/dô thị, tài sản khác theo hình thức đầu vốn nhà nước tại doanh nghiệp (tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp), việc quản lý, sử dụng và khai thác được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.

Hai nội dung thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác theo hai pháp luật khác nhau; theo đó, đối với các thủ tục hành chính nêu trên không phát sinh xử lý quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp như việc giao tài sản theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Các thủ tục hành chính nêu trên là thủ tục hành chính giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau, không thuộc phạm vi phải kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Không có thủ tục thuộc phạm vi phải kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với nhóm các thủ tục thanh toán các khoản chi phí (tại các Điều 22, 29, 38 và 45 dự thảo Nghị định) có:

- 04 thủ tục không thuộc phạm vi phải kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP của Chính phủ, gồm:

+ 01 thủ tục thanh toán chi phí liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (Điều 22 dự thảo Nghị định).

+ 01 thủ tục thanh toán chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (Điều 29 dự thảo Nghị định).

+ 01 thủ tục thanh toán chi phí liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (Điều 38 dự thảo Nghị định).

+ 01 thủ tục thanh toán chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (Điều 45 dự thảo Nghị định).

Lý do: Tương tự như nêu trên:

- Các thủ tục hành chính nêu trên là thủ tục hành chính giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau, không thuộc phạm vi phải kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Không có thủ tục thuộc phạm vi phải kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

III. Lấy ý kiến

Bản đánh giá tác động thủ tục hành chính đã được gửi lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính của Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để báo cáo);
- VPCP;
- Lưu: VT, QLCS.(06)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Văn Cường

BÁO CÁO

**Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo
Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác
tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt**

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, các Bộ, cơ quan có liên quan và địa phương xây dựng dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tài chính đã rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc xây dựng dự thảo Nghị định, kết quả cụ thể như sau:

**I. CÁC VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG DỰ THẢO
NGHỊ ĐỊNH ĐƯỢC TIẾN HÀNH RÀ SOÁT**

Các văn bản có liên quan đến việc xây dựng dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ) bao gồm:

1. Các luật có liên quan

- Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.
- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014.
- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.
- Luật Dân sự năm 2015.
- Luật Đấu giá tài sản năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2024.

- Luật Đường sắt năm 2017.
- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.
- Luật Đầu tư công 2019.
- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư 2020.
- Luật Giá năm 2023.
- Luật Đất đai năm 2024.

2. Các Nghị định có liên quan

- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017, Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

- Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

- Nghị định 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

3. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Quyết định số 84/2007/QĐ-TTg ngày 11/6/2007 của quy định về phương thức và mức thu phí, giá thuê sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư.

4. Các Thông tư, Quyết định của Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải

- Thông tư số 21/2008/TT-BTC ngày 04/3/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương thức và mức thu phí, giá thuê sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do nhà nước đầu tư.

- Quyết định số 1129/QĐ-BTC ngày 27/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giá tối thiểu cho thuê sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do nhà nước đầu tư.

- Thông tư số 295/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt.

- Thông tư số 03/2021/TT-BGTVT ngày 08/02/2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT VÀ ĐỀ XUẤT HƯỚNG XỬ LÝ

Các nội dung rà soát cụ thể liên quan đến các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên và dự kiến hướng xử lý trong dự thảo Nghị định được nêu tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để báo cáo);
- VPCP;
- Lưu: VT, QLCS.(06)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Văn Khang

Số: 310 /BC-BTC

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
(Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng
và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt)

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẤP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Triển khai Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (sau đây gọi là Nghị định số 46/2018/NĐ-CP).

Sau một thời gian thực hiện, để đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 46/2018/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã có Công văn số 4536/BTC-QLCS, Công văn số 4537/BTC-QLCS ngày 20/5/2022 đề nghị Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá tình hình thực hiện các Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông (trong đó có Nghị định số 46/2018/NĐ-CP) và kiến nghị sửa đổi, bổ sung (nếu có), trong đó làm rõ những kết quả đã đạt được, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất cụ thể các nội dung cần sửa đổi, bổ sung. Riêng đối với Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã có Công văn số 4538/BTC-QLCS ngày 20/5/2022 đề nghị đánh giá, phân tích và đề xuất việc giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông theo từng loại tài sản kết cấu hạ tầng giao thông cho đối tượng quản lý.

Bên cạnh đó, để tiếp tục xây dựng pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do Nhà nước đầu tư, quản lý; Bộ Tài chính đã có Công văn số 9274/BTC-QLCS ngày 15/9/2022 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Bình Dương) đề nghị đánh giá tình hình quản lý, sử dụng và khai thác đối với các tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đã đưa vào sử dụng tại địa phương (nếu có); đồng thời, căn cứ quy định tại Chương IV Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các pháp luật có liên quan, tình hình thực tế và yêu cầu quản lý của địa phương, kiến nghị, đề xuất cụ thể về chế độ quản lý, sử dụng và khai thác đối với các tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do Nhà nước đầu tư, quản lý làm cơ sở xây dựng quy định chi tiết, tạo lập cơ sở pháp lý cho việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị sau khi hoàn thành việc đầu tư, đưa vào khai thác

sử dụng.

Qua tổng hợp báo cáo tổng kết, đánh giá của các Bộ, ngành, địa phương có liên quan cho thấy, việc Chính phủ ban hành Nghị định số 46/2018/NĐ-CP đã tạo ra hành lang pháp lý đồng bộ để triển khai Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017. Nghị định đã xác định danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; đối tượng được giao quản lý và hình thức, thẩm quyền, thủ tục giao quản lý tài sản; tài sản phải được hạch toán, kế toán đầy đủ và bảo trì theo quy định; đa dạng hóa các phương thức khai thác, tạo điều kiện khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công.

Tuy nhiên, qua 06 năm triển khai thực hiện, quy định tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP và công tác quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã phát sinh những hạn chế, bất cập cần được giải quyết, khắc phục để tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng, khai thác đối với các tài sản này. Một số khó khăn, bất cập chủ yếu gồm:

Thứ nhất, phạm vi điều chỉnh của Nghị định 46/2018/NĐ-CP chưa bao quát hết các loại tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư, quản lý (thiếu tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị) hoặc chưa làm rõ chế độ quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân quản lý và tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do đối tượng khác (thuộc các Bộ, ngành khác ngoài Bộ Giao thông vận tải) quản lý theo quy định của pháp luật hoặc đã bán, chuyển nhượng, tính vào giá trị doanh nghiệp.

Thứ hai, việc giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho đối tượng quản lý phát sinh bất cập; cụ thể:

Tài sản kết cấu hạ tầng nói chung, tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia nói riêng với giá trị đầu tư lớn, khó thu hồi vốn, việc quản lý, vận hành mang tính chất chuyên ngành. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP, tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được giao cho cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về đường sắt - Cục Đường sắt Việt Nam (cơ quan quản lý tài sản) quản lý với các quy định về cơ chế quản lý, sử dụng, bảo trì, khai thác, xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP áp dụng đối với cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, cơ cấu tổ chức, bộ máy, nhân lực của Cục Đường sắt Việt Nam chưa được bổ sung, hoàn thiện đầy đủ để thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia¹, nên chưa thực hiện được việc giao tài sản cho Cục Đường sắt Việt Nam quản lý. Mặc dù, tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP có quy định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quản lý (doanh nghiệp quản lý tài sản) theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, Bộ Giao thông vận tải chủ trì lập Đề án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tuy nhiên, việc giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức

¹ Theo Tờ trình Chính phủ số 8276/TTr-BGTVT ngày 21/8/2021 của Bộ GTVT thì "cơ cấu tổ chức của Cục Đường sắt Việt Nam chưa được bổ sung, hoàn thiện đầy đủ để thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia. Hiện tại Bộ Giao thông vận tải đang tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy của Cục Đường sắt Việt Nam để đủ điều kiện, năng lực thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản KCHT đường sắt quốc gia theo quy định sau năm 2025"

không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhưng chế độ quản lý, sử dụng và khai thác lại căn cứ vào quy định áp dụng đối với cơ quan nhà nước nên dẫn đến sự chưa tương ứng và chưa phù hợp về cơ chế quản lý, không khả thi trong tổ chức thực hiện.

Đến ngày 05/8/2024, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 797/QĐ-TTg phê duyệt Đề án quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư, quản lý cho Tổng công ty đường sắt Việt Nam quản lý theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; nhưng đến nay, chưa tổ chức thực hiện được.

Thứ ba, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cho đối tượng quản lý còn chồng chéo hoặc chưa rõ; cụ thể: Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được hình thành từ dự án sử dụng vốn nhà nước, được xác lập quyền sở hữu toàn dân thì việc giao tài sản cho đối tượng quản lý, việc xử lý tài sản (giao, điều chuyển) thực hiện theo quy định về xử lý đối với tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân hay thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt chưa có sự phân định rõ ràng.

Thứ tư, việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia chưa phản ánh hết tính chất đặc thù của từng loại tài sản và chưa tính đến đối tượng giao gắn với hình thức giao quản lý như: Đối với hình thức đối tượng được giao trực tiếp tổ chức khai thác được quy định áp dụng chung cho cơ quan nhà nước/doanh nghiệp quản lý nên chưa sát với thực tế, chưa phát huy việc khai thác nguồn lực tài sản công.

Đồng thời, việc quản lý, sử dụng số tiền từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định cho cơ quan nhà nước tổ chức khai thác cùng với việc xác định các chi phí liên quan đến khai thác tài sản được căn cứ vào: (i) nội dung chi theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nhưng thực tế việc phê duyệt tiêu chuẩn, định mức khó thực hiện - lý do: Việc xây dựng hệ thống định mức này phức tạp, cần nhiều thời gian, phải có quá trình xây dựng, thẩm định, ban hành, đồng thời cũng không bao quát toàn bộ các yếu tố chi phí có thể phát sinh trong tương lai); (ii) nội dung chi ngoài định mức thiếu cơ sở để phê duyệt do doanh nghiệp thực hiện và chịu trách nhiệm. Do đó, dẫn đến khó khăn trong xác định chi phí, ảnh hưởng đến việc nộp ngân sách nhà nước nguồn thu từ khai thác sau khi từ chi phí liên quan. Ngoài ra, để doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt được chủ động trong việc khai thác tài sản, chủ động trong việc chi trả, thanh toán bù đắp các chi phí phát sinh thực tế trong quá trình tạo ra nguồn thu cho thuê từ khai thác tài sản sẽ nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong quản trị (chi phí, doanh thu cho thuê), tạo động lực để tăng cường, nâng cao hiệu quả hoạt động cho thuê; thuận lợi cho công tác thanh, kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước đối với hoạt động khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Thứ năm, việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo một số hình thức (như: Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao; bán tài sản) không còn phù hợp với chủ

trương, đường lối của Đảng và thực tế hiện nay; đồng thời một số loại tài sản không còn nhu cầu sử dụng hoặc thay đổi quy hoạch loại ra khỏi danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia nhưng chưa có cơ chế để thực hiện chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý; theo đó cần phải sửa đổi, bổ sung về hình thức xử lý, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện cho phù hợp với đặc thù tài sản và thực tế hiện nay.

Thứ sáu, việc kế toán, báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia chưa được đầy đủ và kịp thời; việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt chưa được thực hiện, chưa có thông tin để tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

Những khó khăn, bất cập nêu trên có nguyên nhân chủ quan từ công tác tổ chức thực hiện nhưng cũng có nguyên nhân từ nội tại các quy định tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP chưa đầy đủ, chưa bao quát được các tình huống phát sinh trong thực tế với loại tài sản gắn với đối tượng quản lý tương đối đặc thù do đây là lần đầu tiên có quy định chi tiết về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do nhà nước đầu tư, quản lý.

Từ cơ sở nêu trên, việc Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (thay thế cho Nghị định số 46/2018/NĐ-CP) là cần thiết và có cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Mục tiêu tổng thể

Hoàn thiện chính sách pháp luật về công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phù hợp với pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ với pháp luật chuyên ngành đường sắt và các pháp luật khác có liên quan để việc quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt công khai, minh bạch, việc khai thác tài sản hiệu quả, phù hợp với thực tiễn.

- Mục tiêu cụ thể

Việc xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý để giải quyết các vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình giao, quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, tạo cơ sở pháp lý để quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị, bảo đảm tất cả các tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư, quản lý đều xác định được chủ thể chịu trách nhiệm trước Nhà nước trong quản lý, hạch toán, khai thác, xử lý tài sản.

- Quan điểm xây dựng Nghị định:

Thứ nhất, quán triệt đầy đủ quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng, khai thác, huy động các nguồn lực của nền kinh tế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững², thống nhất về cơ chế giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông

² Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.

đường sắt, hàng hải, hàng không, đường bộ... theo hướng tách biệt rõ vai trò quản lý nhà nước với vai trò quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông vận tải³, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực⁴...; chủ trương đường lối của Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và Kết luận số 49-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045⁵.

Thứ hai, kế thừa các nội dung còn phù hợp của Nghị định số 46/2018/NĐ-CP, sửa đổi các nội dung không còn phù hợp với thực tiễn, bổ sung các quy định để điều chỉnh những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn (hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị), cụ thể hóa các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 về quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng, bảo đảm phù hợp với đặc thù của tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, bảo đảm tính đồng bộ với pháp luật về đường sắt và các quy định của pháp luật có liên quan.

Thứ ba, tăng cường công tác quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thông qua việc giao tài sản cho các đối tượng quản lý, chế độ kê khai báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Xác định rõ phạm vi điều chỉnh của Nghị định

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư, quản lý (bao gồm tài sản hiện có, tài sản được hình thành thông qua việc thực hiện các dự án sử dụng vốn nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân). Tuy nhiên, đối chiếu với các quy định của pháp luật có liên quan, cùng với sự phát triển của hệ thống đường sắt, phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 vừa chưa bao quát hết các loại hình đường sắt, vừa có sự chồng lấn giữa các pháp luật; cụ thể:

- Chưa điều chỉnh chế độ quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

- Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (quốc gia/ đô thị) được hình thành từ dự án sử dụng vốn nhà nước, được xác lập quyền sở hữu toàn dân thì việc giao tài sản cho đối tượng quản lý, việc xử lý tài sản (giao, điều chuyển) thực hiện theo quy định về xử lý đối với tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân hay thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt?

³ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban chấp hành TW Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁴ Kết luận số 12-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

⁵ Kết luận số 49-KL/TW ngày 28/02/2023 "hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách ưu đãi, tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển giao thông vận tải đường sắt. Ban hành cơ chế, chính sách pháp luật về sử dụng đất cho xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt và cho thuê kết cấu hạ tầng đường sắt. Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp để tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến trình đầu tư các tuyến đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị..."

- Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân quản lý thì việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân hay quy định nào?

- Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do đối tượng khác (thuộc các Bộ, ngành khác ngoài Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) do Nhà nước đầu tư, quản lý nhưng đã bán, chuyển nhượng, tính vào giá trị doanh nghiệp quản lý thì việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản được thực hiện theo quy định nào?

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Quy định cụ thể phạm vi điều chỉnh của Nghị định trong việc giao, quản lý, sử dụng và khai thác đối với một số loại tài sản.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện hành

- Tác động tích cực: Không có.

- Tác động tiêu cực: Có thể dẫn đến các vướng mắc trong quá trình thực hiện do chưa rõ các tài sản nêu trên thực hiện theo quy định nào.

b) Phương án 2: Quy định cụ thể phạm vi điều chỉnh của Nghị định trong việc giao, quản lý, sử dụng và khai thác đối với một số loại tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thuộc phạm vi quản lý của địa phương; tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được hình thành từ dự án sử dụng vốn nhà nước, được xác lập quyền sở hữu toàn dân; tài sản do đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân quản lý; tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do đối tượng khác thuộc các Bộ, ngành khác ngoài Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tại Nghị định này.

- Tác động tích cực: Giải quyết được các vấn đề bất cập, vướng mắc phát sinh trong việc giao, quản lý, sử dụng và khai thác các loại tài sản này.

- Tác động tiêu cực: Không có.

1.4. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Để giải quyết vướng mắc trong quá trình giao, quản lý, sử dụng và khai thác đối với các tài sản nêu trên, Bộ Tài chính đề nghị thực hiện theo phương án 2.

2. Chính sách 2: Giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (quốc gia/đô thị) cho đối tượng quản lý

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Việc giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho cơ quan quản lý đường sắt quốc gia theo hình thức tặng tài sản (trong khi cơ quan được giao quản lý tài sản chưa đủ bộ máy và năng lực trong việc quản lý, tổ chức khai thác, xử lý tài sản); giao cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia) quản lý tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định phải lập Đề án báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (gồm các quy định về cơ chế quản lý, sử dụng, bảo trì, khai thác, xử lý tài sản và thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP - là quy định

việc giao, quản lý tài sản đối với cơ quan nhà nước theo hình thức tăng tài sản; như vậy, khi áp dụng đối với doanh nghiệp theo hình thức giao tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có sự không phù hợp và không khả thi trong tổ chức thực hiện

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Quy định việc giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị cho đối tượng quản lý (doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia/đô thị) gắn với hình thức giao tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đường sắt đảm bảo việc quản lý hiệu quả, khắc phục những bất cập, vướng mắc tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện hành

- Tác động tích cực: Không có.

- Tác động tiêu cực: Chưa đánh giá đầy đủ bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý đường sắt (Cục Đường sắt Việt Nam), đặc thù tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia khi quy định giao tài sản cho quan quản lý đường sắt; việc giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản trong trường hợp giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp chỉ trong thời kỳ nhất định và phải lập Đề án báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định không tạo sự chủ động, liên tục trong quản lý của doanh nghiệp, là việc sự vụ phải báo cáo Thủ tướng chính phủ sau mỗi thời kỳ giao.

b) Phương án 2: Sửa đổi, bổ sung việc giao quản lý tài sản cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị

Quy định việc giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Quy định việc giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trừ tài sản đã giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp).

Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia/đô thị có nhu cầu thì căn cứ quy định của pháp luật về đường sắt, khả năng quản lý, khai thác tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia xây dựng Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Tác động tích cực: Phát huy được hiệu quả việc giao tài sản gắn với hình thức giao cho đối tượng quản lý là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia/đô thị.

- Tác động tiêu cực: Không có.

2.4. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Để giải quyết việc giao quản lý tài sản cho đối tượng quản lý gắn với hình thức giao theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan, Bộ Tài chính đề nghị thực hiện theo phương án 2.

3. Chính sách 3: Quy định về bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt (quốc gia/đô thị)

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Về tổ chức thực hiện dự toán chi ngân sách về công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được quy định đối với cơ quan quản lý tài sản đường sắt quốc gia, nhưng thực tế triển khai thực hiện với doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia được giao tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước nên có vướng mắc cần phải báo cáo cấp có thẩm quyền (Ủy ban thường vụ Quốc hội đưa vào dự toán giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản/báo cáo Thủ tướng Chính phủ để đặt hàng toàn bộ); tại Quyết định số 797/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Thủ tướng Chính phủ cho phép Bộ Giao thông vận tải tổ chức đặt hàng toàn bộ đối với việc quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (bao gồm toàn bộ nhiệm vụ quản lý, bảo trì theo quy định) với Tổng công ty đường sắt Việt Nam.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Quy định việc giao dự toán kinh phí bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước sửa đổi (trong Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia được trình Quốc hội Khóa XV), pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và đặt thù của việc “đặt hàng toàn bộ” công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện hành

- Tác động tích cực: Không có.
- Tác động tiêu cực: thực hiện công tác giao dự toán kinh phí bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia có bất cập và vướng mắc như nêu trên.

b) Phương án 2: Sửa đổi, bổ sung quy định về giao dự toán thực hiện bảo trì kết cấu hạ tầng.

- Trường hợp kinh phí quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường được bố trí từ ngân sách nhà nước:

(1) Cơ quan quản lý đường sắt quốc gia có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản đường sắt (Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định.

Bộ Giao thông vận tải tổ chức đặt hàng toàn bộ đối với việc quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/ Cơ quan quản lý đường sắt đô thị tổ chức đặt hàng toàn bộ⁶ đối với việc quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị (bao gồm toàn bộ nhiệm vụ quản lý, bảo trì theo quy định) với doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia/đô thị. Việc tổ chức thực hiện đặt hàng theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.

Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì, nghiệm thu và chịu trách nhiệm về số lượng, khối lượng, tiến độ, chất lượng sản phẩm bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định. Cơ quan quản lý đường sắt kiểm tra công tác nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành sản phẩm bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đã được doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt nghiệm thu.

(2) Trường hợp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, dự toán được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt (quốc gia/đô thị) thì việc lập, tổng hợp, phê duyệt dự toán được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì, nghiệm thu và chịu trách nhiệm về số lượng, khối lượng, tiến độ, chất lượng sản phẩm bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định.

- Tác động tích cực: phù hợp với công tác quản lý tài sản của doanh nghiệp được giao quản lý tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Tác động tiêu cực: Không có.

3.4. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Để giải quyết việc giao dự toán công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị phù hợp với quy định pháp luật về NSNN, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công phù hợp với tính chất đặc thù tài sản giao cho doanh nghiệp theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ Tài chính đề nghị thực hiện theo phương án 2.

4. Chính sách 4: Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia chủ yếu hiện nay thực hiện theo phương thức trực tiếp tổ chức khai thác tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, việc khai thác áp dụng đối với toàn bộ tài sản (chưa quy định đối với một phần của từng tài sản), dẫn đến vướng mắc trong quá trình thực hiện

⁶ Tại Quyết định số 797/QĐ-TTg ngày 05/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư, quản lý (có hiệu lực thi hành từ ngày 05/8/2024); theo đó, cơ chế thực hiện quản lý, bảo trì tài sản KCHT đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư, quản lý khi giao cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quản lý, sử dụng và khai thác (điểm 2 Mục II Điều 1): Bộ GTVT tổ chức đặt hàng toàn bộ đối với việc quản lý, bảo trì KCHT đường sắt quốc gia với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

và chưa thực sự phát huy được hiệu quả nguồn lực tài chính từ khai thác tài sản công này.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Giữ nguyên các phương thức khai thác phù hợp với tính chất đặc thù của từng loại tài sản (trực tiếp tổ chức khai thác, cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác) đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; đối với đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thì quy định 02 phương thức trực tiếp tổ chức khai thác, cho thuê quyền khai thác tài sản (không quy định phương thức chuyển nhượng quyền khai thác) đảm bảo phù hợp với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị mới đầu tư; trường hợp khai thác một phần của từng tài sản thì phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại; sửa đổi thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện cho phù hợp.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện hành

- Tác động tích cực: Không có.

- Tác động tiêu cực: Việc khai thác tài sản chưa bao quát hết các trường hợp phát sinh, chưa phản ánh hết tính chất đặc thù của từng loại tài sản, dẫn đến chưa phát huy được hiệu quả của việc khai thác tài sản.

b) Phương án 2: Sửa đổi, bổ sung về phương thức khai thác, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện theo hướng: (i) Quy định cụ thể về phạm vi của phương thức khai thác (bao gồm toàn bộ hay cả trường hợp khai thác một phần của từng tài sản); (ii) Sửa đổi về trình tự, thủ tục thực hiện cho phù hợp với đặc thù tài sản và thực tế hiện nay

- Tác động tích cực: Phát huy được hiệu quả nguồn lực tài chính từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phù hợp với tính chất đặc thù của từng loại tài sản.

- Tác động tiêu cực: Không có.

4.4. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Để giải quyết việc khai thác tài sản phát huy được hiệu quả, phù hợp với tính chất đặc thù của từng loại tài sản, Bộ Tài chính đề nghị thực hiện theo phương án 2.

5. Chính sách 5: Quản lý sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo hình thức trực tiếp tổ chức khai thác

5.1. Xác định vấn đề bất cập

Quy định việc quản lý, sử dụng số tiền thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do cơ quan được giao quản lý trực tiếp tổ chức khai thác: (i) Trường hợp tiền thu là phí, lệ phí thì được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan; (ii) trường hợp tiền thu là giá sử dụng, cung cấp dịch vụ thì được quản lý theo cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia. Theo đó, khi giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

quốc gia cho doanh nghiệp quản lý tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định thì việc thực hiện có những bất cập và chưa phù hợp.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Quy định việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia áp dụng đối với đối tượng là doanh nghiệp quản lý tài sản được giao tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trên cơ sở tính kế thừa đảm bảo việc thực hiện theo quy định của pháp luật, thuận tiện, minh bạch, dễ kiểm tra, kiểm soát.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện hành

- Tác động tích cực: Không có.

- Tác động tiêu cực: Quy định việc quản lý sử dụng tiền thu được trong trường hợp cơ quan nhà nước (Cục Đường sắt Việt Nam) được giao quản lý tài sản nhưng được thực hiện (áp dụng) đối với doanh nghiệp quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác không có khả thi trong thực hiện.

b) Phương án 2: Sửa đổi, bổ sung việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ doanh nghiệp quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác:

(i) Số tiền thu được từ phí, lệ phí được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

(ii) Số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ:

+ Đối với đường sắt quốc gia: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia được sử dụng 80% để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, duy trì, phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật và phải hạch toán vào doanh thu của doanh nghiệp; phần còn lại (20%) nộp vào ngân sách nhà nước. Việc quản lý, sử dụng số tiền doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia được sử dụng (80%) thực hiện theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia.

+ Đối với đường sắt đô thị: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định tỷ lệ (%) số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ phải nộp ngân sách nhà nước, tỷ lệ (%) số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được sử dụng theo đề nghị của cơ quan quản lý đường sắt đô thị để áp dụng ổn định cho từng thời kỳ nhưng không quá 3 năm. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm quản lý số tiền được sử dụng để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, duy trì, phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật và phải hạch toán vào doanh thu của doanh nghiệp. Việc quản lý, sử dụng số tiền doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị được sử dụng thực hiện theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

Trong thời gian chưa ban hành quy quy định về tỷ lệ (%) số tiền cung cấp dịch vụ phải nộp ngân sách nhà nước, tỷ lệ (%) số tiền cung cấp dịch vụ được để lại cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thì được áp dụng theo tỷ lệ quy định tại khoản 1 Điều 22 dự thảo Nghị định (tỷ lệ (80%/20%) như đối với đường sắt quốc gia) nhưng tối đa không quá 24 tháng kể từ ngày phát sinh doanh thu từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

- Tác động tích cực: Phát huy được hiệu quả nguồn lực tài chính từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trong trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác.

- Tác động tiêu cực: Không có.

5.4. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Để giải quyết việc quản lý, sử dụng tiền từ phương thức trực tiếp khai thác tài sản đảm bảo đúng quy định, có tính kế thừa, minh bạch, công khai, Bộ Tài chính đề nghị thực hiện theo phương án 2.

6. Chính sách 6: Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

6.1. Xác định vấn đề bất cập

Việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo một số hình thức (như: Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao; bán tài sản) không còn phù hợp với chính sách, pháp luật hiện hành và thực tế hiện nay; đồng thời một số loại tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt không còn nhu cầu sử dụng hoặc thay đổi quy hoạch loại ra khỏi danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt nhưng chưa có cơ chế để thực hiện chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý; một số loại tài sản trong quá trình thực hiện xử lý cần phải có ý kiến của đối tượng bị ảnh hưởng có liên quan...

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Giải quyết vướng mắc, bất cập trong việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện hành

- Tác động tích cực: Không có.

- Tác động tiêu cực: Một số hình thức xử lý tài sản không còn phù hợp với quy định hiện hành và đặc thù của tài sản, dẫn đến phát sinh vướng mắc trong tổ chức thực hiện.

b) Phương án 2: Sửa đổi, bổ sung về hình thức xử lý, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện cho phù hợp với đặc thù tài sản, quy định của chính sách, pháp luật hiện hành và thực tế hiện nay.

- Tác động tích cực: Giải quyết được các bất cập, vướng mắc phát sinh thời gian qua.

- Tác động tiêu cực: Không có.

6.4. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Để giải quyết vướng mắc trong quá trình quản lý, xử lý đối với các tài sản nêu trên, Bộ Tài chính đề nghị thực hiện theo phương án 2.

7. Chính sách 7: Kế toán, báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

7.1. Xác định vấn đề bất cập

Việc kế toán, báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt chưa được đầy đủ và kịp thời; chưa thực hiện việc cập nhật thông tin, số liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Quy định cụ thể việc xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản; trách nhiệm kế toán, cập nhật thông tin, số liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

7.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện hành

- Tác động tích cực: Không có.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh vướng mắc trong tổ chức thực hiện việc xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản; việc kế toán tài sản, thông tin, số liệu chưa kịp thời.

b) Phương án 2: Sửa đổi, bổ sung quy định về việc: (i) Xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản trong một số trường hợp cụ thể; (ii) quy định trách nhiệm hướng dẫn mẫu biểu báo cáo tài sản phục vụ yêu cầu quản lý, phù hợp để tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

- Tác động tích cực: Giải quyết được các bất cập, vướng mắc phát sinh trong việc xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản; đảm bảo tính đầy đủ, kịp thời của công tác kế toán, cập nhật dữ liệu tài sản.

- Tác động tiêu cực: Không có.

7.4. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Để giải quyết vướng mắc trong quá trình thực hiện, đảm bảo tính đầy đủ, kịp thời của công tác kế toán, cập nhật dữ liệu tài sản, Bộ Tài chính đề nghị thực hiện theo phương án 2.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động chính sách của dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để báo cáo);
- VPCP;
- Lưu: VT, QLCS (cc) *M*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Văn Khang

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
Về dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

Ngày 04/4/2024, Bộ Tài chính có Công văn số 3578/BTC-QLCS gửi lấy ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương về dự thảo Nghị định. Đến nay: Sau 60 ngày đăng tải, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ không nhận được ý kiến góp ý nào của công dân, tổ chức đối với dự thảo Nghị định. Có 33 Bộ, ngành, cơ quan TW, các hội, 58/63 địa phương có ý kiến về dự thảo Nghị định; trong đó: (i) 15 Bộ, cơ quan trung ương¹, 41 địa phương² thống nhất với dự thảo; (ii) Các Bộ, ngành, địa phương còn lại cơ bản thống nhất sự cần thiết ban hành Nghị định, ngoài ra có ý kiến tham gia thêm được tổng hợp tại Biểu phụ lục dưới đây.

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|----------|---|---|---|---|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> |
| I | Đối với dự thảo Tờ trình Chính phủ | | | |
| | | Đề nghị Ban soạn thảo chỉnh sửa lại tên gọi của Tờ trình và phần mở đầu của Tờ trình cho đúng mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. | Hà Giang Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch | Tiếp thu, hoàn thiện tiêu đề và dự thảo Tờ trình Chính phủ. |
| | | Đề nghị Ban soạn thảo xem xét chỉnh sửa cách đánh số thứ tự các mục A, B, C, D, E, G thành các chữ số La Mã cho khoa học. | Hà Giang | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Tờ trình Chính phủ. |
| | | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung về thời gian dự kiến đề nghị Chính phủ xem xét, thông qua. | Bộ TNMT | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Tờ trình Chính phủ. |
| | | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung giải trình lý do về việc bổ sung thêm quy định về ký quỹ để đảm bảo thực hiện hợp đồng tại Dự thảo Nghị định do nội dung này là nội dung mới so với Nghị định hiện hành. | Ngân hàng nhà nước Việt Nam | Quy định tiền ký quỹ là khoản tiền ngoài giá trị cho thuê, chuyển nhượng quyền khai thác theo hợp đồng (chỉ được hoàn trả cho bên thuê, bên nhận chuyển nhượng khi kết thúc thời hạn theo hợp đồng hoặc thuộc trường hợp chấm dứt |

¹ 15 Bộ, cơ quan trung ương thống nhất dự thảo Nghị định: Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ, Thông tấn xã Việt Nam, Ban Quản lý lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

² 43 địa phương thống nhất dự thảo Nghị định: Bắc Giang, Bắc Kạn, Bạc Liêu, Bến Tre, Bình Dương, Bình Định, Bình Phước, Bình Thuận, Cà Mau, Cao Bằng, Cần Thơ, Đắk Lắk, Đắk Nông, Điện Biên, Đồng Tháp, Đồng Nai, Gia Lai, Hà Nam, Hậu Giang, Hòa Bình, Kiên Giang, Kon Tum, Lai Châu, Lâm Đồng, Lào Cai, Lạng Sơn, Long An, Nam Định, Nghệ An, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Sóc Trăng, Sơn La, Tây Ninh, Thái Bình, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long.

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|------------------|--|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | | | hợp đồng trước hạn theo quy định) là để đảm bảo trách nhiệm của bên thuê, nhận chuyển nhượng trong quá trình thực hiện hợp đồng chưa thực hiện đúng như: chưa thanh toán đủ tiền thuê, tiền nhận chuyển nhượng, chưa thực hiện bảo trì khi thanh lý, chấm dứt hợp đồng theo quy định... |
| | | Tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP, Chính phủ giao Bộ Tài chính chủ trì xây dựng, trình Chính phủ: " <i>Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</i> ". Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo rõ nội dung thay đổi về phạm vi sửa đổi, bổ sung, hình thức văn bản (so với Nghị quyết số 01/NQ-CP) trong Tờ trình Chính phủ. Đồng thời, Bộ Giao thông vận tải đang được giao chủ trì sửa đổi, bổ sung Luật Đường sắt, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần nhắc, báo cáo rõ thời điểm sửa đổi Nghị định này trong bối cảnh Luật Đường sắt cũng đang được sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ. | Bộ Tư pháp | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Tờ trình Chính phủ |
| | | Nghiên cứu, bổ sung đánh giá tác động của chính sách đối với các quy định tại dự thảo Nghị định, trong đó cần nêu rõ vấn đề cần giải quyết; mục tiêu ban hành chính sách; các giải pháp để thực hiện chính sách; các tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; chi phí, lợi ích của các giải pháp; | Bộ Xây dựng | Bộ Tài chính sẽ hoàn thiện đầy đủ các Báo cáo theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với các quy định tại dự thảo Nghị định. |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|-----------|----------------------------------|--|---------------------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp;... | | |
| | | Về nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành, đề nghị làm rõ trong Tờ trình bảo đảm Nghị định sau khi được ban hành không làm tăng thêm đầu mỗi tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. | Bộ Nội vụ | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Tờ trình Chính phủ. |
| II | Đối với dự thảo Nghị định | | | |
| A | Tham gia chung | | | |
| | Căn cứ pháp lý | Đề nghị xuống dòng sau mỗi căn cứ để đúng với quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Ninh Thuận | " <i>Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019</i> " - là một căn cứ; vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo Nghị định (trương tực các Nghị định Chính phủ ký ban hành thời gian qua) |
| | Về hồ sơ Nghị định | Đề nghị Ban soạn thảo Nghị định bổ sung đầy đủ thành phần hồ sơ dự thảo Nghị định theo quy định tại khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật | Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch | Tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ |
| | | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát để đảm bảo đúng và đầy đủ phạm vi điều chỉnh mà khoản 3 Điều 13 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công giao Chính phủ quy định, thuộc thẩm quyền của Chính phủ; trường hợp có nội dung Luật Quản lý, | Bộ Tư pháp | Tại khoản 3 Điều 13 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công giao Chính phủ quy định chi tiết về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản KCHT, Bộ Tài chính đã rà soát để bảo đảm |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|------------------|--|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | sử dụng tài sản công không giao Chính phủ quy định thì phải lập đề nghị xây dựng Nghị định để báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (và chịu trách nhiệm về vấn đề này). | | phạm vi, thẩm quyền quy định chi tiết của Chính phủ. |
| | Về nội dung | Dự thảo Nghị định quy định nhiều thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc giữa các cơ quan. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đảm bảo thủ tục được đơn giản hóa, minh bạch, thuận tiện, cắt giảm thời hạn giải quyết; đồng thời, nghiên cứu bổ sung quy định rõ phương thức thực hiện thủ tục trên môi trường điện tử để đảm bảo tiết kiệm thời gian, chi phí, phù hợp với chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số thúc đẩy cải cách hành chính, yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước nêu tại Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. | Bộ Tư pháp | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định (bổ sung các đánh giá tác động, thủ tục hành chính quy định tại dự thảo Nghị định). |
| | | Dự thảo Nghị định có nhiều nội dung mang tính kinh tế, kỹ thuật chuyên ngành, không thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp theo Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến chuyên gia, người làm thực tiễn, các bộ, ngành có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp. Đồng thời, trên cơ sở tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 46/2018/NĐ-CP, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định đúng và đầy đủ các khó khăn, vướng mắc (do quy định | Bộ Tư pháp | Bộ Tài chính đã có: (i) Văn bản đề nghị Bộ GTVT, một số địa phương (TP HCM, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, tỉnh Bình Dương) đánh giá quy định của chính sách (Nghị định số 46/2018/NĐ-CP, quá trình triển khai thực hiện (tại điểm 2 (2.1) Mục A Tờ trình Chính phủ); (ii) Tổ chức họp với Bộ GTVT (TCT Đường sắt VN, các đơn vị liên quan); Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại DN; các đơn vị liên quan của UBND TP Hà Nội, HCM; (iii) |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|------------------|--|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | <p>pháp luật, do thực thi hay cả hai), từ đó nghiên cứu có hướng xử lý toàn diện, đồng bộ, khả thi (nhất là các vướng mắc trong tổ chức thi hành pháp luật), đúng thẩm quyền Chính phủ trong dự thảo Nghị định.</p> | | <p>Tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ Biên tập Nghị định; (iv) khảo sát thực tiễn quản lý, sử dụng, vận hành đường sắt đô thị tại Hà Nội, TP.HCM.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ Tài chính cùng với Ban soạn thảo, Tổ Biên tập tiếp tục lấy ý kiến và tổng hợp đầy đủ ý kiến của đối tượng chịu sự tác động, người làm thực tiễn, các bộ, ngành có liên quan, ý kiến chuyên gia trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định. - Họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập ngày 09/8/2024, ngày 07/10/2024 tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của Bộ, ngành, địa phương, Ban soạn thảo, Tổ biên tập. |
| | | <p>Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ dự thảo văn bản để đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Kết luận số 12-KL/TW ngày 06/4/2022 của Bộ Chính trị ban hành về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (yêu cầu: "<i>Khấn trương rà soát, khắc phục những sơ hở, bất cập trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đấu thầu, đấu giá, quản lý, sử dụng đất đai, tài sản công, tài chính...</i>"); (ii) Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (trong đó quy định không được: "<i>Chỉ đạo, ban hành thể chế, cơ chế, chính sách có nội dung trái chủ</i></p> | Bộ Tư pháp | <p>Tiếp thu ý kiến tham gia, Bộ Tài chính bổ sung thực hiện rà soát các chỉ đạo, kết luận của Đảng, Quốc hội, Chính phủ tại các văn bản nêu trên để bảo đảm dự thảo Nghị định phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách hiện hành của Đảng và Nhà nước.</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|------------------|--|-----------------------|-------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | <p>trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cái cấm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ" - điểm d khoản 2 Điều 9); (iii) Thông báo Kết luận số 30-TB/BCĐTW ngày 15/01/2023 của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTNTC tại Phiên họp thứ 23, ngày 12/01/2023 của Ban Chỉ đạo: "... Khẩn trương rà soát, khắc phục những sơ hở, bất cập trong chính sách, pháp luật liên quan... và các vấn đề cụ thể mà các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đã kiến nghị, đề xuất"; (iv) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (yêu cầu: "ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, "lợi ích nhóm", "lợi ích cục bộ" trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật" - Mục 3); (v) Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH15 ngày 30/8/2023 về hoạt động chất vấn tại Phiên họp thứ 25 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV (yêu cầu: "Tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc kiểm soát quyền lực phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, "lợi ích nhóm", "lợi ích cục bộ" trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật" - Mục 2.1); (vi) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.</p> | | |
| | | Toàn bộ dự thảo đề nghị bỏ từ (nếu có) sau cụm | Hải Dương | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|------------------|--|---------------------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | từ "nguyên giá, giá trị còn lại" vì việc quản lý tài sản phải gắn với việc cập nhật, theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản. | | |
| | | Tại các Điều 2, 14, 22, 32 và 38 đề nghị cân nhắc về việc sử dụng ghi chú đặt ở cuối trang để giải thích hoặc cung cấp thông tin bổ sung cho nội dung của văn bản, cần quy định cụ thể tại quy định để bảo đảm cách diễn đạt đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch | Dự thảo Nghị định sử dụng ghi chú đặt ở cuối trang để thuận lợi trong quá trình tham gia ý kiến, Khi trình Chính phủ dự thảo Nghị đề ban hành, các nội dung cần thiết giải thích sẽ đưa vào Tờ trình Chính phủ, các Báo cáo và bỏ các ghi chú này. |
| | | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát phạm vi sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2018/NĐ-CP để bảo đảm giải quyết triệt để các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đường sắt và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. | Bộ Tư pháp | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định |
| | | Đề nghị quy định cụ thể đơn vị thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa đường sắt với trường hợp đang trong quá trình thực hiện bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. | Bộ TNMT | Tiếp thu, rà soát, hoàn thiện để bao quát hết các trường hợp. |
| | | Bổ sung trách nhiệm thẩm định hoặc cho ý kiến của cơ quan quản lý đường sắt đô thị trong trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án khai thác, Đề án cho thuê, quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị. | Thái Nguyên | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| | | Đề thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị Bộ Tài chính xem xét bổ sung nội dung quy chế phối hợp và trách nhiệm cụ thể của địa phương trong việc đảm an toàn giao thông đường sắt, xây dựng hàng rào chắn, đường | Thái Nguyên | Nội dung quy chế phối hợp và trách nhiệm cụ thể của địa phương trong việc đảm an toàn giao thông đường sắt, xây dựng hàng rào chắn, đường |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|--|---|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | sắt, xây dựng hàng rào chắn, đường gom, ... | | gom, ... không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này - quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT đường sắt. |
| | | Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát các lỗi đánh máy và dẫn chiếu tại dự thảo, như: việc quản lý, sử dụng số tiền thu được quy định tại khoản 3 Điều 16; điểm k, điểm m khoản 8 và khoản 12 Điều 18; điểm l, điểm o khoản 8 và khoản 12 Điều 19 là thực hiện theo Điều 22 (dự thảo ghi nhầm là Điều 21);... | Hà Nội, Yên Bái, Ninh Thuận, Tòa án nhân dân tối cao, Khánh Hòa | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định |
| | Quy định về tiền thuê đất, sử dụng đất | <p>Đề nghị bổ sung quy định về tiền thuê đất, sử dụng đất khi khai thác tài sản hạ tầng đường sắt đô thị với nội dung: Miễn tiền thuê đất, sử dụng đất đối với các hoạt động khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.</p> <p>* Lý do: Phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 6 của Luật đường sắt năm 2017: “<i>Giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị</i>”.</p> | Công ty TNHH MTV Đường sắt đô thị số 1 TP.HCM | Tại khoản 6 Điều 4 dự thảo Nghị định quy định: “ <i>Việc quản lý, sử dụng đối với đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan</i> ”; theo đó, việc <u>thu tiền thuê đất, miễn, giảm tiền thuê đất tiền thuê đất</u> của đất xây dựng KCHT đường sắt quốc gia/đô thị; đất xây dựng KCHT đường sắt chuyên dùng, công trình công nghiệp đường sắt; đất xây dựng công trình dịch vụ liên quan đến vận tải hàng khách, vận tải hàng hóa và công trình kinh doanh thương mại khác trong phạm vi đất xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai tương ứng các thời kỳ (nay là Luật Đất đai năm 2024, |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|---|---|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | | | Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này; |
| | Quy định về việc khai thác tạm thời để tạo nguồn thu cho Nhà nước | <p>Đề nghị bổ sung quy định về việc khai thác tạm thời để tạo nguồn thu cho Nhà nước và giao cho Chủ đầu tư được phép thực hiện lập Đề án khai thác tạm thời tài sản, đất để tạo nguồn thu cho Nhà nước thực hiện dự án (việc khai thác tạm thời không làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công dự án và sẵn sàng bàn giao lại tài sản, đất khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng), cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quỹ đất dự trữ trong Depot - TSKCHT đường sắt đô thị đã hoàn thành trước và được nghiệm thu hoàn thành hạng mục nhưng Dự án đang trong quá trình tiếp tục triển khai thi công, chưa hoàn thành. - Đất Depot để trống trong quá trình chờ triển khai thực hiện công trình, dự án. - Đất Depot thuộc quy hoạch đường sắt đô thị đã được GPMB. - Các quỹ đất TOD (Transit Oriented Development) phát triển đô thị gắn kết với giao thông công cộng đã được quy hoạch, thu hồi khi lập dự án đường sắt đô thị (nếu có). | Công ty TNHH MTV Đường sắt đô thị số 1 TP.HCM | <p>Đề nghị cho giữ như dự thảo Nghị định.</p> <p>Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với tài sản KCHT đường sắt đang trong giai đoạn đầu tư, chưa quyết toán, tạm bàn giao không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này. - Đối với tài sản KCHT đường sắt (hạng mục/công trình) hoàn thành quyết toán theo tiến độ; theo đó, thực hiện giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản từng hạng mục/công trình theo quy định tại Nghị định này thì được quản lý sử dụng, trong đó có việc khai thác theo quy định tại Nghị định này. |
| | | Để hạn chế sự trùng lặp về nội dung giữa đường sắt quốc gia và đường sắt đô thị, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu việc gộp chung hay tách riêng theo từng loại hình đường sắt để có hình thức quy định phù hợp. Ngoài ra, tại khoản 4 | TP. Hồ Chí Minh | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|----------|---|--|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | Điều 24 và khoản 4 Điều 40 dự thảo có nêu: “trừ trường hợp quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này”; tuy nhiên, tại Điều 24 và Điều 40 dự thảo không có nội dung quy định khoản 6. Đồng thời, tại Chương IV dự thảo chỉ thể hiện Mục 1, 2, 4, 5 và không có Mục 3. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh lại cho phù hợp. | | |
| | Về biểu mẫu đính kèm dự thảo Nghị định | Tại Mẫu số 02B, 02C Phụ lục đề nghị bổ sung nội dung về Cho thuê quyền khai thác tài sản một phần/Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản một phần và làm rõ việc Cho thuê/Chuyển nhượng một phần quyền khai thác tài sản đảm bảo không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại. | Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch, Hà Nội | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định (hoàn thiện mẫu số 02B, 02C) |
| B | Ý kiến tham gia cụ thể | | | |
| | Điều 1. Phạm vi điều chỉnh | | | |
| | 2. Nghị định này không điều chỉnh đối với: a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân và chế độ báo cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan. | Điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định về phạm vi điều chỉnh đã loại trừ “ <i>Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân</i> ” không điều chỉnh tại dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, tại khoản 4 Điều 4, khoản 3 Điều 5, khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 10, điểm a khoản 1 Điều 17, điểm a khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 19... của dự thảo Nghị định có quy định về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia. Đề nghị xác định, phân định rõ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia để tránh mâu thuẫn, chồng chéo | Bộ NN&PTNT | - TSKCHT đường sắt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân (điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định) là tài sản KCHT đường sắt do đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân trực tiếp quản lý; còn phạm vi điều chỉnh tại Nghị định này (TSKCHT đường sắt giao cho DN quản lý tài sản quản lý (không phải là đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân quản lý) nhưng có liên quan đến quốc phòng, an ninh - được nêu cụ thể tại Điều 3 dự thảo Nghị định. - Quy định TSKCHT đường sắt liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia làm căn cứ để xác định loại tài |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|---|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | | | sản và thẩm quyền quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản. |
| | c) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do đối tượng khác (ngoài các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này và điểm a, điểm b khoản 2 Điều này) quản lý và các tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư, quản lý nhưng đã bán, chuyển nhượng, tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trong trường hợp này thực hiện theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan. | - Đề nghị bỏ cụm từ " <i>và điểm a, điểm b khoản 2 Điều này</i> " vì điểm a, điểm b khoản 2 Điều 1 là quy định phạm vi điều chỉnh, không phải là đối tượng áp dụng. - Đề nghị bỏ cụm từ " <i>khi cổ phần hoá</i> " để bảo đảm bao hàm cho tất cả các trường hợp khác như sử dụng tài sản KCHTĐS đầu tư vốn vào doanh nghiệp 100% vốn nhà nước. | Bộ GTVT | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định, bỏ cụm từ " <i>và điểm a, điểm b khoản 2 Điều này</i> " và " <i>khi cổ phần hoá</i> " |
| | Điều 2. Đối tượng áp dụng | | | |
| | 1. Cơ quan thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu và quản lý nhà nước về đường sắt. | - Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu Điều 11 Luật Đường sắt để điều chỉnh khoản 1 Điều này cho phù hợp. Cụ thể: <i>1. Cơ quan thực hiện chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của đại diện chủ sở hữu đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và quản lý nhà nước về đường sắt.</i> | Bộ GTVT | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định |
| | | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định giải thích hoặc liệt kê cơ quan được xác định là " <i>Cơ quan quản lý nhà nước về đường sắt</i> " quy định tại khoản 1 Điều 2 | TP. Hồ Chí Minh | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định |
| | 2. Cơ quan quản lý đường sắt, gồm: a) Cơ quan quản lý đường sắt quốc gia là cơ quan thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật chuyên ngành về giao thông vận tải đường sắt. | Đề nghị điều chỉnh, thay thế cụm từ " <i>Cơ quan quản lý đường sắt</i> " thành cụm từ " <i>Cơ quan quản lý nhà nước về đường sắt</i> " | Kiểm toán nhà nước | Đề nghị cho giữ như dự thảo Nghị định để phân biệt giữa khoản 1 Điều 2 và khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định; cụ thể về 02 cơ quan " <i>Cơ quan quản lý nhà nước về đường sắt</i> "; " <i>Cơ quan quản lý</i> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|--|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | b) Cơ quan quản lý đường sắt đô thị là cơ quan thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý nhà nước về đường sắt đô thị | | | đường sắt”. |
| | 3. Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt): a) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý đường sắt quốc gia). | Đề nghị rà soát, thống nhất cách gọi tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tại khoản 3 Điều 2 với tên gọi tại các Điều 6, 8, 9, 11, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 33, (“doanh nghiệp quản lý đường sắt quốc gia/đô thị” hay “doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia/đô thị” cho thống nhất trong dự thảo). | Hà Nội, Bộ GTVT | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định; thống nhất cách gọi là “doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia/đô thị”. |
| | b) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị). | Theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định: “Thay thế cụm từ “doanh nghiệp nhà nước” bằng cụm từ “doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ” quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP của Chính phủ”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh điểm b khoản 3 Điều 2 dự thảo như sau: “b) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao quản lý, kinh doanh tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị). ” | TP. Hồ Chí Minh | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định |
| | | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung vai trò, trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt của các doanh nghiệp nêu trên. | Bộ Công Thương | Các bộ, cơ quan trung ương (trong đó có UBQL vốn nhà nước tại DN, Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp) được quy định tại khoản 4 Điều 49 dự |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|---|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | | | thảo Nghị định |
| | Điều 3. Giải thích từ ngữ | | | |
| | <p>1. <i>Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt</i> là việc doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản được giao quản lý thông qua việc cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.</p> | <p>Đề nghị sửa lại như sau:</p> <p>1. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt Trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là việc doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản được giao quản lý thông qua việc để cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.</p> | Bộ GTVT | <p>Tiếp thu, hoàn thiện tại khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau:</p> <p>4. <i>Trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt</i> là phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, theo đó, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức khai thác tài sản được giao quản lý thông qua việc cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.</p> |
| | <p>2. <i>Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt</i> là việc doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt chuyển giao có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cho tổ chức, doanh nghiệp theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.</p> <p>3. <i>Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt</i> là việc doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt chuyển giao trong một thời gian nhất định quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cho doanh nghiệp theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.</p> | <p>Đề nghị sửa lại như sau:</p> <p>2. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là việc doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt Nhà nước chuyển giao</p> <p>3. <i>Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt</i> là việc doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt Nhà nước chuyển giao trong một thời gian nhất định</p> <p>Bổ sung cụm từ: <i>Tổ chức, doanh nghiệp nhận chuyển giao có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện cung cấp các dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.</i></p> | Bộ GTVT | <p>Tiếp thu, hoàn thiện tại khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau:</p> <p>5. <i>Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt</i> là việc Nhà nước (thông qua doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt) chuyển giao có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cho tổ chức khác theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng. Tổ chức nhận thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện cung cấp các dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật về đường sắt và</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|------------------|--|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | <p>Đề nghị bổ sung đề làm rõ như sau:</p> <p>"2. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là việc doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt chuyển giao có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cho tổ chức, doanh nghiệp <u>khác</u> theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.</p> <p>3. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là việc doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt chuyển giao trong một thời gian nhất định quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cho <u>các tổ chức, doanh nghiệp khác</u> theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng."</p> | Cục ĐSVN, TCT ĐSVN | <p>pháp luật có liên quan.</p> <p>Tương tự, sửa khoản 3 ở điểm dưới</p> <p>- Đối với dự thảo khoản 2: Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định</p> <p>- Đối với dự thảo khoản 3:</p> <p>+ Tiếp thu bổ sung từ gạch chân: "<u>doanh nghiệp khác</u>"</p> <p>+ Đề nghị không bổ sung thêm "Tổ chức" (Lý do: Việc khai thác theo hình thức chuyển nhượng có thời hạn gắn với đầu tư, nâng cấp, mở rộng và thời hạn chuyển nhượng dài nên cần lựa chọn các doanh nghiệp thực hiện đảm bảo tính khả thi.</p> <p>Nội dung hoàn thiện như sau:</p> <p>6. <u>Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt</u> là việc Nhà nước (thông qua doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt) chuyển giao trong một thời gian nhất định quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cho doanh nghiệp khác theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng. Doanh nghiệp nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện cung</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|---|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | | | cấp các dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan. |
| Điều 4. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (nay là điểm 1, 2 và 3 Điều 3) | | | | |
| | 1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là công trình, hạng mục công trình đường sắt và đất gắn với công trình, hạng mục công trình đường sắt. | Khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định quy định TSKCHT quốc gia, khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định quy định TSKCHT đường sắt đô thị. Trong khi đó, khoản 1 Điều 11 Luật Đường sắt quy định: <i>"1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt bao gồm: a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trực tiếp liên quan đến chạy tàu bao gồm công trình, hạng mục công trình đường sắt hoặc công trình phụ trợ khác trực tiếp phục vụ công tác chạy tàu, đón tiễn hành khách, xếp dỡ hàng hóa; b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt không trực tiếp liên quan đến chạy tàu là tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt không thuộc quy định tại điểm a khoản này"</i> . Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đường sắt. | Bộ Tư pháp | Tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP đã thực hiện phân chia TSKCHT đường sắt quốc gia (trực tiếp/không trực tiếp) liên quan đến chạy tàu phục vụ công tác thu (phí sử dụng/giá sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt); đồng thời, công năng, mục đích sử dụng sử dụng của tài sản có thể không cố định (cùng một tài sản có thể phục vụ hai mục đích nêu trên), Mặt khác, hiện nay trong quá trình xây dựng Luật Đường sắt sửa đổi cũng đang dự kiến bỏ việc phân loại. |
| | | Đề nghị xem lại quy định về khái niệm "tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt" tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị định để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Đường sắt 2017. Lý do: Khoản 1 Điều 11 Luật Đường sắt quy định tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt bao gồm: tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trực tiếp liên quan đến chạy tàu và tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt không trực tiếp liên quan đến chạy tàu. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trực tiếp liên quan đến | Bộ NN&PTNT | Do vậy, việc phân loại tài sản trực tiếp hay không trực tiếp liên quan đến chạy tàu là không cần thiết. Trên cơ sở đó, đưa nội dung khái niệm tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 (đồng thời bỏ Điều 4) như sau: <i>"1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là công trình, hạng mục công trình đường sắt theo quy định của</i> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|---|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | chạy tàu gồm công trình, hạng mục công trình đường sắt hoặc công trình phụ trợ khác trực tiếp phục vụ công tác chạy tàu, đón tiễn hành khách, xếp dỡ hàng hóa. | | pháp luật đường sắt và đất gắn với công trình đường sắt. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm: Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia và tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị. |
| | 2. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là công trình, hạng mục công trình đường sắt quốc gia và công trình phụ trợ khác trực tiếp phục vụ hoạt động điều hành giao thông vận tải đường sắt; phục vụ công tác vận tải hành khách và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân theo quy định (đón, trả, tác nghiệp kỹ thuật liên quan đến vận tải hành khách bằng đường sắt), vận tải hàng hóa (giao, nhận, xếp, dỡ, bảo quản và tác nghiệp kỹ thuật liên quan đến vận tải hàng hóa, hành lý, bao gửi bằng đường sắt); phục vụ kỹ thuật sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện giao thông đường sắt, trang thiết bị vận tải đường sắt; phục vụ cung cấp xăng dầu đường sắt; phục vụ cung cấp suất ăn, giặt là đường sắt; phục vụ nhân viên đường sắt lưu trú, lên xuống ban làm việc và các hoạt động khác liên quan đến vận tải đường sắt. 3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị là công trình, hạng mục công trình đường sắt đô thị và công trình phụ trợ khác trực tiếp phục vụ công tác chạy tàu, đưa, đón hành khách. | Đề nghị nghiên cứu, điều chỉnh cụm từ " <i>phục vụ kỹ thuật sửa chữa, bảo dưỡng...</i> " thành " <i>phục vụ kỹ thuật sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng...</i> ". | Bộ Công an | 2. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có liên quan đến an ninh quốc gia là tài sản thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia 3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có liên quan đến quốc phòng được xác định theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự". |
| | | Đề nghị sửa lại khoản 2 và khoản 3 (chi tiết danh mục tài sản KCHT đường sắt như Nghị định số 46/2018/NĐ-CP) Lý do: tại khoản 4 Điều 11 Luật Đường sắt quy định " <i>4. Chính phủ quy định Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quy định tại khoản 1 Điều này: quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư</i> ", do đó đề nghị bổ sung nội dung tại Điều 4 của Dự thảo về Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đường sắt đô thị cho phù hợp với quy định của Luật Đường sắt phục vụ cho công tác quản lý kiểm kê, kế toán, báo cáo và công tác tổng hợp báo cáo tài sản. | Bộ GTVT | |
| | | Đề nghị nghiên cứu điều chỉnh khoản 3 để đảm bảo thống nhất Luật Đường sắt và khoản 2 Điều này (có phân loại theo tiêu chí liên quan hay không liên quan đến chạy tàu; tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có gồm các tài sản khác, như tài sản phục vụ kỹ thuật sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện giao thông đường sắt;...) | Hà Nội | |
| | | Đề nghị bổ sung thêm công trình phục vụ hoạt động điều hành giao thông vận tải đường sắt đô thị, phục vụ kỹ thuật sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện giao thông đường sắt, trang thiết bị | Đà Nẵng | |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|------------------|--|---|-------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | vận tải đường sắt; phục vụ cung cấp xăng dầu đường sắt; phục vụ cung cấp suất ăn, giặt là đường sắt; phục vụ nhân viên đường sắt lưu trú, lên xuống ban làm việc và các hoạt động khác liên quan đến vận tải đường sắt...(tương tự như định nghĩa Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia) | | |
| | | Theo khoản 4, Điều 11 Luật đường sắt năm 2017 quy định: “ <i>Chính phủ quy định Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quy định tại khoản 1 Điều này; quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư</i> ”. Do đó để đảm bảo việc áp dụng, thực thi nhiệm vụ liên quan; đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định giải thích hoặc liệt kê cụ thể công trình, danh mục tài sản thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị để thống nhất với quy định tại các Nghị định của Chính phủ về tài sản kết cấu hạ tầng (giao thông đường bộ; đường thủy nội địa; cấp nước sạch;...). | TP. Hồ Chí Minh | |
| | | Đề nghị bổ sung danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trực tiếp liên quan đến chạy tàu và không trực tiếp liên quan đến chạy tàu như quy định tại Điều 4, Nghị định 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia. * Lý do: Phù hợp với quy định tại Khoản 4, Điều 11 của Luật đường sắt năm 2017: “ <i>Chính phủ quy định Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quy định tại khoản 1 Điều này; quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước</i> | Công ty TNHH MTV Đường sắt đô thị số 1 TP.HCM | |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|---|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | Khoản 2, khoản 3 | Tại khoản 2 và khoản 3 khái niệm về TSKCHT đường sắt quốc gia và TSKCHT đường sắt đô thị nhưng hiện tại trong Nghị định chưa có sự thống nhất. Ví dụ: TSKCHT đường sắt quốc gia bao gồm đoạn “ <i>phục vụ công tác vận tải hành khách và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân theo quy định (đón, trả, tác nghiệp kỹ thuật liên quan đến vận tải hành khách bằng đường sắt), vận tải hàng hóa (giao, nhận, xếp, dỡ, bảo quản và tác nghiệp kỹ thuật liên quan đến vận tải hàng hoá, hành lý, bao gửi bằng đường sắt); phục vụ kỹ thuật sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện giao thông đường sắt, trang thiết bị vận tải đường sắt; phục vụ cung cấp xăng dầu đường sắt; phục vụ cung cấp suất ăn, giặt là đường sắt; phục vụ nhân viên đường sắt lưu trú, lên xuống ban làm việc và các hoạt động khác liên quan đến vận tải đường sắt</i> ” nhưng TSKCHT đường sắt đô thị không có. Do đó, đề nghị xem xét tính chất đặc thù và chức năng phù hợp với phương thức vận hành, cung cấp dịch vụ giữa các loại hình từ đó rà soát quy định để đảm bảo thống nhất. | Kiểm toán Nhà nước | |
| | | Nội dung của Điều 4 về cơ bản là đưa ra các khái niệm của các thuật ngữ/cụm từ; do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, gộp Điều 4 vào Điều 3 về giải thích từ ngữ. | Bộ TNMT | |
| | Điều 5. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (nay là Điều 4) | | | |
| | Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các nguyên tắc sau đây: | Đề nghị xem xét, bổ sung, biên tập theo hướng “ <i>1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phải được thống kê, kế toán đầy đủ về số lượng và giá trị; được thực hiện chế độ tính khấu hao, hao mòn tài</i> | Kiểm toán Nhà nước | Nghiên cứu tiếp thu trên cơ sở quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 38 Luật quản lý, sử dụng TSC “ <i>1. Tài sản công phải được thống kê, kế</i> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|---|-----------------------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | 1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thống kê, kê toán đầy đủ về hiện vật và giá trị; được tính hao mòn, khấu hao tài sản và bảo trì công trình theo quy định của pháp luật. | <i>sản và bảo trì công trình theo quy định của pháp luật."</i> | | <i>toán kịp thời, đầy đủ về hiện vật, giá trị theo quy định của pháp luật về thống kê, pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan. 2. Tài sản công là tài sản cố định phải được tính hao mòn theo quy định của pháp luật".</i> |
| | 2. Việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo phương thức cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này được thực hiện đối với toàn bộ hoặc một phần của từng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Trường hợp khai thác một phần của từng tài sản thì phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại. | - Bổ sung cụm từ "trực tiếp khai thác tài sản" để đảm bảo bao gồm toàn bộ các phương thức khai thác tài sản. Do việc cho thuê mà đảm bảo không ảnh hưởng đến quản lý, khai thác phần còn lại thực tế rất khó khăn, để bao quát hết các trường hợp trong thực tiễn, đề nghị cân nhắc bổ sung nội dung: " <u>Trường hợp làm ảnh hưởng đến các tài sản kết cấu hạ tầng khác thì phải có ý kiến của đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền</u> " | Bộ GTVT Kiểm toán Nhà nước | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức thực hiện khai thác TSKCHT đường sắt theo các phương thức trực tiếp khai thác, cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn chuyển khai thác tài sản (toàn bộ tài sản hay một phần tài sản) do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt xem xét trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án quyết định; việc khai thác một phần tài sản đảm bảo không ảnh hưởng đến phần tài sản còn lại của chính TSKCHT đó (do doanh nghiệp đang quản lý) và được giải trình tại Đề án và không cần phải có <u>ý kiến của đối tượng giao tài sản KCHT có liên quan</u> vì không xuất hiện đối tượng quản lý TSKCHT liên quan. |
| | 3. Khi thực hiện giao, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại | (1) Đề nghị thêm cụm từ " <u>quản lý</u> " để trở thành " <u>Khi thực hiện giao quản lý, khai thác, xử lý tài</u> | Bộ GTVT, TCT ĐSVN | - Tiếp thu ý kiến tham gia tại điểm (1), hoàn thiện dự thảo. |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|---|------------------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>Nghị định này, trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng xác định theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng; trường hợp tài sản thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia được xác định là tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia và không phải có ý kiến của Bộ Công an; trường hợp tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý đường sắt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định tại hồ sơ đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản</p> | <p>sản..." cho phù hợp. (2) Đề nghị bỏ từ "không" trong đoạn "<i>trường hợp tài sản thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia được xác định là tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia và không phải có ý kiến của Bộ Công an</i>" để bảo đảm đúng nghĩa quy định.</p> | | <p>- Tiếp thu ý kiến tham gia tại điểm (2), hoàn thiện dự thảo.</p> |
| Điều 6. Phạm vi và hình thức giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (nay là Điều 5) | | | | |
| | <p>1. Toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị định này theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Phạm vi tài sản giao, thẩm quyền quyết định giao và trình tự, thủ tục giao tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này và quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định này.</p> | <p>a) Tại đoạn văn thứ hai: đề nghị bổ sung nội dung "<i>khoản 3</i>" để trở thành "<i>... theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này ...</i>" cho phù hợp. b) Đề nghị bổ sung đoạn văn: "<i>Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt phải bố trí nơi làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước hoạt động thường xuyên có liên quan đến hoạt động đường sắt tại các ga trên đường sắt quốc gia trong đô thị loại III trở lên, ga đầu mối, ga liên vận quốc tế theo yêu cầu của Bộ Giao thông vận tải</i>" vào cuối khoản 1 Điều 6 để bảo đảm phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Luật Đường sắt "<i>Tại các ga trên đường sắt quốc gia trong đô thị loại</i></p> | <p>Cục ĐSVN, Bộ GTVT</p> | <p>- Tiếp thu, hoàn thiện điểm a - Đối với điểm b: Đề nghị cho giữ như dự thảo <i>Lý do:</i> Cơ quan quản lý nhà nước nói chung và cơ quan quản lý đường sắt nói riêng được bố trí trụ sở làm việc theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công áp dụng đối với cơ quan nhà nước, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này và danh nghiệp quản lý tài sản đường sắt không thể bố trí nơi làm việc cho</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|--|------------------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | <p><i>III trở lên, ga đầu mối, ga liên vận quốc tế phải bố trí nơi làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước hoạt động thường xuyên có liên quan đến hoạt động đường sắt”.</i></p> | | <p>cơ quan quản lý đường sắt được. Theo đó, tại điểm b khoản 2 điều 1 dự thảo quy định loại từ phạm vi điều chỉnh đối với “Trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước tại khu vực ga đường sắt. Việc quản lý, sử dụng đối với tài sản này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công áp dụng đối với tài sản công phục vụ công tác quản lý, hoạt động của cơ quan nhà nước”.</p> |
| | <p>2. Sau khi giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ nhu cầu và khả năng quản lý, khai thác tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia xây dựng phương án đầu tư, bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia. Phương án đầu tư, bổ sung vốn điều lệ phải xác định cụ thể danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp (tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp). Thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư, bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ...</p> | <p>- Tại đoạn thứ nhất: (i) Đề nghị bổ sung các căn cứ là “<i>quy hoạch mạng lưới đường sắt, quy hoạch tuyến, ga đường sắt</i>” để xây dựng phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch (Cục ĐSVN); Đề nghị bổ sung căn cứ là “<i>quy định pháp luật về đường sắt</i>” (Bộ GTVT) Đề nghị bỏ dấu “,” để trở thành “...<i>phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ...</i>” cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. - Tại đoạn thứ hai: Bổ sung thêm cụm từ “<i>pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan</i>” vì theo Luật Đường sắt, Bộ GTVT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại diện chủ sở hữu đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.</p> | <p>Bộ GTVT, Cục ĐSVN</p> | <p>(Điểm 2 Điều 6, nay sửa thành điểm 6 Điều 5 dự thảo Nghị định) - Tại đoạn thứ nhất, tiếp thu ý kiến tham gia của Bộ GTVT, căn cứ là “<i>quy định pháp luật về đường sắt</i>”; căn cứ này sẽ bao trùm căn cứ “<i>quy hoạch mạng lưới đường sắt, quy hoạch tuyến, ga đường sắt</i>” của Cục ĐSVN. - Tiếp thu ý kiến của Bộ GTVT, bổ sung vào điểm đ khoản 2 Điều 6 (nay là điểm 7 Điều 5) nội dung sau: <i>Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 2, điểm a và điểm c khoản 3 Điều này bàn giao, giao, điều chuyển cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và tài sản</i></p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|---|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt sau khi giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về đường sắt, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và các quy định sau đây:</p> <p>a) Việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phải bảo đảm quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt giao cho doanh nghiệp quản lý.</p> <p>b) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo kế toán đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>c) Đối với công trình kết cấu hạ tầng đường sắt không còn nhu cầu sử dụng vào mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt mà doanh nghiệp tự nguyện trả lại đất gắn liền với công trình đó cho Nhà nước thì việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và xử lý tài sản sau khi thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>d) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đất đai, thực hiện quản lý, sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.</p> | <p><i>“Thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư, bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật về đường sắt”.</i></p> <p>- Tại đoạn văn thứ tư và các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 6: Hiện nay Dự thảo chưa có quy định ràng buộc Doanh nghiệp khi được giao tài sản KCHTĐS quốc gia theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp phải quản lý, sử dụng tài sản đúng mục đích (chính là phục vụ vận tải đường sắt quốc gia, không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hệ thống đường sắt quốc gia) và chưa có quy định trách nhiệm của Bộ GTVT trong quản lý nhà nước đối với việc bảo đảm hoạt động bình thường của hệ thống đường sắt quốc gia.</p> <p>Tài sản KCHTĐS quốc gia sau khi giao cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp thì sẽ là tài sản của doanh nghiệp, không còn là tài sản KCHTĐS quốc gia, theo quy định của Luật Đường sắt (khoản 3 Điều 11) <i>“Tổ chức, cá nhân tự quản lý sử dụng và khai thác tài sản KCHTĐS do mình đầu tư theo quy định của pháp luật”</i>; theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (khoản 2 Điều 25) <i>“Doanh nghiệp được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản cố định theo nguyên tắc có hiệu quả bảo toàn và phát triển vốn: nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng, không sử dụng</i></p> | | <p><i>kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được chuyển từ hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định tại khoản 6 Điều này thì việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về đường sắt, pháp luật có liên quan và các quy định sau đây: ...</i></p> <p>- Riêng ý kiến đề nghị bỏ nội dung điểm d khoản 2 Điều 6 (nay là điểm d khoản 7 Điều 5) (đ) <i>Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia không phải thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Chương III, Chương V Nghị định này</i>.</p> <p>Quy định này để rõ ràng trong thực hiện đối với từng hình thức giao TSKCHT đường sắt theo hình thức không tính thành phần vốn/tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tránh nhầm lẫn trong tổ chức thực hiện. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo.</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|---|-----------------------|-------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>đ) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia không phải thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Chương III, Chương V Nghị định này.</p> | <p><i>được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn". Do đó, để bảo đảm việc quản lý, sử dụng tài sản KCHTĐS quốc gia sau khi giao cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp đúng mục đích chính là phục vụ vận tải đường sắt quốc gia, không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hệ thống đường sắt quốc gia và bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước của Bộ GTVT theo quy định của Luật Đường sắt. Đề nghị bổ sung 03 điểm (sau điểm a) nội dung:</i></p> <p><i>"b) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt sau khi được giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp phải quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đúng mục đích chính là phục vụ vận tải đường sắt quốc gia, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hệ thống đường sắt quốc gia.</i></p> <p><i>c) Khi cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phải được sự chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu và của Bộ Giao thông vận tải. (nội dung này tương tự như quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, được sửa đổi bởi Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ)</i></p> <p><i>"d) Khi nhượng bán, thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phải được sự đồng ý của cơ quan đại diện chủ sở hữu và của Bộ Giao thông vận tải." (nội dung này tương tự như quy định tại</i></p> | | |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|------------------|--|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | <p>điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ).</p> <p>- Đề nghị bỏ nội dung điểm đ khoản 2 Điều 6 vì quy định không rõ nội dung.</p> | | |
| | | <p>Đề nghị nghiên cứu làm rõ một số nội dung sau:</p> <p>(i) Có nhất thiết phải hoàn thành việc giao toàn bộ TSKCHT đường sắt cho doanh nghiệp quản lý đường sắt “Sau khi giao...” theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, sau đó mới thực hiện xác định tài sản (danh mục, giá trị,...) để giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp (tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp) hay 02 thủ tục này có thể thực hiện đồng thời;</p> <p>(ii) Nếu hoàn thành thủ tục giao tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì khi tách một phần để giao cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp thì có phải điều chỉnh lại danh mục và giá trị tài sản tại văn bản đã giao trước đó theo hình thức giao tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hay không;</p> <p>(iii) Điều chỉnh lại thủ tục tăng vốn chủ sở hữu và tăng vốn điều lệ tương ứng giá trị các tài sản đã giao cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và</p> | Hà Nội | <p>- Về ý kiến (i), (ii): Tiếp thu một phần ý kiến, hoàn thiện lại như sau:</p> <p><i>“1. Toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị hiện có (trừ các tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đã giao cho doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp) được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp”</i> để thực hiện việc giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.</p> <p>Đồng thời quy định đối TSKCHT đường sắt đô thị xác lập quyền sở hữu toàn dân, tài sản hình thành từ dự án sử dụng vốn nhà nước sẽ</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|---|-------------------------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 và khoản 7 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ), đặc biệt là các tài sản được tiếp nhận do điều chuyển theo quyết định của cấp có thẩm quyền. | | giao/điều chuyển cho doanh nghiệp theo hình thức tính thành phần vốn/không tính thành phần vốn (trong quá trình xác lập, sau đầu tư xác định loại tài sản để giao tương ứng với từng hình thức). - Ý kiến (iii): Tiếp thu quy định bổ sung 02 Điều (Điều 8, Điều 12 dự thảo). |
| | <p>5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước:</p> <p>a) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án và đối tượng thụ hưởng là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này thì sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng, mua sắm, chủ đầu tư/chủ dự án/ban quản lý dự án có trách nhiệm bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>b) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án nhưng đối tượng thụ hưởng không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này thì xử lý như sau:.....</p> | Do là tính chất đặc thù TSKCHT đường sắt quốc gia với giá trị đầu tư lớn, khó thu hồi vốn, quản lý vận hành mang tính chất chuyên ngành. Cần phải xây dựng quy trình cụ thể chi tiết về bàn giao TSKCHT đường sắt cho từng đối tượng như: Đối tượng nhận tài sản từ nguồn hình thành vốn Nhà nước, đối tượng quản lý TSKCHT đường sắt được hình thành từ dự án sử dụng vốn Nhà nước, việc xử lý tài sản (giao, điều chuyển) thực hiện theo quy định về xử lý đối với tài sản của dự án sử dụng vốn Nhà nước, không thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT đường sắt. | Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam | Tại chính sách về quản lý, sử dụng tài sản của dự án có sử dụng vốn nhà nước, quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đã được quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý, bàn giao tài sản cho đối tượng thụ hưởng; vì vậy, dự thảo Nghị định quy định theo hướng dẫn chiếu để thực hiện, không quy định lại để tránh trùng lặp. Trường hợp không quy định đối tượng thụ hưởng đã được quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tại dự thảo Nghị định này. |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|---|--------------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | Điều 8. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (nay là Điều 7. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đối với các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 5 Nghị định này) | | | |
| | <p>1. Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo cơ quan quản lý đường sắt quốc gia quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định này chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý ...</p> | <p>Đề nghị bỏ cụm từ "<i>chủ trì</i>" và bổ sung cụm từ "<i>căn cứ vào sổ sách kế toán</i>" để trở thành "<i>Bộ GTVT chỉ đạo cơ quan quản lý đường sắt quốc gia, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị định này chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan, căn cứ vào sổ sách kế toán rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý ..</i>"</p> <p>Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh mục tài sản KCHTĐS quốc gia rất nhiều lại trải rộng trên cả nước, không có điều kiện kiểm kê thực tế trong thời gian ngắn, mặt khác Tổng công ty ĐSVN là đơn vị đang quản lý tài sản cũng là đơn vị được giao tài sản theo quy định của Nghị định này. - Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý. Trường hợp kiểm kê tài sản KCHTĐS quốc gia theo đề án này nếu phát hiện có chênh lệch giữa sổ sách kế toán và thực tế sẽ điều chỉnh cho phù hợp. | <p>Bộ GTVT, Cục ĐSVN</p> | <p>- Để bảo đảm tính khả thi của việc giao tài sản, tránh đùn đẩy trách nhiệm cần phải xác định rõ đơn vị chủ trì. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Luật Đường sắt thì Bộ GTVT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại diện chủ sở hữu đối với TSKCHT đường sắt quốc gia; vì vậy, việc giao cơ quan quản lý đường sắt quốc gia chủ trì để thực hiện việc này là cần thiết và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ. TCT ĐSVN là đối tượng được giao quản lý nên chỉ giữ vai trò là đơn vị phối hợp.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến tham gia, hoàn thiện dự thảo như sau:</p> <p>"1. Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo cơ quan quản lý đường sắt quốc gia quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định này chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan căn cứ vào hồ sơ kế toán, hồ sơ điều chuyên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia về Bộ Giao thông vận tải và thực tế quản lý, tổ chức việc rà soát, thống kê toàn bộ</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|---|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | | | <p><i>tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý (bao gồm cả trường hợp tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư do nhà đầu tư chuyển giao cho Nhà nước theo quy định mà không phải thực hiện xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản)”</i></p> |
| | <p>3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đối với trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp. Trường hợp việc giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan, lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao tài sản. Hồ sơ trình gồm:</p> | <p>Đề nghị sửa như sau: Trường hợp việc giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Bộ Giao thông vận tải, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao tài sản. Hồ sơ trình gồm:</p> | Bộ GTVT | <p>Tiếp thu, hoàn thiện theo hướng bổ sung trách nhiệm của Bộ GTVT tại điểm b khoản 1 Điều 49 dự thảo Nghị định:</p> <p><i>“b) Giao cơ quan quản lý đường sắt quốc gia chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải có ý kiến đối với việc giao tài sản, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (phê duyệt Đề án khai thác, phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá cho thuê, chuyển nhượng quyền khai thác tài sản), xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trước khi Bộ Giao thông vận tải quyết định/phê duyệt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt theo quy định tại Nghị định này”.</i></p> |
| | <p>5. Căn cứ Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia của cơ quan, người có thẩm quyền: b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý (Bên giao) thực hiện bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia (Bên nhận) đối với tài sản quy định tại điểm d khoản 1 Điều này; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên</p> | <p>Đề nghị sửa như sau: b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định giao quản lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp</p> | Bộ GTVT | |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|---|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Sau khi tiếp nhận tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan. | | | |
| | Điều 9. Phạm vi và hình thức giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị | | | |
| | <p>1. Toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.</p> <p>Phạm vi tài sản giao, thẩm quyền quyết định giao và trình tự, thủ tục giao tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này và quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định này</p> <p>2. Sau khi giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ nhu cầu và khả năng quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị xây dựng phương án đầu tư, bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị. Phương án đầu tư, bổ sung vốn điều lệ phải xác định cụ thể danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo</p> | <p>Tại khoản 2 Điều 9, bổ sung thêm cụm từ: <i>“Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị không phải thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Chương IV, Chương V Nghị định này. Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được giao theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hệ thống đường sắt, quy hoạch phát triển đường sắt và tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan”</i> để đảm bảo việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản KCHTĐS đô thị đã giao cho doanh nghiệp theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hệ thống đường sắt, quy hoạch phát triển đường sắt.</p> | Bộ GTVT | Khoản 6 Điều 9 (nay là khoản 7 Điều 9): Tiếp thu, hoàn thiện theo hướng dẫn dẫn chiếu <i>“...việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định này”</i> . |
| | bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị. Phương án đầu tư, bổ sung vốn điều lệ phải xác định cụ thể danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo | Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 75 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công về đối tượng giao quản lý TSKCHT là Doanh nghiệp; căn cứ Điều 87 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định: <i>Tài sản công do Nhà nước giao cho doanh</i> | TP. Hồ Chí Minh | <p>Tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo như sau:</p> <p>- Toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị <i>hiện có</i> (trừ các tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|--|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp (tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp).</p> <p>.....</p> <p>Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị không phải thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Chương IV, Chương V Nghị định này.</p> | <p><i>ngành quản lý theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại DN có TSKCHT phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, trong đó có TSKCHT đường sắt.</i></p> <p>Theo dự thảo Nghị định thì toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được giao cho doanh nghiệp theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; nhưng sau đó lại quy định doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị xây dựng phương án đầu tư, bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét điều chỉnh quy định cho phù hợp giữa khoản 1 và khoản 2 Điều 9 của dự thảo với các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; đồng thời cần xác định rõ mục đích và ý nghĩa của việc phân loại giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo hình thức đầu tư vốn tại doanh nghiệp và hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khi hiện nay các doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị đều là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước</p> | | <p><i>thị đã giao cho doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp)</i> để thực hiện việc giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.</p> <p>- Đồng thời quy định đối TSKCHT đường sắt đô thị xác lập quyền sở hữu toàn dân, tài sản hình thành từ dự án sử dụng vốn nhà nước sẽ giao/điều chuyển cho doanh nghiệp theo hình thức tính thành phần vốn/không tính thành phần vốn (trong quá trình xác lập, sau đầu tư xác định loại tài sản để giao tương ứng với từng hình thức).</p> |
| | Điều 11. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp | | | |
| | <p>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan quản lý đường sắt đô thị quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định này chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản</p> | <p>Sửa điểm 1 như sau:</p> <p>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan quản lý đường sắt đô thị, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan rà soát, thống</p> | Bộ GTVT | <p>Để bảo đảm tính khả thi của việc giao tài sản, tránh đùn đẩy trách nhiệm thì phải xác định rõ đơn vị chủ trì. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Luật Đường sắt thì UBND cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại diện chủ sở</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|--|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | lý/tạm quản lý; trên cơ sở đó, thực hiện phân loại như sau: | kê toán bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý; trên cơ sở đó, thực hiện phân loại như sau... | | hữu đối với TSKCHT đường sắt đô thị; vì vậy, việc giao cơ quan quản lý đường sắt đô thị chủ trì để thực hiện việc này là cần thiết và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị là đối tượng được giao quản lý tài sản nên chỉ giữ vai trò là đơn vị phối hợp. |
| | 3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đối với trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp. | Tại điểm d khoản 3 Điều 11 đề nghị sửa cụm từ: " <u>Các hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này</u> " bằng cụm từ " <u>Các hồ sơ quy định tại điểm d khoản 2 Điều này</u> ". Lý do: điểm d Khoản 2 Điều 11 quy định hồ sơ pháp lý về tài sản. | Yên Bái | Tiếp thu, sửa thành: " <u>d) Các hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này: 01 bản sao</u> " |
| | Trường hợp việc giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan, lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao tài sản. Hồ sơ trình gồm: d) Các hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này: 01 bản sao | Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thời hạn đối với việc lấy ý kiến và trả lời ý kiến của cơ quan có liên quan, lập hồ sơ (trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao tài sản) và thực hiện bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị khi có quyết định giao quản lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền; cụ thể: Trường hợp việc giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên | Bộ GTVT | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|--|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao tài sản. Hồ sơ trình gồm: | | |
| Điều 12. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (nay là Điều 13) | | | | |
| | <p>1. Hồ sơ quản lý tài sản gồm:</p> <p>...b) Báo cáo kê khai; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>c) Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>2. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm lập hồ sơ, quản lý, lưu trữ hồ sơ về tài sản theo quy định đối với các hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này...</p> | <p>Đề thuận tiện cho việc áp dụng pháp luật kịp thời; đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thể hiện dẫn chứng cụ thể điều khoản áp dụng thay vì chỉ ghi "theo quy định tại Nghị định này". Đồng thời, rà soát lại toàn bộ dự thảo Nghị định để quy định rõ cụm từ "doanh nghiệp quản lý tài sản" hay "doanh nghiệp được giao quản lý tài sản"</p> | TP. Hồ Chí Minh | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| Điều 13. Kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (nay là Điều 14) | | | | |
| | <p>4. Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được điều chỉnh trong các trường hợp sau:</p> <p>d) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt không có thông tin để xác định giá trị theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì xử lý như sau:</p> <p>....Trường hợp không có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tương đương hoặc có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tương đương nhưng tài sản tương đương đó chưa được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán thì doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá trị tài sản theo quy định của pháp luật về giá làm</p> | <p>Đề nghị Ban soạn thảo quy định cụ thể tác động <u>đột xuất khác</u> là loại tác động nào, không quy định chung chung để quá trình tổ chức thực hiện được thuận lợi.</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung việc bố trí ngân sách nhà nước bằng nguồn chi thường xuyên để thuê doanh nghiệp thẩm định giá xác định giá trị tài sản phục vụ kế toán tài sản, cụ thể:</p> <p>d) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt không có thông tin để xác định giá trị theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì xử lý như sau: Trường hợp có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tương đương (về quy mô, cấp kỹ thuật, thời gian đưa vào sử dụng) và tài sản tương đương đó đã được theo dõi nguyên giá, giá trị</p> | Hà Giang | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định |
| | | | Bộ GTVT | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|---|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>căn cứ xác định nguyên giá tài sản.</p> <p>đ) Bị mất một phần hoặc hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự cố bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác (trừ trường hợp tài sản được khắc phục sự cố theo quy định của pháp luật về bảo trì đường sắt hoặc được khôi phục lại thông qua bảo hiểm bồi thường thiệt hại của tổ chức, cá nhân có liên quan).</p> | <p><i>còn lại trên số kế toán thì sử dụng giá trị của tài sản tương đương làm nguyên giá tài sản; Trường hợp không có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tương đương hoặc có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tương đương nhưng tài sản tương đương đó chưa được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên số kế toán thì doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá trị tài sản theo quy định của pháp luật về giá làm căn cứ xác định nguyên giá tài sản. Kinh phí thuê doanh nghiệp thẩm định giá được bố trí từ ngân sách nhà nước bằng nguồn chi thường xuyên.</i></p> | | |
| | Điều 14. Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (nay là Điều 15) | Sửa tên Điều thành: Quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia | Bộ GTVT | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| | | Đề nghị xem xét bổ sung các cụm từ " <i>bảo dưỡng, sửa chữa</i> " thay vì sử dụng cụm từ " <i>bảo trì</i> " cho phù hợp với Điều 39 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và chế độ kế toán và quy định về bảo dưỡng sửa chữa tài sản công. | Bộ TNMT | Điều 39 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định việc " <i>bảo dưỡng, sửa chữa</i> " tài sản công phục vụ công tác quản lý tại cơ quan nhà nước (không áp dụng cho Nghị định này). Điều 14 dự thảo Nghị định quy định chi tiết việc bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại Điều 79 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. |
| | <p>3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định một trong các phương thức sau đây để thực hiện việc bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia từ nguồn ngân sách nhà nước:</p> <p>a) Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được</p> | Qua đánh giá kết quả thực hiện Nghị định 46/2018/ND-CP ngày 14/3/2018 Chính phủ và thực tiễn triển khai công tác quản lý, sử dụng, khai thác tài sản KCHI đường sắt quốc gia, nếu lựa chọn phương án a trong dự thảo Nghị định sẽ khắc phục những hạn chế, bất cập trong thời | Bộ Công an | Hiện Bộ Tài chính đang trình Chính phủ báo cáo Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật (trong đó có Luật Quản lý, sử dụng TSC, Luật NSNN); do đó, tiếp thu, |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|---|--|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p> cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản đường sắt quốc gia tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> <p> Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Bộ Giao thông vận tải giao dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia.</p> <p> Việc thực hiện dự toán, quyết toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> | <p> gian qua; đề nghị cơ quan soạn thảo Nghị định nghiên cứu, báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.</p> <p> Lựa chọn phương án a trong dự thảo Nghị định, đề nghị khi trình Chính phủ chỉ trình 01 phương án (không trình cả 02 phương án như dự thảo)</p> <p> Tại khoản 3 Điều 14 về Bảo trì tài sản KCHT đường sắt quốc gia đang quy định 02 phương thức bảo trì, đề đảm bảo sự thống nhất, đề nghị Dự thảo chỉ chọn một phương thức để thực hiện việc bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.</p> <p> Khoản 3 Điều 14 dự thảo Nghị định quy định 02 phương thức thực hiện việc bảo trì tài sản KCHT đường sắt quốc gia từ nguồn ngân sách nhà nước. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định rõ tiêu chí, điều kiện lựa chọn từng phương thức để việc thực hiện được thống nhất, minh bạch; đồng thời đánh giá đầy đủ các bất cập, vướng mắc trong thời gian qua. Trên cơ sở đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các chủ thể có liên quan cần nhắc kỹ lưỡng khi đề xuất phương thức (b) tại khoản 3 Điều 14 dự thảo Nghị định, tránh tiếp tục phát sinh thêm vướng mắc, bất cập trong công tác bảo trì tài sản KCHT đường sắt như đã diễn ra trong thời gian qua</p> <p> Nội dung điểm a khoản 3 Điều 14 của Dự thảo đang quy định Bộ GTVT giao dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản KCHTĐS quốc gia cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia là chưa phù hợp với quy</p> | <p></p> <p> TCT ĐSVN</p> <p> Kiểm toán Nhà nước</p> <p> Bộ Tư pháp</p> <p> Bộ GTVT</p> | <p> hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng quy định 02 trường hợp:</p> <p> “ 3. Trường hợp kinh phí quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được bố trí từ ngân sách nhà nước:</p> <p> a) Trường hợp căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá bảo trì, khối lượng công việc cần thực hiện, kế hoạch quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và các căn cứ khác (nếu có) theo quy định của pháp luật, cơ quan quản lý đường sắt quốc gia có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (Bộ Giao thông vận tải) tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> <p> Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Bộ Giao thông vận tải giao dự toán ngân sách nhà nước về công tác quản lý,</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|--|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | <p>định của Luật Ngân sách Nhà nước (khoản 1 Điều 49), do Tổng công ty ĐSVN không phải là đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc hoặc đơn vị thuộc ngân sách cấp dưới của Bộ GTVT.</p> <p>Trong trường hợp này, để bảo đảm tính thống nhất giữa quy định của Nghị định với Luật Ngân sách nhà nước (văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn) và khả thi trong quá trình thực hiện, kiến nghị Bộ Tài chính, Bộ GTVT báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội có Nghị quyết cho phép phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản KCHTĐS quốc gia cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia, làm cơ sở đưa nội dung như điểm a khoản 3 Điều 14 của Dự thảo vào Nghị định (trưng tư như Nghị định số 85/2022/NĐ-CP ngày 24/10/2022 của Chính phủ)</p> | | <p><u>bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định.</u></p> <p>Bộ Giao thông vận tải tổ chức đặt hàng toàn bộ đối với việc quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (bao gồm toàn bộ nhiệm vụ quản lý, bảo trì theo quy định) với doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia. Việc tổ chức thực hiện đặt hàng theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì, nghiêm thu và chịu trách nhiệm về số lượng, khối lượng, tiến độ, chất lượng sản phẩm bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định. Cơ quan quản lý đường sắt quốc gia kiểm tra công tác nghiêm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành sản phẩm bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã được doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia nghiêm thu.</p> |
| | <p>b) Căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá bảo trì, khối lượng công việc cần thực hiện và kế hoạch bảo trì tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan quản lý đường sắt quốc gia có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản đường sắt quốc gia tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Bộ Giao thông vận tải giao dự toán ngân sách</p> | <p>Nội dung liên quan đến đề xuất quy định đặt hàng tại điểm b, khoản 3 Điều 14 “Cơ quan quản lý đường sắt quốc gia đặt hàng toàn bộ công tác bảo trì tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật” và điểm b, khoản 1 Điều 32 “Cơ quan quản lý đường sắt đô thị tổ chức đặt hàng hoặc đấu thầu công tác bảo trì tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật”, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung, làm rõ về cơ sở đề xuất quy định, đảm bảo sự phù hợp, thống nhất với pháp luật hiện hành có liên quan và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ</p> | Bộ Xây dựng | <p>b) Trường hợp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, <u>đơn toán được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia thì việc lập, tổng hợp, phê</u></p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|--|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho cơ quan quản lý đường sắt quốc gia.</p> <p>Cơ quan quản lý đường sắt quốc gia tổ chức đặt hàng toàn bộ công tác bảo trì tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật.</p> <p>Việc thực hiện dự toán, quyết toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> | <p>công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.</p> <p>Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 14 theo hướng bỏ từ “toàn bộ”:</p> <p><i>“Cơ quan quản lý đường sắt quốc gia tổ chức đặt hàng cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; thực hiện một số nhiệm vụ của chủ đầu tư đối với công tác sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật...”</i></p> <p>Lý do:</p> <p>Hiện nay, khi thực hiện đặt hàng toàn bộ công tác quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia có một số khó khăn, vướng mắc có tính chất đặc thù trong lĩnh vực đường sắt đã được Kiểm toán Nhà nước. Thanh tra Bộ GTVT có ý kiến khi thực hiện thanh tra, kiểm toán đối với Cục ĐSVN, Tổng công ty ĐSVN.</p> <p>Những tồn tại, vướng mắc này sẽ được giải quyết khi được Chính phủ cho phép khi thực hiện theo cơ chế đề xuất sửa đổi, bổ sung trong Dự thảo như nêu trên</p> | Cục ĐSVN | <p><i>duyet dự toán được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì, nghiệm thu và chịu trách nhiệm về số lượng, khối lượng, tiến độ, chất lượng sản phẩm bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định”.</i></p> |
| | | <p>Thực tế hiện nay, Cục ĐSVN chưa đảm bảo về nguồn lực thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong công tác giám sát thường xuyên, nghiệm thu đặt hàng. Do vậy, cần quy định thêm nội dung về trách nhiệm của cơ quan đặt hàng cho phù hợp với thực tiễn và quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p>Bổ sung, thêm nội dung sau tại điểm b khoản 3 Điều 14: <i>Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ</i></p> | Bộ GTVT | |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|--|--|---|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | <i>tăng đường sắt quốc gia tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì, nghiệm thu và chịu trách nhiệm về số lượng, khối lượng, tiến độ, chất lượng sản phẩm bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định. Cơ quan quản lý đường sắt quốc gia kiểm tra công tác nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành sản phẩm bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã được Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia nghiệm thu.</i> | | |
| Điều 15. Quản lý, vận hành tài sản trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (nay là Điều 16) | | | | |
| | <p>2. Trường hợp chủ đầu tư dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thì căn cứ dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm bố trí mặt bằng phục vụ thi công cho chủ đầu tư dự án trong thời gian thực hiện đầu tư.</p> <p>b) Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm phối hợp với doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn trong thời gian thực hiện đầu tư.</p> <p>c) Sau khi dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm bàn giao phần tài sản và giá trị tài sản tăng thêm do thực hiện dự án theo quy định của pháp luật cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt để thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp</p> | <p>Dự thảo Nghị định quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý tài sản KCHTĐS quốc gia, chủ đầu tư dự án trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản KCHTĐS quốc gia theo dự án sử dụng vốn nhà nước (trường hợp chủ đầu tư dự án không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản KCHTĐS):</p> <p>a) <i>Doanh nghiệp quản lý tài sản KCHTĐS có trách nhiệm bố trí mặt bằng phục vụ thi công cho chủ đầu tư dự án trong thời gian thực hiện đầu tư;</i></p> <p>b) <i>Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm phối hợp với doanh nghiệp quản lý tài sản KCHTĐS đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn trong thời gian thực hiện đầu tư; ... là chưa phù hợp với thực tế hiện nay khi thực hiện các dự án nâng cấp, cải tạo KCHTĐS quốc gia (dự án 7.000 tỷ, 3.000 tỷ) Tổng công ty ĐSVN bàn giao toàn bộ đoạn tuyến cho Chủ đầu tư dự án để thực hiện nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản KCHTĐS quốc gia, Tổng</i></p> | Bộ GTVT | <p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng:</p> <p>a) <i>Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm tạm bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cho chủ đầu tư dự án trong thời gian thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng. Việc tạm bàn giao tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.</i></p> <p>b) <i>Trong thời gian tạm bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cho chủ đầu tư dự án để thực hiện việc đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm thực hiện tuân gác để phát hiện nguy cơ mất an toàn giao thông đường sắt, quản lý, kế toán tài sản; chủ đầu tư dự án có</i></p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|---|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | luật về đường sắt và pháp luật có liên quan. | công ty ĐSVN chỉ thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an toàn giao thông đường sắt như tuần đường, gác chắn tại đường ngang trong khu vực trên. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung nội dung này cho phù hợp với thực tiễn và đề quy định rõ trách nhiệm của Chủ đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư. | | <p>trách nhiệm đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn trong thời gian thực hiện dự án, trong đó có trách nhiệm quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt trong phạm vi của dự án trong trường hợp dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt bố trí kinh phí quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đó; trong trường hợp này, không bố trí kinh phí quản lý, bảo trì cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trong thời hạn tạm bàn giao tài sản cho chủ đầu tư dự án.</p> <p>c) Sau khi dự án hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm bàn giao lại tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và phần giá trị tăng thêm của tài sản do thực hiện dự án theo quy định của pháp luật cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt để thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này</p> |
| | Quy định về khai thác TSKCHT đường sắt quốc gia/đô thị | | | |
| | 1. Tham gia chung a) Bộ GTVT - Bổ sung nội dung không áp dụng cho thuê quyền khai thác đối với TSKCHT đường sắt phục vụ mục đích công cộng, không phục vụ mục đích kinh doanh; - Về thẩm quyền phê duyệt Đề án đối với các hình thức: Bộ trưởng Bộ GTVT; (i) Ủy quyền cho Hội đồng thành viên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia phê duyệt Đề án đối với hình thức doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia trực tiếp khai thác; (ii) Phân cấp thẩm quyền phê | | | |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|--|-------------------------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>duyet Đề án và các nội dung tương ứng đối với hình thức doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia cho thuê/chuyên nhượng quyền khai thác.</p> <p>b) Bộ Tư pháp, TCT ĐSVN, Bộ GTVT Luật Viễn thông đã có quy định về lắp đặt công trình viễn thông trên TSKCHT phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng (trong đó có TSKCHT đường sắt); cần làm rõ cơ sở pháp lý đối với lắp đặt các công trình/hạng mục điện, nước, ... vào TSKCHT hạ tầng đường sắt (xin ý kiến Bộ GTVT, TCTĐSVN cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn về nội dung này).</p> <p>c) Theo đó, cần nghiên cứu quy định vai trò của cơ quan quản lý đường sắt trong quy trình thực hiện khai thác TSKCHT đường sắt. Tiếp thu ý kiến tham gia, hoàn thiện dự thảo theo hướng bổ sung vai trò cơ quan quản lý đường sắt trong việc <u>giao quản lý, khai thác, xử lý TSKCHT đường sắt quốc gia/đô thị</u>; cụ thể tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 49 như sau:</p> <p><i>Giao cơ quan quản lý đường sắt quốc gia/đô thị chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến đối với việc <u>giao tài sản, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị (phê duyệt Đề án khai thác, phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá cho thuê, chuyên nhượng quyền khai thác tài sản), xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị trước khi Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định/phê duyệt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt theo quy định tại Nghị định này.</u></i></p> | | | |
| | 2. Tham gia cụ thể | | | |
| | Điều 16. Phương thức và nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (nay là Điều 17) | | | |
| | <p>“3. Trong quá trình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, trường hợp lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì việc lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về viễn thông; việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định tại <u>Điều 21</u> Nghị định này”.</p> | <p>Luật Viễn thông năm 2023, khoản 3 Điều 65 có quy định cho phép việc xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, đất, tài sản của lực lượng vũ trang và <u>tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng</u> (Luật Viễn thông không có quy định cụ thể với trường hợp lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt), việc quản lý và sử dụng số tiền thu được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.</p> <p>Đề hướng dẫn, cho phép lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản công số tiền thu được từ thỏa thuận lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản công, hiện nay Bộ Tài chính đang dự thảo, trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 151/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một</p> | <p>Bộ Thông tin và truyền thông</p> | <p>- Luật Viễn thông năm 2023, khoản 3 Điều 65 có quy định cho phép việc xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, đất, tài sản của lực lượng vũ trang và <u>TSKCHT phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng</u></p> <p>TSKCHT đường sắt là một loại TSKCHT phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; do đó, trường hợp lắp đặt công trình viễn thông trên TSKCHT đường sắt dự thảo Nghị định dẫn chiếu sang quy định của pháp luật về viễn thông là phù hợp và thực hiện được.</p> <p>- Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|--|--|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | <p>số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, trong đó có các nội dung liên quan đến lắp đặt công trình viễn thông (như trạm BTS) trên tài sản công, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 151/2017/NĐ-CP không có quy định cụ thể với trường hợp lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>Vi vậy để đảm bảo đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả giữa các pháp luật về Quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về Viễn thông và pháp luật về Đường sắt, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể về lắp đặt, khai thác công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>Tương tự như vậy đối với Khoản 3 Điều 33 (Phương thức và nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị)</p> | | <p>định theo hướng:</p> <p>3. Trong quá trình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, <u>trường hợp xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông, công trình cấp, thoát nước trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì việc xây dựng, lắp đặt các công trình này trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về viễn thông, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan; không phải lập Đề án khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này.</u></p> |
| | | <p>Khoản 3 Điều 16 dự thảo Nghị định quy định việc lắp đặt công trình viễn thông trên TSKCHT đường sắt, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp rà soát, ngoài công trình viễn thông thì còn có công trình kỹ thuật nào khác (điện, nước...) lắp đặt trên TSKCHT đường sắt không để bổ sung quy định cho đầy đủ, đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc lắp đặt, quản lý, sử dụng, khai thác các công trình trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> | <p>Bộ Tư pháp, TCT ĐSVN, Bộ GTVT</p> | |
| | Điều 17. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trong trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác (nay là Điều 18) | | | |
| | <p>1. Thẩm quyền phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:</p> <p>a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo:</p> <p>- Bổ sung thời hạn đối với việc lấy ý kiến, trả lời ý kiến của cơ quan có liên quan, lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phê</p> | <p>Bộ GTVT, Cục ĐSVN</p> | <p>- Tiếp thu ý kiến tham gia về bổ sung thời hạn</p> <p>- Về quy định Bộ GTVT phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án khai</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|--|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> <p>b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.</p> | <p>duyet Đề án.</p> <p>- Bổ sung nội dung về phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án khai thác tài sản KCHTĐS quốc gia. Đồng thời, dự thảo Nghị định hiện đang quy định Hội đồng thành viên của doanh nghiệp quản lý tài sản KCHTĐS quốc gia phê duyệt giá cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản KCHTĐS và các dịch vụ khác. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, nghiên cứu điều chỉnh theo hướng phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án khai thác tài sản KCHTĐS quốc gia cho Hội đồng thành viên của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và điều chỉnh, bổ sung các nội dung tương ứng quy định tại Điều này.</p> <p>Đề nghị sửa, bổ sung điểm b khoản 1 như sau: <u>"Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ủy quyền cho Hội đồng thành viên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải"</u>.</p> <p>Lý do: tạo điều kiện cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt chủ động trong việc khai thác tài sản và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ GTVT.</p> | TCT ĐSVN | <p><i>thác tài sản KCHTĐS quốc gia cho Hội đồng thành viên của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt ...</i></p> <p>Tiếp thu ý kiến tham gia: Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 34 Luật Tổ chức Chính phủ quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với tư cách là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ: <u>"6. ... phân cấp, ủy quyền cho các tổ chức, đơn vị trực thuộc"</u>, việc trực tiếp tổ chức khai thác là công việc, nhiệm vụ thường xuyên của doanh nghiệp, nên cần thiết phân cấp phù hợp với xu thế hiện nay. Do đó, Bộ Tài chính đang báo cáo tại Tờ trình Chính phủ nội dung sẽ dự kiến quy định: <u>"Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định phê duyệt hoặc ban hành quy định thẩm quyền phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định"</u>.</p> <p>Trường hợp Đề án thuộc trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định thì Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp quản lý tài sản</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|---|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | | | đường sắt quốc gia. |
| | <p>2. Lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản, trình Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ đề nghị gồm:</p> <p>b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.</p> | <p>Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <p><i>"a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản đường sắt quốc gia, trình Bộ Giao thông vận tải Hội đồng thành viên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt...</i></p> <p><i>b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Hội đồng thành viên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp."</i></p> | TCT ĐSVN | Trường hợp tiếp thu ở trên sẽ tiếp thu để hoàn thiện dự thảo |
| | <p>5. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thực hiện việc cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân gồm:</p> | <p>- Bổ sung nội dung Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt</p> | Bộ GTVT, Cục ĐSVN | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định |
| | <p>a) Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi.</p> <p>b) Dịch vụ phòng chờ, lưu trú công vụ.</p> <p>c) Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, khám, chỉnh bị phương tiện, trang thiết bị vận tải đường sắt.</p> <p>d) Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>đ) Dịch vụ khai thác kết cấu hạ tầng thông tin</p> | <p>(1) Đề nghị bổ sung thêm điểm e, như sau: "...e) Dịch vụ khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt phục vụ hoạt động du lịch, văn hóa, thể thao".</p> <p>Lý do: Nhằm sử dụng hiệu quả tài sản hiện có, khai thác tối đa lợi thế, tiềm năng của KCHIDS đối với việc phát triển các hoạt động du lịch, văn hóa, thể thao, tạo điều kiện để doanh nghiệp kinh doanh KCHTĐS triển khai thuận lợi các thủ tục đăng ký dịch vụ du lịch, văn hóa, thể thao theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>(2) Đồng thời, đề nghị quy định thêm chế tài xử lý đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng các dịch vụ do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt cung cấp theo các nội dung tại khoản 5 Điều 17</p> | TCT ĐSVN | <p>- Tiếp thu nội dung (1), hoàn thiện dự thảo Nghị định</p> <p>- Về nội dung (2): Được quy định trong hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt với đối tác hoặc Quy chế cung cấp dịch vụ. Trường hợp cần quy định nguyên tắc xử lý để đưa vào hợp đồng hoặc Quy chế, trên cơ sở thực tiễn thực hiện đối tượng chịu tác động để xem xét quy định cho phù hợp.</p> <p>- Ngoài ra, bổ sung điểm 8 Điều 18</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|--|--|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>tín hiệu, viễn thông đường sắt.</p> <p>e) Các dịch vụ khác liên quan đến khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật.</p> | (thông qua Hợp đồng cung cấp dịch vụ) trong trường hợp vi phạm quy định của hợp đồng về thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn | | <p>dự thảo Nghị định như sau:</p> <p>"8. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia được sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, bổ sung công năng cho tài sản sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia bằng nguồn vốn của của doanh nghiệp theo quy định để phục vụ mục đích quản lý, khai thác tài sản tốt hơn mà không làm ảnh hưởng đến hình thức quản lý, mục đích sử dụng của tài sản và nếu được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án chấp thuận."</p> |
| | <p>6. Xác định giá cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này</p> <p>b) Trường hợp giá cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định giá của từng loại dịch vụ, trình Hội đồng thành viên của doanh nghiệp phê duyệt. Giá các loại dịch vụ phải được niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trước thời điểm áp dụng.</p> | <p>Tại điểm b khoản 6 Điều 17 nên quy định thời gian niêm yết giá các loại dịch vụ khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>Đề nghị bổ sung vào điểm b khoản 6 Điều 17 Dự thảo như sau: "<u>Việc xác định giá dịch vụ được căn cứ vào 6 phương pháp định giá chung đối với hàng hoá dịch vụ do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành</u>".</p> <p>Lý do: Trong trường hợp Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt phải thực hiện xác định giá thì yêu cầu phải thực hiện xác định giá theo phương pháp của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành</p> | <p>Hải Dương</p> <p>TCTĐSVN, Bộ GTVT, Cục ĐSVN</p> | <p>Tiếp thu ý kiến tham gia, hoàn thiện điểm b khoản 6 Điều 17 (nay là Điều 18) như sau:</p> <p>b) Trường hợp giá cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt <u>căn cứ vào phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành để xác định giá của từng loại dịch vụ, trình Hội đồng thành viên của doanh nghiệp phê duyệt.</u></p> |
| | Điều 18. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (nay là Điều 19) | | | |
| | | Theo quy định tại Điều 18, Điều 19 của Dự thảo, TSKCHT đường sắt được cho thuê/chuyển nhượng quyền khai thác (nếu không thuộc trường hợp liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia). | Bộ Ngoại giao | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|---|--------------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | Đề nghị Quý Bộ bổ sung đánh giá về trường hợp cho tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài thuê/nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản nhằm bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các quy định pháp luật liên quan. | | |
| | | Rà soát, bổ sung quy định về thời hạn cho thuê quyền khai thác cụ thể phù hợp với từng trường hợp (toàn bộ, từng phần tài sản), cân nhắc quy định thời gian chuyển nhượng quyền khai thác phù hợp, không quá dài; (Tương tự đối với đường sắt đô thị tại Điều 35, 36 dự thảo Nghị định) | Thanh tra Chính phủ | Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản, thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản được xác định cụ thể trong Đề án do cơ quan, người có thẩm quyền duyệt Đề án khai thác tài sản quyết định để phù hợp với đặc thù của TSKCHT đường sắt (một phần tài sản/toàn bộ tài sản). Nội dung này được quy định cụ thể tại điểm c khoản 6 Điều 18 (nay là Điều 19) điểm d khoản 6 Điều 19 (nay là Điều 20) dự thảo Nghị định (tương tự đối với đường sắt đô thị tại Điều 36, 37 dự thảo Nghị định). Do đó, đề nghị giữ như dự thảo |
| | 2. Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt không áp dụng đối với: a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia. b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc trường hợp quy định khoản 1 Điều 19 Nghị định này. | Đề nghị cơ quan soạn thảo: - Bổ sung nội dung không áp dụng cho thuê quyền khai thác đối với “c) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phục vụ mục đích công cộng, không phục vụ mục đích kinh doanh; d) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đang thực hiện theo phương thức doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác. | Bộ GTVT | - Đối với bổ sung điểm c, đề nghị không bổ sung (Lý do: Việc phân biệt tài sản theo “mục đích công cộng, không phục vụ mục đích kinh doanh” là khó xác định vì tùy theo điều kiện, nhu cầu mà mục đích sử dụng tài sản có thể thay đổi. - Đối với bổ sung điểm d, đề nghị không bổ sung (Lý do: quy định như đề nghị sẽ không linh hoạt |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|--|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | | | trong thực hiện (trường hợp doanh nghiệp đang trực tiếp tổ chức khai thác, nhưng cho thuê có hiệu quả hơn thì có thể thay đổi hình thức khai thác). |
| | 4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia. | Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án và các nội dung tương ứng | Bộ GTVT | Đề nghị giữ như dự thảo (Lý do: Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 34 Luật Tổ chức Chính phủ quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với tư cách là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ: “6. ... <u>phân cấp, ủy quyền cho các tổ chức, đơn vị trực thuộc</u> ”. Tuy nhiên, việc khai thác tài sản theo phương thức cho thuê/chuyển nhượng có thời hạn (xuất hiện tổ chức, doanh nghiệp tham gia vào quá trình khai thác không xảy ra thường xuyên nên giữ như dự thảo (không phân cấp, ủy quyền). |
| | 7. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt của cơ quan, người có thẩm quyền: a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 20 Nghị định này. Giá khởi điểm đề đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản là tổng số tiền thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 20 Nghị định này được tính cho toàn bộ thời hạn thuê | Đề nghị sửa đổi nội dung này cho phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Luật Đường sắt. Lý do: Dự thảo đang quy định Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt là chủ thể tổ chức thực hiện việc đấu giá cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản là chưa phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (khoản 1 Điều 83) “1. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng là việc Nhà nước chuyển giao có thời hạn quyền khai thác tài sản | Cục ĐSVN | - Đề nghị giữ như dự thảo (Lý do: Việc phê duyệt Đề án khai thác do Bộ GTVT phê duyệt (không tiếp thu phân cấp); việc tổ chức thực hiện Đề án như: Tổ chức đấu giá, ký kết, thực hiện hợp đồng... do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thực hiện - Về lựa chọn: (i) Tổ chức, doanh nghiệp thuê quyền khai thác (tiếp thu ở quy |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|---|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>quyền khai thác tài sản.</p> <p>b) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức thực hiện việc đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; thực hiện đầy đủ việc giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.</p> | <p><i>kết cấu hạ tầng cho tổ chức, cá nhân theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng</i>"; (khoản 1 Điều 84) <i>"1. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng là việc Nhà nước chuyển giao trong một thời gian nhất định quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng"</i></p> <p>Mặt khác, Dự thảo quy định Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thực hiện cho thuê hoặc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt là không bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật Đường sắt.</p> | | <p>định giải thích từ ngữ là "tổ chức, doanh nghiệp khác" - không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt.</p> <p>(ii) Doanh nghiệp nhận chuyển nhượng quyền khai cũng là doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt.</p> |
| | <p>8. Ký Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và Phụ lục hợp đồng (nếu có). Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin của Bên cho thuê quyền khai thác tài sản (doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt).</p> <p>b) Thông tin của Bên thuê quyền khai thác tài sản (tổ chức trúng đấu giá).</p> <p>c) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/diện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản).</p> <p>d) Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.</p> | <p>Đề nghị sửa lại như sau:</p> <p>e) Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản; thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản.</p> <p>Trường hợp năm đầu tiên và năm cuối cùng không đủ 12 tháng thì tiền cho thuê quyền khai thác tài sản của năm đầu tiên và năm cuối cùng tính theo số tháng thuê theo hợp đồng của năm đó; trường hợp kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản mà Báo cáo tài chính của năm cuối cùng chưa được kiểm toán theo quy định thì Bên thuê thực hiện tạm nộp trên cơ sở doanh thu quyết toán của Bên thuê; trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định thì Bên thuê và Bên cho thuê xác định lại để nộp cho phù hợp.</p> <p>g) Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ hợp đồng được</p> | Bộ GTVT | <p>Nội dung điểm e, điểm g đề nghị cho giữ như dự thảo để đơn giản trong thực hiện và đồng nhất với các Nghị định hạ tầng giao thông về nội dung này (Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ).</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|---|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>d) Doanh thu khai thác tài sản từng năm trong thời hạn cho thuê trong phương án giá khởi điểm để đấu giá (sau đây gọi là doanh thu trong phương án giá khởi điểm).</p> <p>e) Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản; thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản.</p> | <p>thực hiện trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng bằng một trong các biện pháp đặt cọc, ký quỹ hoặc bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc ngân hàng được thành lập theo pháp luật Việt Nam, giá trị bảo đảm được xác định bằng 5% tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê theo giá trúng đấu giá.</p> | | |
| | <p>Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê hằng năm thì thanh toán mỗi năm 01 lần chậm nhất là ngày 31 tháng 3 của năm sau. Bên thuê căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này để xác định và nộp tiền thuê hằng năm; trường hợp tại thời điểm nộp tiền thuê hằng năm mà Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán theo quy định thì Bên thuê thực hiện tạm nộp trên cơ sở doanh thu quyết toán của Bên thuê; trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định, Bên thuê có trách nhiệm nộp bổ sung (trong trường hợp số tạm nộp nhỏ hơn số tiền phải nộp), được giảm trừ số tiền nộp (trong trường hợp số tạm nộp lớn hơn số tiền phải nộp) vào tiền thuê phải nộp của năm sau. Trường hợp năm đầu tiên và năm cuối cùng không đủ 12 tháng thì tiền cho thuê quyền khai thác tài sản của năm đầu tiên và năm cuối cùng tính theo số tháng thuê theo hợp đồng của năm đó; trường hợp kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản mà Báo cáo tài chính của năm cuối cùng chưa được kiểm toán theo quy định thì số tiền thanh toán của năm cuối cùng tính trên cơ sở doanh</p> | <p>Đề nghị bỏ nội dung quy định tại điểm d) <i>“Doanh thu khai thác tài sản từng năm trong thời hạn cho thuê trong phương án giá khởi điểm để đấu giá (sau đây gọi là doanh thu trong phương án giá khởi điểm)”</i>. Doanh thu này còn được sử dụng để xem xét, tính toán lại giá thuê, giá chuyển nhượng. Theo quan điểm của TCTĐSVN, giá thuê, chuyển nhượng nếu đã tính toán, xác định theo giá thị trường thì đã đảm bảo tính khách quan và nên duy trì, không phụ thuộc vào doanh thu của bên thuê, bên nhận chuyển nhượng.</p> <p>Doanh thu trong phương án giá khởi điểm là dự kiến nên doanh thu thực tế có thể giảm hơn hoặc tăng so với dự kiến. Việc điều chỉnh giá thuê theo doanh thu của bên thuê, bên nhận chuyển nhượng (nếu có) cần đảm bảo sự công bằng, cùng chia sẻ lợi ích hoặc rủi ro giữa nhà nước và doanh nghiệp. Dự thảo hiện đang thể hiện 1 chiều, nếu doanh thu tăng so với dự kiến trên 125% thì Nhà nước thu thêm, nhưng không tính toán đến chiều ngược lại, là nếu thu thực tế giảm quá sâu so với dự kiến thì Nhà nước sẽ chia sẻ với bên thuê như thế nào?</p> <p>Việc chia sẻ rủi ro hay lợi ích giữa Nhà nước với doanh nghiệp đảm bảo sự công bằng. Tuy nhiên, việc Nhà nước chia sẻ rủi ro với bên thuê có thể</p> | TCTĐSVN | <p>Đề nghị cho giữ như dự thảo. Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại khoản 4 Điều 80 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định: <i>“Trường hợp căn cứ xác định giá trị hợp đồng có biến động lớn theo quy định của Chính phủ thì các bên ký kết hợp đồng thực hiện điều chỉnh hợp đồng”</i>. Do đó, quy định nội dung điều chỉnh tại dự thảo là phù hợp. - Đối với việc cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn TSKCHT thì giá cho thuê, giá chuyển nhượng có thời hạn là căn cứ xác định giá trị hợp đồng. Khi có biến động lớn thì điều chỉnh hợp đồng; việc điều chỉnh này chỉ thực hiện khi doanh thu tăng, không điều chỉnh khi doanh thu giảm nên không có hệ lụy như TCTĐSVN nêu. - Nội dung này quy định xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|---|------------------------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>thu thực tế do Bên thuê và Bên cho thuê xác định nhưng không thấp hơn số tiền thuê tương ứng của năm trước năm cuối cùng.</p> <p>g) Tiền ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền thuê theo hợp đồng): Mức tiền ký quỹ do Bên thuê quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản. Tiền ký quỹ được xác định bằng 5% tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê theo giá trúng đấu giá.</p> | <p>dẫn đến hệ lụy là bên thuê thiếu sự chủ động trong kinh doanh, dẫn đến doanh thu không cao (vì lỗ đã được Nhà nước bù).</p> | | <p><u>sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê để đảm bảo tương đồng với quy định tại các Nghị định hạ tầng giao thông về nội dung này (Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ).</u></p> |
| | | <p>Tại điểm e, khoản 8 Điều 18 đề nghị nghiên cứu, rà soát quy định về thời gian, thời hạn thanh toán trả chậm, đảm bảo tính hiệu quả, lợi ích cho Nhà nước, đặc biệt đối với các hợp đồng, công trình có giá trị lớn.</p> | <p>Thanh tra Chính phủ</p> | <p><u>Ý kiến của Thanh tra Chính phủ:</u></p> <p>- Tại điểm d khoản 10 Điều 18 dự thảo quy định đã quy định: “<i>d) Thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản (bao gồm cả khoản tiền nộp bổ sung theo quy định tại điểm k khoản 8 Điều này) đầy đủ, đúng hạn theo quy định; trường hợp quá thời hạn thanh toán theo quy định mà Bên thuê quyền khai thác chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ thì phải nộp phạt hợp đồng; mức nộp phạt tương đương với mức tiền chậm nộp xác định theo quy định của pháp luật về quản lý thuế</i>”.</p> |
| | | <p>Quy định tại điểm g khoản 7 Điều 18: Hiện nay tại Bộ luật dân sự đã có quy định về biện pháp ký quỹ để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; do đó, đề nghị chỉ quy định chung về trách nhiệm Bên thuê quyền khai thác tài sản phải thực hiện việc ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, mức tiền ký quỹ, thời hạn ký quỹ, nội dung nghĩa vụ được bảo đảm.</p> <p>- Đối với quy định tại điểm g khoản 7 Điều 18: Quy định này chưa rõ ràng đối với trường hợp vi phạm hợp đồng liên quan đến bàn giao tài sản cho Bên cho thuê, trường hợp này việc xác định nghĩa vụ mà Bên thuê phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành căn cứ theo hồ sơ, chứng từ nào. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ để các tổ chức liên quan có cơ sở triển khai, thực hiện. Đồng thời, đề nghị quy định rõ cách thức xử lý phần còn thừa, việc dẫn chiếu “theo quy định của pháp luật về dân sự” không rõ ràng, khó khăn cho quá trình thực hiện.</p> | <p>Ngân hàng nhà nước Việt Nam</p> | <p>- Quy định việc nộp tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện hợp đồng (điểm g khoản 8 Điều 18) xử lý việc chưa nộp đủ khi thanh lý, chấm dứt hợp đồng</p> <p><u>Ý kiến của NHNN Việt Nam:</u></p> <p>- Quy định nhận lại tiền ký quỹ khi thanh lý, chấm dứt hợp đồng; quy định trường hợp chưa hoàn thành</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|---|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | <p>- Ngoài ra, đề nghị bổ sung quy định về thành phần hồ sơ, chứng từ nộp, rút tiền ký quỹ để tổ chức tín dụng có cơ sở thực hiện. (tương tự ý kiến này đối với điểm h, khoản 8 Điều 19; điểm g, khoản 8, Điều 35)</p> | | <p>việc thanh toán thanh lý, chấm dứt hợp đồng thì xử lý trừ vào tiền ký quỹ theo quy định của pháp luật dân sự (điểm e khoản 13 Điều 18) là phù hợp.</p> <p>- Quy định trả lại tiền ký quỹ do bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản (khoản 15 Điều 18): quy định việc xác định giá trị hoàn trả, từ dự toán NSNN (chỉ thường xuyên).</p> <p>- Đối với đề nghị bổ sung quy định về thành phần hồ sơ, chứng từ nộp, rút tiền ký quỹ để tổ chức tín dụng có cơ sở thực hiện: Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành của tổ chức tín dụng thực hiện ký quỹ.</p> |
| | <p>15. Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa hết thời hạn cho thuê quyền khai thác theo Hợp đồng thì các bên thực hiện chấm dứt hợp đồng trước hạn.</p> | <p>Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu quy định cụ thể như thế nào được coi là lý do bất khả kháng hay theo quy định của pháp luật nào cho rõ nghĩa để đảm bảo quyền và lợi ích của các bên trong hợp đồng cũng như thuận tiện cho cơ quan Nhà nước trong quá trình xem xét xử lý ra quyết định.</p> | Hà Giang | <p>Tại khoản 1 Điều 156 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định về trường hợp bất khả kháng hay còn gọi là sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Tại các văn bản quy phạm pháp luật (Luật Thương mại, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công,...) cũng chỉ quy định chung “trường hợp bất khả kháng”</p> |
| Điều 19. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (nay là Điều 20) | | | | |
| | <p>2. Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt không áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo: - Bổ sung nội dung không áp dụng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác đối với “b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc</p> | Bộ GTVT | <p>- Khoản 2 Điều 19 (nay là Điều 20): Đề nghị cho giữ như dự thảo. Lý do: TSKCHT đường sắt đang thực hiện phương thức doanh</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|--|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | gia. | trường hợp quy định khoản 1 Điều 18 Nghị định này; c) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đang thực hiện theo phương thức doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác. - Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án và các nội dung tương ứng. | | nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác, cho thuê quyền khai thác thì có thể chuyển sang chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác nếu đáp ứng điều kiện có dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng và phương thức này hiệu quả hơn. - Về phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án, đề nghị cho giữ như dự thảo (Lý do đã nêu tại phần cho thuê quyền khai thác như ở trên). |
| | 7. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt của cơ quan, người có thẩm quyền: c) Doanh nghiệp tham gia đấu giá chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và các điều kiện sau: Có ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc danh mục chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nhận hồ sơ tham gia đấu giá; Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy | Đề nghị trong Nghị định nên nghiên cứu quy định cụ thể hơn về điều kiện, tiêu chuẩn đối để lựa chọn doanh nghiệp tham gia đấu giá (các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế) để thống nhất trong cả nước. Việc giao trách nhiệm toàn bộ cho “ <i>Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt</i> ” sẽ gây khó khăn cho đơn vị khi không có hướng dẫn cụ thể và cũng khó khăn cho công tác kiểm tra giám sát trong quá trình thực hiện. | Kiểm toán Nhà nước | Đề nghị cho giữ như dự thảo. Lý do: Sau khi Đề án chuyển nhượng có thời hạn được Bộ GTVT phê duyệt, <u>doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt</u> tổ chức việc chuyển nhượng có thời hạn; (xác định giá khởi điểm; (ii) đấu giá chuyên nhượng có thời hạn; <u>Cơ quan quản lý đường sắt có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc chuyển nhượng quyền khai thác quyền khai thác quy định tại nội dung ký kết hợp đồng.</u> Như vậy, quy định các chỉ tiêu lựa chọn doanh nghiệp tham gia đấu giá tại dự thảo đảm bảo thống nhất trong thực hiện. Việc giao cho <u>doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt</u> tổ chức thực hiện việc đấu giá, trong đó có việc lựa chọn doanh |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|--|----------------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>định. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định cụ thể chi tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư của Dự án nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.</p> | | | <p>ngành nhận khai thác theo quy định về pháp luật về đấu giá (với các tiêu chí quy định tại dự thảo), thực hiện đấu giá hoặc thuê tổ chức có chức năng đấu giá theo quy định.</p> |
| | | <p>Về điều kiện của các tổ chức tham gia đấu giá thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; cần nghiên cứu, quy định chặt chẽ về năng lực tài chính, năng lực quản lý, khai thác sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt của tổ chức tham gia đấu giá đảm bảo tính khách quan trong lựa chọn tổ chức tham gia đấu giá.</p> | <p>Thanh tra Chính phủ</p> | <p>Nội dung dự thảo về lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp nhận thuê quyền khai thác, doanh nghiệp nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác vừa chặt chẽ về điều kiện cũng đảm bảo lựa chọn số lượng các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đấu giá đảm bảo tính cạnh tranh.</p> |
| | <p>8. Ký Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và Phụ lục hợp đồng (nếu có). Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>g) Thời hạn thanh toán tiền chuyển nhượng (giá trị chuyển nhượng) có thời hạn quyền khai thác tài sản: Giá trị chuyển nhượng được thanh toán tối đa 02 lần trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 50% giá trị chuyển nhượng trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng; trường hợp giá trị chuyển nhượng trên 1.000 tỷ đồng thì được thanh toán tối đa 03 lần trong vòng 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 40% giá trị chuyển nhượng trong vòng 60 ngày, kể từ ngày ký</p> | <p>Tại điểm g, đề nghị nghiên cứu, rà soát quy định về thời gian, thời hạn thanh toán trả chậm, đảm bảo tính hiệu quả, lợi ích cho Nhà nước, đặc biệt đối với các hợp đồng, công trình có giá trị lớn.</p> | <p>Thanh tra Chính phủ</p> | <p>Tiếp thu ý kiến tham gia, quy định tương tự điểm d khoản 10 Điều 19 dự thảo.</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|--|------------------------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>hợp đồng, lần 2 thanh toán tối thiểu 30% giá trị chuyển nhượng trong vòng 120 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.</p> | | | |
| | <p>9. Quyền của Bên nhận chuyển nhượng:</p> <p>a) Tổ chức thực hiện khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký kết.</p> <p>b) Được hưởng các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>c) Được thế chấp tài sản do Bên nhận chuyển nhượng đầu tư và quyền khai thác tài sản cho bên cho vay theo quy định của pháp luật về dân sự.</p> <p>d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.</p> | <p>Dự thảo Nghị định mới quy định về việc sử dụng "tài sản nhận chuyển nhượng quyền khai thác", chưa có quy định về việc sử dụng "quyền khai thác tài sản". Đây là một dạng quyền tài sản, do đó xem xét có quy định rõ ràng để đảm bảo không vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.</p> | <p>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p> | <p>Tại khoản 9 Điều 20 dự thảo Nghị định đã quy định quyền của bên nhận chuyển nhượng trong đó: <i>Tổ chức khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký kết</i> là quy định quyền khai thác tài sản theo pháp luật như: được thu phí, giá dịch vụ...đối với việc khai thác TSKCHT đường sắt.</p> |
| | <p>10. Nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng:</p> <p>a) Bảo vệ tài sản nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác (bao gồm cả đất gắn với công trình, hạng mục công trình); không để bị lấn chiếm hoặc sử dụng trái phép tài sản và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trường hợp xảy ra sự cố công trình, Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Bên chuyển nhượng để thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.</p> <p>b) Sử dụng, khai thác tài sản đúng mục đích, nhiệm vụ của công trình; không được chuyển đổi công năng sử dụng, chuyển nhượng, bán,</p> | <p>- Nghiên cứu, chỉnh sửa nội dung quy định tại điểm c, khoản 9, khoản 10 Điều 19 của dự thảo Nghị định liên quan đến quyền, nghĩa vụ của bên nhận chuyển nhượng chặt chẽ, khách quan, đảm bảo lợi ích nhà nước, tránh phát sinh tiêu cực có thể xảy ra trong ký kết và thực hiện hợp đồng (lưu ý các trường hợp quyền khai thác có giá trị lớn);</p> | <p>Thanh tra Chính phủ</p> | <p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|---|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>tặng cho, góp vốn bằng tài sản nhận chuyển nhượng quyền khai thác.</p> <p>c) Hàng năm, gửi báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định cho Bên chuyển nhượng để xác định số tiền phải nộp bổ sung (nếu có).</p> <p>d) Thực hiện đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký kết.</p> | | | |
| Điều 20. Giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (nay là Điều 21) | | | | |
| | <p>3. Căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm:</p> <p>a) Giá cho thuê quyền khai thác tài sản trên thị trường của tài sản cùng loại hoặc có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, công năng sử dụng tại thời điểm xác định (nếu có).</p> <p>b) Doanh thu ước tính, chi phí ước tính từ việc khai thác tài sản trong thời gian cho thuê quyền khai thác tài sản.</p> <p>c) Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc kết quả xác định giá của Hội đồng xác định giá quy định tại khoản 5 Điều này. Việc sử dụng Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.</p> | <p>Điểm c khoản 3, điểm c khoản 4 dự thảo quy định: “...<i>kết quả xác định giá của Hội đồng xác định giá quy định tại khoản 5 Điều này</i>”; tuy nhiên tại khoản 5 Điều 20 không có quy định việc thành lập Hội đồng để xác định, do đó đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp</p> | Đà Nẵng | <p>Tiếp thu, bổ sung quy định về thành phần Hội đồng xác định giá tại khoản 5 Điều 20 (nay là Điều 21) dự thảo:</p> <p><i>Thành phần Hội đồng xác định giá gồm: Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: Đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của cơ quan quản lý tài sản; đại diện cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giao thông vận tải do Bộ Giao thông vận tải cử; đại diện các cơ quan khác (nếu cần).</i></p> |
| | | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu kế thừa quy định tại Thông tư số 47/2018/TT-BTC ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để điều chỉnh nội dung về căn cứ xác định giá khởi điểm</p> | Bộ GTVT | <p>Tiếp thu, bổ sung vào khoản 3 Điều 21 dự thảo Nghị định</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|------------------|---|-----------------------|-------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | <p>để đấu giá cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản KCHTĐS. Cụ thể:</p> <p>3. Căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm:</p> <p>a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trực tiếp liên quan đến hoạt động vận tải trên đường sắt (trừ tài sản là ga), giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản được xác định trên cơ sở chiều dài hành trình, lợi thế của tuyến khai thác và các yếu tố khác tác động đến khả năng khai thác của tài sản trong thời gian cho thuê.</p> <p>Giá khởi điểm bình quân cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là 8% tính trên doanh thu kinh doanh vận tải đường sắt.</p> <p>Trên cơ sở giá khởi điểm bình quân; chiều dài hành trình, lợi thế của tuyến khai thác và các yếu tố khác tác động đến khả năng khai thác của tài sản trong thời gian cho thuê, tổ chức xác định tỷ lệ điều chỉnh so với giá khởi điểm bình quân, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án quyết định.</p> <p>b) Đối với trường hợp cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hạ tầng giao thông (là cơ sở dịch vụ, kho bãi, nhà, xưởng và các công trình phụ trợ riêng lẻ) thì giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản được xác định gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá cho thuê quyền khai thác tài sản trên thị trường của tài sản cùng loại hoặc có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, công năng sử dụng tại thời điểm xác định (nếu có). | | |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|------------------|---|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | <p>- Doanh thu ước tính, chi phí ước tính từ việc khai thác tài sản trong thời gian cho thuê quyền khai thác tài sản.</p> <p>- Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc kết quả xác định giá của Hội đồng xác định giá quy định tại khoản 5 Điều này. Việc sử dụng Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.</p> | | |
| | | <p>Điểm a khoản 3 Điều 20 dự thảo Nghị định quy định căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm giá cho thuê quyền khai thác tài sản trên thị trường của tài sản cùng loại. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là tài sản đặc thù, có thể không có tài sản cùng loại khác để so sánh. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc chỉnh lý quy định này để đảm bảo khả thi trên thực tế.</p> | Bộ Tư pháp | <p>Tiếp thu ý kiến tham gia của Bộ GTVT (nêu trên) quy định việc xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản KCHT đường sắt đối với:</p> <p>(1) Đối với hoạt động vận tải đường sắt (trừ tài sản là ga), giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản được xác định căn cứ các yếu tố: Giá khởi điểm bình quân cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là 8% tính trên doanh thu kinh doanh vận tải đường sắt, chiều dài hành trình, lợi thế của tuyến khai thác và các yếu tố khác tác động đến khả năng khai thác của tài sản trong thời gian cho thuê.</p> <p>(2) Đối với kết cấu hạ tầng đường sắt là ga, cơ sở dịch vụ, kho bãi, nhà, xưởng và các công trình phụ</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|---|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | | | <p>trợ riêng lẻ thì giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản được xác định căn cứ vào:</p> <p>(i) Giá cho thuê quyền khai thác tài sản trên thị trường của tài sản cùng loại hoặc có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, công năng sử dụng tại thời điểm xác định (nếu có);</p> <p>(ii) Doanh thu ước tính, chi phí ước tính từ việc khai thác tài sản trong thời gian cho thuê quyền khai thác tài sản;</p> <p>(iii) Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc kết quả xác định giá của Hội đồng xác định giá quy định tại khoản 5 Điều này. Việc sử dụng Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.</p> <p>Như vậy, căn cứ (i) chỉ là một trong 3 căn cứ để thực hiện và nội dung quy định này (nếu có).</p> |
| | <p>5. Xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lựa</p> | <p>đề nghị bổ sung cụm từ: “hoặc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản” và hoàn thiện lại như sau: “a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản</p> | Đà Nẵng | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|--|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam | <i>hoặc chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.</i> Để phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 20 về cách xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác và chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. | | |
| Điều 21. Sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia khi Nhà nước thu hồi đất (nay bỏ Điều này) | | | | |
| | 1. Trước khi quyết định thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Giao thông vận tải, trường hợp tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai đồng thời có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Văn bản lấy ý kiến cần nêu rõ: Lý do thu hồi đất; diện tích đất thu hồi; sự phù hợp của việc thu hồi đất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; sự phù hợp của vị trí mới được bố trí để đầu tư xây dựng tài sản thay thế (nếu có) và các nội dung cần thiết khác. | Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh lại nội dung quy định tại Điều 21 của dự thảo Nghị định để đảm bảo không trái với quy định Luật Đất đai 2013 và Luật đất đai 2024. Lý do: Luật Đất đai 2013 và Luật Đất đai 2024 không quy định khi Nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai phải có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Giao thông vận tải. | Quảng Trị | Tiếp thu, bỏ Điều 21 Lý do: - Tại điểm a khoản 1 Điều 251 Luật Đất đai năm 2024 quy định: " <i>Bãi bỏ khoản 3 Điều 36 và khoản 3 Điều 86 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14...</i> " Tại khoản 2 Điều 86 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định: " <i>2. Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển đổi công năng sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng gắn liền với đất theo quy định của pháp luật phải có ý kiến bằng văn bản về các nội dung thuộc phạm vi quản lý của cơ quan chủ quản quản lý tài sản kết cấu hạ tầng, cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan khác có liên quan theo quy định của pháp luật</i> " |
| Điều 22. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia | | | | |
| | 1. Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản | Đề nghị bổ sung, làm rõ cơ sở đề xuất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 và điểm b khoản 1 | Bộ Xây dựng, Thanh | - Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác TSKCHT đường |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|---|-----------------------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Điều 17 Nghị định này:</p> <p>a) Số tiền thu được từ phí được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.</p> <p>b) Số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều 17 Nghị định này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt được sử dụng 80% để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, trả nợ vốn vay, vốn huy động liên quan đến khai thác tài sản (nếu có) để đầu tư, nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật và phải hạch toán vào doanh thu của doanh nghiệp; phần còn lại (20%) nộp vào ngân sách nhà nước.</p> <p>Việc quản lý, sử dụng số tiền doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt được sử dụng (80%) thực hiện theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt.</p> | <p>Điều 38 về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị, làm rõ 80% số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ đã bao gồm đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước chưa, trường hợp không đủ thì xử lý như thế nào? Cách thức xác định 80% và 20%? Thời điểm phải nộp 20% số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ vào ngân sách nhà nước và cơ chế sử dụng số tiền 80% số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt như thế nào? để đảm bảo thống nhất, rõ ràng...</p> | <p>tra Chính phủ, Bộ Tư pháp.</p> | <p>sắt quốc gia theo phương án 80% và 20% là kế thừa các quy định trước đây (theo mức “khoán” tỷ lệ để lại/nộp NSNN) sẽ khắc phục được tồn tại, vướng mắc trong thực tiễn trong thời gian qua. Nội dung này được giải trình tại điểm d (mục 2.3.2 (2.3) phần IV (trang 16 -18) và Phụ lục đính kèm dự thảo Tờ trình Chính phủ.</p> <p>- Trường hợp áp dụng mức khoán mà không đủ chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, trả nợ vốn vay, vốn huy động liên quan đến khai thác tài sản (nếu có) thì doanh nghiệp phải tự cân đối từ nguồn thu khác của doanh nghiệp.</p> <p>- Thời điểm nộp quy định tại Điều 29 dự thảo Nghị định.</p> |
| | | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung:</p> <p>- Xác định số phải nộp và thời hạn nộp NSNN số tiền thu được từ việc trực tiếp khai thác tài sản KCHTĐS (cụ thể: bổ sung nội dung tại điểm b khoản 1 Điều 22)</p> <p>- Nguyên tắc xác định dự toán chi phí từ việc trực tiếp khai thác tài sản KCHTĐS.</p> <p>- Bổ chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp khai thác trong nội dung chi do khi chưa hoàn thành việc chuyển nhượng quyền khai thác thì doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt</p> | <p>Bộ GTVT</p> | <p>- Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng bổ sung điểm b khoản 1 Điều 22 nội dung sau: “Trong đó, hằng quý, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia có trách nhiệm tổng hợp số tiền thu được từ việc trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quy định tại Điều 18 Nghị định này, xác định số phải nộp ngân sách nhà nước và thực hiện nộp vào ngân</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|------------------|--|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | quốc gia vẫn có trách nhiệm quản lý tài sản được giao. | | <i>sách nhà nước chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu tiên của quý sau liền kề”.</i> |
| | | <p>Đề nghị bổ sung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 về: (i) Thời hạn doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trích nộp 20% số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều 16 và khoản 5 Điều 17 vào NSNN, và (ii) Phương pháp xác định số nộp 20% theo số tiền đã thực thu từ các hợp đồng cung cấp dịch vụ (không bao gồm số tiền chưa thu được của khách hàng và tiền thuế GTGT). Nội dung đề nghị bổ sung cụ thể như sau:</p> <p><i>“b) Số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều 16, khoản 5 Điều 17 Nghị định này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt được sử dụng 80% để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, trả nợ vốn vay, vốn huy động liên quan đến khai thác tài sản (nếu có) để đầu tư, nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước (không bao gồm tiền thuế đất) theo quy định của pháp luật và phải hạch toán vào doanh thu của doanh nghiệp; phần còn lại (20%) nộp vào ngân sách nhà nước. Việc quản lý, sử dụng số tiền doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt được sử dụng (80%) thực hiện theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt.</i></p> <p><i>Hàng quý, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm tổng hợp số tiền đã thực thu từ các hợp đồng cung cấp dịch vụ trong quý, xác</i></p> | TCT ĐSVN | <p>- Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định về nội dung thời hạn nộp số tiền thu được từ khai thác tài sản.</p> <p>- Không bổ sung nội dung tiền thuê đất (đoạn gạch chân điểm b) (Lý do: <i>Tại khoản 6 Điều 5 dự thảo quy định: “6. Việc quản lý, sử dụng đối với đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan”.</i></p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|--|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | <p><u>định số tiền phải nộp NSNN trong quý (bằng 20% số tiền đã thực thu trong quý, không bao gồm thuế GTGT) và thực hiện nộp vào NSNN trong thời gian 30 ngày đầu của quý tiếp theo”.</u></p> <p>Lý do: dự thảo Nghị định sửa đổi hiện nay chưa quy định các nội dung trên, việc bổ sung quy định là cần thiết và phù hợp với thực tiễn đề doanh nghiệp có đủ cơ sở thực hiện.</p> | | |
| | <p>2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định này:</p> <p>a) Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được nộp vào tài khoản tạm giữ của tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan được Bộ Giao thông vận tải chỉ định làm chủ tài khoản.</p> <p>b) Nội dung chi:</p> <p>Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá cho thuê/chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp khai thác; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên cho thuê/Bên chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng; các chi phí khác có liên quan.</p> | <p>Đề nghị sửa lại như sau:</p> <p>a) Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được nộp vào tài khoản tạm giữ của cơ quan quản lý tài sản đường sắt tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan được Bộ Giao thông vận tải chỉ định làm chủ tài khoản.</p> <p>b) Bổ chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp khai thác trong nội dung chi do khi chưa hoàn thành việc chuyên nhượng quyền khai thác thì doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia vẫn có trách nhiệm quản lý tài sản được giao</p> <p>c) Dự toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt lập, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định này.</p> <p><i>Trong các khoản chi phí phục vụ quản lý, khai thác, khoản chi nào đã có hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ chính sách do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc pháp luật quy định</i></p> | Bộ GTVT | <p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định tại điều khoản quy định cụ thể tài khoản tạm giữ; - Bổ “chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp khai thác”; bổ sung nội dung tại điểm c khoản 2 Điều 22 dự thảo Nghị định: <p><i>“c) Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc cho phép xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông, công trình cấp, thoát nước trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này”.</i></p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|---|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>c) Dự toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>d) Mức chi làm căn cứ lập dự toán chi phí, việc lập dự toán chi phí, trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định này</p> <p>e) Định kỳ 6 tháng (chậm nhất vào ngày 30 tháng 5 và 31 tháng 10) chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (sau khi đã hoàn thành việc thanh toán chi phí theo quy định tại điểm c, điểm d khoản này được trích từ tài khoản tạm giữ) vào ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.</p> <p>đ) Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.</p> | <p><i>(thuế, kế toán, thống kê và các pháp luật có liên quan) và có giá của Nhà nước quy định thì tính theo các quy định đó; khoản chi nào chưa có hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật và các nguyên tắc mua sắm, chi tiêu thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm quản lý khai thác phê duyệt và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trường hợp liên quan đến nhiều sản phẩm, nhiệm vụ, công việc khác nhau mà không thể tách riêng ra được như khấu hao, hao mòn tài sản; tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn; chi phí phục vụ quản lý, khai thác... thì cần tập hợp và phân bổ theo tiêu thức thích hợp phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan cho từng sản phẩm hoặc nhiệm vụ.</i></p> | | |
| | | <p>Điểm d khoản 2 Điều 22 đang tham chiếu đến Điều 29 Dự thảo Nghị định sửa đổi; tuy nhiên Điều 29 chỉ hướng dẫn quản lý, sử dụng tiền thu từ xử lý tài sản, không hướng dẫn quản lý, sử dụng tiền thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng quyền khai thác tài sản. Do đó, đề nghị sửa theo một trong hai phương án sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương án 1: Sửa điểm d khoản 2 Điều 22 Dự thảo Nghị định sửa đổi thành: "<i>Mức chi làm căn cứ lập dự toán chi phí; việc lập dự toán chi phí; trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện tương tự theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 29 Nghị định này</i>" - Phương án 2: Sửa Điều 29, bổ sung thêm nội dung về tiền thu từ cho thuê và chuyển nhượng | TCT ĐSVN | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|---|--|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | tài sản vào quy định tại Điều này. | | |
| <p>Hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Tham gia chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại dự thảo Nghị định đang quy định theo hướng doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý (Thủ tướng Chính phủ/Bộ trưởng Bộ GTVT quyết định hoặc quy định phân cấp trong hình thức xử lý “thanh lý”, “hủy hoại”). - Ý kiến của Bộ GTVT đề xuất có xác định vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý đường sắt quốc gia trong việc xử lý tài sản. - Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng quy định vai trò của cơ quan quản lý đường sắt quốc gia/dô thị như đã tiếp thu tại Mục khai thác TSKCHT đường sắt (tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 49 dự thảo). <p>2. Tham gia cụ thể</p> | | | | |
| <p>Điều 23. Hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> | | | | |
| | <p>1. Thu hồi tài sản.</p> <p>2. Điều chuyển tài sản.</p> <p>3. Chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.</p> <p>4. Thanh lý tài sản.</p> <p>5. Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.</p> <p>6. Hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật.</p> | <p>Cần quy định rõ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện những nội dung liên quan đến việc xử lý từng loại tài sản trong từng đặc thù của TSKCHT đường sắt quốc gia như: Một số loại tài sản không còn nhu cầu sử dụng hoặc thay đổi quy hoạch loại ra khỏi danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; Cần thêm điều khoản, thẩm quyền trung dụng hạ tầng đường sắt khi đất nước cho thiên tai, dịch bệnh lớn.</p> | <p>Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu quy định rõ thẩm quyền, bổ sung vai trò cơ quan quản lý đường sắt quốc gia/dô thị tại phần tham gia chung - Tại từng hình thức xử lý TSKCHT đường sắt quốc gia đã quy định: (i) Xử lý trong trường hợp nào, trong đó quy định: Không còn nhu cầu sử dụng hoặc thay đổi quy hoạch loại ra khỏi danh mục TSKCHT đường sắt quốc gia. - Về quy định bổ sung điều khoản, thẩm quyền <u>trung dụng hạ tầng đường sắt</u> khi đất nước có thiên tai, dịch bệnh lớn là thuộc trường hợp “hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật” – Quy định hiện hành có “Luật trung mua, trung dụng”. Do đó, đề nghị cho giữ như dự thảo |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|--|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | Điều 24. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia | | | |
| | <p>4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này):</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:</p> <p>...</p> <p>b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền. Trường hợp việc thu hồi tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến các cơ quan có liên quan, lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thu hồi tài sản. Hồ sơ trình gồm:.....</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn góp ý của các cơ quan liên quan và thời hạn lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. - Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản báo cáo cơ quan quản lý tài sản đường sắt và trình cơ quan, người có thẩm quyền ... | Bộ GTVT | Đề nghị cho giữ như dự thảo. |
| | <p>5. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đối với trường hợp theo đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác:</p> <p>a) Căn cứ đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền.</p> | <p>Đề nghị sửa điểm a khoản 5 như sau</p> <p>a) Căn cứ đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền. Trường hợp việc thu hồi tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng</p> | Bộ GTVT | <p>Đề nghị cho giữ như dự thảo.</p> <p><u>Lý do:</u> đã giải trình tiếp thu ở phần chung, bổ sung tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 49 dự thảo.</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|---|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>Trường hợp việc thu hồi tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thu hồi tài sản. Hồ sơ trình gồm:</p> | <p>Chính phủ, thì Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Bộ Giao thông vận tải, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thu hồi tài sản.</p> | | |
| | <p>Điều 25. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> | <p>Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản, bổ sung thêm vai trò, nhiệm vụ của cơ quan quản lý tài sản đường sắt</p> | <p>Bộ GTVT</p> | <p>Tiếp thu ở phần chung, hoàn thiện tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 49 dự thảo.</p> |
| | <p>3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:</p> <p>...đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.</p> | <p>Bổ sung nội dung quy định cụ thể về nội dung, mức chi của chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 25 (trùng tự với điểm g khoản 4 Điều 26, điểm đ khoản 3 Điều 41, điểm e khoản 4 Điều 42) dự thảo Nghị định.</p> | <p>Thái Nguyên</p> | <p>Các chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc xử lý tài sản được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 29 dự thảo Nghị định. Cụ thể:</p> <p><i>"2. Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gồm:</i></p> <p><i>a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ.</i></p> <p><i>b) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ.</i></p> <p><i>c) Chi phí xác định giá, thẩm định giá.</i></p> <p><i>d) Chi phí tổ chức bán vật liệu, vật tư thu hồi.</i></p> <p><i>đ) Chi phí bảo vệ, bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.</i></p> <p><i>e) Chi phí hợp lý khác có liên quan'.</i></p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|--|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| Điều 26. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia về địa phương quản lý, xử lý | | | | |
| | 3. Việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý chỉ áp dụng trong trường hợp không tiếp tục sử dụng tài sản đó cho mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. | Đề nghị xem xét, hướng dẫn thêm phương án xử lý trong trường hợp điều chuyển tài sản đường sắt quốc gia về cho địa phương làm đường sắt đô thị. | Đà Nẵng | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo |
| | 4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt về địa phương quản lý, xử lý: a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cần chuyển giao, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm: b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này xem xét, quyết định chuyển giao tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp. Trường hợp việc chuyển giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thì Bộ Giao thông vận tải lập hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chuyển giao tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp. | - Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản, bổ sung thêm vai trò, nhiệm vụ của cơ quan quản lý tài sản đường sắt. - Bổ sung vào điểm b khoản 4 như sau: b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này xem xét, quyết định chuyển giao tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp. Trường hợp việc chuyển giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Bộ Giao thông vận tải, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan thì Bộ Giao thông vận tải lập hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chuyển giao tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp. | Bộ GTVT | Tiếp thu ở phần chung, hoàn thiện tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 49 dự thảo. |
| | Điều 27. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia | Khoản 8 Điều 27 dự thảo Nghị định quy định về bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử | Bộ GTVT | Đề nghị cho giữ như dự thảo. Lý do: Điều 31 Nghị định |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|--|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>8. Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng:</p> <p>Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quyết định việc bán vật liệu, vật tư thu hồi. Việc bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.</p> | <p>dụng: “Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quyết định việc bán vật liệu, vật tư thu hồi. Việc bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.”, trong khi đó Điều 31 Nghị định 151/2017/NĐ-CP quy định cho nhiều trường hợp. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định chi tiết để thuận lợi trong quá trình thực hiện.</p> | | <p>151/2017/NĐ-CP quy định cho nhiều trường hợp; theo đó áp dụng đối với trường hợp bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng.</p> |
| | <p>Điều 28. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại</p> <p>4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm:</p> <p>a) Thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán.</p> <p>b) Báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>c) Xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.</p> | <p>Dự thảo Nghị định quy định xử lý tài sản KCHTĐS quốc gia trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại: Nội dung quy định doanh nghiệp quản lý tài sản KCHTĐS quốc gia “Xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật” là chưa phù hợp do doanh nghiệp quản lý tài sản KCHTĐS quốc gia không có thẩm quyền xử phạt theo pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cho phù hợp.</p> | Bộ GTVT | <p>Tại khoản 2 Điều 28 dự thảo Nghị định:</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này.</p> |
| | Điều 29. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia | | | |
| | | <p>Đề nghị nghiên cứu, quy định quy chế định mức sử dụng, mức chi thuê dịch vụ xử lý tài sản, việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý tài sản, trách nhiệm quản lý số tiền thu được của đơn vị chỉ định làm chủ tài khoản.</p> | Thanh tra Chính phủ | <p>Tại dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể các nội dung theo ý kiến tham gia của Thanh tra Chính phủ.</p> |
| | L. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài | Tổng công ty ĐSVN đề nghị sửa đổi, bổ sung: | TCT ĐSVN | Đề nghị cho giữ như dự thảo. Lý |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|--|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan được Bộ Giao thông vận tải chỉ định làm chủ tài khoản.</p> <p>2. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm lập dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản, trình chủ tài khoản tạm giữ quy định tại khoản 1 Điều này phê duyệt (thời hạn phê duyệt dự toán là 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt nộp dự toán).</p> | <p><i>“Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia nộp NSNN toàn bộ số tiền chênh lệch thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) sau khi trừ đi các khoản chi phí tại khoản 3 Điều này”.</i></p> <p>Lý do: quy định như nêu trên tạo điều kiện cho Doanh nghiệp quản lý tài sản không bị ảnh hưởng đến dòng tiền trong sản xuất kinh doanh, đồng thời phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 99 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.</p> | | <p>do:</p> <p>Tại khoản 1 Điều 94 Luật Quản lý sử dụng tài sản công quy định: <i>“1. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước, sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước”.</i></p> |
| | <p>3. Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gồm:</p> <p>a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ. b) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ. c) Chi phí xác định giá, thẩm định giá. d) Chi phí tổ chức bán vật liệu, vật tư thu hồi. đ) Chi phí bảo vệ, bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý. e) Chi phí hợp lý khác có liên quan.</p> <p>4. Mức chi làm căn cứ lập dự toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 3 Điều này:</p> <p>a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước</p> | <p>Đề nghị điều chỉnh bổ sung các nội dung:</p> <p>- Khoản 1: Đề tạo thuận lợi trong việc thực hiện đề nghị quy định rõ chủ tài khoản tạm giữ là cơ quan quản lý tài sản đường sắt quốc gia. - Tại khoản 4: Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, thẩm quyền quyết định mức chi là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản KCHTĐS. - Bổ sung nội dung <i>“Cơ quan quản lý tài sản đường sắt quốc gia căn cứ vào mức chi này để xem xét phê duyệt dự toán chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia lập”</i> vào khoản 4 Điều này để giải quyết được vướng mắc khi chưa duyệt được dự toán chi phí làm cơ sở thanh toán các chi phí xử lý tài sản do Tổng công ty ĐSVN thực hiện.</p> | Bộ GTVT | <p>Hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng:</p> <p>- Khoản 1: Đề nghị cho giữ như dự thảo; - Khoản 3 đưa lên thành khoản 2; - Khoản 4 đưa lên thành khoản 3 và quy định cụ thể hơn như sau: <i>“3. Mức chi làm căn cứ lập dự toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 2 Điều này:</i></p> <p>a) Đối với các nội dung chi đã có hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ, chính sách do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc pháp luật quy định (thuế, kế toán, thống kê và các pháp luật có liên quan) hoặc có giá của Nhà nước quy định thì tính theo các quy định đó.</p> |
| | | Đề nghị bổ sung, làm rõ hơn quy định tại khoản 4 Điều 29, cụ thể như sau: | TCT ĐSVN | |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|--|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>có thẩm quyền quy định.</p> <p>b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo hợp đồng ký giữa doanh nghiệp được giao quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được giao nhiệm vụ xử lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.</p> | <p><i>“c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được giao nhiệm vụ xử lý tài sản quyết định mức chi, được áp dụng các tiêu chuẩn, định mức tương đương hoặc tiêu chuẩn, định mức do doanh nghiệp ban hành, áp dụng trước đó (nếu có) bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.”</i></p> <p>Lý do: Tổng công ty ĐSVN nhận thấy, quy định tại khoản 4 Điều 29 dự thảo Nghị định hiện nay không thay đổi so với quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định 46/2018/NĐ-CP. Thực tế từ khi Nghị định 46/2018/NĐ-CP có hiệu lực đến nay, Tổng công ty ĐSVN đã trình Bộ GTVT dự toán chi phí xử lý tài sản, vật tư thu hồi từ bảo trì KCHTĐS quốc gia năm 2018 – 2020 (tài sản đã thanh lý xong, đã thu tiền và nộp đầy đủ vào tài khoản tạm giữ của Sở Tài chính Hà Nội tại KBNN) nhưng đến nay vẫn chưa được Bộ GTVT phê duyệt, do khoản chi phí thu gom vật tư thu hồi chưa có định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành để áp dụng phê duyệt theo điểm a khoản 4 Điều 26, trong khi định mức do Tổng công ty ĐSVN ban hành trước đó không được xem xét áp dụng để phê duyệt theo điểm c khoản 4 Điều 26. Như vậy, mặc dù đã có quy định tại điểm c khoản 4 Điều 26 Nghị định 46/2018/NĐ-CP nhưng việc áp dụng là rất hạn chế, thiếu tính khả thi, ảnh hưởng đến quyền lợi được thanh toán kịp thời của doanh nghiệp.</p> | | <p>b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo hợp đồng ký giữa doanh nghiệp được giao quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được giao nhiệm vụ xử lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình”.</p> <p>- Khoản 2 đưa xuống khoản 4 và quy định cụ thể hơn như sau: <i>“4. Căn cứ nội dung chi quy định tại khoản 2 Điều này, mức chi quy định tại khoản 3 Điều này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm lập dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản, trình cơ quan quản lý đường sắt phê duyệt (thời hạn phê duyệt dự toán là 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt nộp dự toán)”</i>.</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|--|--|---|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | <p>Bên cạnh đó, một số khoản chi phí liên quan chưa có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhưng đã có các tiêu chuẩn, định mức tương đương hoặc tiêu chuẩn, định mức do doanh nghiệp được giao xử lý tài sản đã ban hành và áp dụng trước đó, nếu quy định bổ sung trong điểm c khoản 4 Điều 29 dự thảo Nghị định như đề xuất sẽ có thể giải quyết được vướng mắc nêu trên.</p> <p>Ngoài ra, việc bổ sung quy định trên sẽ có tính khả thi để thực hiện xử lý chuyển tiếp theo khoản 5 Điều 50 dự thảo Nghị định sửa đổi.</p> | | |
| | <p>7. Quá thời hạn quy định tại khoản 6 Điều này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt không gửi hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả và cũng không có văn bản về lý do chưa hoàn thiện hồ sơ thanh toán, chủ tài khoản tạm giữ nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 8 Điều này.</p> | <p>Đề nghị điều chỉnh thành "<i>Quá thời hạn quy định tại khoản 5 Điều này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt không gửi hồ sơ đề nghị thanh toán...</i>"</p> <p>Lý do: vì thời gian lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả được quy định tại khoản 5.</p> | Khánh Hòa | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định |
| Điều 30. Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được đầu tư theo phương thức đối tác công - tư | | | | |
| | <p>1. Việc đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo phương thức đối tác công - tư và việc chuyển giao tài sản được hình thành thông qua quá trình thực hiện dự án theo hình thức đối tác công - tư cho Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.</p> | <p>Đề nghị bổ sung như sau:</p> <p>1. Việc đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo phương thức đối tác công tư và việc chuyển giao tài sản được hình thành thông qua quá trình thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư cho Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được đầu tư theo phương thức đối tác công tư không làm ảnh</p> | Bộ GTVT | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|--|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | <p>hướng đến hoạt động bình thường của hệ thống đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, quy hoạch phát triển đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị và tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.</p> | | |
| <p>Điều 32. Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị và quản lý, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản (nay tách thành 02 Điều: Điều 32, Điều 33)</p> | | | | |
| | | <p>Đề nghị tách riêng thành 02 điều: (i) Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị và (ii) Quản lý, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản.</p> <p>Lý do, để đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của doanh nghiệp quy định tại các Điều 21, 51, 53 và 74 Luật Đường sắt và thống nhất với các nội dung quy định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại Điều 14 và Điều 15 dự thảo.</p> | Hà Nội | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định |
| | <p>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định một trong các phương thức sau đây để thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị từ nguồn ngân sách nhà nước:</p> <p>a) Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản đường sắt đô thị tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật</p> | <p>Hiện dự thảo vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể việc bảo trì, hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu và bổ sung các quy định cụ thể để địa phương có cơ sở thực hiện cho phù hợp với quy định.</p> <p>Mặt khác, theo điểm b khoản 1 Điều 99 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 quy định về quản lý, sử dụng tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: "b) Kinh phí sửa chữa, bảo trì tài sản do doanh nghiệp bảo đảm, trừ trường hợp pháp luật có quy định</p> | TP. Hồ Chí Minh | <p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng quy định tại khoản 3 Điều 32 theo 02 trường hợp như sau:</p> <p>"3. Trường hợp kinh phí quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được bố trí từ ngân sách nhà nước:</p> <p>a) Trường hợp căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá bảo trì, khối lượng công việc cần thực hiện,</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|---|------------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan. Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị. Việc thực hiện dự toán, quyết toán chi ngân sách về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>b) Căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá bảo trì, khối lượng công việc cần thực hiện và kế hoạch bảo trì tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan quản lý đường sắt đô thị có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản đường sắt đô thị tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan. Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho cơ quan quản lý đường sắt đô thị. Cơ quan quản lý đường sắt đô thị tổ chức đặt hàng hoặc đấu thầu công tác bảo trì tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản</p> | <p>khác". Như vậy, đối chiếu các quy định về sử dụng kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đang có sự mâu thuẫn trong việc sử dụng kinh phí để bảo trì, sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo cần rà soát lại để quy định phù hợp tránh chồng chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>Theo Điều 22 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên: "...các đơn vị dự toán các cấp lập dự toán nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công cùng thời điểm lập dự toán ngân sách và tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị, gửi cơ quan quản lý cấp trên theo quy định".</p> <p>Như vậy, trách nhiệm lập dự toán nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sẽ do các đơn vị dự toán các cấp lập (không phải doanh nghiệp lập dự toán). Do đó, việc quy định "doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản" là chưa phù hợp với quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh nhằm đảm bảo sự nhất quán, phù hợp giữa các văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời, cần quy định rõ quy trình, thẩm quyền lập, trình, phê duyệt kế hoạch bảo trì, dự toán chi ngân sách nhà nước, trong đó quy định cụ thể đối với cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch bảo trì</p> | <p>TP. Hồ Chí Minh</p> | <p>kế hoạch quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị và các căn cứ khác (nếu có) theo quy định của pháp luật được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan quản lý đường sắt đô thị có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản đường sắt đô thị (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho cơ quan quản lý đường sắt đô thị.</p> <p>Cơ quan quản lý đường sắt đô thị tổ chức đặt hàng toàn bộ đối với việc quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (bao gồm toàn bộ nhiệm vụ quản lý, bảo trì theo quy định) với doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị. Việc tổ chức</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|---|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật. Việc thực hiện dự toán, quyết toán chi ngân sách về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> | <p>đề địa phương có cơ sở thực hiện. Tại điểm b khoản 1 đề nghị điều chỉnh thành: <i>“Cơ quan quản lý đường sắt tổ chức đặt hàng hoặc đấu thầu công tác quản lý, bảo trì tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật.”</i></p> | <p>Dà Nẵng</p> | <p><i>thực hiện đặt hàng theo quy định của pháp luật đường sắt và pháp luật có liên quan.</i></p> <p><i>Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì, nghiệm thu và chịu trách nhiệm về số lượng, khối lượng, tiến độ, chất lượng sản phẩm bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định. Cơ quan quản lý đường sắt đô thị kiểm tra công tác nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành sản phẩm bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đã được doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị nghiệm thu.</i></p> <p><i>b) Trường hợp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, dự toán được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thì việc lập, tổng hợp, phê duyệt dự toán được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì, nghiệm thu và chịu trách nhiệm về số lượng, khối lượng, tiến độ, chất lượng sản phẩm bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định.</i></p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|--|----------------------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | 2. Các nội dung khác liên quan đến bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5 và 6 Điều 14 Nghị định này và pháp luật khác có liên quan. | Theo khoản 6 Điều 14 dự thảo quy định: “6. <u>Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt...</u> ”. Mặt khác, theo Điều 33 dự thảo chỉ quy định 02 phương thức khai thác tài sản là Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản và Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; không có phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát điều chỉnh hoặc bổ sung thêm quy định cho phù hợp. | TP. Hồ Chí Minh | Đề nghị cho giữ như dự thảo Nghị định. Lý do: Khoản 2 Điều 14 dự thảo Nghị định quy định theo hướng dẫn chiếu, trường hợp, đường sắt đô thị ko có phương thức khai thác chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản thì không áp dụng. |
| Điều 33. Phương thức và nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (nay là Điều 34) | | | | |
| | Về thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại các Điều 34, 35, 36, 45,... dự thảo Nghị định | Đề nghị nghiên cứu quy định rõ trách nhiệm của <u>Cơ quan quản lý đường sắt đô thị</u> trong việc tham mưu UBND cấp tỉnh quyết định các nội dung liên quan đến tài sản KCHT đường sắt đô thị (phê duyệt kế hoạch bảo trì; phê duyệt kinh phí bảo trì; phê duyệt Đề án khai thác tài sản KCHT đường sắt; kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Đề án; phê duyệt dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản;...) nhằm đảm bảo tính khả thi, thuận lợi trong quá trình thực hiện. | Hà Nội | Tiếp thu là nội dung ở phần chung (khai thác/xử lý TSKCHT đường sắt quốc gia), hoàn thiện dự thảo bổ sung quy định trách nhiệm Cơ quan quản lý đường sắt đô thị (<u>điểm b khoản 3 Điều 49 dự thảo</u>) |
| Điều 34. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác (nay là Điều 35) | | | | |
| Điều 35. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (nay là Điều 36) | | | | |
| | 7. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị của cơ quan, người có thẩm quyền: | Đề nghị điều chỉnh nội dung tại Điểm c, Khoản 7, Điều 35 của dự thảo Nghị định: - “ <u>Có ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp với việc quản</u> | TP Hồ Chí Minh, Công ty TNHH MTV | <u>Điểm c khoản 6 Điều 36 dự thảo quy định như sau:</u> c) ... <u>Có chức năng, nhiệm vụ hoặc</u> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|--|-------------------------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>c) Tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản 7 Điều 18 Nghị định này.</p> | <p>lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc danh mục cho thuê quyền khai thác” thành “<u>Có ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp với ngành nghề tham gia đấu giá</u>”.</p> <p>- “<u>Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nhận hồ sơ tham gia đấu giá</u>” thành “<u>Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nhận hồ sơ tham gia đấu giá</u>”.</p> | <p>Đường sắt đô thị số 1 TP.HCM</p> | <p>ngành nghề kinh doanh theo Quyết định thành lập, Quyết định về tổ chức và hoạt động, Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp với việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc danh mục cho thuê quyền khai thác;</p> <p>Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá;</p> <p>Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kể theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp), theo Báo cáo quyết toán đã được thẩm định, xét duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định cụ thể chi tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|--|---|--|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | | | <p>tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá;</p> <p>Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kể theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đối với doanh nghiệp), Báo cáo quyết toán được xét duyệt, thẩm định (đối với đơn vị sự nghiệp công lập) theo quy định. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.</p> |
| Điều 36. Giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (nay là Điều 37) | | | | |
| | | Đề nghị rà soát quy định về giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị tại Điều 36 của dự thảo Nghị định bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật. | Thanh tra Chính phủ | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định. |
| | <p>Điểm a, điểm c, khoản 4:</p> <p>Xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị gồm:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam làm cơ sở để xác định giá khởi điểm để đấu</p> | Đề chặt chẽ nội dung, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu: (i) điều chỉnh bổ sung tại điểm a, khoản 4 như sau: "a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam do Bộ Tài chính quy định làm cơ sở để xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn | TP. Hồ Chí Minh | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|--|---|--|----------------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>c) Trong Quyết định phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải xác định doanh thu ước tính hàng năm trong phương án giá khởi điểm để làm doanh thu đối chiếu trong các trường hợp quy định tại điểm k khoản 9 Điều 35 Nghị định này.</p> <p>5. Trường hợp đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị nhưng không thành thì sau hai lần tổ chức đấu giá không thành, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị rà soát nguyên nhân và đề xuất giải pháp, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản xem xét, quyết định tiếp tục thực hiện đấu giá hoặc thay đổi phương thức khai thác sang phương thức doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị như sau:...</p> | <p>quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.”; (ii) bổ sung quy định làm căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị tương tự như đã quy định tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.</p> <p>Thực tế hiện nay, khi thực hiện đấu giá có trường hợp sau 02 lần đấu giá không thành, không có đơn vị tham gia đấu giá và đơn vị thực hiện có phát sinh chi phí liên quan đến việc đấu giá không thành; do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung thêm quy định hướng dẫn đối với nguồn kinh phí thực hiện chi trả chi phí liên quan đến việc đấu giá không thành và cơ quan, đơn vị thực hiện việc chi trả.</p> | | |
| Điều 37. Sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị khi Nhà nước thu hồi đất (nay đã bỏ Điều này) | | | | |
| | <p>1. Trước khi quyết định thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai giao cơ quan tài nguyên môi trường ở địa phương có văn bản gửi lấy ý kiến cơ quan quản lý đường sắt đô thị; trường hợp tài sản liên quan đến quốc</p> | <p>Đề nghị bổ sung quy định cụ thể tại Điều 37 của Dự thảo Nghị định đối với việc sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị khi không còn sử dụng làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</p> | <p>Thanh tra Chính phủ</p> | <p>Bỏ Điều 37 dự thảo Nghị định. Lý do: Tại điểm a khoản 1 Điều 251 Luật Đất đai năm 2024 quy định: “Bãi bỏ khoản 3 Điều 36 và khoản 3 Điều 86 Luật Quản lý, sử dụng tài</p> |
| | | <p>Trong Văn bản lấy ý kiến gồm các nội dung: Lý do thu hồi đất; diện tích đất thu hồi; sự phù hợp</p> | <p>Phủ Thọ</p> | |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|---|---------------------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>phòng, an ninh quốc gia thì cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai phải đồng thời có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.</p> <p>Văn bản lấy ý kiến cần nêu rõ: Lý do thu hồi đất; diện tích đất thu hồi; sự phù hợp của việc thu hồi đất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; sự phù hợp của vị trí mới được bố trí để đầu tư xây dựng tài sản thay thế (nếu có) và các nội dung cần thiết khác.</p> <p>2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai, cơ quan quản lý đường sắt đô thị chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan có ý kiến về việc thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.</p> | <p>của việc thu hồi đất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; sự phù hợp của vị trí mới được bố trí để đầu tư xây dựng tài sản thay thế (nếu có)... Đề nghị cơ quan chủ quản làm rõ cơ sở quy định “Sở Tài chính cho ý kiến về việc thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị” để làm rõ nhiệm vụ Sở Tài chính phải thực hiện theo quy định trên.</p> | | <p>sản công số 15/2017/QH14...”</p> <p>Tại khoản 2 Điều 86 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định:</p> <p>“2. Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển đổi công năng sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng gắn liền với đất theo quy định của pháp luật phải có ý kiến bằng văn bản về các nội dung thuộc phạm vi quản lý của cơ quan chủ quản quản lý tài sản kết cấu hạ tầng, cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan khác có liên quan theo quy định của pháp luật”</p> |
| Điều 38. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị | | | | |
| | | Đề nghị nghiên cứu, cân nhắc bổ sung quy định về định mức khoản nộp ngân sách nhà nước theo từng Đề án, trường hợp cụ thể, từng loại tài sản tương ứng với mức doanh thu, chi phí khác nhau; bảo đảm chặt chẽ và lợi ích của Nhà nước. | Thanh tra Chính phủ | <p>Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định tỷ lệ (%) số tiền cung cấp dịch vụ phải nộp ngân sách nhà nước, tỷ lệ (%) số tiền cung cấp dịch vụ được để lại cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo đề nghị của cơ quan quản lý đường sắt đô thị để áp dụng ổn định cho từng thời kỳ nhưng không quá 3 năm.</p> |
| Điểm b khoản 1 | | Đề xuất lựa chọn phương án 1. | Thái Nguyên, Vĩnh Phúc | |
| Điểm b khoản 1 | | Đề xuất lựa chọn phương án 2. Lý do: - Phương án 2 là linh động, phù hợp từng giai | Hải Phòng, Ninh Bình, TP Hồ Chí | |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|--|-----------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | <p>đoạn trong việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến TS KCHT đường sắt đô thị.</p> <p>- Việc xác định tỷ lệ sử dụng số tiền thu được theo quy định tại khoản 4 Điều 34 dự thảo Nghị định còn phụ thuộc vào quy mô các dự án đường sắt đô thị, điều kiện thực tế tại từng địa phương. Do đó, việc quy định cố định tỷ lệ sử dụng số tiền thu được giữa doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị là 80% và phần còn lại 20% nộp ngân sách nhà nước có thể không phù hợp với tất cả các dự án đầu tư xây dựng đường sắt đô thị.</p> | Minh | <p>Đồng thời, trong thời gian chưa được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa ban hành quy định về tỷ lệ (%) số tiền cung cấp dịch vụ phải nộp ngân sách nhà nước, tỷ lệ (%) số tiền cung cấp dịch vụ được để lại cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thì được áp dụng theo tỷ lệ quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này nhưng tối đa không quá 24 tháng kể từ ngày phát sinh doanh thu từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (nội dung này được quy định tại điểm 6 Điều 50 dự thảo Nghị định).</p> |
| Điều 40. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị | | | | |
| | <p>4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (trừ trường hợp quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này):</p> <p>c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản thu hồi; tên cơ quan được giao thực hiện quyết định thu hồi (là cơ quan quản lý đường sắt quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này)</p> | <p>Đề nghị điều chỉnh thành "... (là cơ quan quản lý đường sắt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định này)..."</p> <p>Lý do: vì tại điểm b khoản 2 Điều 2 quy định cơ quan quản lý đường sắt.</p> | Khánh Hòa | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định |
| Điều 42. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị về địa phương quản lý, xử lý | | | | |
| | <p>5. ... Trình tự thực hiện, nội dung Quyết định chuyển giao tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 4 Điều</p> | <p>Đề nghị bỏ điểm h vì trong khoản 4 không có điểm h</p> | Khánh Hòa | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|---|--|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | này; trong đó, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp có tài sản chuyên giao. | | | |
| | Điều 45. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị | Đề nghị nghiên cứu, quy định quy chế định mức sử dụng, mức chi thuê dịch vụ xử lý tài sản, việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý tài sản, trách nhiệm quản lý số tiền thu được của đơn vị chỉ định làm chủ tài khoản. | Thanh tra Chính phủ | Quy định về mức chi làm căn cứ lập dự toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị, quản lý sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản được dẫn chiếu quy định như Điều 29 Nghị định này Tuy nhiên, nghiên cứu tiếp thu các nội dung chi khác nhau để quy định khác nhau. |
| | 5. Các nội dung khác về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được thực hiện theo các khoản 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 29 Nghị định này. | Đề nghị điều chỉnh nội dung tại Khoản 8, Điều 45 của dự thảo Nghị định: "... <i>nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ xử lý tài sản ...vào <u>ngân sách trung ương</u> theo quy định của pháp luật về <u>ngân sách nhà nước</u>" thành "... <i>nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ xử lý tài sản ...vào <u>ngân sách địa phương</u> theo quy định của pháp luật về <u>ngân sách nhà nước</u>"</i></i> | TP Hồ Chí Minh. Công ty TNHH MTV Đường sắt đô thị số 1 TP.HCM | Tiếp thu ý kiến tham gia, bổ sung quy định (không dẫn chiếu khoản 8) "7. <i>Định kỳ 6 tháng (chậm nhất vào ngày 30 tháng 5 và 31 tháng 10), chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp ngân sách địa phương đối với các khoản thu từ xử lý tài sản:</i> a) <i>Đã hoàn thành việc thanh toán chi phí hoặc có văn bản xác nhận không phát sinh chi phí của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.</i> b) <i>Hoặc đã quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kể từ ngày doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị nộp tiền vào tài khoản tạm giữ mà chủ tài khoản tạm giữ không nhận được</i> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|---|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | | | <i>hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí hoặc văn bản xác nhận không phát sinh chi phí của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị</i> ” để phù hợp với tài sản đường sắt đô thị là của địa phương phải nộp vào ngân sách địa phương. |
| | Điều 49. Trách nhiệm thi hành | | | |
| | <p>Điểm a khoản 1, điểm a khoản 3</p> <p>1. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải:</p> <p>a) Thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đối với tài sản đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật về đường sắt.</p> <p>3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:</p> <p>a) Thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đối với tài sản đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật về đường sắt.</p> | Tại Khoản 1.a và 3.a Điều 49 Dự thảo quy định trách nhiệm của Bộ Giao thông Vận tải và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Đề nghị rà soát để bảo đảm thống nhất về thuật ngữ theo quy định tại Khoản 2.b và 2.c Điều 11 Luật Đường sắt 2017 “Bộ Giao thông Vận tải thực hiện <i>nhiệm vụ, quyền hạn</i> của đại diện chủ sở hữu đối với tài sản <i>kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</i> ”; “Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện <i>nhiệm vụ, quyền hạn</i> của đại diện chủ sở hữu đối với tài sản <i>kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</i> ”. | Bộ ngoại giao | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định |
| | Điều 50. Xử lý chuyển tiếp | | | |
| | | Đề nghị Ban soạn thảo chỉnh sửa tên Điều thành “ <i>Quy định chuyển tiếp</i> ” để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 73 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020)... | Bộ Tư pháp, Hà Giang | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định (sửa tên Điều thành “ <i>Quy định chuyển tiếp</i> ”) |
| | | Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát nội dung điều khoản chuyển tiếp để đảm bảo xử lý đầy đủ, toàn diện các trường hợp xảy ra trên thực tế, tránh vướng mắc phát sinh (nếu có) sau khi Nghị định có hiệu lực thi hành. | Bộ Tư pháp | Tiếp thu, rà soát để hoàn thiện dự thảo Nghị định |
| | 1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt | Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung | Bộ GTVT | - Nội dung 1: Tiếp thu, hoàn thiện |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|---|---|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | <p>quốc gia đã được cơ quan, người có thẩm quyền giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị định này theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật; không phải làm lại thủ tục để giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 8 Nghị định này, Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm chỉ đạo hoàn thành việc rà soát, thống kê và giao quản lý tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> | <p>cho phù hợp để xử lý các tồn tại, vướng mắc trong thời gian qua khi triển khai thực hiện Nghị định số 46/2018/NĐ-CP cũng như khi Đề án quản lý, sử dụng và khai thác tài sản KCHTĐS quốc gia chưa được phê duyệt.</p> <p>1. Bổ sung quy định về kinh phí thực hiện việc rà soát, thống kê và tổ chức giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản KCHTĐS được bố trí từ ngân sách nhà nước bằng nguồn chi thường xuyên.</p> <p>2. Bổ sung thêm khoản 2: <i>“Đối với việc xử lý vật tư thu hồi từ các dự án thay tà vẹt bê tông K1, K2 thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt đã được cơ quan, người có thẩm quyền chấp thuận và đưa vào sử dụng trong công tác bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thì không thực hiện bố trí kinh phí bảo trì đối với phần giá trị vật liệu, vật tư đưa vào sử dụng đó. Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm rà soát, tổng hợp toàn bộ khối lượng, giá trị vật tư thu hồi đã đưa vào sử dụng trong công tác bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia và vật tư thu hồi còn lại thuộc dự án trên để quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 27”</i>.</p> <p>3. Đối với các Hợp đồng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này như cung cấp các dịch vụ cho thuê kho, bãi, nhà xưởng; vị trí, địa điểm, quầy, kiot bán hàng; văn phòng, phòng làm việc, nhà lưu trú; địa điểm quảng cáo; treo/kéo cáp trên đường cột thông tin tín hiệu, cống, máng, bê; lắp đặt máy móc, thiết bị, lắp đặt đường ống</p> | | <p>dự thảo Nghị định tại khoản 1 Điều 50 dự thảo.</p> <p>- Nội dung 2: Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định tại khoản 2 Điều 50 dự thảo.</p> <p>- Nội dung 3: Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định tại khoản 3, khoản 4 Điều 50 dự thảo.</p> <p>- Nội dung 4: Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định tại khoản 5 Điều 50 dự thảo.</p> <p>- Nội dung 5: Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định tại khoản 8 Điều 50 dự thảo.</p> |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|--|--|-----------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | <p>qua cầu và hợp đồng cung cấp dịch vụ khác đã được doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cơ quan, người có thẩm quyền ký kết theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định đến hết thời hạn của Hợp đồng ký kết. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ các Hợp đồng trên khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này.</p> <p>4. Bổ sung xử lý chuyển tiếp đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đã được cơ quan, người có thẩm quyền giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị</p> <p>5. Bổ sung quy định sau: Việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã được cơ quan, người có thẩm quyền chấp thuận và đã hoàn thành việc xử lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thì việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 45 Nghị định này.</p> | | |
| | <p>2. Đối với các Hợp đồng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã được cơ quan, người có thẩm quyền ký kết theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định đến hết thời hạn của Hợp đồng ký kết. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định tại Nghị định này.</p> | <p>Đề nghị sửa đổi để làm rõ hơn quy định tại khoản 2 Điều 50, như sau: "2. <i>Đối với các Hợp đồng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã được cơ quan, người có thẩm quyền ký kết theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định đến hết thời hạn của Hợp đồng ký kết; việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt nêu trên được thực hiện theo quy định tại</i></p> | TCT ĐSVN | Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định tại khoản 3, khoản 4 Điều 50 dự thảo. |

| | Nội dung dự thảo | Nội dung tham gia | Bộ, ngành, địa phương | Nội dung tiếp thu, giải trình |
|---|------------------|--|-----------------------|-------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | <p><i>Nghị định này</i>".</p> <p>Lý do: Thời gian qua Tổng công ty buộc phải gia hạn các hợp đồng hết hạn với đơn giá giữ nguyên như cũ, do đó hợp đồng gia hạn chưa hoàn toàn đúng quy định pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, việc ký theo giá cũ còn bị thiếu hành lang pháp lý về giá khi Quyết định 1129/QĐ-BTC của Bộ Tài chính không còn hiệu lực và chưa có quy định mới.</p> | | |

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5526 /BGTVT-TC

Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2024

V/v tham gia ý kiến về dự thảo
Nghị định quy định việc quản lý, sử
dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ
tầng đường sắt.

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Giao thông vận tải (GTVT) nhận được văn bản số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (dự thảo Nghị định). Trên cơ sở ý kiến tham gia góp ý của Cục Đường sắt Việt Nam (ĐSVN), Tổng công ty ĐSVN và các cơ quan, đơn vị liên quan, Bộ GTVT tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định như Phụ lục kèm theo. Bộ GTVT gửi Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp và hoàn thiện dự thảo Nghị định.

Trân trọng./. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ KCHTGT;
- Cục ĐSVN;
- Tổng công ty ĐSVN;
- Lưu: VT, TC (PTT).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Danh Huy

PHỤ LỤC

Tham gia ý kiến dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

(Kèm theo văn bản số 5526/BGTVT ngày 24 / 05 /2024 của Bộ Giao thông vận tải)



| Dự thảo của Bộ Tài chính | Dự thảo của Bộ Giao thông vận tải | Thuyết minh |
|---|---|---|
| <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư, quản lý, gồm:</p> <p>a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.</p> <p>b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.</p> <p>2. Nghị định này không điều chỉnh đối với:</p> <p>a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân và chế độ báo cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.</p> <p>b) Trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước tại khu vực ga đường sắt. Việc quản lý, sử dụng đối với tài sản này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công áp dụng đối với tài sản công phục vụ công tác quản lý, hoạt động của cơ quan nhà nước.</p> <p>c) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do đối tượng khác (ngoài các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này và điểm a, điểm b khoản 2 Điều này) quản lý và các tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư, quản lý nhưng đã bán, chuyển nhượng, tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trong trường hợp này thực hiện theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.</p> | <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư, quản lý, gồm:</p> <p>a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.</p> <p>b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.</p> <p>2. Nghị định này không điều chỉnh đối với:</p> <p>a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân và chế độ báo cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.</p> <p>b) Trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước tại khu vực ga đường sắt. Việc quản lý, sử dụng đối với tài sản này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công áp dụng đối với tài sản công phục vụ công tác quản lý, hoạt động của cơ quan nhà nước.</p> <p>c) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do đối tượng khác (ngoài các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này và điểm a, điểm b khoản 2 Điều này) quản lý và các tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư, quản lý nhưng đã bán, chuyển nhượng, tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trong trường hợp này thực hiện theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.</p> | <p>- Phạm vi điều chỉnh của Nghị định này đã bao gồm tài sản KCHTĐS quốc gia được đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được đầu tư theo phương thức đối tác công tư được quy định tại Điều 30.</p> <p>- Điều này quy định không điều chỉnh đối với "a) Tài sản KCHTĐS tại đơn vị lực lượng vũ trang ...; b) Trụ sở làm việc ...; c) Tài sản KCHTĐS do đối tượng khác ..." là phù hợp vì đã bao gồm tài sản KCHTĐS quốc gia giao theo hình thức đầu tư vốn vào doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, không điều chỉnh đối với quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>Do vậy, Bộ GTVT thống nhất với nội dung dự thảo của Bộ Tài chính.</p> |

| | | |
|---|--|---|
| <p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>1. Cơ quan thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu và quản lý nhà nước về đường sắt.</p> <p>2. Cơ quan quản lý đường sắt, gồm:</p> <p>a) Cơ quan quản lý đường sắt quốc gia là cơ quan thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật chuyên ngành về giao thông vận tải đường sắt¹.</p> <p>b) Cơ quan quản lý đường sắt đô thị là cơ quan thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý nhà nước về đường sắt đô thị².</p> <p>3. Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt):</p> <p>a) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý đường sắt quốc gia).</p> <p>b) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị).</p> <p>4. Tổ chức, doanh nghiệp thuê quyền khai thác, nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>5. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> | <p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>1. Cơ quan thực hiện chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của đại diện chủ sở hữu đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và quản lý nhà nước về đường sắt.</p> <p>2. Cơ quan quản lý đường sắt, gồm:</p> <p>a) Cơ quan quản lý đường sắt quốc gia là cơ quan thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật chuyên ngành về giao thông vận tải đường sắt³.</p> <p>b) Cơ quan quản lý đường sắt đô thị là cơ quan thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý nhà nước về đường sắt đô thị³.</p> <p>3. Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt):</p> <p>a) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia).</p> <p>b) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị).</p> <p>4. Tổ chức, doanh nghiệp thuê quyền khai thác, nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>5. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> | <p>- Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu Điều 11 Luật Đường sắt để điều chỉnh khoản 1 Điều này cho phù hợp.</p> <p>- Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cụm từ “tài sản kết cấu hạ tầng” để đảm bảo thống nhất về nội dung trong toàn bộ dự thảo Nghị định.</p> |
| <p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. <i>Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt</i> là việc doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản được giao</p> | <p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt <i>Trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt</i> là việc doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản được giao</p> | <p>Điều 3 (Giải thích từ ngữ) dự thảo Nghị định chưa làm rõ sự khác nhau giữa việc trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (KCHTĐS) với việc cho thuê quyền khai thác tài sản KCHTĐS. Đồng thời,</p> |

¹ Cục Đường sắt Việt Nam

² Sở Giao thông vận tải

| | | |
|--|--|--|
| <p>lý thông qua việc cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là việc doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt chuyển giao có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cho tổ chức, doanh nghiệp theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.</p> <p>3. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là việc doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt chuyển giao trong một thời gian nhất định quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cho doanh nghiệp theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.</p> | <p>quản lý thông qua việc để cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là việc doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt Nhà nước chuyển giao có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cho tổ chức, doanh nghiệp theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng. Tổ chức, doanh nghiệp nhận chuyển giao có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện cung cấp các dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là việc doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt Nhà nước chuyển giao trong một thời gian nhất định quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cho Tổ chức, doanh nghiệp theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng. Tổ chức, doanh nghiệp nhận chuyển giao có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện cung cấp các dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.</p> | <p>tại Điều 83 Luật Tài sản công quy định: Nhà nước là cơ quan có thẩm quyền cho thuê, chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng. Do vậy, Bộ GTVT đề nghị điều chỉnh lại nội dung tại khoản 2, khoản 3 Điều này cho phù hợp và bổ sung, làm rõ sự khác nhau giữa trực tiếp khai thác và cho thuê quyền khai thác tài sản KCHTĐS.</p> |
| <p>Điều 4. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt</p> <p>1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là công trình, hạng mục công trình đường sắt và đất gắn với công trình, hạng mục công trình đường sắt.</p> <p>2. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là công trình, hạng mục công trình đường sắt quốc gia và công trình phụ trợ khác trực tiếp phục vụ hoạt động điều hành giao thông vận tải đường sắt; phục vụ công tác vận tải hành khách và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân theo quy định (đón, trả, tác nghiệp kỹ thuật liên quan đến vận tải hành khách bằng đường sắt), vận tải hàng hóa (giao, nhận, xếp, dỡ, bảo quản và tác nghiệp kỹ thuật liên quan đến vận tải hàng hoá, hành lý, bao gửi bằng đường sắt); phục vụ kỹ thuật sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện giao thông đường sắt, trang thiết bị vận tải đường sắt; phục vụ cung cấp xăng dầu đường sắt; phục vụ cung cấp suất ăn, giặt là đường sắt; phục vụ nhân viên đường sắt lưu trú, lên xuống ban làm việc và các hoạt động khác liên quan đến vận tải đường sắt.</p> <p>3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị là công trình, hạng mục</p> | <p>Điều 4. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt</p> <p>1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là công trình, hạng mục công trình đường sắt và đất gắn với công trình, hạng mục công trình đường sắt và công trình phụ trợ khác trực tiếp phục vụ công tác chạy tàu, đón tiễn hành khách, xếp dỡ hàng hóa của đường sắt.</p> <p>2. Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:</p> <p>a) Đường sắt quốc gia, cầu, cống, hầm, kè, tường chắn, đường ngang, hàng rào, cống, đường vào ga;</p> <p>b) Ga (nhà ga, đường sắt trong ga, đường bộ trong ga, kho, bãi hàng, nhà đặt thiết bị thông tin tín hiệu, ke ga, mái che ke ga, giao ke, cầu vượt dành cho hành khách trong ga, chòi gác ghi; ...);</p> <p>c) Đepo (nơi tập kết tàu, bảo dưỡng, sửa chữa tàu, thực hiện các tác nghiệp kỹ thuật khác);</p> <p>d) Trung tâm điều hành giao thông vận tải đường sắt quốc gia;</p> <p>đ) Hệ thống cấp, thoát nước; thông tin tín hiệu; cấp điện liên quan trực tiếp</p> | <p>- Nội dung tại khoản 1 Điều này phù hợp với Điều 11 Luật Đường sắt. Tuy nhiên đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung "công trình phụ trợ khác trực tiếp phục vụ công tác chạy tàu, đón tiễn hành khách, xếp dỡ hàng hóa của đường sắt" vào tài sản KCHTĐS quốc gia đối với để phù hợp với khoản c Điều 157 và Điều 209 Luật Đất đai.</p> <p>- Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung quy định danh mục tài sản KCHTĐS quốc gia, KCHTĐS đô thị cho phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Đường sắt và để thuận lợi cho công tác quản lý, hạch toán, kế toán, giao tài sản.</p> <p>- Đối với danh mục tài sản KCHTĐS</p> |

công trình đường sắt đô thị và công trình phụ trợ khác trực tiếp phục vụ công tác chạy tàu, đưa, đón hành khách.

4. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia được xác định như sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có liên quan đến quốc phòng được xác định theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt liên quan đến an ninh quốc gia là tài sản thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

đến chạy tàu;

e) Nhà cung cấp, cung đường, cung thông tin tín hiệu đường sắt quốc gia, nhà đặt các thiết bị thông tin tín hiệu đường sắt quốc gia, nhà gác cầu, nhà gác hầm, nhà gác chắn đường ngang;

g) Quảng trường ga;

h) Kho, bãi chứa hàng hóa bên ngoài ga;

i) Các công trình dịch vụ, thương mại (bán hàng, lưu trú, dịch vụ khác) tại các ga đường sắt quốc gia;

k) Nhà làm việc của cơ quan nhà nước tại khu vực ga;

l) Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

m) Các công trình, hạng mục công trình khác.

n) Công trình phụ trợ khác trực tiếp phục vụ công tác chạy tàu, đón tiễn hành khách, xếp dỡ hàng hóa của đường sắt bao gồm: công trình phục vụ hoạt động điều hành giao thông vận tải đường sắt; phục vụ công tác đón, trả, tác nghiệp kỹ thuật liên quan đến vận tải hành khách bằng đường sắt, vận tải hàng hóa (giao, nhận, xếp, dỡ, bảo quản và tác nghiệp kỹ thuật liên quan đến vận tải hàng hoá, hành lý, bao gửi hàng đường sắt); phục vụ kỹ thuật sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện giao thông đường sắt, trang thiết bị vận tải đường sắt; phục vụ cung cấp xăng dầu đường sắt; phục vụ cung cấp suất ăn, giặt là đường sắt; phục vụ nhân viên đường sắt lưu trú, lên xuống ban làm việc và các hoạt động khác liên quan đến vận tải đường sắt trong phạm vi đất xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt.

3. Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tỉnh để hoàn thiện dự thảo Nghị định.

4. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia được xác định như sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có liên quan đến quốc phòng được xác định theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt liên quan đến an ninh quốc gia là tài sản thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

đô thị, đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến của Ủy ban nhân dân Tp. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh để hoàn thiện.

- Bổ sung vào danh mục nội dung: "*l) Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.*" để có cơ sở bố trí kinh phí quản lý, bảo trì đối với hệ thống trên khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng.

Điều 5. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các nguyên tắc sau đây:

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị; được tính hao mòn, khấu hao tài sản và bảo trì công trình theo quy định của pháp luật.
2. Việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo phương thức cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này được thực hiện đối với toàn bộ hoặc một phần của từng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Trường hợp khai thác một phần của từng tài sản thì phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại.
3. Khi thực hiện giao, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này, trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng xác định theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng; trường hợp tài sản thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia được xác định là tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia và không phải có ý kiến của Bộ Công an; trường hợp tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý đường sắt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định tại hồ sơ đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản.
4. Trường hợp thực hiện khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này mà làm ảnh hưởng đến các tài sản kết cấu hạ tầng khác có liên quan thì phải có ý kiến của đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan đó và phải có giải pháp, xác định rõ trách nhiệm để khắc phục.
5. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo quy định; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh

Điều 5. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các nguyên tắc sau đây:

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị; được tính hao mòn, khấu hao tài sản và bảo trì công trình theo quy định của pháp luật.
2. Việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo phương thức **trực tiếp khai thác tài sản**, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này được thực hiện đối với toàn bộ hoặc một phần của từng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Trường hợp khai thác một phần của từng tài sản thì phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại.
3. Khi thực hiện giao **quản lý**, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này, trường hợp tài sản có liên quan đến quốc phòng xác định theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng; trường hợp tài sản thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia được xác định là tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia và **không** phải có ý kiến của Bộ Công an; trường hợp tài sản không liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý đường sắt, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm xác định tại hồ sơ đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, khai thác, xử lý tài sản.
4. Trường hợp thực hiện khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này mà làm ảnh hưởng đến các tài sản kết cấu hạ tầng khác có liên quan thì phải có ý kiến của **cơ quan quản lý đường sắt**, đối tượng được giao quản lý các tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan và phải có giải pháp, xác định rõ trách nhiệm để khắc phục.
5. Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo quy định; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.
6. Việc quản lý, sử dụng đối với đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp:

- Bổ sung cụm từ "**quản lý**" để trở thành "**Khi thực hiện giao quản lý, khai thác, xử lý tài sản ...**" và bỏ từ "**không**" tại khoản 3.
- Bổ sung cụm từ "trực tiếp khai thác tài sản" để đảm bảo bao gồm toàn bộ các phương thức khai thác tài sản.

| | | |
|--|---|---|
| <p>theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Việc quản lý, sử dụng đối với đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>Việc sử dụng quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về đất đai.</p> | <p>Việc sử dụng quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về đất đai.</p> | |
| <p>Điều 6. Phạm vi và hình thức giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị định này theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.</p> <p>Phạm vi tài sản giao, thẩm quyền quyết định giao và trình tự, thủ tục giao tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này và quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định này.</p> <p>2. Sau khi giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ nhu cầu và khả năng quản lý, khai thác tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia xây dựng phương án đầu tư, bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia. Phương án đầu tư, bổ sung vốn điều lệ phải xác định cụ thể danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp (tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp).</p> <p>Thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư, bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ phương án đầu tư, bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia có trách nhiệm điều chỉnh danh mục tài sản (gồm: Danh mục tài sản giao theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và danh mục tài sản giao theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp), kế toán tài sản theo quy định.</p> | <p>Điều 6. Phạm vi và hình thức giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị định này theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.</p> <p>Phạm vi tài sản giao, thẩm quyền quyết định giao và trình tự, thủ tục giao tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này và quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định này.</p> <p>2. Sau khi giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ quy định pháp luật về đường sắt, nhu cầu và khả năng quản lý, khai thác tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia xây dựng phương án đầu tư, bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia. Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ phải xác định cụ thể danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp (tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp).</p> <p>Thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư, bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.</p> <p>Căn cứ phương án đầu tư, bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia có trách nhiệm điều chỉnh danh mục tài sản (gồm: Danh mục tài sản giao theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và danh mục tài sản giao theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp), kế toán tài sản theo quy định.</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung các nội dung trên để đảm bảo việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản KCHTĐS quốc gia đã giao cho doanh nghiệp theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hệ thống đường sắt quốc gia, quy hoạch phát triển đường sắt quốc gia.</p> |

Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt sau khi giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về đường sắt, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và các quy định sau đây:

a) Việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phải bảo đảm quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt giao cho doanh nghiệp quản lý.

b) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo kế toán đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật khác có liên quan.

c) Đối với công trình kết cấu hạ tầng đường sắt không còn nhu cầu sử dụng vào mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt mà doanh nghiệp tự nguyện trả lại đất gắn liền với công trình đó cho Nhà nước thì việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và xử lý tài sản sau khi thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

d) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đất đai, thực hiện quản lý, sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.

đ) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia không phải thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Chương III, Chương V Nghị định này.

3. Việc giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có văn bản giao cho doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này quản lý.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được xử lý theo hình thức giao cho doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này quản lý thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị

Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt sau khi giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về đường sắt, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và các quy định sau đây:

a) Việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phải bảo đảm quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt giao cho doanh nghiệp quản lý.

b) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo kế toán đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật khác có liên quan.

c) Đối với công trình kết cấu hạ tầng đường sắt không còn nhu cầu sử dụng vào mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt mà doanh nghiệp tự nguyện trả lại đất gắn liền với công trình đó cho Nhà nước thì việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và xử lý tài sản sau khi thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

d) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đất đai, thực hiện quản lý, sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.

đ) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không phải thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Chương III, Chương V Nghị định này. Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được giao theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hệ thống đường sắt, quy hoạch phát triển đường sắt và tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.

3. Việc giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có văn bản giao cho doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này quản lý.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được xử lý theo hình thức giao cho doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này quản lý thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, xử lý tài sản được xác

định này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước:

a) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án và đối tượng thụ hưởng là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này thì sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng, mua sắm, chủ đầu tư/chủ dự án/ban quản lý dự án có trách nhiệm bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án nhưng đối tượng thụ hưởng không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này thì xử lý như sau:

Nếu đối tượng thụ hưởng là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội thì sau khi đối tượng thụ hưởng tiếp nhận tài sản, thực hiện việc điều chuyển tài sản từ đối tượng thụ hưởng sang Bộ Giao thông vận tải để giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này; việc điều chuyển được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này;

Nếu đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không phải là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội thì đối tượng thụ hưởng thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có nhu cầu điều chuyển tài sản sang Bộ Giao thông vận tải để giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này thì thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này.

c) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt không xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao hoặc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định về xử lý tài sản của

lập quyền sở hữu toàn dân; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước:

a) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án và đối tượng thụ hưởng là doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này thì sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng, mua sắm, chủ đầu tư/chủ dự án/ban quản lý dự án có trách nhiệm bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án nhưng đối tượng thụ hưởng không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này thì xử lý như sau:

Nếu đối tượng thụ hưởng là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội thì sau khi đối tượng thụ hưởng tiếp nhận tài sản, thực hiện việc điều chuyển tài sản từ đối tượng thụ hưởng sang Bộ Giao thông vận tải để giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này; việc điều chuyển được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này.

Nếu đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không phải là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội thì đối tượng thụ hưởng thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có nhu cầu điều chuyển tài sản sang Bộ Giao thông vận tải để giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này thì thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này.

c) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt không xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao hoặc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định về xử lý tài sản là kết quả của dự án sử dụng vốn nhà nước tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

| | | |
|--|---|--|
| <p>các dự án sử dụng vốn nhà nước tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do các đối tượng không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này quản lý mà đối tượng đang quản lý có nhu cầu điều chuyển tài sản cho Bộ Giao thông vận tải để giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thì được áp dụng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 25 Nghị định này để quyết định và thực hiện việc điều chuyển tài sản.</p> | <p>6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do các đối tượng không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này quản lý mà đối tượng đang quản lý có nhu cầu điều chuyển tài sản cho Bộ Giao thông vận tải để giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thì được áp dụng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 25 Nghị định này để quyết định và thực hiện việc điều chuyển tài sản.</p> | |
| <p>Điều 7. Thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp</p> <p>1. Thủ tướng Chính phủ quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này.</p> | <p>Điều 7. Thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp</p> <p>1. Thủ tướng Chính phủ quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này.</p> | |
| <p>Điều 8. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp</p> <p>1. Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo cơ quan quản lý đường sắt quốc gia quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định này chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý (bao gồm cả trường hợp tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư do nhà đầu tư chuyên giao cho Nhà nước theo quy định mà không phải thực hiện xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản); trên cơ sở đó, thực hiện phân loại như sau:</p> <p>a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản</p> | <p>Điều 8. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp</p> <p>1. Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo cơ quan quản lý đường sắt quốc gia, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị định này chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan, căn cứ vào sổ sách kế toán rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý (bao gồm cả trường hợp tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư do nhà đầu tư chuyên giao cho Nhà nước theo quy định mà không phải thực hiện xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản); trên cơ sở đó, thực hiện phân loại như sau:</p> <p>a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này quản lý thì tiếp tục</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thời hạn đối với việc lấy ý kiến và trả lời ý kiến của cơ quan có liên quan, thời hạn lập hồ sơ (trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao tài sản) và thực hiện bán giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia khi có quyết định giao quản lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.</p> |

đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này quản lý thì tiếp tục quản lý theo quy định tại Nghị định này.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này đang quản lý nhưng chưa có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia tạm giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia quy định khoản 1 Điều 6 Nghị định này quản lý.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã giao/tạm giao cho đối tượng khác (không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này) quản lý.

2. Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý đường sắt quốc gia lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này, báo cáo Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của cơ quan quản lý đường sắt quốc gia về việc đề nghị giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 01 bản chính.

b) Ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ Giao thông vận tải; cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia được đề nghị giao quản lý tài sản: 01 bản chính.

c) Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/diện tích/khối lượng, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản) do cơ quan quản lý đường sắt quốc gia chủ trì lập: 01 bản chính.

d) Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao/điều chuyển tài sản, Biên bản giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng/tạm quản lý tài sản - nếu có): 01 bản sao.

đ) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

quản lý theo quy định tại Nghị định này.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này đang quản lý nhưng chưa có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia tạm giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định khoản 1 Điều 6 Nghị định này quản lý.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã giao/tạm giao cho đối tượng khác (không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này) quản lý.

2. Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý đường sắt quốc gia lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này, báo cáo Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của cơ quan quản lý đường sắt quốc gia về việc đề nghị giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 01 bản chính.

b) Ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ Giao thông vận tải; cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được đề nghị giao quản lý tài sản: 01 bản chính.

c) Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/diện tích/khối lượng, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản) do cơ quan quản lý đường sắt quốc gia chủ trì lập: 01 bản chính.

d) Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao/điều chuyển tài sản, Biên bản giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng/tạm quản lý tài sản - nếu có): 01 bản sao.

đ) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đối với trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đối với trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

Trường hợp việc giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan, lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao tài sản. Hồ sơ trình gồm:

a) Tờ trình của Bộ Giao thông vận tải về việc đề nghị giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt (tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt được giao quản lý tài sản; hình thức giao tài sản; danh mục tài sản đề nghị giao: Tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/diện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý tài sản) kèm theo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: 01 bản chính.

b) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan.

c) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao.

d) Các hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này: 01 bản sao.

4. Nội dung chủ yếu của Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gồm:

a) Tên doanh nghiệp được giao quản lý tài sản đường sắt.

b) Danh mục tài sản giao (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/diện tích/khối lượng, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản; cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý tài sản).

c) Hình thức giao tài sản: Không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

5. Căn cứ Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia của cơ quan, người có thẩm quyền:

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia thực hiện việc

Trường hợp việc giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Bộ Giao thông vận tải, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Bộ Giao thông vận tải lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao tài sản. Hồ sơ trình gồm:

a) Tờ trình của Bộ Giao thông vận tải về việc đề nghị giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt được giao quản lý tài sản; hình thức giao tài sản; danh mục tài sản đề nghị giao: Tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/diện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý tài sản) kèm theo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: 01 bản chính.

b) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan.

c) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao.

d) Các hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này: 01 bản sao.

4. Nội dung chủ yếu của Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gồm:

a) Tên doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

b) Danh mục tài sản giao (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/diện tích/khối lượng, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản; cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý tài sản).

c) Hình thức giao tài sản: Không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

5. Căn cứ Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia của cơ quan, người có thẩm quyền:

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan đối với tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản như quy định tại điểm b khoản này.

| | | |
|--|---|--|
| <p>quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan đối với tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản như quy định tại điểm b khoản này.</p> <p>b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý (Bên giao) thực hiện bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia (Bên nhận) đối với tài sản quy định tại điểm d khoản 1 Điều này; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Sau khi tiếp nhận tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.</p> | <p>b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định giao quản lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý (Bên giao) thực hiện bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (Bên nhận) đối với tài sản quy định tại điểm d khoản 1 Điều này; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Sau khi tiếp nhận tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.</p> | |
| <p>Điều 9. Phạm vi và hình thức giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</p> <p>1. Toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.</p> <p>Phạm vi tài sản giao, thẩm quyền quyết định giao và trình tự, thủ tục giao tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này và quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định này.</p> <p>2. Sau khi giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ nhu cầu và khả năng quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị xây dựng phương án đầu tư, bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị. Phương án đầu tư, bổ sung vốn điều lệ phải xác định cụ thể danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp (tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp).</p> <p>Thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư, bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ phương án đầu tư, bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm điều chỉnh danh mục tài</p> | <p>Điều 9. Phạm vi và hình thức giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</p> <p>1. Toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.</p> <p>Phạm vi tài sản giao, thẩm quyền quyết định giao và trình tự, thủ tục giao tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này và quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định này.</p> <p>2. Sau khi giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ nhu cầu và khả năng quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị xây dựng phương án đầu tư, bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị. Phương án đầu tư, bổ sung vốn điều lệ phải xác định cụ thể danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp (tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp).</p> <p>Thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư, bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.</p> <p>Căn cứ phương án đầu tư, bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm điều chỉnh danh mục tài sản (gồm: Danh mục tài sản giao theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và danh mục</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cho phù hợp và để đảm bảo việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản KCHTĐS đô thị đã giao cho doanh nghiệp theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hệ thống đường sắt, quy hoạch phát triển đường sắt.</p> |

sản (gồm: Danh mục tài sản giao theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và danh mục tài sản giao theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp), kế toán tài sản theo quy định.

Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt sau khi giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về đường sắt, pháp luật có liên quan và quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị không phải thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Chương IV, Chương V Nghị định này.

3. Việc giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do Nhà nước đầu tư, quản lý cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có văn bản giao cho doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này quản lý.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được xử lý theo hình thức giao cho doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này quản lý thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước:

a) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án và đối tượng thụ hưởng là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều này thì sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng, mua sắm, chủ đầu tư/chủ dự án/ban quản lý dự án có trách nhiệm bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền

tài sản giao theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp), kế toán tài sản theo quy định.

Việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt sau khi giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về đường sắt, pháp luật có liên quan và quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không phải thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Chương IV, Chương V Nghị định này. Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được giao theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hệ thống đường sắt, quy hoạch phát triển đường sắt và tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.

3. Việc giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do Nhà nước đầu tư, quản lý cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có văn bản giao cho doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này quản lý.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được xử lý theo hình thức giao cho doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này quản lý thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị là kết quả của quá trình thực hiện dự án sử dụng vốn nhà nước:

a) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án và đối tượng thụ hưởng là doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều này thì sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng, mua sắm, chủ đầu tư/chủ dự án/ban quản lý dự án có trách nhiệm bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

b) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án

phê duyệt có xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án nhưng đối tượng thụ hưởng không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều này thì xử lý như sau:

Nếu đối tượng thụ hưởng là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội thì sau khi đối tượng thụ hưởng tiếp nhận tài sản, thực hiện việc điều chuyển tài sản từ đối tượng thụ hưởng sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều này; việc điều chuyển được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này;

Nếu đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không phải là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội thì đối tượng thụ hưởng thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có nhu cầu điều chuyển tài sản sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều này thì thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này.

c) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt không xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao hoặc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định về xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do các đối tượng không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều này quản lý mà đối tượng đang quản lý có nhu cầu điều chuyển tài sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều này thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thì được áp dụng thẩm quyền,

nhưng đối tượng thụ hưởng không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều này thì xử lý như sau:

Nếu đối tượng thụ hưởng là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội thì sau khi đối tượng thụ hưởng tiếp nhận tài sản, thực hiện việc điều chuyển tài sản từ đối tượng thụ hưởng sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều này; việc điều chuyển được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này;

Nếu đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không phải là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội thì đối tượng thụ hưởng thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có nhu cầu điều chuyển tài sản sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều này thì thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này.

c) Trường hợp trong dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt không xác định đối tượng thụ hưởng tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao hoặc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định về xử lý tài sản là kết quả của dự án sử dụng vốn nhà nước tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do các đối tượng không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều này quản lý mà đối tượng đang quản lý có nhu cầu điều chuyển tài sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều này thì thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; không phải thực hiện lại thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thì được áp dụng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 41 Nghị định này để quyết định và thực hiện việc điều chuyển tài sản.

| | | |
|---|---|---|
| <p>trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 41 Nghị định này để quyết định và thực hiện việc điều chuyển tài sản.</p> | | |
| <p>Điều 10. Thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp</p> <p>1. Thủ tướng Chính phủ quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này.</p> | <p>Điều 10. Thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp</p> <p>1. Thủ tướng Chính phủ quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này.</p> | |
| <p>Điều 11. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp</p> <p>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan quản lý đường sắt đô thị quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định này chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý; trên cơ sở đó, thực hiện phân loại như sau:</p> <p>a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này quản lý thì tiếp tục quản lý theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này đang quản lý nhưng chưa có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.</p> <p>c) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị tạm giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quy định khoản 1 Điều 9 Nghị định này quản lý.</p> <p>d) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đã giao/tạm giao cho đối tượng khác (không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này) quản lý.</p> <p>2. Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại các điểm b, c</p> | <p>Điều 11. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp</p> <p>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan quản lý đường sắt đô thị, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý; trên cơ sở đó, thực hiện phân loại như sau:</p> <p>a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho doanh nghiệp quản lý kết cấu hạ tầng tài sản đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này quản lý thì tiếp tục quản lý theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này đang quản lý nhưng chưa có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.</p> <p>c) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị tạm giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định khoản 1 Điều 9 Nghị định này quản lý.</p> <p>d) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đã giao/tạm giao cho đối tượng khác (không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này) quản lý.</p> <p>2. Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đề</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thời hạn đối với việc lấy ý kiến và trả lời ý kiến của cơ quan có liên quan, lập hồ sơ (trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao tài sản) và thực hiện bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị khi có quyết định giao quản lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.</p> |

và d khoản 1 Điều này cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản của cơ quan quản lý đường sắt đô thị về việc đề nghị giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 01 bản chính.

b) Ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Các cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được đề nghị giao quản lý tài sản: 01 bản chính.

c) Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản) do cơ quan quản lý đường sắt đô thị chủ trì lập: 01 bản chính.

d) Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao/điều chuyển tài sản, Biên bản giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng/tạm quản lý tài sản - nếu có): 01 bản sao.

đ) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đối với trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

Trường hợp việc giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan, lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao tài sản. Hồ sơ trình gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt (tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được giao quản lý tài sản; hình thức giao tài sản; danh mục tài sản đề nghị giao: Tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang

ngợi gồm:

a) Văn bản của cơ quan quản lý đường sắt đô thị về việc đề nghị giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 01 bản chính.

b) Ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Các cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được đề nghị giao quản lý tài sản: 01 bản chính.

c) Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản) do cơ quan quản lý đường sắt đô thị chủ trì lập: 01 bản chính.

d) Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao/điều chuyển tài sản, Biên bản giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng/tạm quản lý tài sản - nếu có): 01 bản sao.

đ) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đối với trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

Trường hợp việc giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao tài sản. Hồ sơ trình gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt (tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được giao quản lý tài sản; hình thức giao tài sản; danh mục tài sản đề nghị giao: Tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản); cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý tài sản;) kèm theo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: 01 bản chính.

| | | |
|--|---|--|
| <p>quản lý/tạm quản lý tài sản;) kèm theo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: 01 bản chính.</p> <p>b) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản chính</p> <p>c) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao.</p> <p>d) Các hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này: 01 bản sao.</p> <p>4. Nội dung chủ yếu của Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 8 Nghị định này.</p> <p>5. Căn cứ Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị của cơ quan, người có thẩm quyền:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan đối với tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản như quy định tại điểm b khoản này.</p> <p>b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý (Bên giao) thực hiện bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị (Bên nhận) đối với tài sản quy định tại điểm d khoản 1 Điều này; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Sau khi tiếp nhận tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.</p> | <p>b) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản chính</p> <p>c) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao.</p> <p>d) Các hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này: 01 bản sao.</p> <p>4. Nội dung chủ yếu của Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 8 Nghị định này.</p> <p>5. Căn cứ Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị của cơ quan, người có thẩm quyền:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan đối với tài sản quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này; không phải thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản như quy định tại điểm b khoản này.</p> <p>b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định giao quản lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý (Bên giao) thực hiện bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (Bên nhận) đối với tài sản quy định tại điểm d khoản 1 Điều này; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Sau khi tiếp nhận tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.</p> | |
| <p>Điều 12. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Hồ sơ quản lý tài sản gồm:</p> <p>a) Hồ sơ liên quan đến việc hình thành, biến động tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; hồ sơ pháp lý về đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (nếu có) đối với trường hợp được cơ quan, người có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>b) Báo cáo kê khai; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>c) Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt</p> | <p>Điều 12. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Hồ sơ quản lý tài sản gồm:</p> <p>a) Hồ sơ liên quan đến việc hình thành, biến động tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; hồ sơ pháp lý về đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (nếu có) đối với trường hợp được cơ quan, người có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>b) Báo cáo kê khai; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>c) Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy</p> | |

| | | |
|--|--|---|
| <p>theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>2. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm lập hồ sơ, quản lý, lưu trữ hồ sơ về tài sản theo quy định đối với các hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>Trách nhiệm lập, quản lý, lưu trữ đối với các hồ sơ đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp, cải tạo tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.</p> | <p>định tại Nghị định này.</p> <p>2. Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm lập hồ sơ, quản lý, lưu trữ hồ sơ về tài sản theo quy định đối với các hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>Trách nhiệm lập, quản lý, lưu trữ đối với các hồ sơ đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp, cải tạo tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.</p> | |
| <p>Điều 13. Kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có kết cấu độc lập hoặc một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định là một đối tượng ghi sổ kế toán.</p> <p>2. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm:</p> <p>a) Mở sổ và thực hiện kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định tại Nghị định này.</p> <p>b) Thực hiện báo cáo tình hình tăng, giảm, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được xác định theo nguyên tắc:</p> <p>a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản thì sử dụng giá trị đã có để ghi sổ kế toán.</p> <p>b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được mua sắm, đầu tư xây dựng mới thì nguyên giá để ghi sổ kế toán là giá trị mua sắm, giá trị đầu tư xây dựng được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo quy định.</p> <p>Trường hợp giá trị mua sắm, đầu tư được quyết toán chung cho nhiều tài sản, hạng mục tài sản (không tách riêng cho từng tài sản, hạng mục tài sản) thì nguyên giá của từng tài sản, hạng mục tài sản được phân bổ theo tiêu chí phù hợp (số lượng/dự toán chi tiết/tỷ trọng theo giá trị thị trường của tài sản tương ứng...).</p> <p>Trường hợp chưa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán thì sử dụng nguyên giá tạm tính để ghi sổ kế toán. Nguyên giá tạm tính trong trường hợp này được lựa chọn theo thứ</p> | <p>Điều 13. Kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có kết cấu độc lập hoặc một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định là một đối tượng ghi sổ kế toán.</p> <p>2. Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm:</p> <p>a) Mở sổ và thực hiện kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định tại Nghị định này.</p> <p>b) Thực hiện báo cáo tình hình tăng, giảm, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được xác định theo nguyên tắc:</p> <p>a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản thì sử dụng giá trị đã có để ghi sổ kế toán.</p> <p>b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được mua sắm, đầu tư xây dựng mới thì nguyên giá để ghi sổ kế toán là giá trị mua sắm, giá trị đầu tư xây dựng được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo quy định.</p> <p>Trường hợp giá trị mua sắm, đầu tư được quyết toán chung cho nhiều tài sản, hạng mục tài sản (không tách riêng cho từng tài sản, hạng mục tài sản) thì nguyên giá của từng tài sản, hạng mục tài sản được phân bổ theo tiêu chí phù hợp (số lượng/dự toán chi tiết/tỷ trọng theo giá trị thị trường của tài sản tương ứng...).</p> <p>Trường hợp chưa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán thì sử dụng nguyên giá tạm tính để ghi sổ kế toán. Nguyên giá tạm tính trong trường hợp này được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên như sau: Giá trị đề nghị quyết toán; giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B; giá trị tổng mức đầu tư hoặc dự toán dự án được phê duyệt hoặc dự toán dự án được điều chỉnh lần gần</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung việc bố trí ngân sách nhà nước bằng nguồn chi thường xuyên để thuê doanh nghiệp thẩm định giá xác định giá trị tài sản phụ vụ kế toán tài sản.</p> |

tư ưu tiên như sau: Giá trị đề nghị quyết toán; giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B; giá trị tổng mức đầu tư hoặc dự toán dự án được phê duyệt hoặc dự toán dự án được điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh); giá trị hợp đồng EPC.

Khi sử dụng nguyên giá tạm tính để ghi sổ kế toán, trường hợp giá trị mua sắm, đầu tư theo đề nghị quyết toán, theo Biên bản nghiệm thu A-B hoặc theo tổng mức đầu tư/dự toán dự án là giá trị chung cho nhiều tài sản, hạng mục tài sản (không tách riêng cho từng tài sản, hạng mục tài sản) thì nguyên giá tạm tính của từng tài sản, hạng mục tài sản được phân bổ theo tiêu chí phù hợp (số lượng/dự toán chi tiêu/tỷ trọng theo giá trị thị trường của tài sản tương ứng...). Trong trường hợp này, khi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tạm tính theo giá trị quyết toán được phê duyệt để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện kế toán tài sản theo quy định.

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tiếp nhận theo quyết định giao, quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền thì nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản được xác định căn cứ vào nguyên giá, giá trị còn lại ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản giao, điều chuyển.

d) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt không có thông tin để xác định giá trị theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì xử lý như sau:

Trường hợp có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tương đương (về quy mô, cấp kỹ thuật, thời gian đưa vào sử dụng) và tài sản tương đương đó đã được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán thì sử dụng giá trị của tài sản tương đương để xác định giá trị tài sản;

Trường hợp không có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tương đương hoặc có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tương đương nhưng tài sản tương đương đó chưa được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán thì doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá trị tài sản theo quy định của pháp luật về giá làm căn cứ xác định nguyên giá tài sản.

đ) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt khi kiểm kê phát hiện thừa trong quá trình sử dụng thì tùy theo nguồn gốc và thời điểm đưa vào sử dụng, giá trị ghi sổ kế toán được xác định tương ứng quy

nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh); giá trị hợp đồng EPC.

Khi sử dụng nguyên giá tạm tính để ghi sổ kế toán, trường hợp giá trị mua sắm, đầu tư theo đề nghị quyết toán, theo Biên bản nghiệm thu A-B hoặc theo tổng mức đầu tư/dự toán dự án là giá trị chung cho nhiều tài sản, hạng mục tài sản (không tách riêng cho từng tài sản, hạng mục tài sản) thì nguyên giá tạm tính của từng tài sản, hạng mục tài sản được phân bổ theo tiêu chí phù hợp (số lượng/dự toán chi tiêu/tỷ trọng theo giá trị thị trường của tài sản tương ứng...). Trong trường hợp này, khi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tạm tính theo giá trị quyết toán được phê duyệt để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện kế toán tài sản theo quy định.

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tiếp nhận theo quyết định giao, quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền thì nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản được xác định căn cứ vào nguyên giá, giá trị còn lại ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản giao, điều chuyển.

d) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt không có thông tin để xác định giá trị theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì xử lý như sau:

Trường hợp có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tương đương (về quy mô, cấp kỹ thuật, thời gian đưa vào sử dụng) và tài sản tương đương đó đã được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán thì sử dụng giá trị của tài sản tương đương làm nguyên giá tài sản;

Trường hợp không có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tương đương hoặc có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tương đương nhưng tài sản tương đương đó chưa được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán thì doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá trị tài sản theo quy định của pháp luật về giá làm căn cứ xác định nguyên giá tài sản. Kinh phí thuê doanh nghiệp thẩm định giá được bố trí từ ngân sách nhà nước bằng nguồn chi thường xuyên.

đ) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt khi kiểm kê phát hiện thừa trong quá trình sử dụng thì tùy theo nguồn gốc và thời điểm đưa vào sử dụng, giá trị ghi sổ kế toán được xác định tương ứng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này.

4. Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Đánh giá lại giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt khi thực hiện tổng kiểm kê theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Thực hiện nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo

| | | |
|---|---|--|
| <p>định tại các điểm a, b, c và d khoản này.</p> <p>4. Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được điều chỉnh trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Đánh giá lại giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt khi thực hiện tổng kiểm kê theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>b) Thực hiện nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>c) Tháo dỡ một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (trong trường hợp giá trị bộ phận tài sản tháo dỡ đang được hạch toán chung trong nguyên giá tài sản), trừ trường hợp việc tháo dỡ để thay thế khi bảo trì công trình.</p> <p>d) Lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, trừ trường hợp lắp đặt để thay thế khi bảo trì công trình.</p> <p>đ) Bị mất một phần hoặc hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự cố bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác (trừ trường hợp tài sản được khắc phục sự cố theo quy định của pháp luật về bảo trì đường sắt hoặc được khôi phục lại thông qua bảo hiểm bồi thường thiệt hại của tổ chức, cá nhân có liên quan).</p> <p>5. Giá trị của tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quy định tại Nghị định này được sử dụng để ghi sổ kế toán, kê khai để đăng nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Chế độ kế toán, quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> | <p>dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>c) Tháo dỡ một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (trong trường hợp giá trị bộ phận tài sản tháo dỡ đang được hạch toán chung trong nguyên giá tài sản), trừ trường hợp việc tháo dỡ để thay thế khi bảo trì công trình.</p> <p>d) Lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, trừ trường hợp lắp đặt để thay thế khi bảo trì công trình.</p> <p>đ) Bị mất một phần hoặc hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự cố bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác (trừ trường hợp tài sản được khắc phục sự cố theo quy định của pháp luật về bảo trì đường sắt hoặc được khôi phục lại thông qua bảo hiểm bồi thường thiệt hại của tổ chức, cá nhân có liên quan).</p> <p>5. Giá trị của tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quy định tại Nghị định này được sử dụng để ghi sổ kế toán, kê khai để đăng nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Chế độ kế toán, quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> | |
| <p>Điều 14. Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Việc bảo trì, hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về đường sắt, pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định một trong các phương thức sau đây để thực hiện việc bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng</p> | <p>Điều 14. Quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Việc quản lý, bảo trì và hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về đường sắt, pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Kinh phí quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định một trong các phương thức sau đây để thực hiện việc quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc</p> | <p>- Về việc giao dự toán:</p> <p>Căn cứ các quy định pháp luật:</p> <p>(1) Điều 49 Luật Ngân sách nhà nước quy định:</p> <p>"1. Sau khi được Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách, các đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và địa phương thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và đơn vị thuộc ngân sách cấp dưới trong</p> |

| | | |
|---|--|---|
| <p>đường sắt quốc gia từ nguồn ngân sách nhà nước:</p> <p>a)³ Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản đường sắt quốc gia⁴ tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Bộ Giao thông vận tải giao dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia.</p> <p>Việc thực hiện dự toán, quyết toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>b) Căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá bảo trì, khối lượng công việc cần thực hiện và kế hoạch bảo trì tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan quản lý đường sắt quốc gia có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản đường sắt quốc gia tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Bộ Giao thông vận tải giao dự toán ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho cơ quan quản lý đường sắt quốc gia.</p> | <p>gia từ nguồn ngân sách nhà nước:</p> <p>a)³ Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản đường sắt quốc gia⁴ tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Bộ Giao thông vận tải giao dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.</p> <p>Việc thực hiện dự toán, quyết toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>b) Căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá bảo trì, khối lượng công việc cần thực hiện và kế hoạch bảo trì tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan quản lý đường sắt quốc gia có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản đường sắt quốc gia tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Bộ Giao thông vận tải giao dự toán ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho cơ quan quản lý đường sắt quốc gia.</p> <p>Cơ quan quản lý đường sắt quốc gia tổ chức đặt hàng toàn bộ công tác bảo trì tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật.</p> <p>Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì, nghiệm thu và chịu trách nhiệm về số lượng, khối lượng, tiến độ, chất lượng sản phẩm bảo trì kết cấu hạ tầng</p> | <p>trường hợp có ủy quyền thực hiện nhiệm vụ chỉ của mình, gửi cơ quan tài chính cùng cấp, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện. Việc phân bổ và giao dự toán phải bảo đảm thời hạn và yêu cầu quy định tại Điều 50 của Luật này.”</p> <p>(2) Khoản 2 Điều 22 Luật Đường sắt quy định: Bộ GTVT quản lý, sử dụng nguồn tài chính được bố trí cho công tác quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia do Nhà nước đầu tư.</p> <p>(3) Khoản 2 Điều 21 Luật Đường sắt quy định:</p> <p>a) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định việc quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; tổ chức quản lý bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư;</p> <p>c) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư theo quy định của pháp luật khi được giao, cho thuê hoặc chuyển nhượng.</p> <p>(4) Khoản 3 Điều 79 Luật Tài sản công quy định: Định kỳ hằng năm, đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng có trách nhiệm công bố công khai danh mục và kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý.</p> |
|---|--|---|

³ Tham khảo quy định tại Nghị định số 85/2022/NĐ-CP ngày 24/10/2022 của Chính phủ quy định về cơ chế xử lý tài chính cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khi thanh toán khoản tiền bù giá trong bao tiêu sản phẩm của Dự án liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn (PVN là đơn vị dự toán)

⁴ Bộ GTVT theo quy định của Luật ĐS năm 2017.

⁵ Tham khảo quy định tại Nghị định số 85/2022/NĐ-CP ngày 24/10/2022 của Chính phủ quy định về cơ chế xử lý tài chính cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khi thanh toán khoản tiền bù giá trong bao tiêu sản phẩm của Dự án liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn (PVN là đơn vị dự toán)

⁶ Bộ GTVT theo quy định của Luật ĐS năm 2017.

Cơ quan quản lý đường sắt quốc gia tổ chức đặt hàng toàn bộ công tác bảo trì tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật.

Việc thực hiện dự toán, quyết toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

4. Việc tổ chức thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, pháp luật chuyên ngành về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.

5. Trong quá trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi từ việc bảo trì thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.

6. Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt mà trong Hợp đồng quy định trách nhiệm của Bên thuê, Bên nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản thực hiện bảo trì tài sản thì Bên thuê, Bên nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản có trách nhiệm thực hiện bảo trì theo quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký bằng nguồn kinh phí của mình.

Việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) trong trường hợp này do bên nhận thuê, bên nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản tự thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

đường sắt quốc gia theo quy định. Cơ quan quản lý đường sắt quốc gia kiểm tra công tác nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành sản phẩm bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã được Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia nghiệm thu.

Việc thực hiện dự toán, quyết toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

4. Việc tổ chức thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, pháp luật chuyên ngành về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.

5. Trong quá trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi từ việc bảo trì thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.

6. Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt mà trong Hợp đồng quy định trách nhiệm của Bên thuê, Bên nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản thực hiện bảo trì tài sản thì Bên thuê, Bên nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản có trách nhiệm thực hiện bảo trì theo quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký bằng nguồn kinh phí của mình.

Việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) trong trường hợp này do bên nhận thuê, bên nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản tự thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

(5) Khoản 1 Điều 10 Nghị định 46/2018/NĐ-CP quy định: “c) Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bộ Giao thông vận tải giao dự toán ngân sách nhà nước cho cơ quan được giao quản lý tài sản, trong đó có phần kinh phí dành cho bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia”.

(6) Hiện nay, việc quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia được thực hiện theo phương thức đặt hàng giữa Cục ĐSVN với Tổng công ty ĐSVN theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 636/TTg-CN ngày 19/5/2021 và Thông báo số 04/TB-VPCP ngày 06/01/2022 của Văn phòng Chính phủ. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện hợp đồng đặt hàng trên còn có bất cập so với quy định⁷, một số tồn tại đã được Thanh tra Bộ GTVT⁸, Kiểm toán nhà nước (thực hiện kiểm toán tại Cục ĐSVN) chỉ ra trong quá trình thanh tra, kiểm toán.

(7) Khoản 4 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định: “*Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, căn cứ các quy định chung về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; sản phẩm, dịch vụ công ích tại Chương II và Chương III*

⁷ Điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định “*Khi thanh toán kinh phí đặt hàng, đấu thầu cần có ... biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng theo từng năm (theo Mẫu số 04 kèm theo Nghị định này)*”; Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định “*Trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương ban hành, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền: ... cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc bộ, cơ quan trung ương.*”.

⁸ Kết luận số 6878/KL-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ GTVT.

| | | |
|--|---|--|
| | | <p><i>Nghị định này (bao gồm cả nội dung tại các mẫu kèm theo Nghị định), để quy định chi tiết, bổ sung thêm các nội dung về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu (nếu thấy cần thiết) cho phù hợp với yêu cầu quản lý và tính chất đặc thù của từng lĩnh vực chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan.”</i></p> <p>Hiện nay, khi thực hiện đặt hàng toàn bộ công tác quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia có một số khó khăn, vướng mắc có tính chất đặc thù trong lĩnh vực đường sắt đã được Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Bộ GTVT chỉ ra khi thực hiện thanh tra, kiểm toán đối với Cục ĐSVN, Tổng công ty ĐSVN (Cục ĐSVN không đủ nhân lực, phương tiện, thiết bị để thực hiện toàn bộ vai trò, nhiệm của cơ quan đặt hàng).</p> <p>Căn cứ quy định trên và ý kiến của các cơ quan đơn vị, Bộ GTVT đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc lựa chọn phương án phù hợp.</p> <p>- Về bổ sung quy định đặt hàng:</p> <p>Thực tế hiện nay, Cục ĐSVN chưa đảm bảo về nguồn lực thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong công tác giám sát thường xuyên, nghiệm thu đặt hàng. Do vậy, cần quy định thêm nội dung về trách nhiệm của cơ quan đặt hàng cho phù hợp với thực tiễn và quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ.</p> |
| <p>Điều 15. Quản lý, vận hành tài sản trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt</p> <p>1. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có được đầu</p> | <p>Điều 15. Quản lý, vận hành tài sản trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt</p> <p>1. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có được đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có</p> | <p>Dự thảo Nghị định quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý tài sản KCHTĐS quốc gia, chủ đầu tư dự án trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản KCHTĐS quốc gia theo dự án sử dụng vốn nhà nước</p> |

| | | |
|--|--|---|
| <p>tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả trường hợp dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản khác nhưng trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có) thì việc đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đường sắt, pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Trường hợp chủ đầu tư dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thì căn cứ dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm bố trí mặt bằng phục vụ thi công cho chủ đầu tư dự án trong thời gian thực hiện đầu tư.</p> <p>b) Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm phối hợp với doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn trong thời gian thực hiện đầu tư.</p> <p>c) Sau khi dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm bàn giao phần tài sản và giá trị tài sản tăng thêm do thực hiện dự án theo quy định của pháp luật cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt để thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.</p> | <p>thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả trường hợp dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản khác nhưng trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có) thì việc đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Trường hợp chủ đầu tư dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì căn cứ dự án đầu tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm tạm bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cần nâng cấp, cải tạo, mở rộng cho chủ đầu tư dự án trong thời gian thực hiện dự án đầu tư.</p> <p>b) Trong thời gian tạm bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cho chủ đầu tư dự án để thực hiện việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm thực hiện tuần gác để đảm bảo an toàn giao thông đường sắt, quản lý, kế toán tài sản; chủ đầu tư dự án có trách nhiệm đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn trong thời gian thực hiện dự án, trong đó có trách nhiệm bảo trì công trình thuộc tài sản trong phạm vi của dự án (nếu có).</p> <p>c) Sau khi dự án hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm bàn giao lại tài sản và phần giá trị tăng thêm của tài sản do thực hiện dự án theo quy định của pháp luật cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt để thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.</p> | <p>(trường hợp chủ đầu tư dự án không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản KCHTĐS): a) Doanh nghiệp quản lý tài sản KCHTĐS có trách nhiệm bố trí mặt bằng phục vụ thi công cho chủ đầu tư dự án trong thời gian thực hiện đầu tư; b) Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm phối hợp với doanh nghiệp quản lý tài sản KCHTĐS đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn trong thời gian thực hiện đầu tư; ... là chưa phù hợp với thực tế hiện nay khi thực hiện các dự án nâng cấp, cải tạo KCHTĐS quốc gia (dự án 7.000 tỷ, 3.000 tỷ) Tổng công ty ĐSVN bàn giao toàn bộ đoạn tuyến cho Chủ đầu tư dự án để thực hiện nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản KCHTĐS quốc gia, Tổng công ty ĐSVN chỉ thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an toàn giao thông đường sắt như tuần đường, gác chắn tại đường ngang trong khu vực trên. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung nội dung này cho phù hợp với thực tiễn và đề quy định rõ trách nhiệm của Chủ đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư.</p> |
| <p>Điều 16. Phương thức và nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Phương thức khai thác:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản.</p> <p>b) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>c) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>2. Nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm:</p> | <p>Điều 16. Phương thức và nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Phương thức khai thác:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản.</p> <p>b) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>c) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>2. Nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm:</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.</p> |

| | | |
|---|--|--|
| <p>a) Phí⁹ theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.</p> <p>b) Tiền thu từ cung cấp dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Tiền thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>d) Các khoản thu khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Trong quá trình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, trường hợp lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì việc lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về viễn thông; việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.</p> <p>4. Trường hợp nhượng quyền để kinh doanh, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo Hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (O&M) thì trong thời gian thực hiện hợp đồng, việc nhượng quyền để kinh doanh, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công - tư; không thực hiện việc khai thác theo quy định tại Nghị định này.</p> | <p>a) Phí¹⁰ theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.</p> <p>b) Tiền thu từ cung cấp dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Tiền thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>d) Các khoản thu khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Trong quá trình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, trường hợp lắp đặt công trình viễn thông, công trình điện, công trình cấp, thoát nước trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì việc lắp đặt các công trình này trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan; giá cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trong trường hợp này thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 17 Nghị định này, việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ lắp đặt công trình viễn thông, công trình điện, công trình cấp, thoát nước trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.</p> <p>4. Trường hợp nhượng quyền để kinh doanh, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo Hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (O&M) thì trong thời gian thực hiện hợp đồng, việc nhượng quyền để kinh doanh, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; không thực hiện việc khai thác theo quy định tại Nghị định này.</p> | |
| <p>Điều 17. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trong trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác</p> <p>1. Thẩm quyền phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:</p> <p>a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> <p>b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.</p> | <p>Điều 17. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trong trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác</p> <p>1. Thẩm quyền phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:</p> <p>a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> <p>b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền cho cơ quan quản lý tài sản đường sắt phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung nội dung Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt. - Bổ sung thời hạn đối với việc lấy ý kiến, trả lời ý kiến của cơ quan có liên quan, lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phê duyệt Đề án. - Bổ sung căn cứ phương pháp xác định giá với trường hợp giá cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này |

⁹ Bỏ cụm từ "lệ phí" phù hợp với quy định tại Luật Phí và lệ phí và Luật Đường sắt năm 2017 (theo đề nghị của Cục QL, GS CST, phí và lệ phí).

¹⁰ Bỏ cụm từ "lệ phí" phù hợp với quy định tại Luật Phí và lệ phí và Luật Đường sắt năm 2017 (theo đề nghị của Cục QL, GS CST, phí và lệ phí).

| | | |
|---|--|--|
| <p>2. Lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản, trình Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ đề nghị gồm:</p> <p>Tờ trình của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính.</p> <p>Đề án khai thác tài sản do doanh nghiệp quản lý đường sắt lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.</p> <p>Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính.</p> <p>Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao.</p> <p>Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.</p> <p>b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hoặc có văn bản hỏi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.</p> <p>3. Lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ:</p> <p>a) Việc lập hồ sơ trình Bộ Giao thông vận tải về Đề án khai thác tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.</p> <p>b) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, lập hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án. Hồ sơ trình gồm:</p> <p>Tờ trình của Bộ Giao thông vận tải về việc đề nghị phê duyệt Đề án kèm theo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án: 01 bản chính.</p> <p>Đề án khai thác tài sản do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính.</p> <p>Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (do Bộ Giao thông vận tải lập): 01 bản chính.</p> | <p>2. Lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản, trình Bộ Giao thông vận tải hoặc cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án. Hồ sơ đề nghị gồm:</p> <p>Tờ trình của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính.</p> <p>Đề án khai thác tài sản do doanh nghiệp quản lý đường sắt lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.</p> <p>Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính.</p> <p>Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao.</p> <p>Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.</p> <p>b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền cho cơ quan quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hoặc có văn bản hỏi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.</p> <p>3. Lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ:</p> <p>a) Việc lập hồ sơ trình Bộ Giao thông vận tải về Đề án khai thác tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.</p> <p>b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ Giao thông vận tải có văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, các cơ quan liên quan có trách nhiệm cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ về Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải lập hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án. Hồ sơ trình gồm:</p> <p>Tờ trình của Bộ Giao thông vận tải về việc đề nghị phê duyệt Đề án kèm theo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án: 01 bản chính.</p> <p>Đề án khai thác tài sản do doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính.</p> | <p>không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.</p> <p>- Bổ sung nội dung về phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án khai thác tài sản KCHTĐS quốc gia.</p> <p>Đồng thời, dự thảo Nghị định hiện đang quy định Hội đồng thành viên của doanh nghiệp quản lý tài sản KCHTĐS quốc gia phê duyệt giá cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản KCHTĐS và các dịch vụ khác. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, nghiên cứu điều chỉnh theo hướng phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án khai thác tài sản KCHTĐS quốc gia cho Hội đồng thành viên của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và điều chỉnh, bổ sung các nội dung tương ứng quy định tại Điều này.</p> |
|---|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| <p>Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao. Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.</p> <p>4. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản gồm:</p> <p>a) Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt. b) Danh mục tài sản khai thác. c) Phương thức khai thác: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác. d) Thời hạn khai thác tài sản (nếu có). đ) Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về đường sắt, cơ quan quản lý đường sắt. e) Quyền hạn, trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt. g) Tổ chức thực hiện.</p> <p>5. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thực hiện việc cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân gồm:</p> <p>a) Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi. b) Dịch vụ phòng chờ, lưu trú công vụ. c) Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, khám, chỉnh bị phương tiện, trang thiết bị vận tải đường sắt. d) Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt. đ) Dịch vụ khai thác kết cấu hạ tầng thông tin tín hiệu, viễn thông đường sắt. e) Các dịch vụ khác liên quan đến khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Xác định giá cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này</p> <p>a) Trường hợp giá cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này thuộc danh mục dịch vụ do Nhà nước định giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.</p> | <p>Bàn tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (do Bộ Giao thông vận tải lập): 01 bản chính.</p> <p>Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao. Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.</p> <p>4. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm:</p> <p>a) Tên doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. b) Danh mục tài sản khai thác. c) Phương thức khai thác: Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác. d) Thời hạn khai thác tài sản (nếu có). đ) Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về đường sắt, cơ quan quản lý đường sắt. e) Quyền hạn, trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. g) Tổ chức thực hiện.</p> <p>5. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện việc cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân gồm:</p> <p>a) Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt. b) Dịch vụ bảo quản hàng hoá, lưu kho, lưu bãi. c) Dịch vụ phòng chờ, lưu trú công vụ. d) Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, khám, chỉnh bị phương tiện, trang thiết bị vận tải đường sắt. đ) Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt. e) Dịch vụ khai thác kết cấu hạ tầng thông tin tín hiệu, viễn thông đường sắt. g) Các dịch vụ khác liên quan đến khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Xác định giá cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này</p> <p>a) Trường hợp giá cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này thuộc danh mục dịch vụ do Nhà nước định giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.</p> | |
|--|--|--|

| | | |
|--|--|--|
| <p>b) Trường hợp giá cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này không thuộc danh mục hàng hóa¹¹, dịch vụ do Nhà nước định giá, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định giá của từng loại dịch vụ, trình Hội đồng thành viên của doanh nghiệp phê duyệt. Giá các loại dịch vụ phải được niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trước thời điểm áp dụng.</p> <p>7. Hội đồng thành viên của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm ban hành Quy chế cung cấp các dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này để thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch, hiệu quả.</p> <p>8. Trong quá trình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.</p> | <p>b) Trường hợp giá cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này không thuộc danh mục hàng hóa¹², dịch vụ do Nhà nước định giá, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt căn cứ vào phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành để xác định giá của từng loại dịch vụ, trình Hội đồng thành viên của doanh nghiệp phê duyệt. Giá các loại dịch vụ phải được niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trước thời điểm áp dụng.</p> <p>7. Hội đồng thành viên của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm ban hành Quy chế cung cấp các dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này để thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch, hiệu quả.</p> <p>8. Trong quá trình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.</p> | |
| <p>Điều 18. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Phạm vi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được cho thuê quyền khai thác là tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hoặc một phần tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có.</p> <p>2. Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt không áp dụng đối với:</p> <p>a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> <p>b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc trường hợp quy định khoản 1 Điều 19 Nghị định này.</p> <p>3. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản được xác phù hợp với từng tài sản (một phần tài sản) kết cấu hạ tầng đường sắt được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này phê duyệt tại Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.</p> <p>4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.</p> <p>5. Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ</p> | <p>Điều 18. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Phạm vi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được cho thuê quyền khai thác là toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hoặc một phần tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có.</p> <p>2. Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt không áp dụng đối với:</p> <p>a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> <p>b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc trường hợp quy định khoản 1 Điều 19 Nghị định này.</p> <p>c) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phục vụ mục đích công cộng, không phục vụ mục đích kinh doanh.</p> <p>d) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đang thực hiện theo phương thức doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác.</p> <p>3. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản được xác phù hợp với từng tài sản (một phần tài sản) kết cấu hạ tầng đường sắt được cơ quan, người có thẩm</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo:</p> <p>- Bổ sung nội dung không áp dụng cho thuê quyền khai thác đối với "c) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phục vụ mục đích công cộng, không phục vụ mục đích kinh doanh; d) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đang thực hiện theo phương thức doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác.</p> <p>- Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án và các nội dung tương ứng.</p> |

¹¹ Tiếp thu ý kiến tham gia của Cục QLG

¹² Tiếp thu ý kiến tham gia của Cục QLG

tầng đường sắt.

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, trình Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ đề nghị gồm:

Tờ trình của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.;

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

6. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản gồm:

a) Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt.

b) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản).

c) Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

d) Phương thức thực hiện cho thuê quyền khai thác tài sản: Đấu giá.

đ) Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản.

e) Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản (trả tiền hàng năm/trả tiền một lần cho cả thời gian thuê).

g) Thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản.

h) Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về đường sắt, cơ quan quản lý đường sắt.

i) Quyền hạn, trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý tài sản đường

quyền quy định tại khoản 4 Điều này phê duyệt tại Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.

4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt hoặc **phân cấp thẩm quyền phê duyệt** Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

5. Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, trình Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ đề nghị gồm:

Tờ trình của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.;

Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt hoặc **phân cấp thẩm quyền phê duyệt** Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

6. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm:

a) Tên doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

b) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản).

c) Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

d) Phương thức thực hiện cho thuê quyền khai thác tài sản: Đấu giá.

đ) Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản.

e) Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản (trả tiền hàng năm/trả tiền một lần cho cả thời gian thuê).

| | | |
|---|---|--|
| <p>sắt.</p> <p>k) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.</p> <p>7. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt của cơ quan, người có thẩm quyền:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.</p> <p>Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản là tổng số tiền thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 20 Nghị định này được tính cho toàn bộ thời hạn thuê quyền khai thác tài sản.</p> <p>b) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức thực hiện việc đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; thực hiện đầy đủ việc giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.</p> <p>c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (trừ trường hợp việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là các công trình hạ tầng kỹ thuật (như đường dây, cáp, đường ống), biển quảng cáo và các công trình khác lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường sắt, hành lang an toàn đường sắt phù hợp với quy định của pháp luật về đường sắt), tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>Có ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp với việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc danh mục cho thuê quyền khai thác;</p> <p>Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nhận hồ sơ tham gia đấu giá;</p> <p>Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính của tổ chức đã được kiểm toán theo quy định. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>8. Ký Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng</p> | <p>g) Thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản.</p> <p>h) Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về đường sắt, cơ quan quản lý đường sắt.</p> <p>i) Quyền hạn, trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>k) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.</p> <p>7. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt của cơ quan, người có thẩm quyền:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.</p> <p>Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản là tổng số tiền thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 20 Nghị định này được tính cho toàn bộ thời hạn thuê quyền khai thác tài sản.</p> <p>b) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tổ chức thực hiện việc đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; thực hiện đầy đủ việc giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.</p> <p>c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (trừ trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là các công trình hạ tầng kỹ thuật (như đường dây, cáp, đường ống), công trình viễn thông, biển quảng cáo và các công trình khác lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường sắt, hành lang an toàn đường sắt phù hợp với quy định của pháp luật về đường sắt), tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>Có ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với việc kinh doanh, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc danh mục cho thuê quyền khai thác.</p> <p>Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nhận hồ sơ tham gia đấu giá;</p> <p>Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính của tổ chức đã được kiểm toán theo quy định. Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm</p> | |
|---|---|--|

đường sắt và Phụ lục hợp đồng (nếu có). Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của Bên cho thuê quyền khai thác tài sản (doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt).

b) Thông tin của Bên thuê quyền khai thác tài sản (tổ chức trúng đấu giá).

c) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/ diện tích/khối lượng, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản).

d) Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

đ) Doanh thu khai thác tài sản từng năm trong thời hạn cho thuê trong phương án giá khởi điểm để đấu giá (sau đây gọi là doanh thu trong phương án giá khởi điểm).

e) Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản; thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản.

Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê hằng năm thì thanh toán mỗi năm 01 lần chậm nhất là ngày 31 tháng 3 của năm sau. Bên thuê căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này để xác định và nộp tiền thuê hằng năm; trường hợp tại thời điểm nộp tiền thuê hằng năm mà Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán theo quy định thì Bên thuê thực hiện tạm nộp trên cơ sở doanh thu quyết toán của Bên thuê; trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định, Bên thuê có trách nhiệm nộp bổ sung (trong trường hợp số tạm nộp nhỏ hơn số tiền phải nộp), được giảm trừ số tiền nộp (trong trường hợp số tạm nộp lớn hơn số tiền phải nộp) vào tiền thuê phải nộp của năm sau. Trường hợp năm đầu tiên và năm cuối cùng không đủ 12 tháng thì tiền cho thuê quyền khai thác tài sản của năm đầu tiên và năm cuối cùng tính theo số tháng thuê theo hợp đồng của năm đó; trường hợp kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản mà Báo cáo tài chính của năm cuối cùng chưa được kiểm toán theo quy định thì số tiền thanh toán của năm cuối cùng tính trên cơ sở doanh thu thực tế do Bên thuê và Bên cho thuê xác định nhưng không thấp hơn số tiền thuê tương ứng của năm trước đó.

Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê thì tiền thuê được thanh toán tối

quyền phê duyệt.

8. Nội dung chủ yếu của hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm:

a) Thông tin của Bên cho thuê quyền khai thác tài sản (doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt).

b) Thông tin của Bên thuê quyền khai thác tài sản (tổ chức trúng đấu giá).

c) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng / khối lượng / chiều dài/ diện tích); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản).

d) Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

đ) Doanh thu khai thác tài sản từng năm trong thời hạn cho thuê trong phương án giá khởi điểm để đấu giá (sau đây gọi là doanh thu trong phương án giá khởi điểm).

e) Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản; thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản.

Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê hằng năm thì thanh toán mỗi năm 01 lần chậm nhất là ngày 31 tháng 3 của năm sau. Bên thuê căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này để xác định và nộp tiền thuê hằng năm; trường hợp tại thời điểm nộp tiền thuê hằng năm mà Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán theo quy định thì Bên thuê thực hiện tạm nộp trên cơ sở doanh thu quyết toán của Bên thuê; trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định, Bên thuê có trách nhiệm nộp bổ sung (trong trường hợp số tạm nộp nhỏ hơn số tiền phải nộp), được giảm trừ số tiền nộp (trong trường hợp số tạm nộp lớn hơn số tiền phải nộp) vào tiền thuê phải nộp của năm sau. Trường hợp năm đầu tiên và năm cuối cùng không đủ 12 tháng thì tiền cho thuê quyền khai thác tài sản của năm đầu tiên và năm cuối cùng tính theo số tháng thuê theo hợp đồng của năm đó; trường hợp kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản mà Báo cáo tài chính của năm cuối cùng chưa được kiểm toán theo quy định thì Bên thuê thực hiện tạm nộp trên cơ sở doanh thu quyết toán của Bên thuê; trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định thì Bên thuê và Bên cho thuê xác định lại để nộp cho phù hợp.

Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê thì tiền thuê được thanh toán tối đa 02 lần trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 50% số tiền thuê trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng; trường hợp số tiền thuê trên 1.000 tỷ đồng thì được thanh toán tối đa 03 lần trong vòng 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 40% số tiền thuê trong vòng 60 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng, lần 2 thanh toán tối thiểu 30% số tiền

đa 02 lần trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 50% số tiền thuê trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng; trường hợp số tiền thuê trên 1.000 tỷ đồng thì được thanh toán tối đa 03 lần trong vòng 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 40% số tiền thuê trong vòng 60 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng, lần 2 thanh toán tối thiểu 30% số tiền thuê trong vòng 120 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

g) Tiền ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền thuê theo hợp đồng): Mức tiền ký quỹ do Bên thuê quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản. Tiền ký quỹ được xác định bằng 5% tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê theo giá trúng đấu giá.

Trường hợp tại thời điểm kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản mà Bên thuê chưa hoàn thành nghĩa vụ (thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản, vi phạm Hợp đồng liên quan đến bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê) thì số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành, phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

h) Trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các nội dung cần thiết khác liên quan đến công tác bảo trì.

i) Thời hạn Bên cho thuê quyền khai thác tài sản bàn giao quyền khai thác tài sản cho Bên thuê; thời hạn Bên thuê bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên cho thuê.

k) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê:

Hàng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận thuê (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên thuê quyền khai thác tài sản phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% vào tài khoản tạm giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá;

thuê trong vòng 120 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

g) Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ hợp đồng được thực hiện trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng bằng một trong các biện pháp đặt cọc, ký quỹ hoặc bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc ngân hàng được thành lập theo pháp luật Việt Nam, giá trị bảo đảm được xác định bằng 5% tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê theo giá trúng đấu giá.

Trường hợp tại thời điểm kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản mà Bên thuê chưa hoàn thành nghĩa vụ (thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản, vi phạm Hợp đồng liên quan đến bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê) thì số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành, phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

h) Trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các nội dung cần thiết khác liên quan đến công tác bảo trì.

i) Thời hạn Bên cho thuê quyền khai thác tài sản bàn giao quyền khai thác tài sản cho Bên thuê; thời hạn Bên thuê bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên cho thuê khi chấm dứt Hợp đồng.

k) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê:

Hàng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận thuê (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên thuê quyền khai thác tài sản phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% vào tài khoản tạm giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá;

Bên cho thuê và Bên thuê có trách nhiệm căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán xác định số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung (nếu có) vào tài khoản tạm giữ, trên cơ sở đó, Bên cho thuê có văn bản thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, chủ tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 22 Nghị định này và Bên thuê để theo dõi, thực hiện thu, nộp, quản lý số tiền. Thời hạn xác định, thông báo và nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Bên cho thuê và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trước khi thanh lý hợp đồng.

l) Điều kiện chấm dứt hợp đồng.

Bên cho thuê và Bên thuê có trách nhiệm căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán xác định số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung (nếu có) vào tài khoản tạm giữ, trên cơ sở đó, Bên cho thuê có văn bản thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, chủ tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định này và Bên thuê đề theo dõi, thực hiện thu, nộp, quản lý số tiền. Thời hạn xác định, thông báo và nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Bên cho thuê và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trước khi thanh lý hợp đồng.

l) Điều kiện chấm dứt hợp đồng.

n) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

m) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan.

Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã ký kết và Phụ lục hợp đồng đã ký kết (nếu có) được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định này để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản.

9. Quyền của Bên thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

a) Tổ chức thực hiện khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký kết.

b) Quyết định phương thức, biện pháp khai thác tài sản bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về đường sắt và hợp đồng ký kết.

c) Được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; được khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật nếu quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

d) Được thu tiền cung cấp dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt và các khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

10. Nghĩa vụ của Bên thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

n) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

m) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan.

Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã ký kết và Phụ lục hợp đồng đã ký kết (nếu có) được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 22 Nghị định này để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản.

9. Quyền của Bên thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

a) Tổ chức thực hiện khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký kết.

b) Quyết định phương thức, biện pháp khai thác tài sản bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về đường sắt và hợp đồng ký kết.

c) Được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; được khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật nếu quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

d) Được thu tiền cung cấp dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt và các khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

10. Nghĩa vụ của Bên thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

a) Bảo vệ tài sản nhận thuê quyền khai thác (bao gồm cả đất gắn công trình, hạng mục công trình); không để bị lấn chiếm hoặc sử dụng trái phép tài sản và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xảy ra sự cố công trình, Bên thuê quyền khai thác tài sản có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Bên cho thuê để thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.

b) Sử dụng, khai thác tài sản đúng mục đích, nhiệm vụ của tài sản; không được chuyển đổi công năng sử dụng, chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn, thế chấp hoặc thực hiện biện pháp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự khác.

c) Thực hiện bảo trì tài sản theo hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật.

d) Thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản (bao gồm cả khoản tiền nộp bổ sung theo quy định tại điểm k khoản 8 Điều này) đầy đủ, đúng hạn theo quy định; trường hợp quá thời hạn thanh toán theo quy định mà Bên thuê quyền khai thác chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ thì phải nộp phạt hợp đồng;

a) Bảo vệ tài sản nhận thuê quyền khai thác (bao gồm cả đất gắn công trình, hạng mục công trình); không để bị lấn chiếm hoặc sử dụng trái phép tài sản và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xảy ra sự cố công trình, Bên thuê quyền khai thác tài sản có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Bên cho thuê để thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.

b) Sử dụng, khai thác tài sản đúng mục đích, nhiệm vụ của tài sản; không được chuyển đổi công năng sử dụng, chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn, thế chấp hoặc thực hiện biện pháp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự khác.

c) Thực hiện bảo trì tài sản theo hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật.

d) Thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản (bao gồm cả khoản tiền nộp bổ sung theo quy định tại điểm k khoản 8 Điều này) đầy đủ, đúng hạn theo quy định; trường hợp quá thời hạn thanh toán theo quy định mà Bên thuê quyền khai thác chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ thì phải nộp phạt hợp đồng; mức nộp phạt tương đương với mức tiền chậm nộp xác định theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

đ) Hằng năm, báo cáo doanh thu từ việc khai thác tài sản nhận thuê quyền khai thác kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định, gửi Bên cho thuê quyền khai thác tài sản.

e) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho thuê quyền khai thác tài sản; cùng Bên cho thuê giải quyết các vướng mắc phát sinh (nếu có).

g) Giao lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê quyền khai thác tài sản và các trường hợp quy định tại khoản 15, khoản 16 Điều này.

h) Định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Hợp đồng ký kết phải thông báo cho Bên cho thuê quyền khai thác tài sản về tình trạng của tài sản, bảo đảm hoạt động giao thông đường sắt được an toàn, thông suốt.

i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký kết.

11. Cơ quan quản lý đường sắt quốc gia, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám

mức nộp phạt tương đương với mức tiền chậm nộp xác định theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

đ) Hằng năm, báo cáo doanh thu từ việc khai thác tài sản nhận thuê quyền khai thác kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định, gửi Bên cho thuê quyền khai thác tài sản.

e) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho thuê quyền khai thác tài sản; cùng Bên cho thuê giải quyết các vướng mắc phát sinh (nếu có).

g) Giao lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê quyền khai thác tài sản và các trường hợp quy định tại khoản 15, khoản 16 Điều này.

h) Định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Hợp đồng ký kết phải thông báo cho Bên cho thuê quyền khai thác tài sản về tình trạng của tài sản, bảo đảm hoạt động giao thông đường sắt được an toàn, thông suốt.

i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký kết.

11. Cơ quan quản lý đường sắt quốc gia, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; kịp thời xử lý các vi phạm, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

12. Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

13. Khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo hợp đồng, Bên thuê quyền khai thác tài sản có trách nhiệm:

a) Chuyển giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên cho thuê kể từ ngày kết thúc thời hạn theo hợp đồng, kể cả trường hợp chưa hoàn thành việc thanh lý hợp đồng, chưa bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê.

b) Phối hợp với Bên cho thuê thực hiện kiểm kê, xác định tình trạng sử dụng của tài sản; việc kiểm kê, xác định tình trạng sử dụng của tài sản phải được lập thành biên bản.

c) Thực hiện việc sửa chữa, bảo trì tài sản để khắc phục các hư hại (nếu có) của tài sản.

d) Phối hợp với Bên cho thuê thực hiện việc thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật sau khi hoàn thành khắc phục các hư hại (nếu có) của tài sản, hoàn thành việc thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản và Bên thuê có văn bản cam kết tài sản không trong tình trạng cầm cố, thế chấp hoặc thực hiện các

sắt tình hình tổ chức thực hiện Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; kịp thời xử lý các vi phạm, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

12. Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

13. Khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo hợp đồng, Bên thuê quyền khai thác tài sản có trách nhiệm:

a) Chuyển giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên cho thuê kể từ ngày kết thúc thời hạn theo hợp đồng, kể cả trường hợp chưa hoàn thành việc thanh lý hợp đồng, chưa bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê.

b) Phối hợp với Bên cho thuê thực hiện kiểm kê, xác định tình trạng sử dụng của tài sản; việc kiểm kê, xác định tình trạng sử dụng của tài sản phải được lập thành biên bản.

c) Thực hiện việc sửa chữa, bảo trì tài sản để khắc phục các hư hại (nếu có) của tài sản.

d) Phối hợp với Bên cho thuê thực hiện việc thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật sau khi hoàn thành khắc phục các hư hại (nếu có) của tài sản, hoàn thành việc thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản và Bên thuê có văn bản cam kết tài sản không trong tình trạng cầm cố, thế chấp hoặc thực hiện các biện pháp đảm bảo nghĩa vụ nợ khác.

đ) Thực hiện bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê.

e) Nhận lại số tiền ký quỹ quy định tại điểm g khoản 8 Điều này. Trường hợp tại thời điểm kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản mà Bên thuê chưa hoàn thành việc thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản thì số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải thanh toán, phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

14. Khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo hợp đồng, Bên cho thuê có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận để quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này kể từ thời điểm Bên thuê chuyển giao lại quyền khai

biên pháp đảm bảo nghĩa vụ nợ khác.

đ) Thực hiện bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê.

e) Nhận lại số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng quy định tại điểm g khoản 8 Điều này. Trường hợp tại thời điểm kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản mà Bên thuê chưa hoàn thành việc thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản thì số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải thanh toán, phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

14. Khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo hợp đồng, Bên cho thuê có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận để quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này kể từ thời điểm Bên thuê chuyển giao lại quyền khai thác tài sản theo quy định tại điểm a khoản 13 Điều này.

b) Thực hiện việc bảo trì tài sản theo quy định tại Nghị định này kể từ thời điểm Bên thuê chuyển giao lại quyền khai thác tài sản theo quy định tại điểm a khoản này (trừ thời gian Bên thuê phải sửa chữa, bảo trì công trình để khắc phục các hư hại của tài sản theo quy định).

15. Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa hết thời hạn cho thuê quyền khai thác theo Hợp đồng thì các bên thực hiện chấm dứt hợp đồng trước hạn. Bên thuê được hoàn trả ~~phần giá trị tương ứng~~ với số tiền thuê quyền khai thác đã nộp tương ứng với thời gian còn lại (nếu có) theo Hợp đồng; việc xác định phần giá trị tương ứng hoàn trả cho Bên thuê (nếu có) do Bên cho thuê chủ trì, phối hợp với Bên thuê xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản quyết định hoàn trả; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên cho thuê hoặc cơ quan quản lý đường sắt để hoàn trả; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 13, khoản 14 Điều này.

16. Việc xử lý vi phạm hợp đồng, tranh chấp hợp đồng thực hiện theo hợp đồng đã ký kết, pháp luật dân sự và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng thì các nội dung xử lý khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 13, khoản 14 Điều này.

17. Trường hợp trong thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn đầu tư công được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì doanh nghiệp

thác tài sản theo quy định tại điểm a khoản 13 Điều này.

b) Thực hiện việc bảo trì tài sản theo quy định tại Nghị định này kể từ thời điểm Bên thuê chuyển giao lại quyền khai thác tài sản theo quy định tại điểm a khoản này (trừ thời gian Bên thuê phải sửa chữa, bảo trì công trình để khắc phục các hư hại của tài sản theo quy định).

15. Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa hết thời hạn cho thuê quyền khai thác theo Hợp đồng thì các bên thực hiện chấm dứt hợp đồng trước hạn. Bên thuê được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền thuê quyền khai thác đã trả cho thời gian còn lại (nếu có) theo hợp đồng và số tiền ký quỹ quy định tại điểm g khoản 8 Điều này; việc xác định phần giá trị tương ứng hoàn trả cho Bên thuê (nếu có) do Bên cho thuê chủ trì, phối hợp với Bên thuê xác định, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định hoàn trả; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên cho thuê hoặc cơ quan quản lý đường sắt để hoàn trả; *trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước*. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 13, khoản 14 Điều này.

16. Việc xử lý vi phạm hợp đồng, tranh chấp hợp đồng thực hiện theo hợp đồng đã ký kết, pháp luật dân sự và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng thì các nội dung xử lý khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 13, khoản 14 Điều này.

17. Trường hợp trong thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn đầu tư công được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan. Bên thuê được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền thuê quyền khai thác đã trả theo hợp đồng (hoặc không phải thanh toán tiền thuê quyền khai thác hàng năm) do không phát sinh nguồn thu trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án hoặc kéo dài thời gian của hợp đồng tương ứng với thời gian phải bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt để thực hiện việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản; việc xác định phần giá trị hoàn trả cho Bên thuê (nếu có) hoặc kéo dài thời gian của hợp đồng tương ứng do Bên cho thuê chủ trì, phối

quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan. Bên thuê được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền thuê quyền khai thác đã nộp theo hợp đồng (hoặc không phải thanh toán tiền thuê quyền khai thác hàng năm) do không phát sinh nguồn thu trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án hoặc kéo dài thời gian của hợp đồng tương ứng với thời gian phải bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt để thực hiện việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản; việc xác định phần giá trị hoàn trả cho Bên thuê (nếu có) hoặc kéo dài thời gian của hợp đồng tương ứng do Bên cho thuê chủ trì, phối hợp với Bên thuê xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản quyết định hoàn trả; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên cho thuê hoặc cơ quan quản lý đường sắt để hoàn trả; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

| | | |
|--|--|---|
| <p>hợp với Bên thuê xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản quyết định hoàn trả; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên cho thuê hoặc cơ quan quản lý đường sắt để hoàn trả; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.</p> | | |
| <p>Điều 19. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Phạm vi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác là tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hoặc một phần tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản.</p> <p>2. Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt không áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> <p>3. Thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được xác định cụ thể trong từng hợp đồng chuyển nhượng phù hợp với từng tài sản (một phần tài sản) kết cấu hạ tầng đường sắt được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này phê duyệt tại Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.</p> <p>4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.</p> <p>5. Việc lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện tương tự quy định tại khoản 5 Điều 18 Nghị định này. Riêng Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>6. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gồm:</p> <p>a) Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt.</p> <p>b) Danh mục tài sản chuyển nhượng quyền khai thác (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản).</p> | <p>Điều 19. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Phạm vi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác là toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hoặc một phần tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản.</p> <p>2. Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt không áp dụng đối với:</p> <p>a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> <p>b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc trường hợp quy định khoản 1 Điều 18 Nghị định này.</p> <p>c) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đang thực hiện theo phương thức doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác.</p> <p>3. Thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được xác định cụ thể trong từng hợp đồng chuyển nhượng phù hợp với từng tài sản (một phần tài sản) kết cấu hạ tầng đường sắt được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này phê duyệt tại Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.</p> <p>4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền cho cơ quan quản lý tài sản đường sắt phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.</p> <p>5. Việc lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện tương tự quy định tại khoản 5 Điều 18 Nghị định này. Riêng Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>6. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gồm:</p> <p>a) Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt.</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo:</p> <p>- Bổ sung nội dung không áp dụng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác đối với "b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc trường hợp quy định khoản 1 Điều 18 Nghị định này; c) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đang thực hiện theo phương thức doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác.</p> <p>- Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án và các nội dung tương ứng.</p> |

c) Nội dung cơ bản của Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

d) Thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản.

đ) Phương thức thực hiện chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản: Đấu giá.

e) Điều kiện của doanh nghiệp tham gia đấu giá nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

g) Phương thức, thời hạn thanh toán tiền chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

h) Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về đường sắt, cơ quan quản lý đường sắt.

i) Quyền hạn, trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt.

k) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

7. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt của cơ quan, người có thẩm quyền:

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

b) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; thực hiện đầy đủ việc giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

c) Doanh nghiệp tham gia đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và các điều kiện sau:

Có ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc danh mục chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản;

Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nhận hồ sơ tham gia đấu giá;

b) Danh mục tài sản chuyển nhượng quyền khai thác (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, nằm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng / khối lượng / chiều dài / diện tích); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản).

c) Nội dung cơ bản của Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

d) Thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản.

đ) Phương thức thực hiện chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản: Đấu giá.

e) Điều kiện của doanh nghiệp tham gia đấu giá nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

g) Phương thức, thời hạn thanh toán tiền chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

h) Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về đường sắt, cơ quan quản lý đường sắt.

i) Quyền hạn, trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt.

k) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

7. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt của cơ quan, người có thẩm quyền:

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

b) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tổ chức đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; thực hiện đầy đủ việc giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

c) Doanh nghiệp tham gia đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và các điều kiện sau:

Có ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với việc kinh doanh, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản;

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kể theo Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách

Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liên kê theo Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư của Dự án nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

8. Ký Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và Phụ lục hợp đồng (nếu có). Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của Bên chuyển nhượng quyền khai thác tài sản (doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt).

b) Thông tin của Bên nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản (doanh nghiệp trúng đấu giá).

c) Danh mục tài sản chuyển nhượng quyền khai thác (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản).

d) Thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản.

đ) Doanh thu khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá (sau đây gọi là doanh thu trong phương án giá khởi điểm).

e) Giá trị hợp đồng (theo giá trúng đấu giá).

g) Thời hạn thanh toán tiền chuyển nhượng (giá trị chuyển nhượng) có thời hạn quyền khai thác tài sản:

Giá trị chuyển nhượng được thanh toán tối đa 02 lần trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 50% giá trị chuyển nhượng trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng; trường hợp giá trị chuyển nhượng trên 1.000 tỷ đồng thì được thanh toán tối đa 03 lần trong vòng 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 40% giá trị chuyển nhượng trong vòng 60 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng, lần 2 thanh toán tối thiểu 30% giá trị chuyển nhượng trong vòng 120 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

h) Tiền ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị chuyển

nhệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để đưa vào Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư của Dự án nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

8. Ký Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và Phụ lục hợp đồng (nếu có). Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của Bên chuyển nhượng quyền khai thác tài sản (doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt).

b) Thông tin của Bên nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản (doanh nghiệp trúng đấu giá).

c) Danh mục tài sản chuyển nhượng quyền khai thác (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng / khối lượng / chiều dài/điện tích); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản).

d) Thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản.

đ) Doanh thu khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm để đấu giá (sau đây gọi là doanh thu trong phương án giá khởi điểm).

e) Giá trị hợp đồng (theo giá trúng đấu giá).

g) Thời hạn thanh toán tiền chuyển nhượng (giá trị chuyển nhượng) có thời hạn quyền khai thác tài sản:

Giá trị chuyển nhượng được thanh toán tối đa 02 lần trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 50% giá trị chuyển nhượng trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng; trường hợp giá trị chuyển nhượng trên 1.000 tỷ đồng thì được thanh toán tối đa 03 lần trong vòng 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó lần 1 thanh toán tối thiểu 40% giá trị chuyển nhượng trong vòng 60 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng, lần 2 thanh toán tối thiểu 30% giá trị chuyển nhượng trong vòng 120 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

h) Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng bằng một trong các biện pháp đặt cọc, ký quỹ hoặc bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc ngân hàng được thành lập theo pháp luật Việt Nam, giá trị bảo đảm được xác định bằng 5% tổng giá trị chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

Trường hợp tại thời điểm kết thúc thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản

nhượng theo hợp đồng): Mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị chuyển nhượng do Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

Trường hợp tại thời điểm kết thúc thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản mà Bên nhận chuyển nhượng chưa hoàn thành nghĩa vụ (thanh toán tiền nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, vi phạm hợp đồng liên quan đến bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên chuyển nhượng) thì số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên nhận chuyển nhượng phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành nêu trên, phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

i) Trách nhiệm đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật bảo trì tài sản và các nội dung cần thiết khác liên quan đến công tác bảo trì.

k) Thời hạn Bên chuyển nhượng bàn giao quyền khai thác cho Bên nhận chuyển nhượng; thời hạn Bên nhận chuyển nhượng bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên chuyển nhượng.

l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu:

Hàng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận chuyển nhượng quyền khai thác (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% vào tài khoản tạm giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu của năm tương ứng trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán để xác định số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung (nếu có) vào tài khoản tạm giữ, trên cơ sở đó Bên chuyển nhượng có văn bản thông báo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, chủ tài khoản tạm giữ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 22 Nghị định này và Bên nhận chuyển nhượng để theo dõi, thực hiện thu, nộp, quản lý số tiền. Thời hạn xác định,

mà Bên nhận chuyển nhượng chưa hoàn thành nghĩa vụ (thanh toán tiền nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, vi phạm hợp đồng liên quan đến bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên chuyển nhượng) thì số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên nhận chuyển nhượng phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành nêu trên, phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

i) Trách nhiệm đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật bảo trì tài sản và các nội dung cần thiết khác liên quan đến công tác bảo trì.

k) Thời hạn Bên chuyển nhượng bàn giao quyền khai thác cho Bên nhận chuyển nhượng; thời hạn Bên nhận chuyển nhượng bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên chuyển nhượng.

l) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu:

Hàng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận chuyển nhượng quyền khai thác (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% vào tài khoản tạm giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu của năm tương ứng trong phương án giá khởi điểm để đấu giá.

Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán để xác định số tiền Bên nhận chuyển nhượng phải nộp bổ sung (nếu có) vào tài khoản tạm giữ, trên cơ sở đó Bên chuyển nhượng có văn bản thông báo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, chủ tài khoản tạm giữ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 22 Nghị định này và Bên nhận chuyển nhượng để theo dõi, thực hiện thu, nộp, quản lý số tiền. Thời hạn xác định, thông báo và nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên chuyển nhượng và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trước khi thanh lý hợp đồng.

m) Điều kiện chấm dứt hợp đồng.

n) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

o) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã

thông báo và nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên chuyển nhượng và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trước khi thanh lý hợp đồng.

m) Điều kiện chấm dứt hợp đồng.

n) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

o) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã ký kết và Phụ lục hợp đồng đã ký kết (nếu có) được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định này để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ chuyển nhượng quyền khai thác tài sản.

9. Quyền của Bên nhận chuyển nhượng:

a) Tổ chức thực hiện khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký kết.

b) Được hưởng các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

c) Được thế chấp tài sản do Bên nhận chuyển nhượng đầu tư và quyền khai thác tài sản cho bên cho vay theo quy định của pháp luật về dân sự.

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

10. Nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng:

a) Bảo vệ tài sản nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác (bao gồm cả đất gắn với công trình, hạng mục công trình); không để bị lấn chiếm hoặc sử dụng trái phép tài sản và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xảy ra sự cố công trình, Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Bên chuyển nhượng để thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.

b) Sử dụng, khai thác tài sản đúng mục đích, nhiệm vụ của công trình; không được chuyển đổi công năng sử dụng, chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn bằng tài sản nhận chuyển nhượng quyền khai

thác và Phụ lục hợp đồng đã ký kết (nếu có) được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 22 Nghị định này để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ chuyển nhượng quyền khai thác tài sản.

9. Quyền của Bên nhận chuyển nhượng:

a) Tổ chức thực hiện khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký kết.

b) Được hưởng các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

c) Được thế chấp tài sản do Bên nhận chuyển nhượng đầu tư và quyền khai thác tài sản cho bên cho vay theo quy định của pháp luật về dân sự.

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

10. Nghĩa vụ của Bên nhận chuyển nhượng:

a) Bảo vệ tài sản nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác (bao gồm cả đất gắn với công trình, hạng mục công trình); không để bị lấn chiếm hoặc sử dụng trái phép tài sản và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xảy ra sự cố công trình, Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Bên chuyển nhượng để thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan.

b) Sử dụng, khai thác tài sản đúng mục đích, nhiệm vụ của công trình; không được chuyển đổi công năng sử dụng, chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn bằng tài sản nhận chuyển nhượng quyền khai thác.

c) Hằng năm, gửi báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định cho Bên chuyển nhượng để xác định số tiền phải nộp bổ sung (nếu có).

d) Thực hiện đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký kết.

11. Cơ quan quản lý đường sắt, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; kịp thời xử lý các vi phạm, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

12. Số tiền thu được từ chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được

| | | |
|---|---|--|
| <p>thác.</p> <p>c) Hàng năm, gửi báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định cho Bên chuyển nhượng để xác định số tiền phải nộp bổ sung (nếu có).</p> <p>d) Thực hiện đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký kết.</p> <p>11. Cơ quan quản lý đường sắt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; kịp thời xử lý các vi phạm, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>12. Số tiền thu được từ chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.</p> <p>13. Khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo Hợp đồng:</p> <p>a) Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 18 Nghị định này.</p> <p>b) Bên chuyển nhượng có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 14 Điều 18 Nghị định này.</p> <p>14. Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa hết thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác theo hợp đồng thì các bên thực hiện chấm dứt hợp đồng trước hạn.</p> <p>Căn cứ tiến độ đầu tư dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, thực tế công trình hoàn thành, thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác còn lại theo hợp đồng, Bên nhận chuyển nhượng được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền thuê quyền khai thác đã nộp cho thời gian còn lại (nếu có) theo Hợp đồng; việc xác định phần giá trị tương ứng hoàn trả cho Bên nhận chuyển nhượng (nếu có) do Bên chuyển nhượng chủ trì, phối hợp với Bên nhận chuyển nhượng xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản quyết định hoàn trả; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên chuyển nhượng hoặc cơ quan quản lý đường sắt để hoàn trả; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều này.</p> <p>15. Việc xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng thực hiện theo hợp đồng, pháp luật dân sự và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng thì các nội dung xử lý khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều này.</p> | <p>quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.</p> <p>13. Khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo Hợp đồng:</p> <p>a) Bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 18 Nghị định này.</p> <p>b) Bên chuyển nhượng có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 14 Điều 18 Nghị định này.</p> <p>14. Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa hết thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác theo hợp đồng thì các bên thực hiện chấm dứt hợp đồng trước hạn.</p> <p>Căn cứ tiến độ đầu tư dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, thực tế công trình hoàn thành, thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác còn lại theo hợp đồng, Bên nhận chuyển nhượng được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền thuê quyền khai thác đã nộp tương ứng với thời gian còn lại (nếu có) theo Hợp đồng; việc xác định phần giá trị tương ứng hoàn trả cho Bên nhận chuyển nhượng (nếu có) do Bên chuyển nhượng chủ trì, phối hợp với Bên nhận chuyển nhượng xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản quyết định hoàn trả; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên chuyển nhượng hoặc cơ quan quản lý đường sắt để hoàn trả; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều này.</p> <p>15. Việc xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng thực hiện theo hợp đồng, pháp luật dân sự và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng thì các nội dung xử lý khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều này.</p> | |
|---|---|--|

| | | |
|--|---|--|
| <p>giá trị tương ứng hoàn trả cho Bên nhận chuyển nhượng (nếu có) do Bên chuyển nhượng chủ trì, phối hợp với Bên nhận chuyển nhượng xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản quyết định hoàn trả; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên chuyển nhượng hoặc cơ quan quản lý đường sắt để hoàn trả; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều này.</p> <p>15. Việc xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng thực hiện theo hợp đồng, pháp luật dân sự và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng thì các nội dung xử lý khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều này.</p> | | |
| <p>Điều 20. Giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là khoản tiền tổ chức thuê quyền khai thác, doanh nghiệp nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải trả cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia theo giá trúng đấu giá để được quyền khai thác tài sản theo Hợp đồng ký kết. Trong đó, trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê hàng năm, giá cho thuê của 01 năm được xác định như sau:</p> $\text{Giá cho thuê quyền khai thác tài sản năm (n)} = \text{Tỷ lệ (\% giá cho thuê)} \times \text{Doanh thu thực tế năm (n)}$ <p>Trong đó:</p> $\text{Tỷ lệ (\% giá cho thuê)} = \frac{\text{Tổng giá trúng đấu giá}}{\text{Tổng doanh thu ước tính cho cả thời hạn cho thuê}} \times 100\%$ <p>Doanh thu thực tế tương ứng hàng năm theo Báo cáo tài chính được</p> | <p>Điều 20. Giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là khoản tiền tổ chức thuê quyền khai thác, doanh nghiệp nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải trả cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo giá trúng đấu giá để được quyền khai thác tài sản theo Hợp đồng ký kết. Trong đó, trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê hàng năm, giá cho thuê của 01 năm được xác định như sau:</p> $\text{Giá cho thuê quyền khai thác tài sản năm (n)} = \text{Tỷ lệ (\% giá cho thuê)} \times \text{Doanh thu thực tế năm (n)}$ <p>Trong đó:</p> $\text{Tỷ lệ (\% giá cho thuê)} = \frac{\text{Tổng giá trúng đấu giá}}{\text{Tổng doanh thu ước tính cho cả thời hạn cho thuê}} \times 100\%$ <p>Doanh thu thực tế tương ứng hàng năm theo Báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định.</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu kế thừa quy định tại Thông tư số 47/2018/TT-BTC ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để điều chỉnh nội dung về căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản KCHTDS.</p> |

kiểm toán theo quy định.

2. Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là giá ban đầu thấp nhất khi đấu giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản đường sắt. Cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá.

3. Căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm:

a) Giá cho thuê quyền khai thác tài sản trên thị trường của tài sản cùng loại hoặc có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, công năng sử dụng tại thời điểm xác định (nếu có).

b) Doanh thu ước tính, chi phí ước tính từ việc khai thác tài sản trong thời gian cho thuê quyền khai thác tài sản.

c) Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc kết quả xác định giá của Hội đồng xác định giá quy định tại khoản 5 Điều này. Việc sử dụng Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

4. Căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm:

a) Giá trị đầu tư bổ sung theo dự án nâng cấp, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

Trong đó, giá trị đầu tư bổ sung là phần giá trị do doanh nghiệp nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản có trách nhiệm thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

b) Doanh thu ước tính, chi phí ước tính từ việc khai thác tài sản trong thời gian chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

c) Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc kết quả xác định giá của Hội đồng xác định giá quy định tại khoản 5 Điều này. Việc sử dụng Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện theo quy định

2. Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là giá ban đầu thấp nhất khi đấu giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản đường sắt. Cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá.

3. Căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trực tiếp liên quan đến hoạt động vận tải trên đường sắt (trừ tài sản là ga), giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản được xác định trên cơ sở chiều dài hành trình, lợi thế của tuyến khai thác và các yếu tố khác tác động đến khả năng khai thác của tài sản trong thời gian cho thuê.

Giá khởi điểm bình quân cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là 8% tính trên doanh thu kinh doanh vận tải đường sắt.

Trên cơ sở giá khởi điểm bình quân; chiều dài hành trình, lợi thế của tuyến khai thác và các yếu tố khác tác động đến khả năng khai thác của tài sản trong thời gian cho thuê, tổ chức, cá nhân xác định tỷ lệ điều chỉnh so với giá khởi điểm bình quân, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án quyết định.

b) Đối với trường hợp cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hạ tầng giao thông (là cơ sở dịch vụ, kho bãi, nhà, xưởng và các công trình phụ trợ riêng lẻ) thì giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản được xác định gồm:

- Giá cho thuê quyền khai thác tài sản trên thị trường của tài sản cùng loại hoặc có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, công năng sử dụng tại thời điểm xác định (nếu có).

- Doanh thu ước tính, chi phí ước tính từ việc khai thác tài sản trong thời gian cho thuê quyền khai thác tài sản.

- Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc kết quả xác định giá của Hội đồng xác định giá quy định tại khoản 5 Điều này. Việc sử dụng Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

4. Căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm:

của pháp luật về giá.

5. Xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt:

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.

b) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá. Hồ sơ trình gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt về việc đề nghị phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá;

Hồ sơ liên quan đến căn cứ xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

c) Trong Quyết định phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải xác định doanh thu ước tính hàng năm trong phương án giá khởi điểm để làm doanh thu đối chiếu trong các trường hợp quy định tại điểm k khoản 8 Điều 18 và điểm l khoản 8 Điều 19 Nghị định này.

6. Trường hợp đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt nhưng không thành thì sau hai lần tổ chức đấu giá không thành, doanh nghiệp quản lý tài sản rà soát nguyên nhân và đề xuất giải pháp, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt xem xét, quyết định tiếp tục thực hiện đấu giá hoặc thay đổi phương thức khai thác sang phương thức doanh nghiệp quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt như sau:

a) Trường hợp tiếp tục thực hiện đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản mà xác định nguyên nhân của việc đấu giá không thành do giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài

a) Giá trị đầu tư bổ sung theo dự án nâng cấp, mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

Trong đó, giá trị đầu tư bổ sung là phần giá trị do doanh nghiệp nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản có trách nhiệm thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

b) Doanh thu ước tính, chi phí ước tính từ việc khai thác tài sản trong thời gian chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

c) Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc kết quả xác định giá của Hội đồng xác định giá quy định tại khoản 5 Điều này. Việc sử dụng Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

5. Xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt:

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.

b) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá. Hồ sơ trình gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt về việc đề nghị phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá;

Hồ sơ liên quan đến căn cứ xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

c) Trong Quyết định phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải xác định doanh thu ước tính hàng năm trong phương án giá khởi điểm để làm doanh thu đối chiếu trong các trường hợp quy định tại điểm k khoản 8 Điều 18 và điểm l khoản 8 Điều 19 Nghị định này.

6. Trường hợp đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt nhưng không thành thì sau hai lần tổ chức đấu giá không thành, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt rà soát nguyên nhân và đề xuất giải pháp, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển

| | | |
|---|--|--|
| <p>sân cao, không còn phù hợp với quy định về xác định giá khởi điểm theo quy định tại Điều này thì thực hiện xác định lại giá khởi điểm để đấu giá; việc xác định lại giá khởi điểm được thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này.</p> <p>b) Trường hợp thay đổi phương thức khai thác sang phương thức doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì việc lập, phê duyệt Đề án và tổ chức thực hiện việc khai thác tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.</p> <p>7. Căn cứ các quy định tại Nghị định này, trường hợp phát sinh vướng mắc thì Bộ Giao thông vận tải có hướng dẫn cụ thể để tổ chức thực hiện việc xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.</p> | <p>nhưng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt xem xét, quyết định tiếp tục thực hiện đấu giá hoặc thay đổi phương thức khai thác sang phương thức doanh nghiệp quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt như sau:</p> <p>a) Trường hợp tiếp tục thực hiện đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản mà xác định nguyên nhân của việc đấu giá không thành do giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản cao, không còn phù hợp với quy định về xác định giá khởi điểm theo quy định tại Điều này thì thực hiện xác định lại giá khởi điểm để đấu giá; việc xác định lại giá khởi điểm được thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này.</p> <p>b) Trường hợp thay đổi phương thức khai thác sang phương thức doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì việc lập, phê duyệt Đề án và tổ chức thực hiện việc khai thác tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.</p> <p>7. Căn cứ các quy định tại Nghị định này, trường hợp phát sinh vướng mắc thì Bộ Giao thông vận tải có hướng dẫn cụ thể để tổ chức thực hiện việc xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.</p> | |
| <p>Điều 21. Sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>1. Trước khi quyết định thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Giao thông vận tải, trường hợp tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai đồng thời có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.</p> <p>Văn bản lấy ý kiến cần nêu rõ: Lý do thu hồi đất; diện tích đất thu hồi; sự phù hợp của việc thu hồi đất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; sự phù hợp của vị trí mới được bố trí để đầu tư xây dựng tài sản thay thế (nếu có) và các nội dung cần thiết khác.</p> <p>2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai, Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan có ý kiến về việc thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.</p> <p>3. Việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng và xử lý tài sản sau khi cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng</p> | <p>Điều 21. Sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>1. Trước khi quyết định thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Giao thông vận tải, trường hợp tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai đồng thời có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.</p> <p>Văn bản lấy ý kiến cần nêu rõ: Lý do thu hồi đất; diện tích đất thu hồi; sự phù hợp của việc thu hồi đất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; sự phù hợp của vị trí mới được bố trí để đầu tư xây dựng tài sản thay thế (nếu có) và các nội dung cần thiết khác.</p> <p>2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai, Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan có ý kiến về việc thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.</p> <p>3. Việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng và xử lý tài sản sau khi cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng</p> | |

| | | |
|---|--|---|
| <p>3. Việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng và xử lý tài sản sau khi cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.</p> | <p>đường sắt được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.</p> | |
| <p>Điều 22 Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Điều 17 Nghị định này:</p> <p>a) Số tiền thu được từ phí được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.</p> <p>b) Số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều 17 Nghị định này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt được sử dụng 80% để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, trả nợ vốn vay, vốn huy động liên quan đến khai thác tài sản (nếu có) để đầu tư, nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật và phải hạch toán vào doanh thu của doanh nghiệp¹³; phần còn lại (20%) nộp vào ngân sách nhà nước.</p> <p>Việc quản lý, sử dụng số tiền doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt được sử dụng (80%) thực hiện theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt.</p> <p>2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định này:</p> <p>a) Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan được Bộ Giao thông vận tải chỉ định làm chủ tài khoản.</p> <p>b) Nội dung chi:</p> <p>Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Đề án cho thuê quyền</p> | <p>Điều 22 Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Điều 17 Nghị định này:</p> <p>a) Số tiền thu được từ phí được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.</p> <p>b) Số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều 16, khoản 5 Điều 17 Nghị định này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt được sử dụng 80% để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, trả nợ vốn vay, vốn huy động liên quan đến khai thác tài sản (nếu có) để đầu tư, nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật và phải hạch toán vào doanh thu của doanh nghiệp¹⁴; phần còn lại (20%) nộp vào ngân sách nhà nước. Trong đó, hàng quý, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm tổng hợp số tiền thu được từ việc trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quy định tại Điều 17 Nghị định này, xác định số phải nộp ngân sách nhà nước và thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước muộn nhất vào ngày 15 của tháng đầu tiên quý liền kề.</p> <p>Việc quản lý, sử dụng số tiền doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt được sử dụng (80%) thực hiện theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt.</p> <p>2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định này:</p> <p>a) Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được nộp vào tài khoản tạm giữ của cơ quan quản lý tài sản đường sắt tại Kho bạc Nhà nước.</p> <p>b) Nội dung chi:</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định số phải nộp và thời hạn nộp NSNN số tiền thu được từ việc trực tiếp khai thác tài sản KCHTĐS. - Nguyên tắc xác định dự toán chi phí từ việc trực tiếp khai thác tài sản KCHTĐS. - Bỏ chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp khai thác trong nội dung chi do khi chưa hoàn thành việc chuyển nhượng quyền khai thác thì doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia vẫn có trách nhiệm quản lý tài sản được giao. |

¹³ Theo quy định tại TCKT VN ban hành kèm theo QĐ số 149/2002/QĐ-BTC, được hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của BTC: Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế do doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động SXKD thông thường của DN, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

¹⁴ Theo quy định tại TCKT VN ban hành kèm theo QĐ số 149/2002/QĐ-BTC, được hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của BTC: Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế do doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động SXKD thông thường của DN, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá cho thuê/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp khai thác; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên cho thuê/Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng; các chi phí khác có liên quan.

c) Dự toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

d) Mức chi làm căn cứ lập dự toán chi phí, việc lập dự toán chi phí, trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định này

e) Định kỳ 6 tháng (chậm nhất vào ngày 30 tháng 5 và 31 tháng 10) chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (sau khi đã hoàn thành việc thanh toán chi phí theo quy định tại điểm c, điểm d khoản này được trích từ tài khoản tạm giữ) vào ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

đ) Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; chi phí kiểm kê, đo vẽ, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá cho thuê/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; ~~chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp khai thác~~; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên cho thuê/Bên chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng; các chi phí khác có liên quan.

c) Dự toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt lập, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định này.

Trong các khoản chi phí phục vụ quản lý, khai thác, khoản chi nào đã có hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ chính sách do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc pháp luật quy định (thuế, kế toán, thống kê và các pháp luật có liên quan) và có giá của Nhà nước quy định thì tính theo các quy định đó; khoản chi nào chưa có hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật và các nguyên tắc mua sắm, chi tiêu thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm quản lý khai thác phê duyệt và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Trường hợp liên quan đến nhiều sản phẩm, nhiệm vụ, công việc khác nhau mà không thể tách riêng ra được như khấu hao, hao mòn tài sản; tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn; chi phí phục vụ quản lý, khai thác... thì cần tập hợp và phân bổ theo tiêu thức thích hợp phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan cho từng sản phẩm hoặc nhiệm vụ.

d) Mức chi làm căn cứ lập dự toán chi phí, việc lập dự toán chi phí, trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định này.

e) Định kỳ 6 tháng (chậm nhất vào ngày 30 tháng 5 và 31 tháng 10) chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (sau khi đã hoàn thành việc thanh toán chi phí theo quy định tại điểm c, điểm d khoản này được trích từ tài khoản tạm giữ) vào ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

đ) Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

| | | |
|---|--|--|
| <p>Điều 23. Hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thu hồi tài sản. 2. Điều chuyển tài sản. 3. Chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý. 4. Thanh lý tài sản. 5. Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại. 6. Hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật. | <p>Điều 23. Hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thu hồi tài sản. 2. Điều chuyển tài sản. 3. Chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý. 4. Thanh lý tài sản. 5. Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại. 6. Hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật. | |
| <p>Điều 24. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt bị thu hồi trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> a) Khi có sự thay đổi về quy hoạch. b) Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia: <ol style="list-style-type: none"> a) Thủ tướng Chính phủ quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia. b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này. 3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thu hồi được xử lý theo các hình thức sau: <ol style="list-style-type: none"> a) Điều chuyển. b) Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý. 4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (trừ trường hợp quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này): <ol style="list-style-type: none"> a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm: <ul style="list-style-type: none"> Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt về việc đề nghị thu hồi tài sản; 01 bản chính; Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào | <p>Điều 24. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt bị thu hồi trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> a) Khi có sự thay đổi về quy hoạch. b) Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia: <ol style="list-style-type: none"> a) Thủ tướng Chính phủ quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia. b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này. 3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thu hồi được xử lý theo các hình thức sau: <ol style="list-style-type: none"> a) Điều chuyển. b) Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý. 4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (trừ trường hợp quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này): <ol style="list-style-type: none"> a) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, báo cáo cơ quan quản lý tài sản đường sắt và trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm: <ul style="list-style-type: none"> Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt về việc đề nghị thu hồi tài sản; 01 bản chính; Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn góp ý của các cơ quan liên quan và thời hạn lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. - Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản theo đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác. |

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do thu hồi: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền. Trường hợp việc thu hồi tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến các cơ quan có liên quan, lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thu hồi tài sản. Hồ sơ trình gồm:

Văn bản đề nghị của Bộ Giao thông vận tải về việc thu hồi tài sản: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm: Tên doanh nghiệp có tài sản thu hồi; tên cơ quan được giao thực hiện quyết định thu hồi (là cơ quan quản lý đường sắt quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này); danh mục tài sản thu hồi (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do thu hồi; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Căn cứ Quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện việc lập phương án xử lý tài sản thu hồi theo hình thức quy định tại khoản 3 Điều này để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở đó, tổ chức thực hiện xử lý tài sản theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Trong thời gian chờ xử lý tài sản thu hồi, doanh nghiệp có tài sản bị thu hồi có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản theo quy định.

đ) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thực hiện kê toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do thu hồi: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, ý kiến của cơ quan quản lý tài sản đường sắt, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền. Trường hợp việc thu hồi tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Bộ Giao thông vận tải, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Bộ Giao thông vận tải lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thu hồi tài sản. Hồ sơ trình gồm:

Văn bản đề nghị của Bộ Giao thông vận tải về việc thu hồi tài sản: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm: Tên doanh nghiệp có tài sản thu hồi; tên cơ quan được giao thực hiện quyết định thu hồi (là cơ quan quản lý đường sắt quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này); danh mục tài sản thu hồi (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng / khối lượng / chiều dài / điện tích, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do thu hồi; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Căn cứ Quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện việc lập phương án xử lý tài sản thu hồi theo hình thức quy định tại khoản 3 Điều này để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở đó, tổ chức thực hiện xử lý tài sản theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Trong thời gian chờ xử lý tài sản thu hồi, doanh nghiệp có tài sản bị thu hồi có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản theo quy định.

đ) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện kê toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đối với trường hợp theo đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt

| | | |
|--|--|---|
| <p>5. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đối với trường hợp theo đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác:</p> <p>a) Căn cứ đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền. Trường hợp việc thu hồi tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thu hồi tài sản. Hồ sơ trình gồm:</p> <p>Văn bản của Bộ Giao thông vận tải về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;</p> <p>Văn bản đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác: 01 bản sao;</p> <p>Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do thu hồi: 01 bản chính;</p> <p>Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.</p> <p>b) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi, xử lý tài sản sau khi thu hồi và trách nhiệm của các cơ quan liên quan thực hiện theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản 4 Điều này.</p> | <p>vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác:</p> <p>a) Căn cứ đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền. Trường hợp việc thu hồi tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thì Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Bộ Giao thông vận tải, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thu hồi tài sản. Hồ sơ trình gồm:</p> <p>Văn bản của Bộ Giao thông vận tải về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;</p> <p>Văn bản đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác: 01 bản sao;</p> <p>Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do thu hồi: 01 bản chính;</p> <p>Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.</p> <p>b) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi, xử lý tài sản sau khi thu hồi và trách nhiệm của các cơ quan liên quan thực hiện theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản 4 Điều này.</p> | |
| <p>Điều 25. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện điều chuyển trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Khi có sự thay đổi về đối tượng quản lý, phân cấp quản lý theo quy định.</p> <p>b) Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển:</p> | <p>Điều 25. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện điều chuyển trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Khi có sự thay đổi về đối tượng quản lý, phân cấp quản lý theo quy định.</p> <p>b) Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển:</p> <p>a) Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.</p> |

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này từ Bộ Giao thông vận tải về địa phương; từ địa phương về Bộ Giao thông vận tải hoặc địa phương khác.

c) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này giữa các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cần điều chuyển, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: 01 bản chính; Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về đối tượng quản lý, phân cấp quản lý thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan tiếp nhận tài sản;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/ diện tích/ khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do điều chuyển: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

Trường hợp việc điều chuyển thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Tài chính thì Bộ Giao thông

b) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này từ Bộ Giao thông vận tải về địa phương; từ địa phương về Bộ Giao thông vận tải hoặc địa phương khác.

c) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này giữa các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cần điều chuyển, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, báo cáo cơ quan quản lý tài sản đường sắt và trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: 01 bản chính; Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về đối tượng quản lý, phân cấp quản lý thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan tiếp nhận tài sản;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/ diện tích/ khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do điều chuyển: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, ý kiến của cơ quan quản lý tài sản đường sắt, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

Trường hợp việc điều chuyển thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Tài chính thì Bộ Giao thông vận tải lập hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ/Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của Bộ Giao thông vận tải về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

vận tải lập hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ/Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của Bộ Giao thông vận tải về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/diện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm:

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận;

Thực hiện kê toán giám, tăng tài sản theo quy định của pháp luật về kê toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

e) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức điều chuyển tài sản thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; danh mục tài sản theo

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/diện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm:

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận;

Thực hiện kê toán giám, tăng tài sản theo quy định của pháp luật về kê toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

e) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức điều chuyển tài sản thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này; hồ sơ liên quan đến tài sản), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Trình tự thực hiện, nội dung quyết định điều chuyển tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều này; trong đó, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp có tài sản điều chuyển.

| | | |
|--|--|---|
| <p>quy định tại điểm a khoản 3 Điều này; hồ sơ liên quan đến tài sản), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Trình tự thực hiện, nội dung quyết định điều chuyển tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều này; trong đó, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp có tài sản điều chuyển.</p> | | |
| <p>Điều 26. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia về địa phương quản lý, xử lý</p> <p>1. Việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tài sản đã được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt nhưng không còn nhu cầu sử dụng làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>b) Bị loại ra khỏi quy hoạch kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt về địa phương quản lý, xử lý:</p> <p>a) Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> <p>b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>3. Việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý chỉ áp dụng trong trường hợp không tiếp tục sử dụng tài sản đó cho mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt về địa phương quản lý, xử lý:</p> <p>a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cần chuyển giao, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:</p> <p>Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt về việc đề nghị</p> | <p>Điều 26. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia về địa phương quản lý, xử lý</p> <p>1. Việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tài sản đã được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt nhưng không còn nhu cầu sử dụng làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>b) Bị loại ra khỏi quy hoạch kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt về địa phương quản lý, xử lý:</p> <p>a) Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> <p>b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>3. Việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý chỉ áp dụng trong trường hợp không tiếp tục sử dụng tài sản đó cho mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt về địa phương quản lý, xử lý:</p> <p>a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cần chuyển giao, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, báo cáo cơ quan quản lý tài sản đường sắt và trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:</p> <p>Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt về việc đề nghị chuyển giao tài sản: 01 bản chính;</p> <p>Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản): 01 bản chính;</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.</p> |

chuyển giao tài sản: 01 bản chính;

Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản): 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao ((tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/diện tích/khối lượng, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản; lý do chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý): 01 bản chính;

Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này xem xét, quyết định chuyển giao tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hỏi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.

Trường hợp việc chuyển giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Bộ Giao thông vận tải lập hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chuyển giao tài sản hoặc có văn bản hỏi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của Bộ Giao thông vận tải về việc đề nghị chuyển giao tài sản: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản); danh mục tài sản chuyển giao (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiếp nhận tài sản và giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao ((tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản; lý do chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý): 01 bản chính;

Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, ý kiến của cơ quan quản lý tài sản đường sắt, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này xem xét, quyết định chuyển giao tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hỏi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.

Trường hợp việc chuyển giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Bộ Giao thông vận tải, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan thì Bộ Giao thông vận tải lập hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chuyển giao tài sản hoặc có văn bản hỏi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của Bộ Giao thông vận tải về việc đề nghị chuyển giao tài sản: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản); danh mục tài sản chuyển giao (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiếp nhận tài sản và giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện).

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định tiếp nhận tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có tài sản

quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện).

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định tiếp nhận tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Bên giao thực hiện kế toán giám tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

g) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao chi trả.

Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan tiếp nhận.

Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm mở sổ theo dõi, hạch toán riêng đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này.

h) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

Trình tự thực hiện, nội dung Quyết định chuyển giao tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, e, g và h khoản 4 Điều này; trong đó, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp có tài sản chuyển giao.

6. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để xử lý hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật

chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Bên giao thực hiện kế toán giám tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

g) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao chi trả.

Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan tiếp nhận.

Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm mở sổ theo dõi, hạch toán riêng đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này.

h) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

Trình tự thực hiện, nội dung Quyết định chuyển giao tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, e, g và h khoản 4 Điều này; trong đó, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp có tài sản chuyển giao.

6. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để xử lý hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật như sau:

a) Trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Trường hợp giao đất để xây dựng trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý) thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

| | | |
|--|---|--|
| <p>như sau:</p> <p>a) Trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.</p> <p>b) Trường hợp giao đất để xây dựng trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý) thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>c) Trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đấu giá tài sản, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.</p> | <p>c) Trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đấu giá tài sản, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.</p> | |
| <p>Điều 27. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thanh lý trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Tài sản bị hư hỏng mà không thể sửa chữa hoặc việc sửa chữa để tiếp tục sử dụng không có hiệu quả.</p> <p>b) Phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cũ để đầu tư xây dựng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt mới hoặc để đảm bảo giao thông, hoàn trả mặt bằng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định hoặc ban hành Quy định thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.</p> <p>3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thanh lý theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ.</p> <p>4. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:</p> <p>Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản chính;</p> <p>Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/diện tích/khối</p> | <p>Điều 27. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thanh lý trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Tài sản bị hư hỏng mà không thể sửa chữa hoặc việc sửa chữa để tiếp tục sử dụng không có hiệu quả.</p> <p>b) Phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cũ để đầu tư xây dựng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt mới hoặc để đảm bảo giao thông, hoàn trả mặt bằng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền cho cơ quan quản lý tài sản đường sắt quốc gia quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.</p> <p>3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thanh lý theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ.</p> <p>4. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:</p> <p>Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản chính;</p> <p>Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/diện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do thanh lý: 01 bản chính;</p> | <p>Khoản 8 Điều 27 dự thảo Nghị định quy định về bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng: "<i>Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quyết định việc bán vật liệu, vật tư thu hồi. Việc bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.</i>", trong khi đó Điều 31 Nghị định 151/2017/NĐ-CP quy định cho nhiều trường hợp. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định chi tiết để thuận lợi trong quá trình thực hiện.</p> |

lượng, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do thanh lý: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có tài sản thanh lý; danh mục tài sản thanh lý (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản; lý do thanh lý); hình thức thanh lý; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Căn cứ Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và xử lý vật liệu, vật tư thu hồi. Việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6 và 7 Điều này.

5. Hình thức xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ việc phá dỡ công trình:

a) Giao vật liệu, vật tư thu hồi cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt để sử dụng vào công tác bảo trì đối với vật liệu, vật tư còn sử dụng được.

b) Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp khác để quản lý, sử dụng.

c) Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng.

d) Hủy bỏ đối với vật liệu, vật tư không còn sử dụng được. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức thực hiện việc hủy bỏ vật liệu, vật tư không còn sử dụng được.

6. Giao vật liệu, vật tư thu hồi cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt để sử dụng vào công tác bảo trì đối với vật liệu, vật tư còn sử dụng được: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có văn bản trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định giao vật liệu, vật tư thu hồi đưa vào sử dụng; trong trường hợp này, không thực hiện bố trí kinh phí bảo trì đối với phần giá trị vật liệu, vật tư đưa vào sử dụng cho công tác bảo trì; trường hợp đã bố trí trong dự toán kinh phí bảo trì thì giảm trừ vào dự toán

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có tài sản thanh lý; danh mục tài sản thanh lý (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản; lý do thanh lý); hình thức thanh lý; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Căn cứ Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và xử lý vật liệu, vật tư thu hồi. Việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6 và 7 Điều này.

5. Hình thức xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ việc phá dỡ công trình:

a) Giao vật liệu, vật tư thu hồi cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt để sử dụng vào công tác bảo trì đối với vật liệu, vật tư còn sử dụng được.

b) Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp khác để quản lý, sử dụng.

c) Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng.

d) Hủy bỏ đối với vật liệu, vật tư không còn sử dụng được. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức thực hiện việc hủy bỏ vật liệu, vật tư không còn sử dụng được.

6. Giao vật liệu, vật tư thu hồi cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt để sử dụng vào công tác bảo trì đối với vật liệu, vật tư còn sử dụng được: Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có văn bản trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định giao vật liệu, vật tư thu hồi đưa vào sử dụng; trong trường hợp này, không thực hiện bố trí kinh phí bảo trì đối với phần giá trị vật liệu, vật tư đưa vào sử dụng cho công tác bảo trì; trường hợp đã bố trí trong dự toán kinh phí bảo trì thì giảm trừ vào dự toán kinh phí bảo trì năm đó tương ứng với giá trị vật liệu, vật tư theo dự toán và giá trị hợp đồng bảo trì.

7. Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt khác để quản lý, sử dụng:

a) Trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt báo cáo cơ quan quản lý tài sản đường sắt quốc gia và đề nghị của cơ

kinh phí bảo trì năm đó tương ứng với giá trị vật liệu, vật tư theo dự toán và giá trị hợp đồng bảo trì.

7. Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt khác để quản lý, sử dụng:

a) Trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt và đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý; Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển ra ngoài Bộ Giao thông vận tải.

b) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó: 01 bản chính;

Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (chúng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): 01 bản chính;

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có): 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi chưa phù hợp.

d) Trường hợp việc điều chuyển thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải đề nghị Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển chưa phù hợp.

đ) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên doanh nghiệp được giao quản lý tài sản có vật liệu, vật tư điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chúng loại, số lượng, tình trạng); mục đích sử dụng sau khi tiếp nhận; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản

quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý; Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển ra ngoài Bộ Giao thông vận tải.

b) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó: 01 bản chính;

Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (chúng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): 01 bản chính;

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có): 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, ý kiến của cơ quan quản lý tài sản đường sắt quốc gia, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi chưa phù hợp.

d) Trường hợp việc điều chuyển thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải đề nghị Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển chưa phù hợp.

đ) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên doanh nghiệp được giao quản lý tài sản có vật liệu, vật tư điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chúng loại, số lượng, tình trạng); mục đích sử dụng sau khi tiếp nhận; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi; việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quyết định việc bán vật liệu, vật tư thu hồi. Việc bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định

| | | |
|--|---|--|
| <p>đường sắt và cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận có trách nhiệm tổ chức bán giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi; việc bán giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>8. Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng:</p> <p>Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quyết định việc bán vật liệu, vật tư thu hồi. Việc bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.</p> <p>9. Trường hợp thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cũ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này mà trong dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có quy định về thanh lý tài sản thì việc thanh lý tài sản thực hiện theo dự án được duyệt; doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt không phải thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này; việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều này, trừ trường hợp giá trị vật liệu, vật tư thu hồi đã được tính trừ vào giá trị gói thầu của dự án.</p> <p>10. Sau khi hoàn thành việc thanh lý tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thực hiện kê toán giám tài sản, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.</p> | <p>số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.</p> <p>9. Trường hợp thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cũ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này mà trong dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có quy định về thanh lý tài sản thì việc thanh lý tài sản thực hiện theo dự án được duyệt; doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt không phải thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này; việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều này, trừ trường hợp giá trị vật liệu, vật tư thu hồi đã được tính trừ vào giá trị gói thầu của dự án.</p> <p>10. Sau khi hoàn thành việc thanh lý tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện kê toán giám tài sản, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.</p> | |
| <p>Điều 28. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại</p> <p>1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định hoặc ban hành Quy định thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:</p> <p>a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy</p> | <p>Điều 28. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại</p> <p>1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định hoặc ban hành Quy định thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:</p> <p>a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, báo cáo cơ quan quản lý tài sản đường sắt và trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại</p> | <p>Dự thảo Nghị định quy định xử lý tài sản KCHTĐS quốc gia trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại: nội dung quy định doanh nghiệp quản lý tài sản KCHTĐS quốc gia “Xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật” là chưa phù hợp do doanh nghiệp quản lý tài sản KCHTĐS quốc gia không có thẩm quyền xử phạt theo pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.</p> <p>Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cho phù hợp.</p> |

| | | |
|--|--|--|
| <p>định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị gồm:</p> <p>Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt về việc đề nghị xử lý tài sản: 01 bản chính;</p> <p>Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính;</p> <p>Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có): 01 bản chính;</p> <p>Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản sao.</p> <p>b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định xử lý tài sản.</p> <p>c) Nội dung chủ yếu của Quyết định xử lý tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có tài sản bị mất, bị hủy hoại; danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại; trách nhiệm tổ chức thực hiện.</p> <p>4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm:</p> <p>a) Thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán.</p> <p>b) Báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>c) Xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho việc khắc phục hậu quả, sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt để khôi phục hoạt động đường sắt an toàn, thông suốt.</p> <p>Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt bị mất, bị hủy hoại được doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan bồi thường thiệt hại thì số tiền thu được từ việc bồi thường thiệt hại tài sản được quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này, sau khi trừ chi phí có liên quan (nếu có), nộp ngân sách nhà nước theo quy định và được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng tài sản thay thế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.</p> | <p>khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị gồm:</p> <p>Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt về việc đề nghị xử lý tài sản: 01 bản chính;</p> <p>Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính;</p> <p>Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có): 01 bản chính;</p> <p>Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản sao.</p> <p>b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, ý kiến của cơ quan quản lý tài sản đường sắt, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định xử lý tài sản.</p> <p>c) Nội dung chủ yếu của Quyết định xử lý tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có tài sản bị mất, bị hủy hoại; danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/diện tích/khối lượng...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại; trách nhiệm tổ chức thực hiện.</p> <p>4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm:</p> <p>a) Thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán.</p> <p>b) Báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>c) Xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho việc khắc phục hậu quả, sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt để khôi phục hoạt động đường sắt an toàn, thông suốt.</p> <p>Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt bị mất, bị hủy hoại được doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan bồi thường thiệt hại thì số tiền thu được từ việc bồi thường thiệt hại tài sản được quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này, sau khi trừ chi phí có liên quan (nếu có), nộp ngân sách nhà nước theo quy định và được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng tài sản thay thế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.</p> | |
|--|--|--|

| | | |
|---|---|---|
| <p>theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.</p> | | |
| <p>Điều 29. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan được Bộ Giao thông vận tải chỉ định làm chủ tài khoản.</p> <p>2. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm lập dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản, trình chủ tài khoản tạm giữ quy định tại khoản 1 Điều này phê duyệt (thời hạn phê duyệt dự toán là 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt nộp dự toán).</p> <p>3. Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gồm:</p> <p>a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ.</p> <p>b) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ.</p> <p>c) Chi phí xác định giá, thẩm định giá.</p> <p>d) Chi phí tổ chức bán vật liệu, vật tư thu hồi.</p> <p>đ) Chi phí bảo vệ, bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.</p> <p>e) Chi phí hợp lý khác có liên quan.</p> <p>4. Mức chi làm căn cứ lập dự toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 3 Điều này:</p> <p>a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.</p> <p>b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo hợp đồng ký giữa doanh nghiệp được giao quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được</p> | <p>Điều 29. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia</p> <p>1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan được Bộ Giao thông vận tải chỉ định làm chủ tài khoản.</p> <p>2. Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm lập dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản, trình cơ quan quản lý tài sản đường sắt quốc gia chủ tài khoản tạm giữ quy định tại khoản 1 Điều này phê duyệt (thời hạn phê duyệt dự toán là 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt nộp dự toán).</p> <p>3. Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia gồm:</p> <p>a) Chi phí kiểm kê, đo vẽ.</p> <p>b) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ.</p> <p>c) Chi phí xác định giá, thẩm định giá.</p> <p>d) Chi phí tổ chức bán vật liệu, vật tư thu hồi.</p> <p>đ) Chi phí bảo vệ, bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.</p> <p>e) Chi phí hợp lý khác có liên quan.</p> <p>4. Mức chi làm căn cứ lập dự toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại khoản 3 Điều này:</p> <p>a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.</p> <p>b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo hợp đồng ký giữa doanh nghiệp được giao quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được giao nhiệm vụ xử lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.</p> | <p>Đề nghị điều chỉnh bổ sung các nội dung:</p> <p>- Để tạo thuận lợi trong việc thực hiện đề nghị quy định rõ chủ tài khoản tạm giữ là cơ quan quản lý tài sản đường sắt quốc gia.</p> <p>- Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, thẩm quyền quyết định mức chi là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản KCHTĐS.</p> <p>- Bổ sung nội dung “Cơ quan quản lý tài sản đường sắt quốc gia căn cứ vào mức chi này để xem xét phê duyệt dự toán chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia lập” vào khoản 4 Điều này để giải quyết được vướng mắc khi chưa duyệt được dự toán chi phí làm cơ sở thanh toán các chi phí xử lý tài sản do Tổng công ty ĐSVN thực hiện.</p> |

giao nhiệm vụ xử lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị thanh toán, gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả. Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi đề nghị thanh toán. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính.

b) Văn bản thẩm định dự toán của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

d) Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; Hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ và các dịch vụ khác (nếu có); Hóa đơn, Phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

7. Quá thời hạn quy định tại khoản 6 Điều này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt không gửi hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả và cũng không có văn bản về lý do chưa hoàn thiện hồ sơ thanh toán, chủ tài khoản tạm giữ nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 8 Điều này.

8. Định kỳ 6 tháng (chậm nhất vào ngày 30 tháng 5 và 31 tháng 10), chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ xử lý tài sản (sau khi đã hoàn thành việc thanh toán chi phí được trích từ tài khoản tạm giữ) vào ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

9. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tự bù

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị thanh toán, gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả. Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi đề nghị thanh toán. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính.

b) Văn bản thẩm định dự toán của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.

d) Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; Hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ và các dịch vụ khác (nếu có); Hóa đơn, Phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

7. Quá thời hạn quy định tại khoản 6 Điều này, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt không gửi hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả và cũng không có văn bản về lý do chưa hoàn thiện hồ sơ thanh toán, chủ tài khoản tạm giữ nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 8 Điều này.

8. Định kỳ 6 tháng (chậm nhất vào ngày 30 tháng 5 và 31 tháng 10), chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ xử lý tài sản (sau khi đã hoàn thành việc thanh toán chi phí được trích từ tài khoản tạm giữ) vào ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

9. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tự bù đắp từ nguồn thu của doanh nghiệp.

| | | |
|--|--|--|
| <p>đáp từ nguồn thu của doanh nghiệp.</p> | | |
| <p>Điều 30. Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được đầu tư theo phương thức đối tác công - tư</p> <p>1. Việc đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo phương thức đối tác công - tư và việc chuyển giao tài sản được hình thành thông qua quá trình thực hiện dự án theo hình thức đối tác công - tư cho Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.</p> <p>2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư:</p> <p>a) Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> <p>b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>3. Căn cứ Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền về việc sử dụng tài sản đường sắt quốc gia hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư, căn cứ dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và Hợp đồng ký kết, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thực hiện bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án. Việc bàn giao được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>4. Nhà đầu tư thực hiện dự án theo phương thức đối tác công - tư có trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (bao gồm cả tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý tham gia vào dự án) đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng cho đến khi chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm theo dõi, báo cáo phần tài sản được sử dụng để tham gia dự án trong quá trình giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án.</p> <p>5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng dự án, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra,</p> | <p>Điều 30. Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được đầu tư theo phương thức đối tác công tư</p> <p>1. Việc đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo phương thức đối tác công tư và việc chuyển giao tài sản được hình thành thông qua quá trình thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư cho Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được đầu tư theo phương thức đối tác công tư không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hệ thống đường sắt quốc, đường sắt đô thị, quy hoạch phát triển đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị và tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:</p> <p>a) Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> <p>b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>3. Căn cứ Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền về việc sử dụng tài sản đường sắt quốc gia hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, căn cứ dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và Hợp đồng ký kết, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thực hiện bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án. Việc bàn giao được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>4. Nhà đầu tư thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư có trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (bao gồm cả tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý tham gia vào dự án) đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng cho đến khi chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm theo dõi, báo cáo phần tài sản được sử dụng để tham gia dự án trong quá trình giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án.</p> <p>5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng dự án, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra,</p> | |

| | | |
|--|--|--|
| <p>giám sát nhà đầu tư thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này cho đến khi nhà đầu tư chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> | <p>giám sát nhà đầu tư thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này cho đến khi nhà đầu tư chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> | |
| <p>Điều 31. Hồ sơ quản lý, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</p> <p>1. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị, trách nhiệm lập, quản lý, lưu trữ hồ sơ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị định này.</p> <p>2. Việc xác định đối tượng ghi sổ kế toán tài sản, trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị trong việc kê toán, báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị, nguyên tắc xác định nguyên giá, giá trị còn lại, việc điều chỉnh nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 13 Nghị định này.</p> <p>3. Chế độ kê toán, quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> | <p>Điều 31. Hồ sơ quản lý, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</p> <p>1. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị, trách nhiệm lập, quản lý, lưu trữ hồ sơ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị định này.</p> <p>2. Việc xác định đối tượng ghi sổ kế toán tài sản, trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong việc kê toán, báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị, nguyên tắc xác định nguyên giá, giá trị còn lại, việc điều chỉnh nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị, việc sử dụng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 13 Nghị định này.</p> <p>3. Chế độ kê toán, quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> | |
| <p>Điều 32. Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị và quản lý, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản</p> <p>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định một trong các phương thức sau đây để thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị từ nguồn ngân sách nhà nước:</p> <p>a) Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản đường sắt đô thị¹⁵ tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán chi</p> | <p>Điều 32. Quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị và quản lý, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản</p> <p>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định một trong các phương thức sau đây để thực hiện quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị từ nguồn ngân sách nhà nước:</p> <p>a) Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản đường sắt đô thị¹⁶ tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán chi ngân sách nhà nước về</p> | <p>- Điều 49 Luật Ngân sách nhà nước quy định:</p> <p>“1. Sau khi được Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách, các đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và địa phương thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và đơn vị thuộc ngân sách cấp dưới trong trường hợp có ủy quyền thực hiện nhiệm vụ chi của mình, gửi cơ quan tài chính cùng cấp, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện. Việc phân bổ và giao dự toán phải bảo đảm thời hạn và yêu cầu quy định</p> |

¹⁵ UBND cấp tỉnh theo quy định của Luật ĐS năm 2017.

¹⁶ UBND cấp tỉnh theo quy định của Luật ĐS năm 2017.

| | | |
|--|--|---|
| <p>ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.</p> <p>Việc thực hiện dự toán, quyết toán chi ngân sách về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>b) Căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá bảo trì, khối lượng công việc cần thực hiện và kế hoạch bảo trì tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan quản lý đường sắt đô thị có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản đường sắt đô thị tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho cơ quan quản lý đường sắt đô thị.</p> <p>Cơ quan quản lý đường sắt đô thị tổ chức đặt hàng hoặc đấu thầu công tác bảo trì tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật.</p> <p>Việc thực hiện dự toán, quyết toán chi ngân sách về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Các nội dung khác liên quan đến bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5 và 6 Điều 14 Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>3. Việc đầu tư, nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có và việc quản lý, vận hành trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt trong trường hợp chủ đầu tư dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 15 Nghị định này.</p> | <p>công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.</p> <p>Việc thực hiện dự toán, quyết toán chi ngân sách về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>b) Căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá bảo trì, khối lượng công việc cần thực hiện và kế hoạch bảo trì tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan quản lý đường sắt đô thị có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản đường sắt đô thị tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho cơ quan quản lý đường sắt đô thị.</p> <p>Cơ quan quản lý đường sắt đô thị tổ chức đặt hàng hoặc đấu thầu công tác bảo trì tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật.</p> <p>Việc thực hiện dự toán, quyết toán chi ngân sách về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Các nội dung khác liên quan đến bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5 và 6 Điều 14 Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>3. Việc đầu tư, nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có và việc quản lý, vận hành trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo dự án sử dụng vốn nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt trong trường hợp chủ đầu tư dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng không phải là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 15 Nghị định này.</p> | <p>tại Điều 50 của Luật này.”</p> <p>- Khoản 3 Điều 22 Luật Đường sắt quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng nguồn tài chính được bố trí cho công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do Nhà nước đầu tư.</p> <p>- Khoản 4 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định: “<i>Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, căn cứ các quy định chung về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; sản phẩm, dịch vụ công ích tại Chương II và Chương III Nghị định này (bao gồm cả nội dung tại các mẫu kèm theo Nghị định), để quy định chi tiết, bổ sung thêm các nội dung về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu (nếu thấy cần thiết) cho phù hợp với yêu cầu quản lý và tính chất đặc thù của từng lĩnh vực chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan.</i>”</p> <p>Căn cứ quy định trên, Bộ GTVT đề nghị Bộ Tài chính xem xét ý kiến của UBND Tp. Hà Nội, UBND Tp. Hồ Chí Minh để cân nhắc lựa chọn phương án phù hợp.</p> |
| <p>Điều 33. Phương thức và nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</p> <p>1. Phương thức khai thác:</p> | <p>Điều 33. Phương thức và nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</p> <p>1. Phương thức khai thác:</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.</p> |

| | | |
|---|--|---|
| <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản.</p> <p>b) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>2. Nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm:</p> <p>a) Phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.</p> <p>b) Tiền thu từ cung cấp dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt và các dịch vụ theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Tiền thu từ cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>d) Các khoản thu khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Trong quá trình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, trường hợp lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì việc lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về viễn thông; việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định này.</p> <p>4. Trường hợp nhượng quyền để kinh doanh, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo Hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (O&M) thì trong thời gian thực hiện hợp đồng, việc nhượng quyền để kinh doanh, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công - tư; không thực hiện việc khai thác theo quy định tại Nghị định này.</p> | <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản.</p> <p>b) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>2. Nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm:</p> <p>a) Phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.</p> <p>b) Tiền thu từ cung cấp dịch vụ sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt và các dịch vụ theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Tiền thu từ cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>d) Các khoản thu khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Trong quá trình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, trường hợp lắp đặt công trình viễn thông, công trình điện, công trình cấp, thoát nước trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì việc lắp đặt các công trình này trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan; giá sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt trong trường hợp này thực hiện theo khoản 6 Điều 34 Nghị định này, việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ lắp đặt công trình viễn thông, công trình điện, công trình cấp, thoát nước trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định này.</p> <p>4. Trường hợp nhượng quyền để kinh doanh, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo Hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (O&M) thì trong thời gian thực hiện hợp đồng, việc nhượng quyền để kinh doanh, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công - tư; không thực hiện việc khai thác theo quy định tại Nghị định này.</p> | |
| <p>Điều 34. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác</p> <p>1. Thẩm quyền phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:</p> <p>a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.</p> | <p>Điều 34. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác</p> <p>1. Thẩm quyền phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:</p> <p>a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền cho đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.</p> |

| | | |
|---|--|--|
| <p>a khoản này.</p> <p>2. Lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>Thành phần hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định này.</p> <p>b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.</p> <p>3. Lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ:</p> <p>a) Việc lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.</p> <p>b) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, lập hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án. Hồ sơ trình gồm:</p> <p>Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt Đề án kèm theo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án: 01 bản chính;</p> <p>Đề án khai thác tài sản do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;</p> <p>Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập): 01 bản chính;</p> <p>Ý kiến các cơ quan có liên quan: 01 bản sao.</p> <p>4. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định này.</p> <p>5. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thực hiện việc cung cấp dịch vụ liên</p> | <p>2. Lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>Thành phần hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định này.</p> <p>b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền cho đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.</p> <p>3. Lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ:</p> <p>a) Việc lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.</p> <p>b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, các cơ quan liên quan có trách nhiệm cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ về Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án. Hồ sơ trình gồm:</p> <p>Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt Đề án kèm theo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án: 01 bản chính;</p> <p>Đề án khai thác tài sản do doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;</p> <p>Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập): 01 bản chính;</p> <p>Ý kiến các cơ quan có liên quan: 01 bản sao.</p> <p>4. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định này.</p> <p>5. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ</p> | |
|---|--|--|

| | | |
|---|---|---|
| <p>quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân gồm:</p> <p>a) Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>b) Các dịch vụ khác liên quan đến khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Xác định giá cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này</p> <p>a) Trường hợp giá cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này thuộc danh mục dịch vụ do Nhà nước định giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.</p> <p>b) Trường hợp giá cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này không thuộc danh mục hàng hóa¹⁷, dịch vụ do Nhà nước định giá, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm xác định giá của từng loại dịch vụ, trình Hội đồng thành viên của doanh nghiệp phê duyệt. Giá các loại dịch vụ phải được niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị trước thời điểm áp dụng.</p> <p>7. Hội đồng thành viên của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm ban hành Quy chế cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này để thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch, hiệu quả.</p> <p>8. Trong quá trình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.</p> | <p>tầng đường sắt đô thị thực hiện việc cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân gồm:</p> <p>a) Dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>b) Các dịch vụ khác liên quan đến khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Xác định giá cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này</p> <p>a) Trường hợp giá cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này thuộc danh mục dịch vụ do Nhà nước định giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.</p> <p>b) Trường hợp giá cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này không thuộc danh mục hàng hóa¹⁸, dịch vụ do Nhà nước định giá, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị căn cứ vào phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành để xác định giá của từng loại dịch vụ, trình Hội đồng thành viên của doanh nghiệp phê duyệt. Giá các loại dịch vụ phải được niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị trước thời điểm áp dụng.</p> <p>7. Hội đồng thành viên của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có trách nhiệm ban hành Quy chế cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này để thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch, hiệu quả.</p> <p>8. Trong quá trình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị, trường hợp phát sinh vật liệu, vật tư thu hồi thì việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định về xử lý vật liệu, vật tư thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nghị định này.</p> | |
| <p>Điều 35. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</p> <p>1. Phạm vi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được cho thuê quyền khai thác là tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị hoặc một phần tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị hiện có.</p> <p>2. Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> | <p>Điều 35. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</p> <p>1. Phạm vi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được cho thuê quyền khai thác là toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị hoặc một phần tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị hiện có.</p> <p>2. Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> | <p>Để đảm bảo lợi ích cho nhà nước quy định tại Luật PPP, Bộ GTVT thống nhất với dự thảo của Bộ Tài chính và đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung nội dung “ Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ hợp đồng được thực hiện trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng bằng một trong các biện pháp đặt cọc, ký quỹ hoặc bảo lãnh của tổ chức</p> |

¹⁷ Tiếp thu ý kiến tham gia của Cục QLG

¹⁸ Tiếp thu ý kiến tham gia của Cục QLG

| | | |
|--|--|--|
| <p>3. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản được xác phù hợp với từng tài sản (một phần tài sản) kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này phê duyệt tại Đề án cho thuê quyền khai thác.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.</p> <p>5. Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thành phần hồ sơ phê duyệt Đề án thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 18 Nghị định này.</p> <p>b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.</p> <p>6. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định này.</p> <p>7. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị của cơ quan, người có thẩm quyền:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 36 Nghị định này.</p> <p>Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản là tổng số tiền thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 36 Nghị định này được tính cho toàn bộ thời hạn thuê quyền khai thác tài sản.</p> <p>b) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tổ chức thực hiện việc đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; thực hiện đầy đủ việc giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.</p> <p>c) Tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản 7 Điều 18 Nghị định này.</p> | <p>3. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản được xác phù hợp với từng tài sản (một phần tài sản) kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này phê duyệt tại Đề án cho thuê quyền khai thác.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền cho cơ quan quản lý đường sắt đô thị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.</p> <p>5. Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thành phần hồ sơ phê duyệt Đề án thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 18 Nghị định này.</p> <p>b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền cho cơ quan quản lý đường sắt đô thị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.</p> <p>6. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định này.</p> <p>7. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị của cơ quan, người có thẩm quyền:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 36 Nghị định này.</p> <p>Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản là tổng số tiền thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 36 Nghị định này được tính cho toàn bộ thời hạn thuê quyền khai thác tài sản.</p> <p>b) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị tổ chức thực hiện việc đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; thực hiện đầy đủ việc giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.</p> <p>c) Tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản 7 Điều 18 Nghị định này.</p> <p>8. Ký Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị và Phụ lục hợp đồng (nếu có). Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản</p> | <p>tin dụng hoặc ngân hàng được thành lập theo pháp luật Việt Nam, giá trị bảo đảm được xác định bằng 5% tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê theo giá trúng đấu giá” để tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện.</p> |
|--|--|--|

8. Ký Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị và Phụ lục hợp đồng (nếu có). Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của Bên cho thuê quyền khai thác tài sản (doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt).

b) Thông tin của Bên thuê quyền khai thác tài sản (tổ chức trúng đấu giá).

c) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác tài sản (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản).

d) Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

đ) Doanh thu trong phương án giá khởi điểm.

e) Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản; thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản. Trong đó, thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 18 Nghị định này.

g) Tiền ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng (ngoài giá trị tiền thuê theo hợp đồng): Mức tiền ký quỹ do Bên thuê quyền khai thác tài sản gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản. Tiền ký quỹ được xác định bằng 5% tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê theo giá trúng đấu giá.

Trường hợp tại thời điểm kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản mà Bên thuê chưa hoàn thành nghĩa vụ (thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản, vi phạm hợp đồng liên quan đến bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê) thì số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành, phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

h) Trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị và các nội dung cần thiết khác liên quan đến công tác bảo trì.

i) Thời hạn Bên cho thuê quyền khai thác tài sản bàn giao quyền khai thác tài sản cho Bên thuê; thời hạn Bên thuê bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên cho thuê.

kết cấu hạ tầng đường sắt gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của Bên cho thuê quyền khai thác tài sản (doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt).

b) Thông tin của Bên thuê quyền khai thác tài sản (tổ chức trúng đấu giá).

c) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác tài sản (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng / khối lượng / chiều dài/điện tích); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản).

d) Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản.

đ) Doanh thu trong phương án giá khởi điểm.

e) Hình thức thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản; thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản. Trong đó, thời hạn thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 18 Nghị định này.

g) Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ hợp đồng được thực hiện trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng bằng một trong các biện pháp đặt cọc, ký quỹ hoặc bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc ngân hàng được thành lập theo pháp luật Việt Nam, giá trị bảo đảm được xác định bằng 5% tiền thuê của toàn bộ thời hạn cho thuê theo giá trúng đấu giá.

Trường hợp tại thời điểm kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản mà Bên thuê chưa hoàn thành nghĩa vụ (thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản, vi phạm Hợp đồng liên quan đến bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê) thì số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành, phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

h) Trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị và các nội dung cần thiết khác liên quan đến công tác bảo trì.

i) Thời hạn Bên cho thuê quyền khai thác tài sản bàn giao quyền khai thác tài sản cho Bên thuê; thời hạn Bên thuê bàn giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên cho thuê **khí chấm dứt Hợp đồng**.

k) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê:

Hàng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận thuê (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên thuê quyền khai thác tài sản phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% vào tài khoản tạm giữ theo quy

k) Xử lý trường hợp doanh thu khai thác thực tế có biến động lớn so với doanh thu đối chiếu trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê:

Hàng năm, trường hợp doanh thu thực tế từ việc khai thác tài sản nhận thuê (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định) lớn hơn so với mức doanh thu đối chiếu từ 125% trở lên thì Bên thuê quyền khai thác tài sản phải nộp bổ sung 50% phần doanh thu tăng thêm trên 125% vào tài khoản tạm giữ theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định này; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm đề đấu giá;

Bên cho thuê và Bên thuê có trách nhiệm căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán xác định số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung (nếu có) vào tài khoản tạm giữ, trên cơ sở đó, Bên cho thuê có văn bản thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, chủ tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 Nghị định này và Bên thuê đề theo dõi, thực hiện thu, nộp, quản lý số tiền. Thời hạn xác định, thông báo và nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Bên cho thuê và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trước khi thanh lý hợp đồng.

l) Điều kiện chấm dứt hợp đồng.

n) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

m) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan.

Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đã ký kết và Phụ lục hợp đồng đã ký kết (nếu có) được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 Nghị định này để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản.

9. Bên thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có các quyền quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 9 Điều 18 Nghị định này.

10. Bên thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 10

định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định này; trong đó, doanh thu đối chiếu là doanh thu khai thác tài sản của năm tương ứng của thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản trong phương án giá khởi điểm đề đấu giá;

Bên cho thuê và Bên thuê có trách nhiệm căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán xác định số tiền Bên thuê phải nộp bổ sung (nếu có) vào tài khoản tạm giữ, trên cơ sở đó, Bên cho thuê có văn bản thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản, chủ tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 Nghị định này và Bên thuê đề theo dõi, thực hiện thu, nộp, quản lý số tiền. Thời hạn xác định, thông báo và nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Bên cho thuê và chậm nhất là ngày 31 tháng 10 của năm sau liền kề với năm phát sinh doanh thu tăng thêm phải nộp bổ sung; riêng năm cuối cùng nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trước khi thanh lý hợp đồng.

l) Điều kiện chấm dứt hợp đồng.

n) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

m) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan.

Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đã ký kết và Phụ lục hợp đồng đã ký kết (nếu có) được gửi cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 Nghị định này để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản.

9. Bên thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có các quyền quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 9 Điều 18 Nghị định này.

10. Bên thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 10 Điều 18 Nghị định này.

11. Cơ quan quản lý đường sắt đô thị, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; kịp thời xử lý các vi phạm, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

12. Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 38 Nghị định này.

13. Khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo hợp đồng, Bên thuê quyền khai thác tài sản có trách nhiệm:

a) Chuyển giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên cho thuê kể từ ngày kết thúc

Điều 18 Nghị định này.

11. Cơ quan quản lý đường sắt đô thị, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; kịp thời xử lý các vi phạm, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

12. Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 38 Nghị định này.

13. Khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo hợp đồng, Bên thuê quyền khai thác tài sản có trách nhiệm:

a) Chuyển giao lại quyền khai thác tài sản cho Bên cho thuê kể từ ngày kết thúc thời hạn theo hợp đồng, kể cả trường hợp chưa hoàn thành việc thanh lý hợp đồng, chưa bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê.

b) Phối hợp với Bên cho thuê thực hiện kiểm kê, xác định tình trạng sử dụng của tài sản; việc kiểm kê, xác định tình trạng sử dụng của tài sản phải được lập thành biên bản.

c) Thực hiện việc sửa chữa, bảo trì tài sản để khắc phục các hư hại (nếu có) của tài sản.

d) Phối hợp với Bên cho thuê thực hiện việc thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật sau khi hoàn thành khắc phục các hư hại của tài sản (nếu có), hoàn thành việc thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản và Bên thuê có văn bản cam kết tài sản không trong tình trạng cầm cố, thế chấp hoặc thực hiện các biện pháp đảm bảo nghĩa vụ nợ khác.

đ) Thực hiện bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê.

e) Nhận lại số tiền ký quỹ quy định tại điểm g khoản 8 Điều này. Trường hợp tại thời điểm kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản mà Bên thuê chưa hoàn thành việc thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản thì số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải thanh toán, phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

14. Khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo hợp đồng, Bên cho thuê có trách

thời hạn theo hợp đồng, kể cả trường hợp chưa hoàn thành việc thanh lý hợp đồng, chưa bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê.

b) Phối hợp với Bên cho thuê thực hiện kiểm kê, xác định tình trạng sử dụng của tài sản; việc kiểm kê, xác định tình trạng sử dụng của tài sản phải được lập thành biên bản.

c) Thực hiện việc sửa chữa, bảo trì tài sản để khắc phục các hư hại (nếu có) của tài sản.

d) Phối hợp với Bên cho thuê thực hiện việc thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật sau khi hoàn thành khắc phục các hư hại của tài sản (nếu có), hoàn thành việc thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản và Bên thuê có văn bản cam kết tài sản không trong tình trạng cầm cố, thế chấp hoặc thực hiện các biện pháp đảm bảo nghĩa vụ nợ khác.

đ) Thực hiện bàn giao lại tài sản cho Bên cho thuê.

e) Nhận lại số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng quy định tại điểm g khoản 8 Điều này. Trường hợp tại thời điểm kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản mà Bên thuê chưa hoàn thành việc thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản thì số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải thanh toán, phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

14. Khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo hợp đồng, Bên cho thuê có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận để quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này kể từ thời điểm Bên thuê chuyển giao lại quyền khai thác tài sản theo quy định tại điểm a khoản 13 Điều này.

b) Thực hiện việc bảo trì tài sản theo quy định tại Nghị định này kể từ thời điểm Bên thuê chuyển giao lại quyền khai thác theo quy định tại điểm a khoản này (trừ thời gian Bên thuê phải sửa chữa, bảo trì công trình để khắc phục các hư hại của tài sản theo quy định).

15. Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa hết thời hạn cho thuê quyền khai thác theo Hợp đồng thì các bên thực hiện chấm dứt hợp đồng trước hạn. Bên thuê được hoàn trả ~~phần giá trị tương ứng với~~ số tiền thuê quyền khai thác đã nộp tương ứng với thời gian còn lại (nếu có) theo Hợp đồng; việc xác định phần giá trị tương ứng hoàn trả cho Bên thuê (nếu có) do Bên cho thuê chủ trì, phối hợp với Bên thuê xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản quyết định hoàn trả; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường

nhiệm:

a) Tiếp nhận để quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này kể từ thời điểm Bên thuê chuyển giao lại quyền khai thác tài sản theo quy định tại điểm a khoản 13 Điều này.

b) Thực hiện việc bảo trì tài sản theo quy định tại Nghị định này kể từ thời điểm Bên thuê chuyển giao lại quyền khai thác theo quy định tại điểm a khoản này (trừ thời gian Bên thuê phải sửa chữa, bảo trì công trình để khắc phục các hư hại của tài sản theo quy định).

15. Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa hết thời hạn cho thuê quyền khai thác theo Hợp đồng thì các bên thực hiện chấm dứt hợp đồng trước hạn. Bên thuê được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền thuê quyền khai thác đã trả cho thời gian còn lại (nếu có) theo hợp đồng và số tiền ký quỹ quy định tại điểm g khoản 8 Điều này; việc xác định phần giá trị tương ứng hoàn trả cho Bên thuê (nếu có) do Bên cho thuê chủ trì, phối hợp với Bên thuê xác định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoàn trả; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên cho thuê hoặc cơ quan quản lý đường sắt đô thị để hoàn trả; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 13, khoản 14 Điều này.

16. Việc xử lý vi phạm hợp đồng, tranh chấp hợp đồng thực hiện theo hợp đồng đã ký kết, pháp luật dân sự và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng thì các nội dung xử lý khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 13, khoản 14 Điều này.

17. Trường hợp trong thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn đầu tư công được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan. Bên thuê được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền thuê quyền khai thác đã trả theo hợp đồng (hoặc không phải thanh toán tiền thuê quyền khai thác hàng năm) do không phát sinh nguồn thu trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án hoặc kéo dài thời gian của hợp đồng tương ứng với thời gian phải bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài

xuyên ngân sách nhà nước của Bên cho thuê hoặc cơ quan quản lý đường sắt để hoàn trả; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 13, khoản 14 Điều này.

16. Việc xử lý vi phạm hợp đồng, tranh chấp hợp đồng thực hiện theo hợp đồng đã ký kết, pháp luật dân sự và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng thì các nội dung xử lý khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 13, khoản 14 Điều này.

17. Trường hợp trong thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án sử dụng vốn đầu tư công được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan. Bên thuê được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền thuê quyền khai thác đã nộp theo hợp đồng (hoặc không phải thanh toán tiền thuê quyền khai thác hàng năm) do không phát sinh nguồn thu trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản theo dự án hoặc kéo dài thời gian của hợp đồng tương ứng với thời gian phải bàn giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt để thực hiện việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản; việc xác định phần giá trị hoàn trả cho Bên thuê (nếu có) hoặc kéo dài thời gian của hợp đồng tương ứng do Bên cho thuê chủ trì, phối hợp với Bên thuê xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Dự án cho thuê quyền khai thác tài sản quyết định hoàn trả; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên cho thuê hoặc cơ quan quản lý đường sắt để hoàn trả; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

| | | |
|--|--|--|
| <p>sản đường sắt để thực hiện việc nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản; việc xác định phân giá trị hoàn trả cho Bên thuê (nếu có) hoặc kéo dài thời gian của hợp đồng tương ứng do Bên cho thuê chủ trì, phối hợp với Bên thuê xác định, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản quyết định hoàn trả; số tiền hoàn trả được bố trí vào dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bên cho thuê hoặc cơ quan quản lý tài sản đường sắt để hoàn trả; trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.</p> | | |
| <p>Điều 36. Giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</p> <p>1. Giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị là khoản tiền tổ chức thuê quyền khai thác tài sản phải trả cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo giá trúng đấu giá để được quyền khai thác tài sản theo Hợp đồng ký kết. Trong đó, trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê hàng năm, giá cho thuê của 01 năm được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này.</p> <p>2. Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị là giá ban đầu thấp nhất khi đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản đường sắt đô thị. Cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị là cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá.</p> <p>3. Căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định này.</p> <p>4. Xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.</p> <p>b) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định tại khoản 3 Điều này, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá. Hồ sơ trình gồm:</p> | <p>Điều 36. Giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</p> <p>1. Giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị là khoản tiền tổ chức thuê quyền khai thác tài sản phải trả cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo giá trúng đấu giá để được quyền khai thác tài sản theo Hợp đồng ký kết. Trong đó, trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản theo hình thức trả tiền thuê hàng năm, giá cho thuê của 01 năm được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này.</p> <p>2. Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị là giá ban đầu thấp nhất khi đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản đường sắt đô thị. Cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị là cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá.</p> <p>3. Căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định này.</p> <p>4. Xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường kết cấu hạ tầng sắt đô thị lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.</p> <p>b) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có trách nhiệm xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định tại khoản 3 Điều này, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá. Hồ sơ trình gồm:</p> <p><i>Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị về việc đề nghị phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá.</i></p> | |

| | | |
|---|---|--|
| <p><i>Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá:</i></p> <p>Hồ sơ liên quan đến căn cứ xác định giá khởi điểm quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>c) Trong Quyết định phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản phải xác định doanh thu ước tính hàng năm trong phương án giá khởi điểm để làm doanh thu đối chiếu trong các trường hợp quy định tại điểm k khoản 9 Điều 35 Nghị định này.</p> <p>5. Trường hợp đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị nhưng không thành thì sau hai lần tổ chức đấu giá không thành, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị rà soát nguyên nhân và đề xuất giải pháp, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản xem xét, quyết định tiếp tục thực hiện đấu giá hoặc thay đổi phương thức khai thác sang phương thức doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị như sau:</p> <p>a) Trường hợp tiếp tục thực hiện đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản mà xác định nguyên nhân của việc đấu giá không thành do giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác cao, không còn phù hợp với quy định về xác định giá khởi điểm theo quy định tại Điều này thì thực hiện xác định lại giá khởi điểm để đấu giá cho thuê; việc xác định lại giá khởi điểm được thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.</p> <p>b) Trường hợp thay đổi phương thức khai thác sang phương thức doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thì việc lập, phê duyệt Đề án và tổ chức thực hiện việc khai thác tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định này.</p> <p>6. Căn cứ các quy định tại Nghị định này, trường hợp phát sinh vướng mắc thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có hướng dẫn cụ thể để tổ chức thực hiện việc xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.</p> | <p>Hồ sơ liên quan đến căn cứ xác định giá khởi điểm quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>c) Trong Quyết định phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản phải xác định doanh thu ước tính hàng năm trong phương án giá khởi điểm để làm doanh thu đối chiếu trong các trường hợp quy định tại điểm k khoản 9 Điều 35 Nghị định này.</p> <p>5. Trường hợp đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị nhưng không thành thì sau hai lần tổ chức đấu giá không thành, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị rà soát nguyên nhân và đề xuất giải pháp, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản xem xét, quyết định tiếp tục thực hiện đấu giá hoặc thay đổi phương thức khai thác sang phương thức doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị như sau:</p> <p>a) Trường hợp tiếp tục thực hiện đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản mà xác định nguyên nhân của việc đấu giá không thành do giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác cao, không còn phù hợp với quy định về xác định giá khởi điểm theo quy định tại Điều này thì thực hiện xác định lại giá khởi điểm để đấu giá cho thuê; việc xác định lại giá khởi điểm được thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.</p> <p>b) Trường hợp thay đổi phương thức khai thác sang phương thức doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thì việc lập, phê duyệt Đề án và tổ chức thực hiện việc khai thác tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định này.</p> <p>6. Căn cứ các quy định tại Nghị định này, trường hợp phát sinh vướng mắc thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có hướng dẫn cụ thể để tổ chức thực hiện việc xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.</p> | |
| <p>Điều 37. Sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>1. Trước khi quyết định thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai giao cơ quan tài nguyên môi trường ở</p> | <p>Điều 37. Sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>1. Trước khi quyết định thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai giao cơ quan tài nguyên môi trường ở địa phương có văn bản gửi lấy ý</p> | |

| | | |
|---|---|---|
| <p>địa phương có văn bản gửi lấy ý kiến cơ quan quản lý đường sắt đô thị; trường hợp tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai phải đồng thời có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.</p> <p>Văn bản lấy ý kiến cần nêu rõ: Lý do thu hồi đất; diện tích đất thu hồi; sự phù hợp của việc thu hồi đất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; sự phù hợp của vị trí mới được bố trí đề đầu tư xây dựng tài sản thay thế (nếu có) và các nội dung cần thiết khác.</p> <p>2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai, cơ quan quản lý đường sắt đô thị chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan có ý kiến về việc thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.</p> <p>3. Việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng và xử lý tài sản sau khi cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.</p> | <p>kiến cơ quan quản lý đường sắt đô thị; trường hợp tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai phải đồng thời có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.</p> <p>Văn bản lấy ý kiến cần nêu rõ: Lý do thu hồi đất; diện tích đất thu hồi; sự phù hợp của việc thu hồi đất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; sự phù hợp của vị trí mới được bố trí đề đầu tư xây dựng tài sản thay thế (nếu có) và các nội dung cần thiết khác.</p> <p>2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai, cơ quan quản lý đường sắt đô thị chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan có ý kiến về việc thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.</p> <p>3. Việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng và xử lý tài sản sau khi cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.</p> | |
| <p>Điều 38. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</p> <p>1. Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Điều 34 Nghị định này:</p> <p>a) Số tiền thu được từ phí được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.</p> <p>b)¹⁹ Số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều</p> | <p>Điều 38. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</p> <p>1. Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Điều 34 Nghị định này:</p> <p>a) Số tiền thu được từ phí được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.</p> <p>b)²¹ Số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều 33, khoản 4 Điều 34 Nghị định này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.</p> |

¹⁹ PA 2: UBND cấp tỉnh xem xét quyết định tỷ lệ số tiền cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định này, nộp ngân sách nhà nước, được để lại theo đề nghị của cơ quan quản lý đường sắt đô thị. Theo đó, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị phải hạch toán toàn bộ vào doanh thu của doanh nghiệp, được sử dụng nguồn thu được để lại để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, trả nợ vốn vay, vốn huy động (nếu có) để đầu tư, nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật; phần còn lại nộp vào ngân sách nhà nước. Việc quản lý, sử dụng số tiền doanh nghiệp được để lại và sử dụng theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

²¹ PA 2: UBND cấp tỉnh xem xét quyết định tỷ lệ số tiền cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định này, nộp ngân sách nhà nước, được để lại theo đề nghị của cơ quan quản lý đường sắt đô thị. Theo đó, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị phải hạch toán toàn bộ vào doanh thu của doanh nghiệp, được sử dụng nguồn thu được để lại để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, trả nợ vốn vay, vốn huy động (nếu có) để đầu tư, nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và

| | | |
|---|--|--|
| <p>34 Nghị định này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được sử dụng 80% để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, trả nợ vốn vay, vốn huy động liên quan đến khai thác tài sản (nếu có) để đầu tư, nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật và phải hạch toán vào doanh thu của doanh nghiệp²⁰; phần còn lại (20%) nộp vào ngân sách nhà nước.</p> <p>Việc quản lý, sử dụng số tiền doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được sử dụng (80%) thực hiện theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.</p> <p>2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định tại Điều 35 Nghị định này:</p> <p>b) Nội dung chi:</p> <p>Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị; chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, cá nhân khai thác; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên cho thuê trong thời gian thực hiện hợp đồng; các chi phí khác có liên quan.</p> <p>c) Dự toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.</p> <p>d) Mức chi làm căn cứ lập dự toán chi phí, việc lập dự toán chi phí, trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định này</p> | <p>sử dụng 80% để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, trả nợ vốn vay, vốn huy động liên quan đến khai thác tài sản (nếu có) để đầu tư, nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật và phải hạch toán vào doanh thu của doanh nghiệp²²; phần còn lại (20%) nộp vào ngân sách nhà nước. Trong đó, hàng quý, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có trách nhiệm tổng hợp số tiền thu được từ việc trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quy định tại Điều 17 Nghị định này, xác định số phải nộp ngân sách nhà nước và thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước muộn nhất vào ngày 15 của tháng đầu tiên quý liền kề.</p> <p>Việc quản lý, sử dụng số tiền doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được sử dụng (80%) thực hiện theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.</p> <p>2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định tại Điều 35 Nghị định này:</p> <p>a) Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án quy định tại Điều 35 Nghị định này.</p> <p>b) Nội dung chi:</p> <p>Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị; chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản; chi phí bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian tổ chức lựa chọn tổ chức, cá nhân khai thác; chi phí phục vụ công tác quản lý của Bên cho thuê trong thời gian thực hiện hợp đồng; các chi phí khác có liên quan.</p> <p>c) Dự toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập, trình Ủy ban nhân dân</p> | |
|---|--|--|

thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật; phần còn lại nộp vào ngân sách nhà nước.

Việc quản lý, sử dụng số tiền doanh nghiệp được để lại và sử dụng theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

²⁰ Theo quy định tại TCKT VN ban hành kèm theo QĐ số 149/2002/QĐ-BTC, được hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của BTC: Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế do doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động SXKD thông thường của DN, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

²² Theo quy định tại TCKT VN ban hành kèm theo QĐ số 149/2002/QĐ-BTC, được hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của BTC: Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế do doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động SXKD thông thường của DN, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

| | | |
|--|--|---|
| <p>e) Định kỳ 6 tháng (chậm nhất vào ngày 30 tháng 5 và 31 tháng 10), chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (sau khi đã hoàn thành việc thanh toán chi phí theo quy định tại điểm c, điểm d khoản này được trích từ tài khoản tạm giữ) vào ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.</p> <p>đ) Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.</p> | <p>cấp tỉnh phê duyệt Đề án quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định này.</p> <p>Trong các khoản chi phí phục vụ quản lý, khai thác, khoản chi nào đã có hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ chính sách do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc pháp luật quy định (thuế, kế toán, thống kê và các pháp luật có liên quan) và có giá của Nhà nước quy định thì tính theo các quy định đó; khoản chi nào chưa có hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật và các nguyên tắc mua sắm, chi tiêu thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm quản lý khai thác phê duyệt và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.</p> <p>Trường hợp liên quan đến nhiều sản phẩm, nhiệm vụ, công việc khác nhau mà không thể tách riêng ra được như khấu hao, hao mòn tài sản; tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn; chi phí phục vụ quản lý, khai thác... thì cần tập hợp và phân bổ theo tiêu thức thích hợp phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan cho từng sản phẩm hoặc nhiệm vụ.</p> <p>đ) Mức chi làm căn cứ lập dự toán chi phí, việc lập dự toán chi phí, trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định này</p> <p>e) Định kỳ 6 tháng (chậm nhất vào ngày 30 tháng 5 và 31 tháng 10), chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (sau khi đã hoàn thành việc thanh toán chi phí theo quy định tại điểm c, điểm d khoản này được trích từ tài khoản tạm giữ) vào ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.</p> <p>đ) Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.</p> | |
| <p>Điều 39. Hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</p> <p>Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được xử lý theo các hình thức quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 23 Nghị định này.</p> | <p>Điều 39. Hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</p> <p>Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được xử lý theo các hình thức quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 23 Nghị định này.</p> | |
| <p>Điều 40. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</p> <p>1. Việc thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được thực hiện trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 24 Nghị định này.</p> | <p>Điều 40. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</p> <p>1. Việc thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được thực hiện trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 24 Nghị định này.</p> <p>2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.</p> |

2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thu hồi được xử lý theo các hình thức quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 24 Nghị định này.

4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (trừ trường hợp quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này):

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Thành phần hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 24 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền. Trường hợp việc thu hồi tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến các cơ quan có liên quan, lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thu hồi tài sản. Hồ sơ trình gồm:

Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản thu hồi; tên cơ quan được giao thực hiện quyết định thu hồi (là cơ quan quản lý đường sắt quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này); danh mục tài sản thu hồi (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do thu hồi; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thu hồi được xử lý theo các hình thức quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 24 Nghị định này.

4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (trừ trường hợp quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này):

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, báo cáo cơ quan quản lý đường sắt đô thị và trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Thành phần hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 24 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, ý kiến của cơ quan quản lý tài sản đường sắt đô thị, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền. Trường hợp việc thu hồi tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thu hồi tài sản. Hồ sơ trình gồm:

Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản thu hồi; tên cơ quan được giao thực hiện quyết định thu hồi (là cơ quan quản lý đường sắt quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này); danh mục tài sản thu hồi (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng / khối lượng / chiều dài / diện tích, ...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do thu hồi; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Căn cứ Quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện việc lập phương

d) Căn cứ Quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện việc lập phương án xử lý tài sản thu hồi theo hình thức quy định tại khoản 3 Điều này để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở đó, tổ chức thực hiện xử lý tài sản theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Trong thời gian chờ xử lý tài sản thu hồi, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản bị thu hồi có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản theo quy định.

đ) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thực hiện kế toán giám tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đối với trường hợp theo đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác:

a) Căn cứ đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền. Trường hợp việc thu hồi tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thu hồi tài sản. Hồ sơ trình gồm:

Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác: 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do thu hồi: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi, xử lý tài sản sau khi thu hồi và trách nhiệm của các cơ quan liên quan thực hiện theo quy định tại các điểm c, đ và đ khoản 4 Điều này.

án xử lý tài sản thu hồi theo hình thức quy định tại khoản 3 Điều này để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở đó, tổ chức thực hiện xử lý tài sản theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Trong thời gian chờ xử lý tài sản thu hồi, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản bị thu hồi có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản theo quy định.

đ) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thực hiện kế toán giám tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đối với trường hợp theo đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác:

a) Căn cứ đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác, **doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền.** Trường hợp việc thu hồi tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thu hồi tài sản. Hồ sơ trình gồm:

Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác: 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do thu hồi: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi, xử lý tài sản sau khi thu hồi và trách nhiệm của các cơ quan liên quan thực hiện theo quy định tại các điểm c, đ và đ khoản 4 Điều này.

Điều 41. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được điều chuyển trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 25 Nghị định này.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này giữa trung ương và địa phương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cần điều chuyển, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Thành phần hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 25 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hỏi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

Trường hợp việc điều chuyển thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Tài chính thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ/Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hỏi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Điều 41. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được điều chuyển trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 25 Nghị định này.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này giữa trung ương và địa phương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cần điều chuyển, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, báo cáo cơ quan quản lý tài sản đường sắt đô thị và trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Thành phần hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 25 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, ý kiến của cơ quan quản lý tài sản đường sắt đô thị, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hỏi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

Trường hợp việc điều chuyển thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Tài chính thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ/Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hỏi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm:

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận;

Thực hiện kê toán giảm, tăng tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

e) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức điều chuyển tài sản thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này; hồ sơ liên quan đến tài sản), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Trình tự thực hiện, nội dung quyết định điều chuyển tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều này; trong đó, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu

chức, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do điều chuyển; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm:

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận;

Thực hiện kê toán giảm, tăng tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

đ) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định.

e) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển tài sản.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức điều chuyển tài sản thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này; hồ sơ liên quan đến tài sản), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Trình tự thực hiện, nội dung quyết định điều chuyển tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều này; trong đó, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp có tài sản điều chuyển.

| | | |
|--|---|---|
| <p>hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp có tài sản điều chuyển.</p> | | |
| <p>Điều 42. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị về địa phương quản lý, xử lý</p> <p>1. Việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 26 Nghị định này.</p> <p>2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị về địa phương quản lý, xử lý:</p> <p>a) Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>3. Việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý chỉ áp dụng trong trường hợp không tiếp tục sử dụng tài sản đó cho mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị về địa phương quản lý, xử lý:</p> <p>a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cần chuyển giao, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.</p> <p>Thành phần hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 26 Nghị định này.</p> <p>b) Đối với đề nghị chuyển giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.</p> <p>c) Đối với đề nghị chuyển giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân</p> | <p>Điều 42. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị về địa phương quản lý, xử lý</p> <p>1. Việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 26 Nghị định này.</p> <p>2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị về địa phương quản lý, xử lý:</p> <p>a) Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>3. Việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý chỉ áp dụng trong trường hợp không tiếp tục sử dụng tài sản đó cho mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị về địa phương quản lý, xử lý:</p> <p>a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cần chuyển giao, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản để báo cáo cơ quan quản lý tài sản đường sắt đô thị và trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.</p> <p>Thành phần hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 26 Nghị định này.</p> <p>b) Đối với đề nghị chuyển giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, ý kiến của cơ quan quản lý tài sản đường sắt đô thị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.</p> <p>c) Đối với đề nghị chuyển giao tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có văn bản kèm theo hồ sơ và ý kiến của các cơ quan có liên quan. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ. Trong</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.</p> |

cấp tỉnh xem xét, có văn bản kèm theo hồ sơ và ý kiến của các cơ quan có liên quan đề trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chuyển giao tài sản hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.

d) Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện); danh mục tài sản chuyển giao (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/diện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Bên giao thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

e) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao chi trả.

Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan tiếp nhận.

Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm mở sổ theo dõi, hạch toán riêng đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này.

g) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử

thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chuyển giao tài sản hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản chưa phù hợp.

d) Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản chuyển giao; tên cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện); danh mục tài sản chuyển giao (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/diện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản); lý do chuyển giao; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản chuyển giao (Bên giao) chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản (Bên nhận) tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Bên giao thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

e) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao chi trả.

Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản đến khi hoàn thành việc bàn giao tài sản cho cơ quan tiếp nhận.

Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao có trách nhiệm mở sổ theo dõi, hạch toán riêng đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này.

g) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có Quyết định thu hồi, sau đó được xử lý theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi (kèm theo danh mục tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

Trình tự thực hiện, nội dung Quyết định chuyển giao tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e,

| | | |
|---|---|---|
| <p>lý.</p> <p>Trình tự thực hiện, nội dung Quyết định chuyển giao tài sản, tổ chức thực hiện quyết định và nội dung khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 4 Điều này; trong đó, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp có tài sản chuyển giao.</p> <p>6. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để xử lý hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị định này.</p> | <p>g và h khoản 4 Điều này; trong đó, cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi thực hiện quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp có tài sản chuyển giao.</p> <p>6. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để xử lý hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị định này.</p> | |
| <p>Điều 43. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</p> <p>1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được thanh lý trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 27 Nghị định này.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ban hành Quy định thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.</p> <p>3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được thanh lý theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ.</p> <p>4. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>Thành phần hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 27 Nghị định này.</p> <p>b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.</p> <p>c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản thanh lý; danh mục tài sản thanh lý (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/diện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản; lý do thanh lý); hình thức thanh lý; trách nhiệm tổ chức thực hiện.</p> <p>d) Căn cứ Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị tổ chức thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ</p> | <p>Điều 43. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</p> <p>1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được thanh lý trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 27 Nghị định này.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ban hành Quy định thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.</p> <p>3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được thanh lý theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ.</p> <p>4. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản để báo cáo cơ quan quản lý tài sản đường sắt đô thị và trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>Thành phần hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 27 Nghị định này.</p> <p>b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, ý kiến của cơ quan quản lý tài sản đường sắt đô thị, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.</p> <p>c) Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có tài sản thanh lý; danh mục tài sản thanh lý (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/diện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng tài sản; lý do thanh lý); hình thức thanh lý; trách nhiệm tổ chức thực hiện.</p> <p>d) Căn cứ Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị tổ chức thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.</p> |

d) Căn cứ Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị tổ chức thực hiện việc phá dỡ, hủy bỏ công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và xử lý vật liệu, vật tư thu hồi. Việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều này.

5. Vật liệu, vật tư thu hồi từ việc phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được xử lý theo các hình thức quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 5 Điều 27 Nghị định này.

6. Giao vật liệu, vật tư thu hồi cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị để sử dụng vào công tác bảo trì đối với vật liệu, vật tư còn sử dụng được: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có văn bản trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định giao vật liệu, vật tư thu hồi đưa vào sử dụng; trong trường hợp này, không thực hiện bổ trí kinh phí bảo trì đối với phần giá trị vật liệu, vật tư đưa vào sử dụng cho công tác bảo trì; trường hợp đã bố trí trong dự toán kinh phí bảo trì thì giảm trừ vào dự toán kinh phí bảo trì năm đó tương ứng với giá trị vật liệu, vật tư theo dự toán và giá trị hợp đồng bảo trì.

7. Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp quản lý đường sắt khác để quản lý, sử dụng:

a) Trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị và đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý; Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển giữa địa phương và trung ương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: 01 bản chính;

Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (chúng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): 01 bản chính.

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển vật liệu, vật

công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và xử lý vật liệu, vật tư thu hồi. Việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi được thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều này.

5. Vật liệu, vật tư thu hồi từ việc phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được xử lý theo các hình thức quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 5 Điều 27 Nghị định này.

6. Giao vật liệu, vật tư thu hồi cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị để sử dụng vào công tác bảo trì đối với vật liệu, vật tư còn sử dụng được: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có văn bản trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định giao vật liệu, vật tư thu hồi đưa vào sử dụng; trong trường hợp này, không thực hiện bổ trí kinh phí bảo trì đối với phần giá trị vật liệu, vật tư đưa vào sử dụng cho công tác bảo trì; trường hợp đã bố trí trong dự toán kinh phí bảo trì thì giảm trừ vào dự toán kinh phí bảo trì năm đó tương ứng với giá trị vật liệu, vật tư theo dự toán và giá trị hợp đồng bảo trì.

7. Điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt khác để quản lý, sử dụng:

a) Trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị, ý kiến của cơ quan quản lý tài sản đường sắt đô thị và đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý; Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển giữa địa phương và trung ương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Hồ sơ đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: 01 bản chính;

Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (chúng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): 01 bản chính.

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có): 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản trả lời trong trường hợp đề nghị điều chuyển vật liệu,

tư thu hồi (nếu có): 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hỏi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi chưa phù hợp.

d) Trường hợp việc điều chuyển thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển hoặc có văn bản hỏi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển chưa phù hợp.

đ) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên doanh nghiệp được giao quản lý tài sản cố vật liệu, vật tư điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng, tình trạng); mục đích sử dụng sau khi tiếp nhận; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị và cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi; việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quyết định việc bán vật liệu, vật tư thu hồi. Việc bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

9. Trường hợp thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cũ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định này mà trong dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có quy định về thanh lý tài sản thì việc thanh lý tài sản thực hiện theo dự án được duyệt; doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị không phải thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này; việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều này, trừ trường hợp giá trị vật liệu, vật tư thu hồi đã được tính trừ vào giá trị gói thầu của dự án.

10. Sau khi hoàn thành việc thanh lý tài sản, doanh nghiệp quản lý

vật tư thu hồi chưa phù hợp.

d) Trường hợp việc điều chuyển thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển hoặc có văn bản hỏi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển chưa phù hợp.

đ) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi gồm: Tên doanh nghiệp được giao quản lý tài sản cố vật liệu, vật tư điều chuyển; tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận vật liệu, vật tư; danh mục vật liệu, vật tư điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng, tình trạng); mục đích sử dụng sau khi tiếp nhận; trách nhiệm tổ chức thực hiện.

e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị và cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi; việc bàn giao, tiếp nhận vật liệu, vật tư điều chuyển được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Bán vật liệu, vật tư thu hồi không có nhu cầu sử dụng:

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quyết định việc bán vật liệu, vật tư thu hồi. Việc bán vật liệu, vật tư không có nhu cầu sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

9. Trường hợp thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cũ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định này mà trong dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt có quy định về thanh lý tài sản thì việc thanh lý tài sản thực hiện theo dự án được duyệt; doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không phải thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này; việc xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều này, trừ trường hợp giá trị vật liệu, vật tư thu hồi đã được tính trừ vào giá trị gói thầu của dự án.

10. Sau khi hoàn thành việc thanh lý tài sản, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

| | | |
|---|---|---|
| <p>tài sản đường sắt đô thị thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.</p> | | |
| <p>Điều 44. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại</p> <p>1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ban hành Quy định thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:</p> <p>a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định.</p> <p>Thành phần hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 28 Nghị định này.</p> <p>b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định xử lý tài sản.</p> <p>c) Nội dung chủ yếu của Quyết định xử lý tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có tài sản bị mất, bị hủy hoại; danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại; trách nhiệm tổ chức thực hiện.</p> <p>4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm:</p> <p>a) Thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán.</p> <p>b) Báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.</p> | <p>Điều 44. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại</p> <p>1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ban hành Quy định thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:</p> <p>a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, báo cáo cơ quan quản lý tài sản đường sắt đô thị và trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định.</p> <p>Thành phần hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 28 Nghị định này.</p> <p>b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, ý kiến của cơ quan quản lý tài sản đường sắt đô thị, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định xử lý tài sản.</p> <p>c) Nội dung chủ yếu của Quyết định xử lý tài sản gồm: Tên doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có tài sản bị mất, bị hủy hoại; danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (tên tài sản/tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài/điện tích/khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại; trách nhiệm tổ chức thực hiện.</p> <p>4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có trách nhiệm:</p> <p>a) Thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán.</p> <p>b) Báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>c) Xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tài sản bị</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.</p> |

| | | |
|--|--|--|
| <p>c) Xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tài sản bị mất, bị hủy hoại theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho việc khắc phục hậu quả sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt để khôi phục hoạt động đường sắt an toàn, thông suốt.</p> <p>Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị bị mất, bị hủy hoại được doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan bồi thường thiệt hại thì số tiền thu được từ việc bồi thường thiệt hại tài sản được quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Nghị định này, sau khi trừ chi phí có liên quan (nếu có), nộp ngân sách nhà nước theo quy định và được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng tài sản thay thế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.</p> | <p>mất, bị hủy hoại theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho việc khắc phục hậu quả sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt để khôi phục hoạt động đường sắt an toàn, thông suốt.</p> <p>Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị bị mất, bị hủy hoại được doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan bồi thường thiệt hại thì số tiền thu được từ việc bồi thường thiệt hại tài sản được quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Nghị định này, sau khi trừ chi phí có liên quan (nếu có), nộp ngân sách nhà nước theo quy định và được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng tài sản thay thế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.</p> | |
| <p>Điều 45. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</p> <p>1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định làm chủ tài khoản.</p> <p>2. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm lập dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản, trình chủ tài khoản tạm giữ quy định tại khoản 1 Điều này phê duyệt (thời hạn phê duyệt dự toán là 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt nộp dự toán).</p> <p>3. Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị gồm các nội dung chi quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 3 Điều 29 Nghị định này.</p> <p>4. Mức chi làm căn cứ lập dự toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại khoản 3 Điều này được thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 29 Nghị định này.</p> <p>5. Các nội dung khác về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được thực hiện theo các khoản 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 29 Nghị định này.</p> | <p>Điều 45. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị</p> <p>1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định làm chủ tài khoản.</p> <p>2. Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có trách nhiệm lập dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản, trình chủ tài khoản tạm giữ quy định tại khoản 1 Điều này phê duyệt (thời hạn phê duyệt dự toán là 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt nộp dự toán).</p> <p>3. Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị gồm các nội dung chi quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 3 Điều 29 Nghị định này.</p> <p>4. Mức chi làm căn cứ lập dự toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại khoản 3 Điều này được thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 29 Nghị định này.</p> <p>5. Các nội dung khác về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được thực hiện theo các khoản 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 29 Nghị định này.</p> | |

Điều 46. Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Việc đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo phương thức đối tác công - tư và việc chuyển giao tài sản được hình thành thông qua quá trình thực hiện dự án theo hình thức đối tác công - tư cho Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.

3. Căn cứ Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền về việc sử dụng tài sản đường sắt quốc gia hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư, căn cứ dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và Hợp đồng ký kết, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thực hiện bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án. Việc bàn giao được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Nhà đầu tư thực hiện dự án theo phương thức đối tác công - tư có trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (bao gồm cả tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý tham gia vào dự án) đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng cho đến khi chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm theo dõi, báo cáo phần tài sản được sử dụng để tham gia dự án trong quá trình giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án.

5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng dự án, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát nhà đầu tư thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này cho đến khi nhà đầu tư chuyển giao tài sản cho cơ quan

Điều 46. Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Việc đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo phương thức đối tác công - tư và việc chuyển giao tài sản được hình thành thông qua quá trình thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư cho Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được đầu tư theo phương thức đối tác công tư không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hệ thống đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, quy hoạch phát triển đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị và tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.

3. Căn cứ Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền về việc sử dụng tài sản đường sắt quốc gia hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, căn cứ dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và Hợp đồng ký kết, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thực hiện bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án. Việc bàn giao được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Nhà đầu tư thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư có trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (bao gồm cả tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý tham gia vào dự án) đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng cho đến khi chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có trách nhiệm theo dõi, báo cáo phần tài sản được sử dụng để tham gia dự án trong quá trình giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án.

5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng dự án, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát nhà đầu tư thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này cho đến khi nhà đầu tư chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

| | | |
|--|--|--|
| <p>nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>Điều 47. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt</p> <p>1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phải được báo cáo kê khai và được cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt để quản lý thống nhất.</p> <p>2. Hình thức báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt:</p> <p>a) Báo cáo kê khai lần đầu áp dụng đối với:</p> <p>Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành (bao gồm cả tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã được báo cáo kê khai lần đầu theo quy định tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia);</p> <p>Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phát sinh kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> <p>b) Báo cáo kê khai bổ sung áp dụng trong trường hợp có thay đổi thông tin của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt hoặc thông tin về tài sản sau khi đã báo cáo kê khai lần đầu.</p> <p>3. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm lập báo cáo kê khai tài sản để thực hiện nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>Thời hạn gửi báo cáo kê khai là 30 ngày, kể từ ngày đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản hình thành từ mua sắm, đầu tư xây dựng mới), kể từ ngày tiếp nhận tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền (đối với tài sản được giao, nhận điều chuyển) hoặc ngày có thay đổi thông tin của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt, thông tin về tài sản đã kê khai.</p> <p>4. Hằng năm, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời điểm chốt số liệu báo cáo hằng năm là thời điểm kết thúc năm tài chính.</p> <p>5. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm:</p> <p>a) Báo cáo tình hình khai thác tài sản theo từng phương thức quy</p> | <p>quyền.</p> <p>Điều 47. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt</p> <p>1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phải được báo cáo kê khai và được cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt để quản lý thống nhất.</p> <p>2. Hình thức báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt:</p> <p>a) Báo cáo kê khai lần đầu áp dụng đối với:</p> <p>Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành (bao gồm cả tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã được báo cáo kê khai lần đầu theo quy định tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia);</p> <p>Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phát sinh kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> <p>b) Báo cáo kê khai bổ sung áp dụng trong trường hợp có thay đổi thông tin của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hoặc thông tin về tài sản sau khi đã báo cáo kê khai lần đầu.</p> <p>3. Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm lập báo cáo kê khai tài sản để thực hiện nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>Thời hạn gửi báo cáo kê khai là 30 ngày, kể từ ngày đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản hình thành từ mua sắm, đầu tư xây dựng mới), kể từ ngày tiếp nhận tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền (đối với tài sản được giao, nhận điều chuyển) hoặc ngày có thay đổi thông tin của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt, thông tin về tài sản đã kê khai.</p> <p>4. Hằng năm, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời điểm chốt số liệu báo cáo hằng năm là thời điểm kết thúc năm tài chính.</p> <p>5. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gồm:</p> <p>a) Báo cáo tình hình khai thác tài sản theo từng phương thức quy định tại Nghị định này.</p> <p>b) Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản.</p> <p>6. Thời hạn gửi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu</p> | |
|--|--|--|

| | | |
|--|---|--|
| <p>định tại Nghị định này.</p> <p>b) Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản.</p> <p>6. Thời hạn gửi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu đường sắt hàng năm thực hiện như sau:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia lập báo cáo, gửi Bộ Giao thông vận tải; doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập báo cáo, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.</p> <p>b) Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3 hàng năm.</p> <p>c) Bộ Tài chính tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trong phạm vi cả nước, báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội theo yêu cầu.</p> <p>7. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Tùy theo điều kiện thực tế của cơ quan nhận báo cáo quy định tại điểm b, điểm c khoản 6 Điều này, báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:</p> <p>a) Gửi trực tiếp.</p> <p>b) Gửi qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>c) Gửi qua Fax.</p> <p>d) Gửi qua hệ thống thư điện tử.</p> <p>đ) Gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng.</p> <p>e) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>8. Mẫu báo cáo kê khai và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.</p> | <p>đường sắt hàng năm thực hiện như sau:</p> <p>a) Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia lập báo cáo, gửi Bộ Giao thông vận tải; doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị lập báo cáo, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.</p> <p>b) Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3 hàng năm.</p> <p>c) Bộ Tài chính tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trong phạm vi cả nước, báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội theo yêu cầu.</p> <p>7. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Tùy theo điều kiện thực tế của cơ quan nhận báo cáo quy định tại điểm b, điểm c khoản 6 Điều này, báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:</p> <p>a) Gửi trực tiếp.</p> <p>b) Gửi qua dịch vụ bưu chính.</p> <p>c) Gửi qua Fax.</p> <p>d) Gửi qua hệ thống thư điện tử.</p> <p>đ) Gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng.</p> <p>e) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>8. Mẫu báo cáo kê khai và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.</p> | |
| <p>Điều 48. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt</p> <p>1. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là một bộ phận của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, được xây dựng và quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước; thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có giá trị pháp lý như hồ sơ dạng giấy.</p> | <p>Điều 48. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt</p> <p>1. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là một bộ phận của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, được xây dựng và quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước; thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có giá trị pháp lý như hồ sơ dạng giấy.</p> | |

| | | |
|---|---|--|
| <p>2. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>a) Phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật cơ sở dữ liệu quốc gia, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin, an toàn, an ninh thông tin và định mức kinh tế - kỹ thuật.</p> <p>b) Bảo đảm tính tương thích, khả năng tích hợp, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; chia sẻ thông tin và khả năng mở rộng các trường dữ liệu trong thiết kế hệ thống và phần mềm ứng dụng.</p> <p>3. Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan quản lý đường sắt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thuộc phạm vi quản lý thực hiện báo cáo kê khai, nhập, duyệt dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định.</p> | <p>2. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>a) Phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật cơ sở dữ liệu quốc gia, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin, an toàn, an ninh thông tin và định mức kinh tế - kỹ thuật.</p> <p>b) Bảo đảm tính tương thích, khả năng tích hợp, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; chia sẻ thông tin và khả năng mở rộng các trường dữ liệu trong thiết kế hệ thống và phần mềm ứng dụng.</p> <p>3. Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan quản lý đường sắt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt thuộc phạm vi quản lý thực hiện báo cáo kê khai, nhập, duyệt dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định.</p> | |
| <p>Điều 49. Trách nhiệm thi hành</p> <p>1. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải:</p> <p>a) Thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đối với tài sản đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật về đường sắt.</p> <p>b) Trong thời gian thực hiện thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan, bảo đảm hoạt động đường sắt quốc gia thông suốt, an toàn.</p> <p>c) Chỉ đạo, hướng dẫn việc lập danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia phục vụ việc kế toán, tính hao mòn, báo cáo và xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>d) Chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý.</p> <p>đ) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại Nghị định này và theo yêu cầu của cơ quan, người</p> | <p>Điều 49. Trách nhiệm thi hành</p> <p>1. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải:</p> <p>a) Thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đối với tài sản đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật về đường sắt.</p> <p>b) Trong thời gian thực hiện thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đường sắt và pháp luật khác có liên quan, bảo đảm hoạt động đường sắt quốc gia thông suốt, an toàn.</p> <p>c) Chỉ đạo, hướng dẫn việc lập danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia phục vụ việc kế toán, tính hao mòn, báo cáo và xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.</p> <p>d) Chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý.</p> <p>đ) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại Nghị định này và theo yêu cầu của cơ quan, người</p> | |

cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt để tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

g) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

a) Hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

b) Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

c) Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

d) Hướng dẫn Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tích hợp Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đối với tài sản đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật về đường sắt.

b) Trong thời gian thực hiện thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu đường sắt đô thị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan, bảo đảm hoạt động đường sắt đô thị thông suốt, an toàn.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn việc lập danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị phục vụ việc kế toán, tính hao mòn, báo cáo và xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

d) Chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm

quyền.

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt để tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

g) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

a) Hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

b) Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

c) Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

d) Hướng dẫn Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tích hợp Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đối với tài sản đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật về đường sắt.

b) Trong thời gian thực hiện thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu đường sắt đô thị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đường sắt và pháp luật có liên quan, bảo đảm hoạt động đường sắt đô thị thông suốt, an toàn.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn việc lập danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị phục vụ việc kế toán, tính hao mòn, báo cáo và xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

d) Chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý.

đ) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định tại Nghị định này và theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

| | | |
|---|---|--|
| <p>quyền xử lý.</p> <p>d) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định tại Nghị định này và theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.</p> <p>e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan có liên quan xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt để tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.</p> <p>g) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.</p> <p>4. Các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trong việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.</p> <p>5. Các cơ quan, doanh nghiệp và các đối tượng khác có liên quan được nộp hồ sơ điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số khi thực hiện các thủ tục quy định tại Nghị định này. Trường hợp thực hiện thủ tục quy định tại Nghị định này mà phải thực hiện qua nhiều bước thì các bản chính theo quy định của từng thủ tục được lưu tại cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc cơ quan của người có thẩm quyền quyết định; các cơ quan khác lưu bản sao.</p> | <p>c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan có liên quan xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt để tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.</p> <p>g) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.</p> <p>4. Các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trong việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.</p> <p>5. Các cơ quan, doanh nghiệp và các đối tượng khác có liên quan được nộp hồ sơ điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số khi thực hiện các thủ tục quy định tại Nghị định này. Trường hợp thực hiện thủ tục quy định tại Nghị định này mà phải thực hiện qua nhiều bước thì các bản chính theo quy định của từng thủ tục được lưu tại cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc cơ quan của người có thẩm quyền quyết định; các cơ quan khác lưu bản sao.</p> | |
| <p>Điều 50. Xử lý chuyển tiếp</p> <p>1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã được cơ quan, người có thẩm quyền giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị định này theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật; không phải làm lại thủ tục để giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 8 Nghị định này, Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm chỉ đạo hoàn thành việc rà soát, thống kê và giao quản lý tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> | <p>Điều 50. Xử lý chuyển tiếp</p> <p>1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã được cơ quan, người có thẩm quyền giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị định này theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật; không phải làm lại thủ tục để giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 8 Nghị định này, Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm chỉ đạo hoàn thành việc rà soát, thống kê và giao quản lý tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Kinh phí thực hiện việc rà soát, thống kê và tổ chức giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được bố trí từ ngân sách nhà nước</p> | <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp để xử lý các tồn tại, vướng mắc trong thời gian qua khi triển khai thực hiện Nghị định số 46/2018/NĐ-CP cũng như khi Đề án quản lý, sử dụng và khai thác tài sản KCHTĐS quốc gia chưa được phê duyệt.</p> |

2. Đối với các Hợp đồng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã được cơ quan, người có thẩm quyền ký kết theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định đến hết thời hạn của Hợp đồng ký kết. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đã được cơ quan, người có thẩm quyền giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật; không phải làm lại thủ tục để giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 11 Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo hoàn thành việc rà soát, thống kê và giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành.

4. Trường hợp giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này mà giá trị tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì sau khi được giao, căn cứ nguồn gốc hình thành tài sản và các hồ sơ có liên quan, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý (Bên giao) để xác định nguyên giá, giá trị còn lại theo quy định tại khoản 3 Điều 13, khoản 2 Điều 31 Nghị định này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thì được tiếp tục thực hiện theo Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; các công việc chưa thực hiện để tổ chức xử lý tài sản đến ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

bằng nguồn chi thường xuyên.

2. Đối với việc xử lý vật tư thu hồi từ các dự án thay tà vẹt bê tông K1, K2 thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt đã được cơ quan, người có thẩm quyền chấp thuận và đưa vào sử dụng trong công tác bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thì không thực hiện bố trí kinh phí bảo trì đối với phần giá trị vật liệu, vật tư đưa vào sử dụng đó. Doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt có trách nhiệm rà soát, tổng hợp toàn bộ khối lượng, giá trị vật tư thu hồi đã đưa vào sử dụng trong công tác bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia và vật tư thu hồi còn lại thuộc dự án trên để quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 27.

3. Đối với các Hợp đồng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này như cung cấp các dịch vụ cho thuê kho, bãi, nhà xưởng; vị trí, địa điểm, quầy, kiốt bán hàng; vận phòng, phòng làm việc, nhà lưu trú; địa điểm quảng cáo; treo/kéo cáp trên đường cột thông tin tín hiệu, cống, máng, bể; lắp đặt máy móc, thiết bị, lắp đặt đường ống qua cầu và hợp đồng cung cấp dịch vụ khác đã được doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cơ quan, người có thẩm quyền ký kết theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định đến hết thời hạn của Hợp đồng ký kết. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ các Hợp đồng trên khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đã được cơ quan, người có thẩm quyền giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật; không phải làm lại thủ tục để giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 11 Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo hoàn thành việc rà soát, thống kê và giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành. Kinh phí thực hiện việc rà soát, thống kê và tổ chức giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được bố trí từ ngân sách nhà nước bằng nguồn chi thường xuyên.

5. Trường hợp giao tài sản kết cấu hạ tầng kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có cho doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại

| | | |
|--|--|--|
| | <p>khoản 3 Điều 2 Nghị định này mà giá trị tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì sau khi được giao, căn cứ nguồn gốc hình thành tài sản và các hồ sơ có liên quan, doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý (Bên giao) để xác định nguyên giá, giá trị còn lại theo quy định tại khoản 3 Điều 13, khoản 2 Điều 31 Nghị định này.</p> <p>6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; các công việc chưa thực hiện để tổ chức xử lý tài sản đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>7. Việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đã được cơ quan, người có thẩm quyền chấp thuận và đã hoàn thành việc xử lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 45 Nghị định này.</p> <p>.....</p> | |
| <p>Điều 51. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.</p> <p>Riêng khoản 1, khoản 2 Điều 21, khoản 1, khoản 2 Điều 37 Nghị định này về sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị khi Nhà nước thu hồi đất có hiệu lực thi hành đến khi Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành.</p> <p>2. Nghị định này thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.</p> | <p>Điều 51. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.</p> <p>Riêng khoản 1, khoản 2 Điều 21, khoản 1, khoản 2 Điều 37 Nghị định này về sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị khi Nhà nước thu hồi đất có hiệu lực thi hành đến khi Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành.</p> <p>2. Nghị định này thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.</p> | |
| <p>Điều 52. Điều khoản thi hành</p> <p>Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.</p> | <p>Điều 52. Điều khoản thi hành</p> <p>Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.</p> | |

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2591 /BTP-PLDSKT

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2024

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
việc quản lý, sử dụng và khai thác
tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trà lời Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2023 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (sau đây gọi là dự thảo Nghị định), Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (khoản 3 Điều 13) giao Chính phủ quy định chi tiết về quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Theo thông tin nêu tại dự thảo Tờ trình (trang 2-4), qua hơn 05 năm triển khai thực hiện, Nghị định số 46/2018/NĐ-CP đã phát sinh một số hạn chế, bất cập như: (i) phạm vi điều chỉnh của Nghị định 46/2018/NĐ-CP bao quát chưa hết các loại tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư, quản lý hoặc chưa làm rõ chế độ quản lý, sử dụng và khai thác đối với một số trường hợp (tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (như tuyến đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông tại Hà Nội, Sài Gòn - Suối Tiên tại TP Hồ Chí Minh); chưa làm rõ chế độ quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân quản lý và tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do đối tượng khác (thuộc các Bộ, ngành khác ngoài Bộ Giao thông vận tải) quản lý hoặc đã bán, chuyển nhượng, tính vào giá trị để cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước); (ii) việc giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho đối tượng quản lý tại Điều 5 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP phát sinh bất cập, đến thời điểm hiện nay, tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia vẫn chưa giao được cho đối tượng quản lý theo quy định; (iii) thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cho đối tượng quản lý còn chồng chéo và chưa rõ (tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được hình thành từ dự án sử dụng vốn nhà nước, được xác lập quyền sở hữu toàn dân thì việc giao tài sản cho đối tượng quản lý, việc xử lý tài sản (giao, điều chuyển) thực hiện theo quy định về xử lý đối với tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân hay thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt); (iv) việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia chưa phản ánh hết tính chất đặc thù của từng loại tài sản và chưa tính đến đối tượng giao gắn với hình thức giao quản lý nên các hình thức khai thác tài sản (cụ thể đối với hình thức trực tiếp tổ chức khai thác) chưa phát huy tác dụng trong thực tế; (v) việc xử lý tài

sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo một số hình thức (sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao; bán tài sản) không còn phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và thực tế hiện nay; đồng thời một số loại tài sản không còn nhu cầu sử dụng hoặc thay đổi quy hoạch loại ra khỏi danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia nhưng chưa có cơ chế để thực hiện chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý; theo đó cần phải sửa đổi, bổ sung về hình thức xử lý, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện cho phù hợp với đặc thù tài sản và thực tế hiện nay... Vì vậy, tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 (Phụ lục V) đã giao Bộ Tài chính chủ trì xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2018/NĐ-CP. Do đó, việc xây dựng dự thảo Nghị định là cần thiết, đúng với nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP, Chính phủ giao Bộ Tài chính chủ trì xây dựng, trình Chính phủ: “*Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia*”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo rõ nội dung thay đổi về phạm vi sửa đổi, bổ sung, hình thức văn bản (so với Nghị quyết số 01/NQ-CP) trong Tờ trình Chính phủ. Đồng thời, Bộ Giao thông vận tải đang được giao chủ trì sửa đổi, bổ sung Luật Đường sắt, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, báo cáo rõ thời điểm sửa đổi Nghị định này trong bối cảnh Luật Đường sắt cũng đang được sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.

2. Về nội dung văn bản, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát dự thảo Nghị định với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đường sắt và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để bảo đảm tính hợp pháp, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tính khả thi của văn bản; trong đó, đề nghị lưu ý một số vấn đề sau:

2.1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát phạm vi sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2018/NĐ-CP để bảo đảm giải quyết triệt để các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đường sắt và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2.2. Về phạm vi điều chỉnh, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát để đảm bảo đúng và đầy đủ phạm vi điều chỉnh mà khoản 3 Điều 13 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công giao Chính phủ quy định, thuộc thẩm quyền của Chính phủ; trường hợp có nội dung Luật Quản lý, sử dụng tài sản công không giao Chính phủ quy

định thì phải lập đề nghị xây dựng Nghị định đề báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (và chịu trách nhiệm về vấn đề này).

2.3. Khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị định quy định: “*Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là công trình, hạng mục công trình đường sắt và đất gắn với công trình, hạng mục công trình đường sắt*”, khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định quy định tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định quy định tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị. Trong khi đó, khoản 1 Điều 11 Luật Đường sắt quy định: “*1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt bao gồm: a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trực tiếp liên quan đến chạy tàu bao gồm công trình, hạng mục công trình đường sắt hoặc công trình phụ trợ khác trực tiếp phục vụ công tác chạy tàu, đón tiễn hành khách, xếp dỡ hàng hóa; b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt không trực tiếp liên quan đến chạy tàu là tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt không thuộc quy định tại điểm a khoản này*”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đường sắt.

2.4. Khoản 3 Điều 14 dự thảo Nghị định quy định 02 phương thức thực hiện việc bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia từ nguồn ngân sách nhà nước: (i) Bộ Giao thông vận tải giao dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia; (ii) Bộ Giao thông vận tải giao dự toán ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho cơ quan quản lý đường sắt quốc gia. Cơ quan quản lý đường sắt quốc gia tổ chức đặt hàng toàn bộ công tác bảo trì tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định rõ tiêu chí, điều kiện lựa chọn từng phương thức để việc thực hiện được thống nhất, minh bạch; đồng thời đánh giá đầy đủ các bất cập, vướng mắc trong thời gian qua. Trên cơ sở đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các chủ thể có liên quan cân nhắc kỹ lưỡng khi đề xuất phương thức (ii) tại khoản 3 Điều 14 dự thảo Nghị định, tránh tiếp tục phát sinh thêm vướng mắc, bất cập trong công tác bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt như đã diễn ra trong thời gian qua.

2.5. Khoản 3 Điều 16 dự thảo Nghị định quy định việc lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp rà soát, ngoài công trình viễn thông thì còn có công trình kỹ thuật nào khác (điện, nước...) lắp đặt trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt không để bổ sung quy định cho đầy đủ, đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc lắp đặt, quản lý, sử dụng, khai thác các công trình trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

2.6. Điểm a khoản 3 Điều 20 dự thảo Nghị định quy định căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

gồm giá cho thuê quyền khai thác tài sản trên thị trường của tài sản cùng loại. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là tài sản đặc thù, có thể không có tài sản cùng loại khác để so sánh. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc chỉnh lý quy định này để đảm bảo khả thi trên thực tế.

2.7. Tại điểm b khoản 1 Điều 22 dự thảo Nghị định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều 16, làm rõ 80% số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ đã bao gồm đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với nhà nước chưa, trường hợp không đủ thì xử lý như thế nào? Cách thức xác định 80% và 20%? Thời điểm phải nộp 20% số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ vào ngân sách nhà nước và cơ chế sử dụng số tiền 80% số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt như thế nào? để đảm bảo thống nhất, rõ ràng...

2.8. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát nội dung điều khoản chuyển tiếp (Điều 50 dự thảo Nghị định) để đảm bảo xử lý đầy đủ, toàn diện các trường hợp xảy ra trên thực tế, tránh vướng mắc phát sinh (nếu có) sau khi Nghị định có hiệu lực thi hành.

2.9. Dự thảo Nghị định quy định nhiều thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc giữa các cơ quan. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đảm bảo thủ tục được đơn giản hóa, minh bạch, thuận tiện, cắt giảm thời hạn giải quyết; đồng thời, nghiên cứu bổ sung quy định rõ phương thức thực hiện thủ tục trên môi trường điện tử để đảm bảo tiết kiệm thời gian, chi phí, phù hợp với chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số thúc đẩy cải cách hành chính, yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước nêu tại Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.10. Dự thảo Nghị định có nhiều nội dung mang tính kinh tế, kỹ thuật chuyên ngành, không thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp theo Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến chuyên gia, người làm thực tiễn, các bộ, ngành có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp. Đồng thời, trên cơ sở tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 46/2018/NĐ-CP, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định đúng và đầy đủ các khó khăn, vướng mắc (do quy định pháp luật, do thực thi hay cả hai), từ đó nghiên cứu có hướng xử lý toàn diện, đồng bộ, khả thi (nhất là các vướng mắc trong tổ chức thi hành pháp luật), đúng thẩm quyền Chính phủ trong dự thảo Nghị định.

2.11. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ dự thảo văn bản để đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Kết luận số 12-KL/TW ngày 06/4/2022 của Bộ Chính trị ban hành về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (yêu cầu: "*Khẩn trương rà soát, khắc phục*

những sơ hở, bất cập trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đấu thầu, đấu giá, quản lý, sử dụng đất đai, tài sản công, tài chính...”); (ii) Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (trong đó quy định không được: “*Chỉ đạo, ban hành thể chế, cơ chế, chính sách có nội dung trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cài cắm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ*” - điểm d khoản 2 Điều 9); (iii) Thông báo Kết luận số 30-TB/BCĐTW ngày 15/01/2023 của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTNTC tại Phiên họp thứ 23, ngày 12/01/2023 của Ban Chỉ đạo: “... *Khẩn trương rà soát, khắc phục những sơ hở, bất cập trong chính sách, pháp luật liên quan... và các vấn đề cụ thể mà các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đã kiến nghị, đề xuất*”; (iv) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “*ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật*” - Mục 3); (v) Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH15 ngày 30/8/2023 về hoạt động chất vấn tại Phiên họp thứ 25 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “*Tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc kiểm soát quyền lực phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật*” - Mục 2.1); (vi) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

2.12. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lập bảng so sánh, trong đó nêu rõ: (i) quy định hiện hành của Nghị định số 46/2018/NĐ-CP; (ii) quy định sửa đổi, bổ sung tương ứng; (iii) lý do sửa đổi, bổ sung (và cần khẳng định thuộc phạm vi Luật Quản lý, sử dụng tài sản công giao Chính phủ quy định hay không) để tạo thuận lợi trong quá trình tham gia ý kiến của các bộ, ngành có liên quan.

3. Về trình tự, thủ tục, kỹ thuật soạn thảo văn bản

3.1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung đánh giá tác động của chính sách theo quy định tại điểm a1 khoản 2 Điều 90 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

3.2. Dự thảo Nghị định có quy định về thủ tục hành chính, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung đánh giá tác động thủ tục hành chính theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

3.3. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát dự thảo Trình, dự thảo Nghị

định để bảo đảm đúng thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Chương V, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020), cụ thể: chỉnh lý “quốc gia” tại khoản 1 Điều 51; chỉnh lý tên Điều 50 thành “*Quy định chuyển tiếp*”, đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 73 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020)...

3.4. Để bảo đảm tính khả thi, phù hợp với thực tiễn sau khi được ban hành, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động của văn bản, các chuyên gia, người làm thực tiễn, đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện dự thảo Nghị định và các tài liệu liên quan, gửi Bộ Tư pháp thẩm định (đảm bảo hồ sơ đầy đủ thành phần, nội dung và hình thức theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, xin gửi Bộ Tài chính tham khảo, thực hiện đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Trần Tiến Dũng (để b/c);
- PVT Lê Đại Hải (để biết);
- Lưu: VT, PLDSKT (PLKTTH, HA).

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ - KINH TẾ



Nguyễn Thanh Tú

ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN
NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP
TỔNG CÔNG TY
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1129 /ĐS-KTKT

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2024

V/v tham gia ý kiến Dự thảo Tờ trình
Chính phủ, Dự thảo Nghị định sửa đổi,
bổ sung Nghị định số 46/2018/NĐ-CP

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (ĐSVN) nhận được văn số 3605/BTC-QLCS ngày 05/4/2024 của Bộ Tài chính; Văn bản số 3731/BGTVT-TC ngày 08/4/2024 của Bộ Giao thông vận tải; Văn bản số 0586/LDTM-PC ngày 11/4/2024 của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về việc đề nghị tham gia góp ý Dự thảo Tờ trình Chính phủ, Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị định sửa đổi).

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Tờ trình Chính phủ và Dự thảo Nghị định sửa đổi, Tổng công ty ĐSVN có ý kiến như sau:

1. Về Dự thảo Tờ trình Chính phủ:

Chính phủ ban hành Nghị định số 46/2018/NĐ-CP đã tạo ra hành lang pháp lý đồng bộ để triển khai Luật Quản lý, dụng tài sản công năm 2017. Nghị định đã xác định danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; đối tượng được giao quản lý và hình thức, thẩm quyền, thủ tục giao quản lý tài sản; tài sản phải được hạch toán, kế toán đầy đủ và bảo trì theo quy định; đa dạng hóa các phương thức khai thác, tạo điều kiện khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công.

Tuy nhiên, qua 05 năm triển khai thực hiện, quy định tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP và công tác quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (KCHTĐS quốc gia) đã phát sinh những hạn chế, bất cập cần được giải quyết, khắc phục để tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng, khai thác đối với các tài sản này. Việc giao tài sản KCHTĐS quốc gia cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đến thời điểm này vẫn chưa thực hiện được (Bộ GTVT đã xây dựng Đề án quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư theo hướng giao tài sản KCHTĐS quốc gia cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (Tổng công ty ĐSVN) quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất

định, trình Thủ tướng xem xét, quyết định, nhưng đến nay Đề án chưa được phê duyệt). Do đó trách nhiệm của các chủ thể trong việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản KCHTĐS không rõ ràng.

Toàn bộ nội dung quy định về khai thác tài sản KCHTĐS quốc gia trong Nghị định 46/2018/NĐ-CP (Mục 4 của Nghị định, từ Điều 11 đến Điều 18) dành cho đối tượng khai thác tài sản là “Cơ quan được giao quản lý tài sản”, chưa có hướng dẫn cho Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước được khai thác tài sản.

Về quản lý, sử dụng nguồn thu từ khai thác tài sản KCHTĐS quốc gia đang có sự mâu thuẫn giữa quy định tại điểm d khoản 1 Điều 99 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định tại các Điều 17, 18 Nghị định 46/2018/NĐ-CP, và sự thiếu rõ ràng, cụ thể để xác định được “chi phí liên quan” tại các điều khoản nêu trên, việc lập và trình duyệt các chi phí này cũng chưa được hướng dẫn cụ thể, dẫn đến không triển khai được các quy định này trên thực tế; chưa có quy định cho việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước. Thực hiện hướng dẫn của Bộ Tài chính tại văn bản số 579/BTC-QLCS ngày 17/01/2022 và văn bản số 9140/BTC-QLCS ngày 13/9/2022, toàn bộ nguồn thu từ khai thác, cho thuê tài sản KCHTĐS quốc gia được Tổng công ty ĐSVN nộp 100% vào tài khoản tạm giữ tại KBNN, đồng thời lập dự toán chi phí liên quan đến khai thác tài sản trình Bộ GTVT phê duyệt gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) thanh toán. Do ràng buộc quy định về quản lý, sử dụng tiền thu cho thuê tài sản KCHTĐS nêu trên, Tổng công ty ĐSVN đã phải chủ động dùng nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp để chi trả kịp thời cho một số khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc khai thác, cho thuê tài sản, tạm thời hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ kế toán, ảnh hưởng đến nguồn vốn kinh doanh, các chỉ tiêu tài chính và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Như vậy, quy định trên chưa đảm bảo phù hợp giữa quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp, làm giảm động lực của doanh nghiệp đối với việc khai thác, cho thuê tài sản KCHTĐS quốc gia.

Bên cạnh đó, việc phân loại tài sản theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP đến nay vẫn chưa hoàn thành, mặc dù Tổng công ty ĐSVN đã chủ động thực hiện kiểm kê, phân loại tài sản nhiều lần. Nguyên nhân là do một số quy định trong phân loại tài sản còn chưa rõ ràng hoặc chưa phù hợp với thực tiễn.

Những khó khăn, bất cập nêu trên có nguyên nhân chủ quan từ công tác tổ chức thực hiện nhưng phần lớn có nguyên nhân từ nội tại các quy định tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP chưa đầy đủ, chưa bao quát được các tình huống phát sinh trong thực tế. Do vậy Tổng công ty ĐSVN thống nhất cần thiết phải sửa đổi căn bản, toàn diện theo hướng ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ theo đề xuất của Bộ Tài chính như nêu tại Dự thảo Tờ trình, nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý để giải quyết các vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình giao, quản lý, sử dụng và khai thác

tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, đồng thời thúc đẩy việc khai thác, sử dụng tài sản KCHTĐS quốc gia có hiệu quả.

2. Về Dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (thay thế Nghị định 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ):

2.1. Tại Khoản 2, 3 Điều 3 Dự thảo Nghị định sửa đổi, đề nghị bổ sung để làm rõ như sau:

*“2. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là việc doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt chuyên giao có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cho tổ chức, doanh nghiệp **khác** theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.*

*3. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là việc doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt chuyên giao trong một thời gian nhất định quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cho **các tổ chức**, doanh nghiệp **khác** theo hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.”*

2.2. Tại Khoản 3 Điều 5 Dự thảo Nghị định sửa đổi, đề nghị bổ sung để làm rõ và phù hợp với tên gọi của Điều, như sau:

*“3. Khi thực hiện giao **quản lý**, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này,”*

2.3 Điều 14 Dự thảo Nghị định sửa đổi

Về việc bảo trì công trình, tại Điều 14 Dự thảo Nghị định sửa đổi có nêu:

“Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định một trong các phương thức sau đây để thực hiện việc bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia từ nguồn ngân sách nhà nước:

- Phương thức 1: ... *Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Bộ Giao thông vận tải giao dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia.*

- Phương thức 2: ... *Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Bộ Giao thông vận tải giao dự toán ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho cơ quan quản lý đường sắt quốc gia.*

Cơ quan quản lý đường sắt quốc gia tổ chức đặt hàng toàn bộ công tác bảo trì tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật.”

Tổng công ty ĐSVN đề nghị lựa chọn Phương án 1 và khi trình Chính phủ ban hành Nghị định cũng chỉ trình Phương án này mà không trình 2 phương án như Dự thảo, với các lý do như sau:

- Phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 79 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Phù hợp với quy định tại Điều a, c Khoản 2 Điều 21 Luật Đường sắt và Điều 10 của Nghị định số 46/2018/NĐ-CP.

- Đảm bảo việc bảo trì, hình thức bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cần được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đường sắt, pháp luật về xây dựng, pháp luật về quản lý tài sản công và pháp luật khác có liên quan.

- Phù hợp với quan điểm xây dựng Nghị định: *tách biệt rõ vai trò quản lý nhà nước với vai trò quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.*

- Phù hợp với thực tiễn quản lý sử dụng nguồn vốn sự nghiệp kinh tế bổ trợ cho công tác quản lý, bảo trì tài sản KCHTĐS quốc gia từ năm 2020 trở về trước; theo đó, Tổng công ty ĐSVN được giao dự toán từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế hàng năm để thực hiện công tác quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia¹.

- Do đặc thù của hệ thống KCHTĐS quốc gia hiện tại là đường đơn, công tác quản lý, bảo trì phải thực hiện thường xuyên, liên tục để bảo đảm an toàn công trình, an toàn chạy tàu. Với vai trò là đơn vị được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản KCHTĐS quốc gia và điều hành chạy tàu, việc giao dự toán cho Tổng công ty ĐSVN để tổ chức thực hiện bảo trì KCHTĐS quốc gia là phù hợp với đặc thù nêu trên; chủ động trong việc thực hiện công tác quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia, phù hợp thực tiễn triển khai công tác bảo trì KCHTĐS quốc gia của Tổng công ty ĐSVN từ năm 2020 trở về trước và đảm bảo nguyên tắc đơn vị nào làm tốt nhất thì giao dự toán cho đơn vị đó thực hiện; đồng thời, phù hợp với trách nhiệm, nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt được pháp luật quy định đồng bộ, thống nhất tại các Điều 21, Điều 24 và Điều 51 của Luật Đường sắt.

¹ Từ năm 2013 trở về trước, Tổng công ty ĐSVN là đơn vị dự toán cấp 1 trực thuộc Chính phủ được nhà nước cấp nguồn ngân sách chi thường xuyên trực tiếp để thực hiện công tác quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia.

- Từ năm 2013 đến ngày 29/9/2018 (thời điểm có hiệu lực của Nghị định số 131/2018/NĐ-CP của Chính phủ), Tổng công ty ĐSVN trực thuộc Bộ GTVT quản lý và kinh phí bảo trì KCHTĐS quốc gia hàng năm được giao cho Tổng công ty ĐSVN để tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì.

- Năm 2019 là năm chuyển tiếp, mặc dù Tổng công ty ĐSVN không là đơn vị trực thuộc Bộ GTVT, nhưng kinh phí bảo trì KCHTĐS tiếp tục được giao cho Tổng công ty ĐSVN để thực hiện công tác quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia theo ý kiến của Bộ Tài chính tại Văn bản số 16442/BTC-TCDN ngày 28/12/2018.

- Năm 2020, sau khi Tổng công ty ĐSVN chuyển về Ủy ban QLNN tại doanh nghiệp, Chính phủ đã có Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 09/4/2020, trong đó thống nhất Bộ GTVT tiếp tục giao dự toán kinh phí quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia năm 2020 cho Tổng công ty ĐSVN để thực hiện như năm 2019.

Thực tiễn vừa qua cho thấy, khi xảy ra sự cố khi thi công hầm Bãi Gió thuộc Gói thầu 11A, Dự án 7.000 tỷ do Ban Quản lý dự án 85 - Bộ GTVT làm chủ đầu tư, đã gây thiệt hại rất lớn cho Tổng công ty ĐSVN và 3 công ty vận tải đường sắt. Theo báo cáo sơ bộ của 3 công ty vận tải, chỉ trong thời gian rất ngắn, từ 13 giờ ngày 12/4/2024 đến 15 giờ ngày 15/4/2024, tổng kinh phí thiệt hại về vận tải (mới chỉ tính phần vật chất cụ thể chưa tính đến thiệt hại do hành khách không lựa chọn di chuyển bằng đường sắt mà dùng phương tiện khác) của 3 công ty vận tải đã lên đến gần 30 tỷ đồng, chưa kể thiệt hại về đầu máy và điều hành giao thông vận tải của Tổng công ty ĐSVN.

- Việc thực hiện theo Phương án 2 sẽ gặp phải rất nhiều vướng mắc về cơ sở pháp lý (không phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về quản lý tài sản công) cũng như thực tiễn tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Cục ĐSVN là Bên A của hợp đồng đặt hàng nhưng không thể bố trí đủ nhân sự để giám sát chất lượng công tác quản lý, bảo trì mà việc này vẫn do Bên B của hợp đồng tự thực hiện. Bộ GTVT cũng đã có 02 văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ khẳng định về việc Cục ĐSVN không đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ này (Văn bản số 9609/BGTVT-TC ngày 11/10/2019 và văn bản số 12424/BGTVT-TC ngày 27/12/2019).

2.4. Điều 16 Dự thảo Nghị định sửa đổi

(1) Khoản 3, Điều 16

- Không chỉ hạ tầng viễn thông, mà hạ tầng kỹ thuật khác cũng có thể dùng chung với hạ tầng đường sắt (như nước, điện, ...). Do đó, đề nghị bổ sung thêm cụm từ “*công trình điện, công trình cấp, thoát nước*” để bao quát được các hạ tầng kỹ thuật khác, Cụ thể như sau:

“Trong quá trình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, trường hợp lắp đặt công trình viễn thông, công trình điện, công trình cấp, thoát nước trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì việc lắp đặt các công trình này ~~viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về đường sắt về viễn thông và pháp luật có liên quan; giá sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt trong trường hợp này thực hiện theo điểm b khoản 6 Điều 17; việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ lắp đặt công trình viễn thông, trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định tại Điều 21 22 Nghị định này~~”.

(2) Đề nghị bổ sung vào cuối Điểm b khoản 6 Điều 17 Dự thảo như sau:

“b) Trường hợp giá cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 5 Điều này không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định giá của từng loại dịch vụ, trình Hội đồng thành viên của doanh nghiệp phê duyệt. Giá các loại dịch vụ phải được niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trước thời điểm áp dụng. Việc xác định giá dịch vụ được căn cứ vào

phương pháp định giá chung đối với hàng hoá dịch vụ do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành”.

Lý do: Trong trường hợp Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt phải thực hiện xác định giá thì yêu cầu phải thực hiện xác định giá theo phương pháp của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành.

2.5. Điều 17 Dự thảo Nghị định sửa đổi

(1) Tại điểm b khoản 1 Điều 17 Dự thảo Nghị định sửa đổi nêu: “b) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này”.

Tổng công ty ĐSVN đề nghị sửa, bổ sung như sau: “**Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ủy quyền cho Hội đồng thành viên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải”.**

Lý do: tạo điều kiện cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt chủ động trong việc khai thác tài sản và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ GTVT.

(2) Tại khoản 2 Điều 17 dự thảo Nghị định: “Lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải”.

Tổng công ty ĐSVN đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản đường sắt quốc gia, trình ~~Bộ Giao thông vận tải~~ **Hội đồng thành viên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt**. Hồ sơ đề nghị gồm: Tờ trình của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính. Đề án khai thác tài sản do doanh nghiệp quản lý đường sắt lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính. Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao. Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) ~~Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải~~ **Hội đồng thành viên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt** xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp.

(3) Tại khoản 5, Điều 17 dự thảo Nghị định sửa đổi, đề nghị bổ sung thêm điểm e, như sau:

“5. Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt của cơ quan, người có thẩm quyền, doanh nghiệp quản lý tài sản đường

sắt thực hiện việc cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân gồm:

...e) Dịch vụ khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt phục vụ hoạt động du lịch, văn hóa, thể thao."

Lý do: Mạng lưới đường sắt quốc gia trải dài trên địa bàn của 34 tỉnh, thành phố, kết nối 04/6 vùng kinh tế, đi qua nhiều địa điểm du lịch, danh lam, thắng cảnh của cả nước, với các ga nằm tại các trung tâm kinh tế, chính trị và nhiều công trình đường sắt hiện là các công trình kiến trúc có giá trị lịch sử văn hóa đang được bảo tồn. Do đó, bổ sung thêm dịch vụ nói trên nhằm sử dụng hiệu quả tài sản hiện có, khai thác tối đa lợi thế, tiềm năng của KCHTĐS đối với việc phát triển các hoạt động du lịch, văn hóa, thể thao.

Việc nêu rõ dịch vụ này (không đề chung trong các dịch vụ khai thác vị trí, địa điểm thuộc KCHTĐS) cũng nhằm tạo điều kiện để doanh nghiệp kinh doanh KCHTĐS triển khai thuận lợi các thủ tục đăng ký dịch vụ du lịch, văn hóa, thể thao theo quy định của pháp luật hiện hành.

(4) Tại Điều 17 Dự thảo Nghị định sửa đổi

Đề nghị quy định thêm chế tài xử lý đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng các dịch vụ do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt cung cấp theo các nội dung tại khoản 5 Điều 17 (thông qua Hợp đồng cung cấp dịch vụ) trong trường hợp vi phạm quy định của hợp đồng về thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

Lý do:

- Nghị định 46/2018/NĐ-CP có quy định chế tài đối với việc chậm thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản tại điểm d khoản 8 Điều 13 như sau: *"trường hợp quá thời hạn thanh toán theo Hợp đồng đã ký kết mà doanh nghiệp chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Cơ quan được giao quản lý tài sản có văn bản đề nghị kèm theo bản sao Hợp đồng và chứng từ về việc nộp tiền của doanh nghiệp (nếu có) gửi Cục thuế (nơi có tài sản) để xác định và ra Thông báo về số tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế"*. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn có một số đơn vị chậm thanh toán tiền cung cấp dịch vụ theo Hợp đồng đã ký với Tổng công ty ĐSVN, Tổng công ty ĐSVN đã có văn bản gửi Cục thuế địa phương đề nghị xử lý nhưng chưa có kết quả tích cực. Như vậy, có thể thấy chế tài nêu trên vẫn chưa đủ mạnh để tuân thủ.

- Dự thảo Nghị định sửa đổi chưa có quy định về chế tài xử lý cho các trường hợp tương tự, điều này có thể dẫn đến việc tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt (Tổng công ty ĐSVN) cung cấp chậm thanh toán, chây ì thanh toán mà không bị xử lý, hoặc mất nhiều thời gian và chi phí để xử lý lý vi phạm hợp đồng theo pháp luật dân sự, sẽ ảnh hưởng đến

việc thực hiện nghĩa vụ trích nộp 20% vào NSNN theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 dự thảo Nghị định.

2.6. Điều 18, 19 Dự thảo Nghị định sửa đổi

(1) Đề nghị bổ sung quy định về thời điểm Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập Dự toán chi phí khi nào? Cùng lúc lập Đề án cho thuê, chuyển nhượng hay trước khi lập Đề án? Đề nghị quy định theo hướng lập và duyệt dự toán chi phí trước khi lập và trình Đề án (tức là chỉ cần có chủ trương về Đề án, Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt sẽ lập dự toán chi phí để trình, được duyệt trước khi lập Đề án cụ thể).

(2) Đề nghị xem xét tính khả thi và sự phù hợp của quy định dự kiến “Doanh thu khai thác tài sản từng năm trong thời hạn cho thuê trong phương án giá khởi điểm để đấu giá (sau đây gọi là doanh thu trong phương án giá khởi điểm)”. Doanh thu này còn được sử dụng để xem xét, tính toán lại giá thuê, giá chuyển nhượng. Theo quan điểm của Tổng công ty ĐSVN, giá thuê, chuyển nhượng nếu đã tính toán, xác định theo giá thị trường thì đã đảm bảo tính khách quan và nên duy trì, không phụ thuộc vào doanh thu của bên thuê, bên nhận chuyển nhượng.

Doanh thu trong phương án giá khởi điểm là dự kiến nên doanh thu thực tế có thể giảm hơn hoặc tăng so với dự kiến. Việc điều chỉnh giá thuê theo doanh thu của bên thuê, bên nhận chuyển nhượng (nếu có) cần đảm bảo sự công bằng, cùng chia sẻ lợi ích hoặc rủi ro giữa nhà nước và doanh nghiệp. Dự thảo hiện đang thể hiện 1 chiều, nếu doanh thu tăng so với dự kiến trên 125% thì Nhà nước thu thêm, nhưng không tính toán đến chiều ngược lại, là nếu thu thực tế giảm quá sâu so với dự kiến thì Nhà nước sẽ chia sẻ với bên thuê như thế nào?

Việc chia sẻ rủi ro hay lợi ích giữa nhà nước với doanh nghiệp đảm bảo sự công bằng. Tuy nhiên, việc Nhà nước chia sẻ rủi ro với bên thuê có thể dẫn đến hệ lụy là bên thuê thiếu sự chủ động trong kinh doanh, dẫn đến doanh thu không cao (vì lỗ đã được nhà nước bù!).

Do đó, đề nghị bỏ nội dung quy định việc tăng hay giảm tiền thuê theo doanh thu.

2.7. Điều 20 Dự thảo Nghị định sửa đổi

Đề nghị Ban soạn thảo xem lại khoản 3 Điều 20 Dự thảo Nghị định sửa đổi, vì đặc thù của đường sắt (liên quan đến tuyến đường sắt) là không có sản phẩm tương tự khác để so sánh, nên điểm a khoản 3 khó thực hiện được.

Đề nghị tách ra 2 nội dung như quy định tại Thông tư 47/2018/TT-BTC ngày 15/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định giá cho thuê, giá khởi điểm để đấu giá cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông và thủy lợi: liên quan đến vận tải đường sắt thì thực hiện theo Điều 6 Thông tư 47/2018/TT-BTC (8% Doanh thu vận tải); Không liên quan đến vận tải đường sắt thì thực hiện theo dự thảo Nghị định sửa đổi này.

2.8. Điều 22 Dự thảo Nghị định sửa đổi

(1) Đề nghị bổ sung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 về: (i) Thời hạn doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trích nộp 20% số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều 16 và khoản 5 Điều 17 vào NSNN, và (ii) Phương pháp xác định số nộp 20% theo số tiền đã thực thu từ các hợp đồng cung cấp dịch vụ (không bao gồm số tiền chưa thu được của khách hàng và tiền thuế GTGT). Nội dung đề nghị bổ sung cụ thể như sau:

“b) Số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều 16, khoản 5 Điều 17 Nghị định này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt được sử dụng 80% để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, trả nợ vốn vay, vốn huy động liên quan đến khai thác tài sản (nếu có) để đầu tư, nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước (không bao gồm tiền thuế đất) theo quy định của pháp luật và phải hạch toán vào doanh thu của doanh nghiệp; phần còn lại (20%) nộp vào ngân sách nhà nước.

Việc quản lý, sử dụng số tiền doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt được sử dụng (80%) thực hiện theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt.

Hàng quý, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm tổng hợp số tiền đã thực thu từ các hợp đồng cung cấp dịch vụ trong quý, xác định số tiền phải nộp NSNN trong quý (bằng 20% số tiền đã thực thu trong quý, không bao gồm thuế GTGT) và thực hiện nộp vào NSNN trong thời gian 30 ngày đầu của quý tiếp theo”.

Lý do: dự thảo Nghị định sửa đổi hiện nay chưa quy định các nội dung trên, việc bổ sung quy định là cần thiết và phù hợp với thực tiễn để doanh nghiệp có đủ cơ sở thực hiện.

(2) Tại Điểm d khoản 2 Điều 22 Dự thảo Nghị định sửa đổi

Điểm này đang tham chiếu đến Điều 29 Dự thảo Nghị định sửa đổi; tuy nhiên Điều 29 chỉ hướng dẫn quản lý, sử dụng tiền thu từ xử lý tài sản, không hướng dẫn quản lý, sử dụng tiền thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng quyền khai thác tài sản. Do đó, đề nghị sửa theo một trong hai phương án sau:

- Phương án 1: Sửa điểm d khoản 2 Điều 22 Dự thảo Nghị định sửa đổi thành: *“Mức chi làm căn cứ lập dự toán chi phí; việc lập dự toán chi phí; trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện tương tự theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 29 Nghị định này”*

- Phương án 2: Sửa Điều 29, bổ sung thêm nội dung về tiền thu từ cho thuê và chuyển nhượng tài sản vào quy định tại Điều này.

2.9. Điều 29 Dự thảo Nghị định sửa đổi

(1) Tại khoản 1 Điều 29 Dự thảo Nghị định sửa đổi quy định: *“Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan được Bộ Giao thông vận tải chỉ định làm chủ tài khoản”*

Tổng công ty ĐSVN đề nghị sửa đổi, bổ sung:

“Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia nộp NSNN toàn bộ số tiền chênh lệch thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) sau khi trừ đi các khoản chi phí tại khoản 3 Điều này”.

Lý do: quy định như nêu trên tạo điều kiện cho Doanh nghiệp quản lý tài sản không bị ảnh hưởng đến dòng tiền trong sản xuất kinh doanh, đồng thời phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 99 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

(2) Đề nghị bổ sung, làm rõ hơn quy định tại khoản 4 Điều 29, cụ thể như sau:

“a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo hợp đồng ký giữa doanh nghiệp được giao quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được giao nhiệm vụ xử lý tài sản quyết định mức chi, được áp dụng các tiêu chuẩn, định mức tương đương hoặc tiêu chuẩn, định mức do doanh nghiệp ban hành, áp dụng trước đó (nếu có) ~~bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.~~

Lý do:

Tổng công ty ĐSVN nhận thấy, quy định tại khoản 4 Điều 29 dự thảo Nghị định hiện nay không thay đổi so với quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định 46/2018/NĐ-CP. Thực tế từ khi Nghị định 46/2018/NĐ-CP có hiệu lực đến nay, Tổng công ty ĐSVN đã trình Bộ GTVT dự toán chi phí xử lý tài sản, vật tư thu hồi từ bảo trì KCHTĐS quốc gia năm 2018 – 2020 (tài sản đã thanh lý xong, đã thu tiền và nộp đầy đủ vào tài khoản tạm giữ của Sở Tài chính Hà Nội tại KBNN) nhưng đến nay vẫn chưa được Bộ GTVT phê duyệt, do khoản chi phí thu gom vật tư thu hồi chưa có định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành để áp dụng phê duyệt theo điểm a khoản 4 Điều 26, trong khi định mức do Tổng công ty ĐSVN ban hành trước đó không được xem xét áp dụng để phê duyệt theo điểm c khoản 4 Điều 26. Như vậy, mặc dù đã có quy định tại điểm c khoản 4 Điều 26

Nghị định 46/2018/NĐ-CP nhưng việc áp dụng là rất hạn chế, thiếu tính khả thi, ảnh hưởng đến quyền lợi được thanh toán kịp thời của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, một số khoản chi phí liên quan chưa có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhưng đã có các tiêu chuẩn, định mức tương đương hoặc tiêu chuẩn, định mức do doanh nghiệp được giao xử lý tài sản đã ban hành và áp dụng trước đó, nếu quy định bổ sung trong điểm c khoản 4 Điều 29 dự thảo Nghị định như đề xuất sẽ có thể giải quyết được vướng mắc nêu trên.

Ngoài ra, việc bổ sung quy định trên sẽ có tính khả thi để thực hiện xử lý chuyển tiếp theo khoản 5 Điều 50 dự thảo Nghị định sửa đổi.

2.11. Tại khoản 2 Điều 50 Dự thảo Nghị định sửa đổi

Đề nghị sửa đổi để làm rõ hơn quy định tại khoản 2 Điều 50, như sau:

“2. Đối với các Hợp đồng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đã được cơ quan, người có thẩm quyền ký kết ~~theo đúng quy định của pháp luật~~ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định đến hết thời hạn của Hợp đồng ký kết; việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt nêu trên được thực hiện theo quy định tại Nghị định này”.

Lý do:

Thời gian qua Tổng công ty buộc phải gia hạn các hợp đồng hết hạn với đơn giá giữ nguyên như cũ, do đó hợp đồng gia hạn chưa hoàn toàn đúng quy định pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, việc ký theo giá cũ còn bị thiếu hành lang pháp lý về giá khi Quyết định 1129/QĐ-BTC của Bộ Tài chính không còn hiệu lực và chưa có quy định mới.

Về nội dung này, Tổng công ty đã có nhiều báo cáo để các cấp có thẩm quyền hướng dẫn xử lý, thẩm quyền hiện tại thuộc Thủ tướng Chính phủ. Do đó, để giải quyết dứt điểm các vướng mắc trên, thì cần quy định phù hợp trong Nghị định sửa đổi này.

Trên đây là nội dung tham gia ý kiến của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Kính gửi Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải và Liên đoàn Thương mại & Công nghiệp Việt Nam nghiên cứu xem xét, tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban QLNN tại DN (để b/c);
- HĐQT TCT ĐSVN (để b/c);
- Ban TGD TCT ĐSVN;
- Các Ban: TCKT, KHKD, QLHT, ĐTXD;
- Lưu: VT, KTKT (02 bản).



KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 226 /KTNN-CNII
V/v dự thảo Nghị định quy định việc
quản lý, sử dụng và khai thác tài sản
kết cấu hạ tầng đường sắt

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản)

Phúc đáp các Công văn của Bộ Tài chính số 3578/BTC-QLCS ngày 04/04/2024 về lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và Công văn số 4516/BTC-QLCS ngày 03/05/2024 về đơn đốc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, Kiểm toán nhà nước tham gia ý kiến như sau:

(1) Tại Điều 2 về đối tượng áp dụng

Tại khoản 2 Điều 2 của Dự thảo quy định: “Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt

a) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý đường sắt quốc gia)

b) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị)”.

Đề nghị điều chỉnh, thay thế cụm từ: “Cơ quan quản lý đường sắt” thành cụm từ “Cơ quan quản lý nhà nước về đường sắt” cho thống nhất với khoản 1 Điều 2 của Dự thảo.

(2) Điều 4 về Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, tại khoản 2 và khoản 3 khái niệm về Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia và Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị nhưng hiện tại trong Nghị định chưa có sự thống nhất. Ví dụ: Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia bao gồm đoạn “phục vụ công tác vận tải hành khách và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân theo quy định (đón, trả, tác nghiệp kỹ thuật liên quan đến vận tải hành khách bằng đường sắt), vận tải hàng hóa (giao, nhận, xếp, dỡ, bảo quản và tác nghiệp kỹ thuật liên quan đến vận tải hàng hóa, hành lý, bao gửi bằng đường sắt); phục vụ kỹ thuật sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện giao thông đường sắt, trang thiết bị vận tải đường sắt; phục vụ cung cấp xăng dầu đường sắt; phục vụ cung cấp suất ăn, giặt là

đường sắt; phục vụ nhân viên đường sắt lưu trú, lên xuống ban làm việc và các hoạt động khác liên quan đến vận tải đường sắt" nhưng Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không có. Do đó, đề nghị xem xét tính chất đặc thù và chức năng phù hợp với phương thức vận hành, cung cấp dịch vụ giữa các loại hình từ đó rà soát quy định để đảm bảo thống nhất.

(3) Tại Điều 5 về nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt:

- Tại khoản 1 Điều 5 của Dự thảo quy định: "*Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị; được tính hao mòn, khấu hao tài sản và bảo trì công trình theo quy định của pháp luật*". Đề nghị xem xét, bổ sung, biên tập theo hướng "*1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt phải được thống kê, kế toán đầy đủ về số lượng và giá trị; được thực hiện chế độ tính khấu hao, hao mòn tài sản và bảo trì công trình theo quy định của pháp luật*".

- Khoản 2 Điều 5 của Dự thảo quy định: "*Việc khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt theo phương thức cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này được thực hiện đối với toàn bộ hoặc một phần của từng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Trường hợp khai thác một phần của từng tài sản thì phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại.*" Do việc cho thuê mà đảm bảo không ảnh hưởng đến quản lý, khai thác phần còn lại thực tế rất khó khăn, để bao quát hết các trường hợp trong thực tiễn, đề nghị cân nhắc bổ sung nội dung: "*Trường hợp làm ảnh hưởng đến các tài sản kết cấu hạ tầng khác thì phải có ý kiến của đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng có liên quan và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền*".

(4) Tại khoản 3 Điều 14 về Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia đang quy định 02 phương thức bảo trì, để đảm bảo sự thống nhất, đề nghị Dự thảo chỉ chọn một phương thức để thực hiện việc bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

(5) Tại điểm c khoản 7 Điều 19 Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định: "*Doanh nghiệp tham gia đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và các điều kiện sau: Có năng lực tài chính được thể hiện thông qua chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế tối thiểu 02 năm liền kề theo Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm xác định cụ thể chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế*

để đưa vào Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.”.

Đề nghị trong Nghị định nên nghiên cứu quy định cụ thể hơn về điều kiện, tiêu chuẩn đối với các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế để thống nhất trong cả nước. Việc giao trách nhiệm toàn bộ cho “Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt” sẽ gây khó khăn cho đơn vị khi không có hướng dẫn cụ thể và cũng khó khăn cho công tác kiểm tra giám sát trong quá trình thực hiện.

Kiểm toán nhà nước trân trọng gửi ý kiến tham gia đến Bộ Tài chính để tổng hợp, trình Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Tổng KTNN Nguyễn Tuấn Anh;
- KTNN chuyên ngành II;
- Lưu: VT.

TL. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KT. KIỂM TOÁN TRƯỞNG KTN CHUYÊN NGÀNH II
KIỂM TOÁN TRƯỞNG



* Lê Thị Hồng Hạnh

Số: 3584/NHNN-PC

V/v tham gia ý kiến về dự thảo Nghị
định quy định việc quản lý, sử dụng
và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng
đường sắt

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận được Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài Chính về việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Sau khi nghiên cứu, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có một số ý kiến cụ thể như sau:

1. Tại Dự thảo Tờ trình

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung giải trình lý do về việc bổ sung thêm quy định về ký quỹ để đảm bảo thực hiện hợp đồng tại Dự thảo Nghị định do nội dung này là nội dung mới so với Nghị định hiện hành.

2. Tại dự thảo Nghị định

2.1. Điểm g khoản 7 Điều 18; điểm h, khoản 8 Điều 19; điểm g, khoản 8, Điều 35:

Hiện nay tại Bộ luật dân sự đã có quy định về biện pháp ký quỹ để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, do đó đề nghị chi quy định chung về trách nhiệm Bên thuê quyền khai thác tài sản phải thực hiện việc ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng, mức tiền ký quỹ, thời hạn ký quỹ, nội dung nghĩa vụ được bảo đảm.

- Đối với quy định: “Trường hợp tại thời điểm kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản mà Bên thuê chưa hoàn thành nghĩa vụ (thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản, vi phạm hợp đồng liên quan đến bàn giao tài sản cho Bên cho thuê) thì số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên thuê phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành, phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự”. Tuy nhiên, quy định này chưa rõ ràng đối với trường hợp vi phạm hợp đồng liên quan đến bàn giao tài sản cho Bên cho thuê, trường hợp này việc xác định nghĩa vụ mà Bên thuê phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành căn cứ theo hồ sơ, chứng từ nào. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ để các tổ chức liên quan có cơ sở triển khai, thực hiện. Đồng thời, đề nghị quy định rõ cách thức xử lý phần còn thừa, việc dẫn chiếu “theo quy định của pháp luật về dân sự” không rõ ràng, khó khăn cho quá trình thực hiện.

- Ngoài ra, đề nghị bổ sung quy định về thành phần hồ sơ, chứng từ nộp, rút tiền ký quỹ để tổ chức tín dụng có cơ sở thực hiện.

2.2 Điểm b khoản 10 Điều 19:

Dự thảo Nghị định mới quy định về việc sử dụng “tài sản nhận chuyển nhượng quyền khai thác”, chưa có quy định về việc sử dụng “quyền khai thác tài

sản". Đây là một dạng quyền tài sản, do đó xem xét có quy định rõ ràng để đảm bảo không vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xin gửi quý Bộ để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thống đốc NHNN;
- PTĐ Đoàn Thái Sơn;
- Lưu VT, PC2, PĐHung

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Đoàn Thái Sơn



Bộ Xây dựng
26-04-2024
15:15:42 +07:00

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1789/BXD-HTKT

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2023

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
việc quản lý, sử dụng và khai thác tài
sản kết cấu hạ tầng đường sắt

Kính gửi: Bộ Tài Chính

Bộ Xây dựng nhận được văn bản số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (gọi tắt là dự thảo Nghị định). Sau khi nghiên cứu, Bộ Xây dựng có ý kiến như sau:

- Việc xây dựng dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trên cơ sở thực tiễn công tác quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trong giai đoạn vừa qua đã phát sinh những hạn chế, bất cập cần được giải quyết, khắc phục và bổ sung đối tượng quản lý tài sản là đường sắt đô thị như nội dung báo cáo tại dự thảo Tờ trình là cần thiết.

- Theo báo cáo tại Tờ trình, Dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở kế thừa Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 và sửa đổi, bổ sung các nội dung không còn phù hợp với thực tiễn hoặc chưa có quy định chi tiết để thực hiện, cụ thể hóa các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Do vậy, đối với các nội dung đề xuất quy định chi tiết, cơ quan soạn thảo cần rà soát và căn cứ trên cơ sở quy định tại các Luật hiện hành để đề xuất quy định chi tiết, đảm bảo sự phù hợp và thống nhất với pháp luật hiện hành có liên quan.

- Nội dung liên quan đến đề xuất quy định đặt hàng tại điểm b, khoản 3 Điều 14 "*Cơ quan quản lý đường sắt quốc gia đặt hàng toàn bộ công tác bảo trì tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia theo quy định của pháp luật*" và điểm b, khoản 1 Điều 32 "*Cơ quan quản lý đường sắt đô thị tổ chức đặt hàng hoặc đấu thầu công tác bảo trì tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật*", đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung, làm rõ về cơ sở đề xuất quy định, đảm bảo sự phù hợp, thống nhất với pháp luật hiện hành có liên quan và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

- Đề nghị bổ sung, làm rõ cơ sở đề xuất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 và điểm b khoản 1 Điều 38 về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị, trong đó quy định "doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt/đô thị được sử dụng 80% để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, phần còn lại (20%) nộp vào ngân sách nhà nước", đảm bảo phù hợp với pháp luật về phí, lệ phí, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

- Nghiên cứu, bổ sung đánh giá tác động của chính sách đối với các quy định tại dự thảo Nghị định, trong đó cần nêu rõ vấn đề cần giải quyết; mục tiêu ban hành chính sách; các giải pháp để thực hiện chính sách; các tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; chi phí, lợi ích của các giải pháp; so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp;...

Trên đây là ý kiến của Bộ Xây dựng, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BT Nguyễn Thanh Nghị (để b/c);
- TTr Nguyễn Tường Văn (để b/c);
- Lưu VT, HTKT_(XL).

**TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC HẠ TẦNG KỸ THUẬT**



Tạ Quang Vinh



Ky bô Phông Châ Thô
Mã
Email
Hòm thư điện tử
Cơ quan: Văn phòng
Thanh tra Chính phủ
Ngày ký: 06-05-2024
09 11 34 -07 00

THANH TRA CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 894 /TTCP-V.II

Hà Nội, ngày 02 tháng 5 năm 2024

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị
định quy định việc quản lý, sử dụng
và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng
đường sắt

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Văn bản số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (dự thảo Nghị định), Thanh tra Chính phủ có ý kiến sau:

- Đối với nội dung cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tại Điều 18, Điều 19, Điều 35 dự thảo Nghị định, Thanh tra Chính phủ đề nghị:

+ Rà soát, bổ sung quy định về thời hạn cho thuê quyền khai thác cụ thể phù hợp với từng trường hợp (toàn bộ, từng phần tài sản), cân nhắc quy định thời gian chuyển nhượng quyền khai thác phù hợp, không quá dài;

+ Nghiên cứu, chỉnh sửa nội dung quy định tại điểm c, Khoản 9, Khoản 10 Điều 19 của dự thảo Nghị định liên quan đến quyền, nghĩa vụ của bên nhận chuyển nhượng chặt chẽ, khách quan, bảo đảm lợi ích nhà nước, tránh phát sinh tiêu cực có thể xảy ra trong ký kết và thực hiện hợp đồng (lưu ý các trường hợp quyền khai thác có giá trị lớn);

+ Về điều kiện của các tổ chức tham gia đấu giá thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hạ tầng đường sắt; cần nghiên cứu, quy định chặt chẽ về năng lực tài chính, năng lực quản lý, khai thác sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt của tổ chức tham gia đấu giá đảm bảo tính khách quan trong lựa chọn tổ chức tham gia đấu giá.

- Đề nghị rà soát quy định về giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị tại Điều 36 của dự thảo Nghị định: "*Xác định giá khởi điểm để đấu giá, Doanh nghiệp thẩm định xác định giá cho thuê, áp dụng giá đối với trường hợp đấu giá không thành công*" bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật.

- Đề nghị bổ sung quy định cụ thể tại Điều 37 của dự thảo Nghị định đối với việc sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị khi không còn sử dụng làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

- Đối với nội dung quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (Điều 29) và đường sắt đô thị (Điều 45) của dự thảo Nghị định, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, quy định quy chế định mức sử dụng,

mức chi thuê dịch vụ xử lý tài sản, việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý tài sản, trách nhiệm quản lý số tiền thu được của đơn vị chỉ định làm chủ tài khoản.

- Về trường hợp thanh toán tiền cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn theo hình thức trả chậm từng lần quy định tại điểm e Khoản 8 Điều 18; điểm g Khoản 8 Điều 19 dự thảo Nghị định; đề nghị nghiên cứu, rà soát quy định về thời gian, thời hạn thanh toán trả chậm, đảm bảo tính hiệu quả, lợi ích cho nhà nước, đặc biệt đối với các hợp đồng, công trình có giá trị lớn.

- Về việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (Điều 22 dự thảo Nghị định) và đường sắt đô thị (Điều 38 dự thảo Nghị định); đề nghị nghiên cứu, cân nhắc bổ sung quy định về định mức khoán nộp ngân sách nhà nước theo từng Đề án, trường hợp cụ thể, từng loại tài sản tương ứng với mức doanh thu, chi phí khác nhau; bảo đảm chặt chẽ và lợi ích của Nhà nước.

Các nội dung khác, Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền thực hiện rà soát, tiếp thu ý kiến các bộ, ngành và cơ quan có liên quan để hoàn thiện dự thảo Nghị định theo quy định.

Thanh tra Chính phủ trân trọng phúc đáp././ *M*

Nơi nhận *M*

- Như trên;
- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Phó Tổng TTCP Bùi Ngọc Lam;
- Lưu: VT, Vụ II. |

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA



Bùi Ngọc Lam

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2783 /BNN-PC
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
việc quản lý, sử dụng và khai thác tài
sản kết cấu hạ tầng đường sắt

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính
(Cục Quản lý công sản)

Phúc đáp Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (*sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định*), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1 dự thảo Nghị định)

Điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định về phạm vi điều chỉnh đã loại trừ "Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân" không điều chỉnh tại dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, tại khoản 4 Điều 4, khoản 3 Điều 5, khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 10, điểm a khoản 1 Điều 17, điểm a khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 19... của dự thảo Nghị định có quy định về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia. Đề nghị xác định, phân định rõ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia để tránh mâu thuẫn, chồng chéo.

2. Về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (Điều 4 dự thảo Nghị định)

Đề nghị xem lại quy định về khái niệm "tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt" tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị định để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Đường sắt 2017.

Lý do: Khoản 1 Điều 11 Luật Đường sắt quy định tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt bao gồm: tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trực tiếp liên quan đến chạy tàu và tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt không trực tiếp liên quan đến chạy tàu. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trực tiếp liên quan đến chạy tàu gồm công trình, hạng mục công trình đường sắt **hoặc công trình phụ trợ khác** trực tiếp phục vụ công tác chạy tàu, đón tiễn hành khách, xếp dỡ hàng hóa. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị định quy định tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là "công trình, hạng mục công trình đường sắt và đất gắn với công trình, hạng mục công trình đường sắt", không bao gồm **công trình phụ trợ khác**.

Trên đây là một số ý kiến góp ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo đề nghị của quý Bộ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr. Nguyễn Hoàng Hiệp (để b/c);
- Vụ trưởng (để b/c);
- Lưu VT, PC.

**TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP CHẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



[Handwritten signature]
Ngô Thị Tuyết

Số: 1299BTTTT-CVT

V/v ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/04/2024 của Quý Bộ về việc Lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; sau khi nghiên cứu, Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến như sau:

Liên quan đến các quy định trong dự thảo Nghị định nêu trên về việc lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tại Khoản 3 Điều 16 (Phương thức và nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia) và Khoản 3 Điều 33 (Phương thức và nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị) theo đó “trường hợp lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thì việc lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định của pháp luật về viễn thông; việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định tại Nghị định này”:

Luật Viễn thông năm 2023, Khoản 3 Điều 65¹ có quy định cho phép việc xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, đất, tài sản của lực lượng vũ trang và tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng (Luật Viễn thông không có quy định cụ thể với trường hợp lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường

¹ Khoản 3 Điều 65 Luật Viễn thông quy định:

“3. Công trình viễn thông được xây dựng, lắp đặt trên trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, đất, tài sản của lực lượng vũ trang và tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Không làm ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công, đến công năng sử dụng của tài sản công mà công trình viễn thông được lắp đặt;

c) Bảo đảm tính khả thi về kỹ thuật; bảo đảm cảnh quan, môi trường, an toàn, an ninh.

4. Việc xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản công được thực hiện thông qua thỏa thuận giữa doanh nghiệp lắp đặt công trình viễn thông và cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công trên cơ sở bảo đảm các nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều này. Số tiền thu được từ thỏa thuận lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản công được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.”

sắt), việc quản lý và sử dụng số tiền thu được được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Để hướng dẫn, cho phép lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản công số tiền thu được từ thỏa thuận lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản công, hiện nay Bộ Tài chính đang dự thảo ², trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 151/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, trong đó có các nội dung liên quan đến lắp đặt công trình viễn thông (như trạm BTS) trên tài sản công ³, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 151/2017/NĐ-CP không có quy định cụ thể với trường hợp lắp đặt công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Vì vậy để đảm bảo đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả giữa các pháp luật về Quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về Viễn thông và pháp luật về Đường sắt, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể về lắp đặt, khai thác công trình viễn thông trên tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Trân trọng./ *Nguyễn Huy Dũng*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng;
- Lưu: VT, CVT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Huy Dũng

² https://www.mof.gov.vn/webcenter/vbdt/backend/nd_cong_san_20230920101145.pdf

³ Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 151/2017/NĐ-CP của Bộ Tài chính đang dự kiến bổ sung điểm d Khoản 1 Điều 10b.

"Điều 10b. Khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước:

1. Danh mục tài sản công tại cơ quan nhà nước được khai thác:

d) Tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan nhà nước (nhà ăn, căng tin, máy bán hàng tự động, trạm BTS...)"



HỘI CỤC CHIẾN BINH VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 153 /CCB-TC

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2024

V/v lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy
định việc quản lý, sử dụng và khai thác
tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

| | |
|-------------------|------------|
| BỘ TÀI CHÍNH | |
| ĐẾN SỐ: | 34146 |
| Ngày: | 16-04-2024 |
| Chuyên: | Quản lý |
| Số và ký hiệu HS: | |

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Hội Cựu chiến binh Việt Nam nhận được Công văn số: 3578/BTC-QLCS ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Sau khi nghiên cứu, Hội Cựu chiến binh Việt Nam thống nhất như dự thảo Nghị định.

Kính đề nghị Quý Bộ tổng hợp báo cáo./.

Nơi nhận:

- Nhu trên
- Lưu VT, TC, Q04b.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

Việt Dũng

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1000 /BHXH-PC

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2024

V/v TGYK dự thảo NĐ quy định việc
quản lý, sử dụng và khai thác tài sản
kết cấu hạ tầng đường sắt.

Kính gửi: Bộ Tài chính.
(Cục Quản lý công sản)

Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhận được Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Sau khi nghiên cứu, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có ý kiến như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 1 Nghị định số 89/2020/NĐ-CP ngày 04/8/2020 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam là cơ quan thuộc Chính phủ có chức năng tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tổ chức thu, chi chế độ bảo hiểm thất nghiệp; quản lý và sử dụng các quỹ: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; thanh tra chuyên ngành việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật. Do vậy, Bảo hiểm xã hội Việt Nam thống nhất với nội dung của dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định; không có ý kiến tham gia cụ thể vì chức năng, nhiệm vụ không trực tiếp liên quan đến lĩnh vực quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam kính gửi Quý Bộ để tổng hợp chung./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, PC.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Chu Mạnh Sinh



Ký bởi: Văn phòng Bộ
Cơ quan: 26 Trần
Hưng Đạo
Thời gian ký:
04/05/2024 15:18:02

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1492 /BCA-ANKT

Hà Nội, ngày 2 tháng 5 năm 2024

V/v góp ý về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

| | |
|------------------------|-------------------|
| BỘ TÀI CHÍNH | |
| ĐẾN Số:..... | 039498 |
| Ngày: 04-05-2024 | |
| Chuyên:..... | <i>Luu.H.H.H.</i> |
| Số và ký hiệu HS:..... | |

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; Bộ Công an có ý kiến như sau:

- Việc nghiên cứu, xây dựng Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là cần thiết và có cơ sở nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trong quá trình thực hiện Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Quá trình nghiên cứu, hoàn thiện Nghị định đề nghị tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm quyền của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân liên quan; tạo cơ sở pháp lý và các điều kiện cần thiết để ngành đường sắt phát triển; không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và phát sinh phức tạp về an ninh, trật tự.

- Tại khoản 3, Điều 14 dự thảo Nghị định (bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia): Qua đánh giá kết quả thực hiện Nghị định 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ và thực tiễn triển khai công tác quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, nếu lựa chọn **phương án a** trong dự thảo Nghị định sẽ khắc phục những hạn chế, bất cập trong thời gian qua; đề nghị cơ quan soạn thảo Nghị định nghiên cứu, báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.



- Tại Khoản 2, Điều 4 dự thảo Nghị định (bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt): Đề nghị nghiên cứu, điều chỉnh cụm từ "phục vụ kỹ thuật sửa chữa, bảo dưỡng..." thành "phục vụ kỹ thuật sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng...".

Bộ Công an trao đổi để Bộ Tài chính tập hợp *lưu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Bộ (để theo dõi);
- Lưu: VT, ANKT(GTXD).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Thượng tướng Lương Tam Quang



Cơ quan: BỘ QUỐC
PHÒNG
Thời gian ký: 26.04.2024
15:57:25 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1552 /BQP-TC

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2024

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo
Nghị định của Chính phủ quy định việc
quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết
cấu hạ tầng đường sắt



Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phúc đáp Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Sau khi nghiên cứu, Bộ Quốc phòng thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định.

Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo. *✓*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục QLCS/BTC;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Đ/c Thứ trưởng Vũ Hải Sơn;
- C33, C20, C41, C54;
- Lưu: VT, THBĐ. Thiên 10.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Thứ trưởng Vũ Hải Sơn



ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 847 /TNVN-VP
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
việc quản lý, sử dụng và khai thác tài
sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2024

| | |
|------------------------|----------|
| BỘ TÀI CHÍNH | |
| ĐẾN SỐ:..... | 3.656.0 |
| Ngày: 24 -04- 2024 | |
| Chuyến:..... | Qu. QLCS |
| Số và ký hiệu HS:..... | |

Kính gửi: Bộ Tài chính

Đài Tiếng nói Việt Nam (Đài TNVN) nhận được Công văn số 3578/BTC-QLCS, ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính đề nghị góp ý dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Sau khi nghiên cứu, Đài TNVN nhất trí với dự thảo Nghị định trên do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo và không có ý kiến khác.

Trân trọng./

Nơi nhận

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Chánh Văn phòng;
- Lưu: VT, VP (KTPC).

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Minh Hiền



**BAN QUẢN LÝ LĂNG
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **571**/BQLL-VP

Hà Nội, ngày **16** tháng 4 năm 2024

V/v tham gia ý kiến về dự thảo
Nghị định quy định việc quản lý,
sử dụng và khai thác tài sản
kết cấu hạ tầng đường sắt

Kính gửi: Bộ Tài chính.

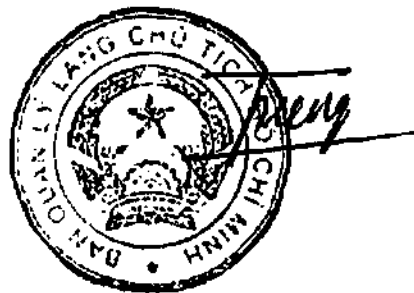
Căn cứ Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định). Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghiên cứu và nhất trí với dự thảo Nghị định.

Trân trọng gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo BQL Lăng;
- Văn phòng BQL Lăng;
- Lưu: VT, KH-TC. V05.

TRƯỞNG BAN



Phạm Hải Trung

Số: 273/ĐCT-VP

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2024

V/v lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phúc đáp Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (Trung ương Hội) đã nghiên cứu về Dự thảo Tờ trình, Dự thảo Nghị định và nhận thấy các nội dung của dự thảo Nghị định đã có những quy định cụ thể hơn, hoàn thiện cơ sở pháp lý để giải quyết các vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình giao, quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, bảo đảm tất cả các tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư, quản lý đều xác định được chủ thể chịu trách nhiệm trước Nhà nước trong quản lý, hạch toán tài sản, khai thác tài sản; để thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng, khai thác đối với các tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

Trung ương Hội cơ bản nhất trí với nội dung của Dự thảo Tờ trình Chính phủ và Dự thảo Nghị định Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Trung ương Hội kính gửi Quý Bộ tổng hợp.

Trân trọng cảm ơn! *Thy*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP (P. Tài chính).

TL. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG



Phạm Thị Hương Giang

Số: 2357 /BNV - PC

Hà Nội, ngày 02 tháng 5 năm 2024

V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định việc quản lý, sử dụng
và khai thác tài sản kết cấu hạ
tầng đường sắt

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Thống nhất với Bộ Tài chính xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (thay thế cho Nghị định số 46/2018/NĐ-CP) đã được giao nhiệm vụ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ, Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 28/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

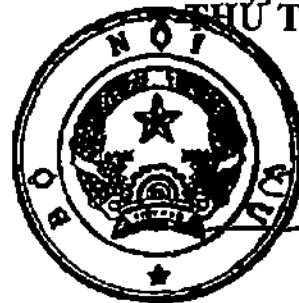
2. Về nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành, đề nghị làm rõ trong Tờ trình bảo đảm Nghị định sau khi được ban hành không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Triệu Văn Cường;
- Lưu: VT, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Triệu Văn Cường



**TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG
VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1077 /TLD -TC

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2024

V/v lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy
định việc quản lý, sử dụng và khai thác
tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

| | |
|------------------------|------------|
| BỘ TÀI CHÍNH | |
| ĐẾN Số:..... | 37025 |
| Ngày: | 25-04-2024 |
| Chuyên:..... | Cục QLCS |
| Số và ký hiệu HS:..... | |

Kính gửi: Bộ Tài chính

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam nhận được công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ).

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trình Chính phủ kèm theo công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cơ bản thống nhất với các nội dung như đã dự thảo.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp.

Trân trọng cảm ơn./u

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực ĐCT TLD(Đề b/cáo);
- Lưu: VT,TC.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Văn Anh

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **799**/UBDT-PC
V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định việc quản lý, sử dụng
và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng
đường sắt

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Sau khi nghiên cứu Ủy ban Dân tộc nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị định nêu trên.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban Dân tộc gửi quý Bộ để tổng hợp. /*2*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để b/c);
- Lưu: VT, PC (02 bản). *2*

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM



Y Thông

Số: 1905/BLĐTBXH-VPC

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2024

V/v cho ý kiến dự thảo Nghị định quy định
việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết
cấu hạ tầng đường sắt

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, sau khi nghiên cứu, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nhất trí với dự thảo Nghị định nêu trên.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội gửi quý Bộ để tổng hợp. *LS*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



LS
Lê Văn Thanh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc - lập Tự do - Hạnh phúc

Số: 2023 /BGDĐT-KHTC

V/v ý kiến dự thảo Nghị định quy định
việc quản lý, sử dụng và khai thác tài
sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2024

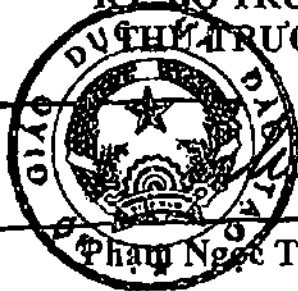
Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) nhận được Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, sau khi nghiên cứu, Bộ GDĐT thống nhất với dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Kính gửi Quý Bộ để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

KT BỘ TRƯỞNG
DƯ THỨ TRƯỞNG

Phạm Ngọc Thương

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI C



Viện: Bộ Công Thương
Số: Bộ Công Thương
Thời gian: 03.05.2024 16

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2899/BCT-KHTC

Hà Nội, ngày 03 tháng 5 năm 2024

V/v ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

Kính gửi: Bộ Tài Chính

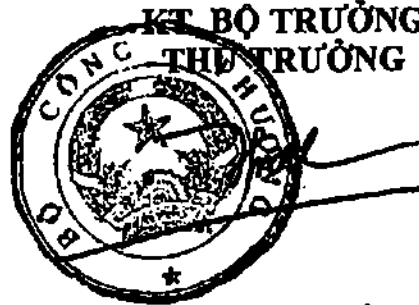
Trả lời đề nghị của Bộ Tài chính tại các Văn bản số 3578/BTC-QLCS ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

Tại khoản 3 Điều 2 dự thảo quy định Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt bao gồm: "a) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc; và b) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị", do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung vai trò, trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt của các doanh nghiệp nêu trên.

Kính gửi Bộ Tài Chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.



Phan Thị Thắng



BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 223 / BNG-QTTV

V/v ý kiến đối với Dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

Hà Nội, ngày 02 tháng 5 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phúc công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Quý Bộ về việc tham gia góp ý kiến về Dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (Dự thảo), trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, Bộ Ngoại giao có ý kiến như sau:

1. Về nội dung cho thuê và chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt:

Theo quy định tại Điều 18, 19 của Dự thảo, tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được cho thuê/chuyển nhượng quyền khai thác (nếu không thuộc trường hợp liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia). Đề nghị Quý Bộ bổ sung đánh giá về trường hợp cho tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài thuê/nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt nhằm bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các quy định pháp luật liên quan.

2. Về một số nội dung kỹ thuật:

- Tại Khoản 2 Điều 19 dẫn chiếu đến Điều 21 về quản lý, sử dụng tiền thu được từ chuyển nhượng. Tuy nhiên vấn đề quản lý, sử dụng tiền thu được từ chuyển nhượng quy định tại Điều 22. Đề nghị Quý Bộ thực hiện rà soát để bảo đảm dẫn chiếu chính xác.

- Tại Khoản 1.a và 3.a Điều 49 Dự thảo quy định trách nhiệm của Bộ Giao thông Vận tải và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: đề nghị rà soát để bảo đảm thống nhất về thuật ngữ theo quy định tại Khoản 2.b và 2.c Điều 11 Luật Đường sắt 2017 "Bộ Giao thông Vận tải thực hiện *nhiệm vụ, quyền hạn* của đại diện chủ sở hữu đối với tài sản *kết cấu hạ tầng* đường sắt quốc gia"; "Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện *nhiệm vụ, quyền hạn* của đại diện chủ sở hữu đối với tài sản *kết cấu hạ tầng* đường sắt đô thị".

Bộ Ngoại giao xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HC, QTTV.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Minh Hằng

**THÔNG TẤN XÃ
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 432/TTX-KHTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2024

V/v đóng góp ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục quản lý công sản)

Phúc đáp công văn số 3578 /BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Theo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thông tấn xã Việt Nam tại Nghị định số 87/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022 của Chính phủ, sau khi nghiên cứu toàn bộ nội dung dự thảo Nghị định của Bộ Tài chính, Thông tấn xã Việt Nam nhất trí với nội dung của dự thảo và không có ý kiến đóng góp thêm.

Thông tấn xã Việt Nam xin trân trọng báo cáo Bộ Tài chính để thực hiện công tác tổng hợp chung.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tuấn Hùng

Số: 901 /VHL-KHTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2024

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản
kết cấu hạ tầng đường sắt

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam có ý kiến như sau:

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã nghiên cứu dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình do Quý Bộ soạn thảo và không có ý kiến gì thêm.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Viện Hàn lâm (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trường Giang

**TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG
VIỆT NAM**

Số: 1077 /TLĐ -TC

V/v lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy
định việc quản lý, sử dụng và khai thác
tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam nhận được công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ).

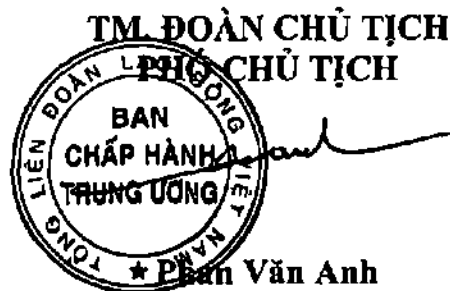
Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trình Chính phủ kèm theo công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cơ bản thống nhất với các nội dung như đã dự thảo.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực ĐCT TLĐ (Đề b/cáo);
- Lưu: VT, TC.



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2741 /BTNMT-KHTC

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến sau:

1. Về dự thảo Tờ trình: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung về thời gian dự kiến đề nghị Chính phủ xem xét, thông qua.

2. Đối với dự thảo Nghị định:

- Đề nghị xem xét bổ sung các cụm từ “bảo dưỡng, sửa chữa” thay vì sử dụng cụm từ “bảo trì” cho phù hợp với Điều 39 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và chế độ kế toán và quy định về bảo dưỡng sửa chữa tài sản công.

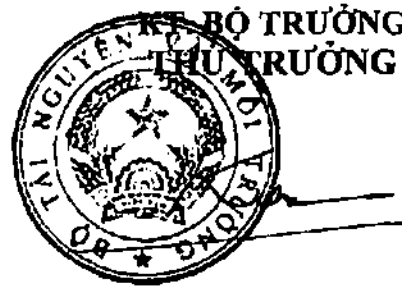
- Đề nghị quy định cụ thể đơn vị thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa đường sắt với trường hợp đang trong quá trình thực hiện bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

- Nội dung của Điều 4 về cơ bản là đưa ra các khái niệm của các thuật ngữ/ cụm từ; do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, gộp Điều 4 vào Điều 3 về giải thích từ ngữ.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trân trọng kính gửi Quý Bộ để tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để báo cáo);
- Cục Quản lý công sản (BTC);
- Lưu VT, KHTC.NHa.



Trần Quý Kiên

Số: 1751/BVHTTDL-PC

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2024

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản
kết cấu hạ tầng đường sắt

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản)

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhận được Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Sau khi nghiên cứu, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến như sau:

1. Về hồ sơ Nghị định

- Đề nghị Ban soạn thảo Nghị định bổ sung đầy đủ thành phần hồ sơ dự thảo Nghị định theo quy định tại khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Về dự thảo Tờ trình: Đề nghị chỉnh sửa bổ cục dự thảo Tờ trình theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Về dự thảo Nghị định


- Tại Điều 2, 14, 22, 32, 38 đề nghị cân nhắc về việc sử dụng ghi chú đặt ở cuối trang để giải thích hoặc cung cấp thông tin bổ sung cho nội dung của văn bản, cần quy định cụ thể tại quy định để bảo đảm cách diễn đạt đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Tại Mẫu số 02B, 02C Phụ lục đề nghị bổ sung nội dung về Cho thuê quyền khai thác tài sản một phần/Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản một phần và làm rõ việc Cho thuê/Chuyển nhượng một phần quyền khai thác tài sản đảm bảo không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần tài sản còn lại.

Trên đây là ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, PC, QC(03).

KT. BỘ TRƯỞNG
Ứ TRƯỞNG

Trịnh Thị Thủy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4132 /UBND-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2024

Về góp ý đối với dự thảo Nghị định của
Chính phủ quy định việc quản lý, sử
dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ
tầng đường sắt

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trên tinh thần buổi họp ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại Bộ Tài chính (theo Giấy mời số 76/GM-VP ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Bộ Tài chính) về họp ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt;

Theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04 tháng 4 năm 2024 về lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt;

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định của Chính phủ; Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cơ bản thống nhất với nội dung của dự thảo và tham gia thêm một số nội dung như sau:

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng bố cục dự thảo gồm 6 chương, trong đó:

- Chương I, V, VI bao gồm nội dung liên quan đến quy định chung, chế độ báo cáo, cơ sở dữ liệu, tổ chức thực hiện.

- Mục 1 Chương II, Chương III bao gồm nội dung liên quan đường sắt quốc gia.

- Mục 2 Chương II, Chương IV bao gồm nội dung liên quan đường sắt đô thị.

Nội dung quy định liên quan đến đường sắt quốc gia và đường sắt đô thị trong dự thảo có sự tương đồng, ví dụ:

| Đường sắt quốc gia | Đường sắt đô thị |
|---|---|
| Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 6 | Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 9 |
| Khoản 1 Điều 7 | Khoản 1 Điều 10 |
| Điều 16 | Điều 33 |
| Điểm a khoản 1, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 17 | Điểm a khoản 1, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 34 |
| Điểm b, c khoản 7, khoản 8-17 Điều 18 | Điểm b, c khoản 7, khoản 8-17 Điều 35 |
| Điểm c, d, e, đ khoản 2 Điều 21 | Điểm c, d, e, đ khoản 2 Điều 37 |

| Đường sắt quốc gia | Đường sắt đô thị |
|--|--|
| Điểm c, d, đ khoản 4 Điều 24 | Điểm c, d, đ khoản 4 Điều 40 |
| Điểm c, d, đ, e khoản 3, khoản 4 Điều 25 | Điểm c, d, đ, e khoản 3, khoản 4 Điều 41 |
| Điều 16, 20, 22, 26, 27, 28, 30 | Điều 33, 36, 38, 42, 43, 44, 46 |
| Khoản 4-9 Điều 29 | Khoản 4-9 Điều 45 |

Như vậy, tại dự thảo Nghị định của Chính phủ, cơ quan chủ trì soạn thảo đã xây dựng bổ sung các quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị; do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất với việc bổ sung các quy định này. Tuy nhiên, để hạn chế sự trùng lặp về nội dung giữa đường sắt quốc gia và đường sắt đô thị, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu việc gộp chung hay tách riêng theo từng loại hình đường sắt để có hình thức quy định phù hợp.

Ngoài ra, tại khoản 4 Điều 24 và khoản 4 Điều 40 dự thảo có nêu: “trừ trường hợp quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này”; tuy nhiên, tại Điều 24 và Điều 40 dự thảo không có nội dung quy định khoản 6. Đồng thời, tại Chương IV dự thảo chỉ thể hiện Mục 1, 2, 4, 5 và không có Mục 3. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh lại cho phù hợp.

2. Tại Điều 2 dự thảo (Đối tượng áp dụng) có nêu:

“1. Cơ quan quản lý nhà nước về đường sắt.

2. Cơ quan quản lý đường sắt, gồm:

a) Cơ quan quản lý đường sắt quốc gia là cơ quan thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật chuyên ngành về giao thông vận tải đường sắt.

b) Cơ quan quản lý đường sắt đô thị là cơ quan thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý nhà nước về đường sắt đô thị.

3. Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt):

a) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý đường sắt quốc gia).

b) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị)”.

Nhận thấy, dự thảo chỉ mới giải thích đối với “Cơ quan quản lý đường sắt”, chưa giải thích về “Cơ quan quản lý nhà nước về đường sắt”; đồng thời Luật Đường sắt năm 2017 cũng chưa có quy định giải thích về “Cơ quan quản lý nhà nước về đường sắt”. Do đó, để đảm bảo việc áp dụng, thực thi nhiệm vụ liên quan, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định giải thích hoặc liệt kê cơ quan được xác định là “Cơ quan quản lý nhà nước về đường sắt”.

Mặt khác, theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định: “Thay thế cụm từ “doanh nghiệp nhà nước” bằng cụm từ “doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ” quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP của Chính phủ”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh điểm b khoản 3 Điều 2 dự thảo như sau: “b) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao quản lý, kinh doanh tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị).”

3. Tại Điều 4 dự thảo (Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt) có nêu:

“1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt là công trình, hạng mục công trình đường sắt và đất gắn với công trình, hạng mục công trình đường sắt.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia bao gồm:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trực tiếp liên quan đến chạy tàu là công trình, hạng mục công trình đường sắt quốc gia và công trình phụ trợ khác trực tiếp phục vụ hoạt động điều hành giao thông vận tải đường sắt; phục vụ công tác vận tải hành khách (đón, trả, tác nghiệp kỹ thuật liên quan đến vận tải hành khách bằng đường sắt), vận tải hàng hóa (giao, nhận, xếp, dỡ, bảo quản và tác nghiệp kỹ thuật liên quan đến vận tải hàng hoá, hành lý, bao gửi bằng đường sắt); phục vụ kỹ thuật sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện giao thông đường sắt, trang thiết bị vận tải đường sắt; phục vụ cung cấp xăng dầu đường sắt; phục vụ cung cấp suất ăn, giặt là đường sắt; phục vụ nhân viên đường sắt lưu trú, lên xuống ban làm việc và các hoạt động khác trực tiếp liên quan đến vận tải đường sắt.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không trực tiếp liên quan đến chạy tàu là tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị bao gồm:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trực tiếp liên quan đến chạy tàu là công trình, hạng mục công trình đường sắt đô thị và công trình phụ trợ khác trực tiếp phục vụ công tác chạy tàu, đưa, đón hành khách.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không trực tiếp liên quan đến chạy tàu là tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này”

...

5. Trong quá trình thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, ...; trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị hoặc điều chỉnh việc phân loại tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị giữa các nhóm quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sau khi có ý kiến của Bộ Giao thông vận tải.”

Như vậy, theo dự thảo, các tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không được quy định theo hướng liệt kê mà chỉ được xác định là công trình, hạng mục

công trình đường sắt đô thị và công trình phụ trợ khác, trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung danh mục thì Ủy ban nhân dân Thành phố trình Thủ tướng Chính phủ xem xét sau khi có ý kiến của Bộ Giao thông vận tải; đồng thời, xuyên suốt toàn bộ nội dung dự thảo thì không có điều khoản cụ thể nào liên quan đến việc phân loại trên và cũng không đính kèm danh mục tài sản thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

Mặt khác theo khoản 4, Điều 11 Luật đường sắt năm 2017 quy định: *"Chính phủ quy định Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quy định tại khoản 1 Điều này; quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư"*.

Do đó để đảm bảo việc áp dụng, thực thi nhiệm vụ liên quan; đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định giải thích hoặc liệt kê cụ thể công trình, danh mục tài sản thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị để thống nhất với quy định tại các Nghị định của Chính phủ về tài sản kết cấu hạ tầng (giao thông đường bộ; đường thủy nội địa; cấp nước sạch; ...).

4. Tại Điều 9 dự thảo (Phạm vi và hình thức giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị) có nêu:

"1. Toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định này theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp."

Phạm vi tài sản giao, thẩm quyền quyết định giao và trình tự thủ tục giao tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này và quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định này."

2. Sau khi giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ nhu cầu và khả năng quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị xây dựng phương án đầu tư, bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị. Phương án đầu tư, bổ sung vốn điều lệ phải xác định cụ thể danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp (tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp)."

Theo quy định tại Điều 97 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017: *"Tài sản công tại doanh nghiệp gồm: 1. Tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý và đã được tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; 2. Tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp"* và tại khoản 2 Điều 87 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: *"2. Tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng (sau đây gọi là tài sản kết cấu hạ tầng)"*.

Tuy nhiên theo dự thảo thì toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức không tính thành phần vốn

nhà nước tại doanh nghiệp, nhưng sau đó lại quy định doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị xây dựng phương án đầu tư, bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị gồm danh mục tài sản giao theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và danh mục tài sản giao theo hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét điều chỉnh quy định cho phù hợp giữa khoản 1 và khoản 2 Điều 9 của dự thảo với các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; đồng thời cần xác định rõ mục đích và ý nghĩa của việc phân loại giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo hình thức đầu tư vốn tại doanh nghiệp và hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khi hiện nay các doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị đều là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

5. Tại Điều 12 dự thảo (Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia) có nêu: *“b) Báo cáo kê khai; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này.*

c) Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Nghị định này.

2. *Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm lập hồ sơ, quản lý, lưu trữ hồ sơ về tài sản theo quy định đối với các hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.”*

Đề thuận tiện cho việc áp dụng pháp luật kịp thời; đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thể hiện dẫn chứng cụ thể điều khoản áp dụng thay vì chỉ ghi *“theo quy định tại Nghị định này”*. Đồng thời, rà soát lại toàn bộ dự thảo Nghị định để quy định rõ cụm từ *“doanh nghiệp quản lý tài sản”* hay *“doanh nghiệp được giao quản lý tài sản”*.

6. Tại Điều 32 dự thảo (Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị và quản lý, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản) có nêu:

- Khoản 1: *“Việc bảo trì, hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Nghị định này”*

Theo khoản 1, khoản 2 Điều 14 dự thảo Nghị định quy định:

“1. Việc bảo trì, hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về đường sắt, pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

2. Kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật”.

Hiện dự thảo vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể việc bảo trì, hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu

và bổ sung các quy định cụ thể để địa phương có cơ sở thực hiện cho phù hợp với quy định.

Mặt khác, theo điểm b khoản 1 Điều 99 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 quy định về quản lý, sử dụng tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: *“b) Kinh phí sửa chữa, bảo trì tài sản do doanh nghiệp bảo đảm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”*. Như vậy, đối chiếu các quy định về sử dụng kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đang có sự mâu thuẫn trong việc sử dụng kinh phí để bảo trì, sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo cần rà soát lại để quy định phù hợp tránh chồng chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật.

- Khoản 2: *“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định một trong các phương thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:*

a) *Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản đường sắt đô thị tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.*

Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

Việc thực hiện dự toán, quyết toán chi ngân sách về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

b) *Căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá bảo trì, khối lượng công việc cần thực hiện và kế hoạch bảo trì tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan quản lý đường sắt đô thị có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản đường sắt đô thị tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan”*.

Tuy nhiên, theo Điều 22 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên: *“...các đơn vị dự toán các cấp lập dự toán nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công cùng thời điểm lập dự toán ngân sách và tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị, gửi cơ quan quản lý cấp trên theo quy định”*.

Như vậy, trách nhiệm lập dự toán nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sẽ do các đơn vị dự toán các cấp lập (không phải doanh nghiệp lập dự toán). Do đó, việc quy định *“doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản”* là chưa

phù hợp với quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh nhằm đảm bảo sự nhất quán, phù hợp giữa các văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời, cần quy định rõ quy trình, thẩm quyền lập, trình, phê duyệt kế hoạch bảo trì, dự toán chi ngân sách nhà nước, trong đó quy định cụ thể đối với cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch bảo trì để địa phương có cơ sở thực hiện.

- Khoản 3: "*Các nội dung khác liên quan đến bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5 và 6 Điều 14 Nghị định này và pháp luật khác có liên quan*".

Theo khoản 6 Điều 14 dự thảo quy định: "*6. Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt...*". Mặt khác, theo Điều 33 dự thảo chỉ quy định 02 phương thức khai thác tài sản là *Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt trực tiếp tổ chức khai thác tài sản và Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt*; không có phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát điều chỉnh hoặc bổ sung thêm quy định cho phù hợp.

7. Tại khoản 3 Điều 34 dự thảo có nêu: "*...Đề án khai thác tài sản do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;*".

Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị định chưa có xây dựng Mẫu số 02A kèm theo nên Ủy ban nhân dân Thành phố chưa có cơ sở góp ý cụ thể về nội dung Đề án.

8. Tại điểm c Khoản 7 Điều 35 dự thảo có nêu: "*c) Ngoài các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (trừ trường hợp việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị là các công trình hạ tầng kỹ thuật (như đường dây, cáp, đường ống), biển quảng cáo và các công trình khác lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường sắt, hành lang an toàn đường sắt phù hợp với quy định của pháp luật về đường sắt), tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản còn phải đáp ứng các điều kiện sau:*

Có ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp với việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc danh mục cho thuê quyền khai thác:

Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nhận hồ sơ tham gia đấu giá;

Có năng lực tài chính ..."

Để tạo điều kiện cho các tổ chức tham gia đấu giá, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh nội dung theo hướng:

"Có ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp với ngành nghề tham gia đấu giá".

Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nhận hồ sơ tham gia đấu giá".

9. Tại Điều 36 dự thảo (Giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị) có nêu:

- Điểm a, điểm c, khoản 4: “Xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị gồm:

a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam làm cơ sở để xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

c) Trong Quyết định phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải xác định doanh thu ước tính hàng năm trong phương án giá khởi điểm để làm doanh thu đối chiếu trong các trường hợp quy định tại điểm k khoản 9 Điều 35 Nghị định này.”

Để chặt chẽ nội dung, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu: (i) điều chỉnh bổ sung tại điểm a, khoản 4 như sau: a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam do Bộ Tài chính quy định làm cơ sở để xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.; (ii) quy định bổ sung hoặc điều chỉnh lại điều khoản đã dẫn chiếu tại điểm c, khoản 7 do tại khoản 9, Điều 35 dự thảo không có nội dung quy định tại “điểm k”; (iii) bổ sung quy định làm căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị tương tự như đã quy định tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

- Khoản 7: “Trường hợp đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt nhưng không thành thì sau hai lần tổ chức đấu giá không thành, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt rà soát nguyên nhân và đề xuất giải pháp, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm xem xét, quyết định. Trong đó, nếu xác định nguyên nhân không có người đăng ký thuê quyền khai thác, nhận chuyển nhượng quyền khai thác do giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản cao, không còn phù hợp với quy định về xác định giá khởi điểm theo quy định tại Điều này thì thực hiện xác định lại giá khởi điểm để đấu giá. Việc xác định lại giá khởi điểm được thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này.”

Thực tế hiện nay, khi thực hiện đấu giá có trường hợp sau 02 lần đấu giá không thành, không có đơn vị tham gia đấu giá và đơn vị thực hiện có phát sinh chi phí liên quan đến việc đấu giá không thành; do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung thêm quy định hướng dẫn đối với nguồn kinh phí thực hiện chi trả chi phí liên quan đến việc đấu giá không thành và cơ quan, đơn vị thực hiện việc chi trả.

10. Tại Điều 37 dự thảo (Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị) có nêu: “1. Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Điều 34 Nghị định này:

a) Số tiền thu được từ phí, lệ phí ...

b) PA 1: Số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị phải hạch toán toàn bộ vào doanh thu của doanh nghiệp, được sử dụng 80% để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, trả nợ vốn vay, vốn huy động (nếu có) để đầu tư, nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật; phần còn lại (20%) nộp vào ngân sách nhà nước.

Việc quản lý, sử dụng số tiền doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được sử dụng (80%) thực hiện theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

PA 2: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định tỷ lệ số tiền cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định này, nộp ngân sách nhà nước, được để lại theo đề nghị của cơ quan quản lý đường sắt đô thị. Theo đó, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị phải hạch toán toàn bộ vào doanh thu của doanh nghiệp, được sử dụng nguồn thu được để lại để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, trả nợ vốn vay, vốn huy động (nếu có) để đầu tư, nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật; phần còn lại nộp vào ngân sách nhà nước.

Việc quản lý, sử dụng số tiền doanh nghiệp được để lại và sử dụng theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị. "

Để tăng tính tự chủ trong hoạt động và phù hợp với tình hình thực tế trong công tác quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị tại các địa phương khác nhau thì việc lựa chọn phương án 2 là phương án linh động, phù hợp với từng giai đoạn trong việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị. Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh dẫn chiếu "khoản 4 Điều 34" thành "khoản 5 Điều 34" để phù hợp với nội dung dự thảo đã quy định về cung cấp các dịch vụ.

11. Tại khoản 8 Điều 45 dự thảo (Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị) có nêu: "Định kỳ 6 tháng (chậm nhất vào ngày 30 tháng 5 và 31 tháng 10), chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ xử lý tài sản (sau khi đã hoàn thành việc thanh toán chi phí được trích từ tài khoản tạm giữ) vào ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước"

Do đường sắt đô thị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại như sau: "Định kỳ 6 tháng (chậm nhất vào ngày 30 tháng 5 và 31 tháng 10), chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ xử lý tài sản (sau khi đã hoàn thành việc thanh toán chi phí được trích từ tài khoản tạm giữ) vào ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước".

12. Ý kiến khác

- Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung thêm quy định hoặc có hướng dẫn về quản lý, khai thác tạm thời các tài sản thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (một số công trình riêng lẻ, đã hoàn thành có thể đưa vào sử dụng, khai thác) để tạo nguồn thu cho Nhà nước trong thời gian Dự án đang trong quá trình tiếp tục triển khai thi công, chưa hoàn thành toàn bộ.

- Hiện nay, Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đang triển khai thực hiện Kết luận số 49-KL/TW, trong đó đặt ra mục tiêu hoàn chỉnh mạng lưới đường sắt đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2035. Để thực hiện được mục tiêu này, Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất một số cơ chế, trong đó có cơ chế Mô hình tổ chức mới: *“Tập đoàn Đường sắt đô thị do Thành phố nắm giữ 100 % vốn điều lệ có chức năng huy động vốn, quản lý đầu tư xây dựng, phát triển dự án bất động sản tại các khu vực vùng phụ cận các nhà ga (các điểm TOD kết nối đường sắt đô thị) và vận hành dự án đường sắt đô thị đồng thời kinh doanh đa ngành trên cơ sở khai thác hiệu quả các tài sản thuộc quản lý”*. Do đó, kiến nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung vào dự thảo các trường hợp riêng cho Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh để bảo đảm thực hiện theo Kết luận số 49-KL/TW, đồng thời bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả của Nghị định đối với các địa phương khác.

Trên đây là một số nội dung góp ý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Lĩnh chuyên Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTUB: CT, các PCT;
- Các Sở: TP, TC, GTVT;
- Công ty Đường sắt đô thị số 1;
- VPUB: CVP, PCVP/ĐT;
- Phòng DA, ĐT;
- Lưu: VT, (ĐT-HS)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Xuân Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1611 /UBND-ĐT

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2024

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

UBND thành phố Hà Nội nhận được Văn bản số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính, trong đó đề nghị UBND thành phố Hà Nội tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ).

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định, UBND thành phố Hà Nội có ý kiến như sau:

1. Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Bộ Tài chính soạn thảo, gửi lấy ý kiến kèm theo Văn bản số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024.

2. Ngoài ra, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, hoàn thiện một số nội dung tại dự thảo Nghị định như sau:

(1). Điều 2 "**Đối tượng áp dụng**": Đề nghị rà soát, thống nhất cách gọi tên doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt tại khoản 3 Điều 2 với tên gọi tại các Điều 6, 8, 9, 11, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 33, ("**doanh nghiệp quản lý đường sắt quốc gia/đô thị**" hay "**doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia/đô thị**" cho thống nhất trong dự thảo).

(2). Điều 4 "**Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt**": Đề nghị nghiên cứu điều chỉnh khoản 3 để đảm bảo thống nhất Luật Đường sắt và khoản 2 Điều này (có phân loại theo tiêu chí liên quan hay không liên quan đến chạy tàu; tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có gồm các tài sản khác, như tài sản phục vụ kỹ thuật sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện giao thông đường sắt;...)

(3). Điều 6 và Điều 9 "**Phạm vi và hình thức giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt**": Đề nghị nghiên cứu làm rõ một số nội dung sau: (i) Có nhất thiết phải hoàn thành việc giao toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt cho doanh nghiệp quản lý đường sắt "**Sau khi giao...**" theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, sau đó mới thực hiện xác định tài sản (danh mục, giá trị,...) để giao cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp (tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp) hay 02 thủ tục này có thể thực hiện đồng thời; (ii) Nếu hoàn thành thủ tục giao tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì khi tách một phần để giao cho doanh nghiệp theo hình

thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp thì có phải điều chỉnh lại danh mục và giá trị tài sản tại văn bản đã giao trước đó theo hình thức giao tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hay không; (iii) Điều chỉnh lại thủ tục tăng vốn chủ sở hữu và tăng vốn điều lệ tương ứng giá trị các tài sản đã giao cho doanh nghiệp theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 và khoản 7 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ), đặc biệt là các tài sản được tiếp nhận do điều chuyển theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

(4). Điều 32 ***“Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị và quản lý, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản”***: Đề nghị tách riêng thành 02 điều: (i) Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị và (ii) Quản lý, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản.

Lý do, để đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của doanh nghiệp quy định tại các Điều 21, 51, 53 và 74 Luật Đường sắt và thống nhất với các nội dung quy định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại Điều 14 và Điều 15 dự thảo.

(5). Điều 33 ***“Phương thức và nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị”***: Đề nghị làm rõ các phương thức khai thác quy định tại khoản 1 (có hay không bao gồm phương thức “Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt”. Trường hợp không áp dụng phương thức này thì điều chỉnh lại mẫu số 02C thành “Đề án Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia”, bỏ cụm từ “đô thị”.

(6). Về thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt ***Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị quy định tại các Điều 34, 35, 36, 45,... dự thảo Nghị định***: Đề nghị nghiên cứu quy định rõ trách nhiệm của Cơ quan quản lý đường sắt đô thị trong việc tham mưu UBND cấp tỉnh quyết định các nội dung liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (*phê duyệt kế hoạch bảo trì; phê duyệt kinh phí bảo trì; phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Đề án; phê duyệt dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản;...*) tương tự như đối với Cơ quan quản lý đường sắt quốc gia trong việc tham mưu Bộ Giao thông vận tải các nội dung đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia quy định tại các Điều 17, 18, 19 của dự thảo Nghị định, theo hướng: (i) Đối với các nội dung mà Bộ Giao thông vận tải là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thì Cơ quan quản lý đường sắt đô thị có trách nhiệm chủ trì tham mưu UBND cấp tỉnh quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị; (ii) Đối với các nội dung mà Bộ Tài chính là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thì

Cơ quan quản lý tài sản công cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì tham mưu UBND cấp tỉnh quyết định đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị nhằm đảm bảo tính khả thi, thuận lợi trong quá trình thực hiện.

(7). Ngoài ra, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát các lỗi đánh máy tại dự thảo, như: việc quản lý, sử dụng số tiền thu được quy định tại khoản 3 Điều 16; điểm k, điểm m khoản 8 và khoản 12 Điều 18; điểm l, điểm o khoản 8 và khoản 12 Điều 19 là thực hiện theo Điều 22 (dự thảo ghi nhầm là Điều 21);...

Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố (để báo cáo);
- Các PCT UBND TP: Hà Minh Hải,
Dương Đức Tuấn;
- Các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải,
Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Quản lý Đường sắt đô thị;
- Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội;
- VPUB: CVP, PCVP^{v.T.Anh}, ĐT, KTTH;
- Lưu: VT, ĐT. *q*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *M*



Dương Đức Tuấn



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG SẮT HN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1006/CV-ĐSHN

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2024

V/v: Kiến nghị đề xuất tiếp thu một số nội dung về dự thảo sửa đổi Nghị định 46/2018/NĐ-CP.

| | |
|-------------------------|--------------------|
| BỘ TÀI CHÍNH | |
| ĐẾN | Số: 0085070 |
| Ngày: 25-09-2024 | |
| Chuyên:..... | |
| Số và ký hiệu HS:..... | |

Kính gửi: Cục Công sản Bộ Tài chính

Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội (Sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo quyết định số 6266/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của UBND TP Hà Nội để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh tái hành khách công cộng bằng đường sắt đô thị và thực hiện công tác duy tu, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

Ngày 04/4/2024, Bộ Tài chính có Công văn số 3578/BTC-QLCS gửi lấy ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương về dự thảo sửa đổi Nghị định 46/2018/NĐ-CP quy định về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, Công ty cũng đã được mời tham dự các cuộc họp thảo luận và góp ý sửa đổi Nghị định, sau khi nghiên cứu dự thảo sửa đổi Công ty có một số ý kiến như sau:

1. Về danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị

Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị là kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị và đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được chia làm hai loại: Tài sản công trình xây dựng và Tài sản trang thiết bị.

- Tài sản công trình xây dựng bao gồm: Cầu cạn khu gian (ngầm, nổi); hầm; kè; tường chắn; đường ray; ga (ngầm, nổi); Depot và các hạng mục công trình phụ trợ khác.

- Tài sản trang thiết bị (kèm theo phần mềm công nghệ) bao gồm: Hệ thống thông tin; Hệ thống tín hiệu; Hệ thống cấp điện; Hệ thống thiết bị nhà ga (Hệ thống kiểm soát vé tự động AFC; Hệ thống thang máy, thang cuốn; Hệ thống điều hòa thông gió; Hệ thống chiếu sáng động lực; Hệ thống cảnh báo cháy tự động FAS; Hệ thống cấp thoát nước và PCCC); Hệ thống biển chỉ dẫn nhà ga và trên tuyến.; Các hệ thống phụ trợ khác.

Kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị là công trình, hạng mục công trình đường sắt đô thị và công trình phụ trợ khác trực tiếp phục vụ công tác vận tải hành khách và các dịch vụ khác cho các tổ chức, cá nhân theo quy định.

2. Về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

Đường sắt đô thị là phương thức giao thông vận tải công cộng mới được áp dụng trên phạm vi toàn quốc. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị



Tuyến 2A Cát Linh – Hà Đông là tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đầu tiên được đưa vào vận hành chính thức từ tháng 11 năm 2021 theo hình thức có trợ giá của Ngân sách Thành phố cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách bằng đường sắt đô thị nhằm bù đắp đủ chi phí hợp lý cho doanh nghiệp, chưa áp dụng thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do hiện nay Nhà nước vẫn đang phải áp dụng chính sách trợ giá. Đối với lĩnh vực kinh doanh đường sắt đô thị là lĩnh vực mới trên địa bàn Thành phố chưa phát sinh doanh thu và chi phí. Do vậy Công ty đề xuất cơ chế quản lý, sử dụng số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ khai thác cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị áp dụng phương pháp so sánh theo tỷ lệ tương tự như đối với đường sắt quốc gia.

Để tạo điều kiện cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị có cơ sở pháp lý triển khai ngay việc kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt sau khi doanh nghiệp được giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, Công ty kính đề nghị Cục Công sản, Ban Biên tập, Tổ soạn thảo tiếp thu ý kiến của Công ty đề nghị sửa đổi dự thảo tại Điều 39. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị như sau:

“Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt được sử dụng 80% để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, trả nợ vốn vay, vốn huy động liên quan đến khai thác tài sản (nếu có) để đầu tư, nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật và phải hạch toán vào doanh thu của doanh nghiệp; phần còn lại (20%) nộp vào ngân sách nhà nước trong thời gian UBND cấp tỉnh, thành phố chưa ban hành văn bản quy định về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị, khi UBND cấp tỉnh, thành phố ban hành văn bản quy định đối với hoạt động kinh doanh này cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt trên địa bàn thì Doanh nghiệp sẽ thực hiện theo quy định của UBND cấp tỉnh, thành phố”.

3. Về công tác đặt hàng toàn bộ nguồn vốn SNKT bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

Nguồn kinh phí thường xuyên cho bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng sách từ nguồn kinh phí thường xuyên, nguồn kinh phí thường xuyên KCHTDS thuộc danh mục nhà nước đặt hàng tại Phụ lục II của Nghị định này và được quy định tại Điều 17 của Nghị định.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021 Thủ tướng chính phủ có văn bản số 636/TTg-CN yêu cầu Bộ GTVT chịu trách nhiệm đặt hàng toàn bộ đối với việc quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia năm 2021 cho doanh nghiệp bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024 Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số

797/QĐ-TTg Phê duyệt đề án quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư, tại khoản 2 Điều 2 giao Bộ Giao thông vận tải tổ chức đặt hàng toàn bộ đối với việc quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

Đặt hàng toàn bộ là bao gồm toàn bộ các nhiệm vụ của công tác bảo trì thuộc Nội dung chi nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế đường sắt qui định tại Điều 4 của Thông tư 10/2016/TTLT-BGTVT-BTC ngày 10 tháng 5 năm 2016 hướng dẫn công tác quản lý sử dụng nguồn sự nghiệp kinh tế để thực hiện nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư qui định:

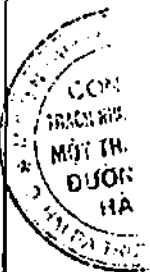
Điều 4. Nội dung chi nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế đường sắt do nhà nước cấp để thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt
2. Sửa chữa định kỳ và đột xuất kết cấu hạ tầng đường sắt
3. Khắc phục hư hỏng kết cấu hạ tầng đường sắt do hậu quả bão lụt, sự cố, thiên tai, tai nạn giao thông đường sắt gây ra.
4. Chi phí quản lý dự án cho các công việc nêu tại khoản 1,2,3 điều này
5. Các nhiệm vụ khác.

Các nhiệm vụ trên thuộc nội dung chi nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế đường sắt, thuộc danh mục đặt hàng của Nghị định 32/2019/NĐ-CP, Vì vậy đề nghị Ban Biên tập, Tổ biên soạn sửa đổi Nghị định 46/2018/NĐ-CP tiếp thu nội dung đặt hàng toàn bộ bao gồm các nhiệm vụ của công tác bảo trì KCHTĐS vào Nghị định để làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện.

Với tính chất tương đồng về ngành nghề lĩnh vực đường sắt, qui trình duy tu, bảo dưỡng, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị và kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cùng thực hiện theo các qui định của Luật Đường sắt; Luật Ngân sách; Nghị định 32/2019/NĐ-CP và các văn bản qui pháp pháp luật qui định về thực hiện công tác duy tu, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt; nội dung chi nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế đường sắt do Nhà nước cấp cho công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cũng tương tự như các nhiệm vụ của bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia theo Điều 4 của Thông tư 10/2016/TTLT-BGTVT-BTC ngày 10 tháng 5 năm 2016 hướng dẫn công tác quản lý sử dụng nguồn sự nghiệp kinh tế để thực hiện nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư; đồng thời để đảm bảo tính thống nhất trong phương thức tổ chức thực hiện đặt hàng toàn bộ công tác duy tu, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, Công ty kinh đề nghị Cục Công sản, Ban Biên tập, Tổ soạn thảo sửa đổi Nghị định 46/2018/NĐ-CP tiếp thu ý kiến sửa đổi, bổ sung dự thảo tại Điều 33. Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị như sau:

"UBND cấp tỉnh, thành phố tổ chức đặt hàng toàn bộ đối với việc bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (bao gồm toàn bộ nhiệm vụ bảo trì theo quy định với doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô



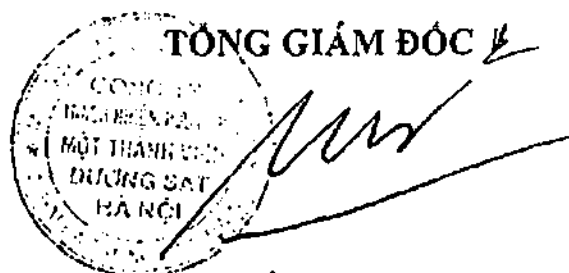
thị). Việc tổ chức thực hiện đặt hàng theo quy định của pháp luật có liên quan”.

Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội kính đề nghị Cục Công sản, Ban Biên tập, Tổ soạn thảo xây dựng, sửa đổi Nghị định 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ tiếp thu toàn bộ ý kiến của Công ty như trên, tạo điều kiện cho doanh nghiệp kinh doanh và bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị tổ chức triển khai thực hiện Nghị định thuận lợi, hiệu quả, đúng qui định pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.



Vũ Hồng Trường



Ký bởi: Văn phòng Bộ
Cơ quan: 28 Trần
Hưng Đạo
Thời gian ký:
24/04/2024 11:35:29

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MTV
ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ SỐ 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 133 /ĐSĐT-KHTC
V/v góp ý đối với dự thảo Nghị định của
Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và
khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

| | |
|------------------------|----------|
| BỘ TÀI CHÍNH | |
| ĐẾN Số:..... | 36573 |
| Ngày: 24-04-2024 | |
| Chuyên:..... | Cục AHTS |
| Số và ký hiệu HS:..... | |

Công ty TNHH MTV Đường sắt Đô thị số 1 nhận được Văn bản số 3605/BTC-QLCS ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Sau khi nghiên cứu dự thảo, Công ty TNHH MTV Đường sắt Đô thị số 1 (sau đây gọi là Công ty) có ý kiến như sau:

1. Về hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị (Điều 9 của dự thảo):

Thông nhất với nội dung tại Khoản 2, Điều 9 của dự thảo Nghị định (Phương án 1): “Sau khi giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ nhu cầu và khả năng quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị xây dựng phương án đầu tư, bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị”.

2. Về phương thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (Điều 32 của dự thảo):

Thông nhất với nội dung tại Điểm a, Khoản 2, Điều 32 của dự thảo Nghị định (Phương thức 1): “Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt có trách nhiệm lập dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu tài sản đường sắt đô thị tổng hợp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán chi ngân sách nhà nước về công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị”.

3. Về cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (Điều 35 của dự thảo):

Đề nghị điều chỉnh nội dung tại Điểm c, Khoản 7, Điều 35 của dự thảo Nghị định:

- "Có ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp với việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc danh mục cho thuê quyền khai thác" thành "Có ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp với ngành nghề tham gia đấu giá".

- "Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình đường sắt tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nhận hồ sơ tham gia đấu giá" thành "Có năng lực kinh nghiệm quản lý, khai thác công trình tương tự tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm nhận hồ sơ tham gia đấu giá".

4. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (Điều 37 của dự thảo):

4.1. Trường hợp doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt:

Thống nhất với nội dung tại Điểm b, Khoản 1, Điều 37 của dự thảo Nghị định (Phương án 1): "Số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định này, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị phải hạch toán toàn bộ vào doanh thu của doanh nghiệp, được sử dụng 80% để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, trả nợ vốn vay, vốn huy động (nếu có) để đầu tư, nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật; phần còn lại (20%) nộp vào ngân sách nhà nước.

Việc quản lý, sử dụng số tiền doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị được sử dụng (80%) thực hiện theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị".

4.2. Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

Thống nhất với nội dung tại Điểm c, Khoản 2, Điều 37 của dự thảo Nghị định: "Dự toán chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lập, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt".

5. Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị:

Đề nghị bổ sung danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trực tiếp liên quan đến chạy tàu và không trực tiếp liên quan đến chạy tàu như quy định tại Điều 4, Nghị định 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

** Lý do:* Phù hợp với quy định tại Khoản 4, Điều 11 của Luật đường sắt năm 2017: “*Chính phủ quy định Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quy định tại khoản 1 Điều này; quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Nhà nước đầu tư*”.

6. Quy định về giao đất depot, đất phía dưới công trình đường sắt; tiền thuê đất, sử dụng đất:

6.1. Quy định về giao đất depot, đất phía dưới công trình đường sắt:

Đề nghị bổ sung quy định về giao đất depot, đất phía dưới công trình đường sắt đô thị.

** Lý do:* Đề đồng bộ với việc giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, khai thác và bảo dưỡng đường sắt đô thị.

6.2. Quy định về tiền thuê đất, sử dụng đất:

Đề nghị bổ sung quy định về tiền thuê đất, sử dụng đất khi khai thác tài sản hạ tầng đường sắt đô thị với nội dung: Miễn tiền thuê đất, sử dụng đất đối với các hoạt động khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

** Lý do:* Phù hợp với quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 6 của Luật đường sắt năm 2017: “*Giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị*”.

7. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị (Điều 45 của dự thảo):

Đề nghị điều chỉnh nội dung tại Khoản 8, Điều 45 của dự thảo Nghị định: “*...nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ xử lý tài sản ...vào ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước*” thành “*...nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ xử lý tài sản ...vào ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước*”.

8. Quy định về việc khai thác tạm thời để tạo nguồn thu cho Nhà nước:

Đề nghị bổ sung quy định về việc khai thác tạm thời để tạo nguồn thu cho Nhà nước và giao cho Chủ đầu tư được phép thực hiện lập Đề án khai thác tạm thời tài sản, đất để tạo nguồn thu cho Nhà nước thực hiện dự án (việc khai thác

tạm thời không làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công dự án và sẵn sàng bàn giao lại tài sản, đất khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng). cụ thể như sau:

- Quỹ đất dự trữ trong Depot.
- Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị đã hoàn thành trước và được nghiệm thu hoàn thành hạng mục nhưng Dự án đang trong quá trình tiếp tục triển khai thi công, chưa hoàn thành.
- Đất Depot để trống trong quá trình chờ triển khai thực hiện công trình, dự án.
- Đất Depot thuộc quy hoạch đường sắt đô thị đã được giải phóng mặt bằng.
- Các quỹ đất TOD (Transit Oriented Development) phát triển đô thị gắn kết với giao thông công cộng đã được quy hoạch, thu hồi khi lập dự án đường sắt đô thị (nếu có).

Công ty TNHH MTV Đường sắt Đô thị số 1 kính chuyển Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Thành phố "để báo cáo";
- Công ty:
 - + BGD, KSV;
 - + Các phòng;
 - + Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Lê Minh Triết

Số: 660 /STC-GCS
V/v tham gia ý kiến với dự thảo
Nghị định quy định việc quản
lý, sử dụng và khai thác tài sản
kết cấu hạ tầng đường sắt

Hà Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản)

Sở Tài chính nhận được Văn bản số 1010/UBND-KTTH ngày 09/4/2024 của UBND tỉnh và Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đề dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị định và tổng hợp ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố. Sở Tài chính có ý kiến như sau:

I. Đối với dự thảo Tờ trình

- Về cơ bản nhất trí với bố cục và nội dung dự thảo.
- Đề nghị xem xét một số nội dung sau:

a) Đề nghị Ban soạn thảo chỉnh sửa lại tên gọi của Tờ trình và phần mở đầu của Tờ trình cho đúng mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

"TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật Bộ Tài chính kính trình Chính Phủ dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt như sau: "

b) Đề nghị Ban soạn thảo xem xét chỉnh sửa cách đánh số thứ tự các mục A,B,C,D,E,G thành các chữ số La Mã cho khoa học.

c) Tại phần cuối cùng của Tờ trình đề nghị chỉnh sửa lại theo mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Cụ thể:

"Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./

(Xin gửi kèm theo:...) "

II. Đối với dự thảo Nghị định


1. Về cơ bản nhất trí với bố cục và nội dung dự thảo.

2. Đề nghị xem xét một số nội dung sau:


a) Điểm đ khoản 4 Điều 13 quy định: “*Bị mất một phần hoặc hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự cố bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác (trừ trường hợp tài sản được khắc phục sự cố theo quy định của pháp luật về bảo trì đường sắt hoặc được khôi phục lại thông qua bảo hiểm bồi thường thiệt hại của tổ chức, cá nhân có liên quan)*”. Đề nghị Ban soạn thảo quy định cụ thể tác động đột xuất khác là loại tác động nào, không quy định chung chung. Để quá trình tổ chức thực hiện được thuận lợi.

b) Khoản 15 Điều 18 dự thảo quy định: “*Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội*”. Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu quy định cụ thể như thế nào được coi là lý do bất khả kháng hay theo quy định của pháp luật nào cho rõ nghĩa để đảm bảo quyền và lợi ích của các bên trong hợp đồng cũng như thuận tiện cho cơ quan Nhà nước trong quá trình xem xét xử lý ra quyết định.

c) Điều 50 đề nghị ban soạn thảo chỉnh sửa tên Điều thành “*Điều khoản chuyển tiếp*” cho khoa học.

Sở Tài chính Hà Giang trân trọng báo cáo Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản)/. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (B/cáo)
- Lãnh đạo sở;
- Lưu VT, GCS. 



Bùi Mạnh Tuyên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 2256 / UBND-SGTVT

V/v tham gia ý kiến dự thảo
Nghị định quy định việc quản lý,
sử dụng và khai thác tài sản kết
cấu hạ tầng đường sắt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 5 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài Chính

UBND thành phố nhận được Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, kèm theo nội dung dự thảo Nghị định. Sau khi lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND thành phố Đà Nẵng tham gia một số ý kiến như sau:

1. Tại khoản 3, Điều 4 quy định: Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị là công trình, hạng mục công trình đường sắt đô thị và công trình phụ trợ khác trực tiếp phục vụ công tác chạy tàu, đưa, đón hành khách.

Đề nghị bổ sung thêm công trình phục vụ hoạt động điều hành giao thông vận tải đường sắt đô thị, phục vụ kỹ thuật sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện giao thông đường sắt, trang thiết bị vận tải đường sắt; phục vụ cung cấp xăng dầu đường sắt; phục vụ cung cấp suất ăn, giặt là đường sắt; phục vụ nhân viên đường sắt lưu trú, lên xuống ban làm việc và các hoạt động khác liên quan đến vận tải đường sắt...(tương tự như định nghĩa Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia)

2. Điều 26 quy định về việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia về địa phương quản lý, xử lý:

Khoản 3 có quy định: Việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý chỉ áp dụng trong trường hợp không tiếp tục sử dụng tài sản đó cho mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Đề nghị xem xét, hướng dẫn thêm phương án xử lý trong trường hợp điều chuyển về cho địa phương làm đường sắt đô thị.

3. Điều 32. Quy định về Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị và quản lý, vận hành tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong thời gian nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản.

Điểm b, Khoản 1, Điều 32: Cơ quan quản lý đường sắt đô thị tổ chức đặt hàng hoặc đấu thầu công tác bảo trì tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật.

Đề nghị điều chỉnh thành: Cơ quan quản lý đường sắt đô thị tổ chức đặt hàng hoặc đấu thầu công tác quản lý, bảo trì tài sản cho doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị theo quy định của pháp luật.

4. Tại điểm c, khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều 20 quy định căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền

khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt: “Chúng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc kết quả xác định giá của Hội đồng xác định giá quy định tại khoản 5 Điều này”.


Tuy nhiên tại khoản 5 Điều 20 không có quy định việc thành lập Hội đồng để xác định, do đó đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

5. Tại điểm a, khoản 5 Điều 20, đề nghị bổ sung cụm từ: “hoặc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản” và hoàn thiện lại như sau: “a) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản hoặc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.” Để phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 20 về cách xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác và chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

UBND thành phố Đà Nẵng kính gửi Bộ Tài chính nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND TP;
- CVP và các PCVP UBND TP;
- Các Sở: TC, GTVT;
- UBND các quận, huyện;
- Lưu: VP, KT, GTVT.

CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH

Hồ Kỳ Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1112 /UBND-KT

Kiên Giang, ngày 28 tháng 05 năm 2024

V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định việc quản lý, sử dụng
và khai thác tài sản kết cấu hạ
tầng đường sắt

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Qua nghiên cứu, UBND tỉnh Kiên Giang có ý kiến như sau:

Thông nhất các nội dung dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia) để các cơ quan nhà nước và các cấp quản lý phù hợp hơn.

UBND tỉnh Kiên Giang báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT, ntduy.

CHỦ TỊCH



[Signature]
Lâm Minh Thành

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ TÀI CHÍNH

Số 1354/STC-HCSN

V/v tham gia ý kiến dự thảo
Nghị định quy định việc quản lý,
sử dụng và khai thác tài sản
kết cấu hạ tầng đường sắt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 04 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh Thái Nguyên giao tại Công văn số 1753/UBND-KT ngày 09/4/2024 về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Tờ trình, Dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gửi kèm Văn bản số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính, Sở Tài chính Thái Nguyên báo cáo Bộ Tài chính xem xét một số ý kiến như sau:

- Bổ sung nội dung quy định cụ thể về nội dung, mức chi của chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 25, điểm g khoản 4 Điều 26, điểm đ khoản 3 Điều 41, điểm e khoản 4 Điều 42 tại Dự thảo Nghị định.

- Bổ sung trách nhiệm thẩm định hoặc cho ý kiến của cơ quan quản lý đường sắt đô thị trong trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án khai thác, Đề án cho thuê, quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

- Về nội dung quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị tại điểm b khoản 1 Điều 38: đề nghị Bộ Tài chính xem xét lựa chọn phương án 01.

- Để thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị Bộ Tài chính xem xét bổ sung nội dung quy chế phối hợp và trách nhiệm cụ thể của địa phương trong việc đảm an toàn giao thông đường sắt, xây dựng hàng rào chắn, đường gom,

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tài chính Thái Nguyên, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, xem xét chỉnh sửa nội dung Dự thảo Nghị định trình cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Lãnh đạo Sở;
 - UBND tỉnh (báo cáo);
 - Lưu: VT, HCSN.
- (Dungt)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Thị Anh Dung

UBND TỈNH PHÚ YÊN
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 190 /STC-GCS

V/v Tham gia góp ý dự thảo
Nghị định quy định việc quản
lý, sử dụng và khai thác tài
sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Yên, ngày 24 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Căn cứ Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính
V/v Lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác
tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt;

Căn cứ Công văn số 2068/UBND-KT ngày 12/4/2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh V/v Tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng
và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và dự thảo Nghị định quy định
việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công (lần 2).

Qua nghiên cứu dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai
thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; Sở Tài chính Phú Yên cơ bản thống nhất
dự thảo Nghị định nêu trên.

Sở Tài chính Phú Yên kính báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở TC: PGĐ (Hào), PGĐ (Toàn);
- Lưu: VT, GCS, K.

KT. GIÁM ĐỐC
HỒ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Toàn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1426 /UBND-KT

Tây Ninh, ngày 16 tháng 5 năm 2024

V/v ý kiến về dự thảo Nghị
định quy định việc quản lý, sử
dụng và khai thác tài sản kết
cấu hạ tầng đường sắt

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc Lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh thống nhất với Bộ Tài chính về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: GTVT, VHHTDL;
- LĐVP;
- Phòng KT;
- Lưu: VT VP. UBND tỉnh.

1

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thắng

**UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2089/SGTVT-QLGT

Bình Dương, ngày 27 tháng 5 năm 2024

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

Kính gửi: Bộ Tài Chính

Thực hiện Công văn số 2108/UBND-KT ngày 04/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (gửi kèm Công văn số 4516/BTC-QLCS ngày 03/5/2024 của Bộ Tài Chính và dự thảo Nghị định); Công văn số 4516/BTC-QLCS ngày 03/5/2024 của Bộ Tài Chính về việc đôn đốc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt;

Ngày 17/4/2024, Sở Giao thông vận tải đã có Công văn số 1464/SGTVT-QLGT, đề nghị Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có ý kiến góp ý dự thảo trên. Trên cơ sở ý kiến của Quý Sở, các địa phương và qua rà soát, nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Bộ Tài chính chủ trì xây dựng, Sở Giao thông vận tải thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Giám đốc (b/c);
- Lưu: VT, QLGT, Quyền.

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Thuận

100

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5224/UBND-KTNS
V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị
định quy định việc quản lý, sử
dụng và khai thác tài sản kết cấu
hạ tầng đường sắt

Đồng Nai, ngày 13 tháng 5 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý Công sản).

UBND tỉnh Đồng Nai nhận được Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, UBND tỉnh Đồng Nai thống nhất với nội dung dự thảo.

UBND tỉnh Đồng Nai kính chuyển đến Bộ Tài chính (Cục Quản lý Công sản) xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS.



CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1459 /STC-QLG-CS&TC DN
V/v góp ý nội dung Nghị định quy
định việc quản lý, sử dụng và khai
thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

Cần Thơ, ngày 09 tháng 5 năm 2024

Kính gửi: Cục Quản lý Công sản (Bộ Tài chính).

Thực hiện Công văn số 1409/VPUB-KT ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc góp ý nội dung Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; Kèm theo Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Qua nghiên cứu các nội dung của dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, Sở Tài chính thống nhất với các nội dung của dự thảo.

Sở Tài chính kính báo đến Cục Quản lý Công sản (Bộ Tài chính)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - UBTP: “để báo cáo”;
 - Lưu: VT, QLG-CS&TC DN.(HA)
- Ngày 20/24: Góp ý/Chấp ý dự thảo CV_STC_Góp ý dự thảo ND_QLSD&KT TS KCHTDS
CV_STC_Góp ý dự thảo ND_QLSD&KT TS KCHTDS

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Văn Kiệt

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1240/STC-CSDN

Cao Bằng, ngày 09 tháng 5 năm 2024

V/v ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản)

Ngày 08/5/2024, Sở Tài chính được UBND tỉnh Cao Bằng giao nhiệm vụ thay mặt UBND tỉnh Cao Bằng góp ý dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt tại công văn số 1062/UBND-TH ngày 07/5/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Cao Bằng về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 và Công văn số 4516/BTC-QLCS ngày 03/5/2024 (gửi kèm trên VNPT iOFFICE 4.0).

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo tờ trình trình Chính phủ; dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

Nhất trí đối với nội dung dự thảo tờ trình trình Chính phủ; bố cục và nội dung dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Trên đây là ý kiến góp ý của tỉnh Cao Bằng đối với dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, kính gửi Cục Quản lý công sản - Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CSDN(G.Minh).



Bé Thị Tú Hằng

UBND TỈNH HÀ NAM
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1021/SGTVT-QLKCHT

Hà Nam, ngày 03 tháng 5 năm 2024

V/v tham gia ý kiến với dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

Kính gửi: Bộ Tài Chính.

Thực hiện văn bản số 1262/VPUB-GTXD ngày 09/4/2024 của UBND tỉnh Hà Nam về việc thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Văn bản số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024;

Sau khi nghiên cứu và tổng hợp ý kiến tham gia của đơn vị liên quan (*Sở Tài chính tại văn bản số 695/STC-QLG&CS ngày 17/4/2024*), Sở Giao thông vận tải Hà Nam nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Sở Giao thông vận tải Hà Nam trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục quản lý Công sản (*để v/h*);
- UBND tỉnh;
- Đ/c Giám đốc Sở (*để b/c*);
- Lưu VT, QLKCHT.

allinh

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Kieu Hong Quang
Kiều Hồng Quảng

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1604 /STC-GCS
V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định
quy định việc quản lý, sử dụng và khai
thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

Hải Phòng, ngày 24 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 về việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật;

Về nội dung trên, sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo do Bộ Tài chính gửi kèm theo, Sở Tài chính, Sở Giao thông và vận tải thành phố Hải Phòng cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo và tham gia ý kiến với nội dung sau:

Đối với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 dự thảo Nghị định: đề xuất lựa chọn phương án 2: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định tỷ lệ số tiền cung cấp dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định này, nộp ngân sách nhà nước, được để lại theo đề nghị của cơ quan quản lý đường sắt đô thị. Theo đó, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị phải hạch toán toàn bộ vào doanh thu của doanh nghiệp, được sử dụng nguồn thu được để lại để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, trả nợ vốn vay, vốn huy động (nếu có) để đầu tư, nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật; phần còn lại nộp vào ngân sách nhà nước. Việc quản lý, sử dụng số tiền doanh nghiệp được để lại và sử dụng theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.”

Lý do chọn phương án 2: Việc xác định tỷ lệ sử dụng số tiền thu được theo quy định tại khoản 4 Điều 34 dự thảo Nghị định còn phụ thuộc vào quy mô các dự án đường sắt đô thị, điều kiện thực tế tại từng địa phương. Do đó, việc quy định cố định tỷ lệ sử dụng số tiền thu được giữa doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị là 80% và phần còn lại 20% nộp ngân sách nhà nước có thể không phù hợp với tất cả các dự án đầu tư xây dựng đường sắt đô thị.

Sở Tài chính thành phố Hải Phòng có ý kiến như trên kính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp chung theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND TP (để báo cáo);
- Như trên;
- GD, PGD T.X.T;
- Lưu: VT, GCS.

GIÁM ĐỐC



Lương Văn Công

UBND TỈNH BẮC KẠN
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 721 /STC-QLCS

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Kạn, ngày 19 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý Công sản)

Thực hiện Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Sau khi phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định do Bộ Tài chính soạn thảo.

Với nội dung trên, Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn kính gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý Công sản) tổng hợp./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như trên;
- UBND tỉnh (B/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT; QLCS (H).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đinh Quang Hưng

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 826 /STC-GCS

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 4 năm 2024

V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định việc quản lý, sử dụng
và khai thác tài sản kết cấu hạ
tầng đường sắt

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục QLCS)

Thực hiện Văn bản số 2671/UBND-TH₂ ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Qua khi nghiên cứu dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Bộ Tài chính xây dựng gửi kèm Văn bản số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024; sau khi thống nhất với Sở Giao Thông vận tải tỉnh Lâm Đồng, Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng thống nhất với nội dung của dự thảo Nghị định và không tham gia thêm ý kiến.

Trên đây là nội dung tham gia góp ý của Sở Tài chính, kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét tổng hợp chung./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, GCS (My).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Thị Tuyết Mai



UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1300/STC-QLGCS
V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị
định quy định việc quản lý, sử
dụng và khai thác tài sản kết cấu
hạ tầng đường sắt

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản).


Thực hiện Công văn số 1757/UBND-KTN ngày 08/4/2024 của UBND tỉnh về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo và ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi thống nhất nội dung dự thảo Nghị định nêu trên.

Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận 

- Như trên;
- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Lưu VT, QLCS_{TH}.


NGUYỄN VĂN LUYỆN

**UBND TỈNH TIỀN GIANG
SỞ TÀI CHÍNH**

Số: 1106 /STC-QLGCS
V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định việc quản lý, sử
dụng và khai thác tài sản kết
cấu hạ tầng đường sắt

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tiền Giang, ngày 26 tháng 04 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản).

Thực hiện công văn số 2256/UBND-KT ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc giao góp ý dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, kèm theo công văn 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến và dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các tài liệu có liên quan.

Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang thống nhất với dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và dự thảo Tờ trình về việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt của Bộ Tài chính.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, kính gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (đề b/cáo);
- Lưu VT, QLCS,(Mìn), 04b.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Minh Sáng

UBND TỈNH QUẢNG NAM
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1300/STC-GCS

Quảng Nam, ngày 26 tháng 4 năm 2024

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

Kính gửi: Cục Quản lý công sản - Bộ Tài chính.

Sở Tài chính nhận được Công văn số 2430/UBND-KTTH ngày 08/4/2024 của UBND tỉnh về việc tham gia ý kiến Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, trong đó giao Sở Tài chính chủ trì tham gia ý kiến dự thảo Nghị định này gửi Bộ Tài chính (thay UBND tỉnh). Qua nghiên cứu dự thảo Nghị định, Sở Tài chính thống nhất với dự thảo Nghị định nêu trên, không có ý kiến gì thêm.

Sở Tài chính tham gia ý kiến đề Cục Quản lý công sản - Bộ Tài chính tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Lưu: VT, GCS (Hoàng Anh).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Quốc Tuấn

**UBND TỈNH QUẢNG NINH
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 1952/STC-QLG&CS

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 4 năm 2024

V/v tham gia ý kiến dự thảo
Nghị định quy định việc quản lý,
sử dụng và khai thác tài sản kết cấu
hạ tầng đường sắt

Kính gửi: Cục Quản lý Công sản - Bộ Tài chính.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 1981/VP.UBND-GTCN&XD ngày 09/4/2024 về việc giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và đơn vị liên quan nghiên cứu dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt để có văn bản tham gia ý kiến gửi về Bộ Tài chính.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Tài chính Quảng Ninh đã triển khai đến Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và trên cơ sở ý kiến của các đơn vị, địa phương sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đều nhất trí với các nội dung của dự thảo.

Sở Tài chính Quảng Ninh báo cáo Cục Quản lý Công sản - Bộ Tài chính nội dung như trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở GTVT (để biết);
- UBND các huyện, TX, TP (để biết);
- Đ/c Giám đốc Sở (để b/cáo);
- Lưu: VT, P.QLG&CS.N.T.T.Hương

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Mai Lê Hoa

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 2161 /STC-QLCS-GC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 4 năm 2024

V/v góp ý dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 4880/UBND-KTTC ngày 10/4/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao nghiên cứu, tham gia ý kiến dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; Kèm theo ý kiến tham gia của Sở Giao thông Vận tải tại Công văn số 2247/SGTVT-QLGT ngày 19/4/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3219/STNMT-PC ngày 12/4/2024, Sở Xây dựng tại Công văn số 2735/SXD-HT ngày 17/4/2024 (Có các Văn bản kèm theo). Sở Tài chính báo cáo như sau:

Thông nhất Dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ).

Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- GD, các PGD Sở;
- Lưu VP, QLCS-GC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trương Trọng Tuấn

Số: 1588 /STC-GCSĐT

Ninh Thuận, ngày 24 tháng 4 năm 2024

V/v lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.

Kính gửi: Cục Quản lý Công sản - Bộ Tài chính.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 1347/VPUB-KTTH ngày 08/4/2024 việc triển khai thực hiện các văn bản liên quan lĩnh vực tài chính. (Đính kèm Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính, Dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia).

Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận sau nghiên cứu và tổng hợp góp ý của các đơn vị có liên quan về việc tham gia ý kiến Dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng, và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt Quốc gia theo đề nghị của Bộ Tài chính, có nội dung góp ý như sau:

1. Tại căn cứ thứ 1:

Đề nghị xuống dòng sau mỗi căn cứ để đúng với quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Tại khoản 8 Điều 18:

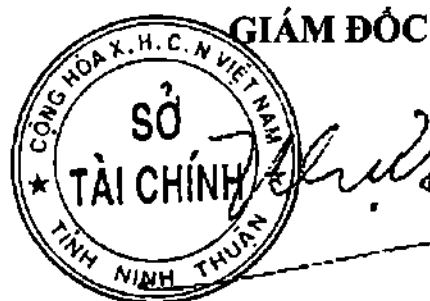
Đề nghị điều chỉnh bố cục từ điểm “n, m” thành điểm “m, n” để đúng với thứ tự bảng chữ cái Tiếng Việt theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Tương tự, rà soát và điều chỉnh đối với khoản 8 Điều 35 dự thảo Nghị định.

Trên đây là nội dung góp ý của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận, đề nghị Cục Quản lý Công sản - Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở TC;
- Lưu VT, GCSEĐT. ĐTNQ



Nguyễn Văn Nhựt

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 1270 /STC-GCS

V/v góp ý dự thảo Nghị
định quy định việc quản lý,
sử dụng và khai thác tài sản
kết cấu hạ tầng đường sắt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 25 tháng 4 năm 2024

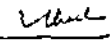

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ngày 16/4/2024, Sở Tài chính Bình Phước nhận được Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và Công văn số 1263/UBND-TH ngày 08/4/2024 của UBND tỉnh về việc giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao nghiên cứu, góp ý dự thảo Nghị định trên theo đề nghị của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, Sở Tài chính Bình Phước thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ) do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, GCS, (Hà).

KT. GIÁM ĐỐC
CHỖ GIÁM ĐỐC 

Nguyễn Anh Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1506 /UBND-ĐTQH

Bình Thuận, ngày 25 tháng 4 năm 2024

V/v tham gia ý kiến đối với dự
thảo Nghị định quy định việc
quản lý, sử dụng và khai thác tài
sản kết cấu hạ tầng đường sắt

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản).

Thực hiện Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Qua nghiên cứu, UBND tỉnh Bình Thuận thống nhất dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gửi kèm Công văn nêu trên của Bộ Tài chính.

UBND tỉnh Bình Thuận có ý kiến nêu trên đề Bộ Tài chính xem xét tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCTUBND tỉnh (đ/c Hải);
- Các Sở: TC, GTVT;
- Lưu: VT, ĐTQH. H

**KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Hải

UBND TỈNH HẬU GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1199/STC-QLGCSDN
V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định việc quản lý, sử dụng
và khai thác tài sản kết cấu hạ
tầng đường sắt

Hậu Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản)

Căn cứ Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt;

Thực hiện Công văn số 1969/VP.UBND-NCTH ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, giao Sở Tài chính tổng hợp góp ý theo quy định

Qua dự thảo, Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang thống nhất dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Kính báo Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh để b/c;
- Lưu VP-QLGCSDN.YH

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Kim Loan



**UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Số: 953/SGTVT-QLKC
V/v đóng góp dự thảo Nghị định quy
định việc quản lý, sử dụng và khai
thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 4 năm 2024

| |
|-------------------------------|
| BỘ TÀI CHÍNH |
| ĐẾN số: 365.27..... |
| Ngày 24 -04- 2024 |
| Chuyên: <i>Cuu QLCS</i> |
| Số và ký hiệu HS:..... |

Kính gửi: Bộ Tài Chính

Thực hiện Công văn số 1929/VP-XD ngày 09/4/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Qua phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Sóc Trăng và qua nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Sở Giao thông vận tải xin có ý kiến như sau:

Thông nhất với nội dung dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt./4,

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, QLKC.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Hoàng Điền Phong

Số:804 /STC-GCS&TCDN
V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị
định quy định việc quản lý, sử dụng và
khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

Yên Bái, ngày 24 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Cục Quản lý công sản - Bộ Tài chính

Thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Công văn số 1113/UBND-TC ngày 08/4/2024 về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính tỉnh Yên Bái tổng hợp, tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định như sau:

1. Cơ bản thống nhất với bố cục, nội dung dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

2. Một số ý kiến bổ sung:

- Tại điểm d khoản 3 Điều 11 đề nghị sửa cụm từ: “*Các hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này*” bằng cụm từ “*Các hồ sơ quy định tại điểm d khoản 2 Điều này*”. Lý do điểm d Khoản 2 Điều 11 quy định hồ sơ pháp lý về tài sản.

- Tại Điều 16, Điều 18, Điều 19 đề nghị đơn vị soạn thảo sửa đổi các nội dung liên quan dẫn chiếu “*Điều 21*” thành “*Điều 22*”; Tại điểm k, khoản 8, Điều 35 sửa đổi nội dung dẫn chiếu “*Điều 37*” thành “*Điều 38*” và đồng thời rà soát nội dung tương tự trong toàn dự thảo. Lý do Điều 22 quy định quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; Điều 38 quy định quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị.

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tài chính tỉnh Yên Bái gửi Cục Quản lý công sản - Bộ Tài chính để tổng hợp hoàn thiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, GCS&TCDN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lã Tiên Ngọc

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1280 /STC-QLGCS
V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị
định quy định việc quản lý, sử
dụng và khai thác tài sản kết cấu
hạ tầng đường sắt.

Gia Lai, ngày 24 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 1108/VP-KTTH ngày 09/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Theo đó, UBND tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu dự thảo Nghị định và tham gia ý kiến theo nội dung tại Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Tài chính thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Sở Tài chính tỉnh Gia Lai có ý kiến tham gia gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay b/c);
- Giám đốc, các PGĐ sở;
- Lưu: VT, QLGCS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đặng Công Lâm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3241 /UBND-KT
V/v tham gia ý kiến dự thảo
Nghị định của Chính phủ

Nghệ An, ngày 24 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An kính báo cáo Bộ Tài chính./.

BT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT KT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP, PCVP KT UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT (PP, Hòa).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Thanh An

Số: 1112 /STC-QLG&CS

Quảng Trị, ngày 23 tháng 4 năm 2024

V/v tham gia ý kiến về dự thảo
Nghị định quy định việc quản lý,
sử dụng và khai thác tài sản kết
cấu hạ tầng đường sắt

Kính gửi: Cục Quản lý công sản – Bộ Tài chính

Thực hiện ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024, ý kiến của UBND tỉnh tại Công văn số 1650/UBND-KT ngày 09/4/2024 về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị tổng hợp và cơ bản thống nhất dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định của Chính phủ và tham gia một số nội dung sau:

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh lại nội dung quy định tại Điều 21 của dự thảo Nghị định để đảm bảo không trái với quy định Luật Đất đai 2013 và Luật đất đai 2024, cụ thể tại Điều 21 dự thảo quy định: *"Trước khi quyết định thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Giao thông vận tải, trường hợp tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai đồng thời có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Văn bản lấy ý kiến cần nêu rõ: Lý do thu hồi đất; diện tích đất thu hồi; sự phù hợp của việc thu hồi đất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; sự phù hợp của vị trí mới được bố trí để đầu tư xây dựng tài sản thay thế (nếu có) và các nội dung cần thiết khác."*

Lý do: Luật Đất đai 2013 và Luật Đất đai 2024 không quy định khi nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai phải có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị có ý kiến gửi Cục Quản lý công sản (Bộ Tài chính) tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QLG&CS.



UBND TỈNH SƠN LA
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1395 /STC-QLGCS
V/v tham gia ý kiến về dự thảo Nghị
định quy định việc quản lý, sử dụng
và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng
đường sắt.

Sơn La, ngày 24 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 1471/UBND-TH ngày 08/4/2024 của UBND tỉnh về tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính tỉnh Sơn La nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Sở Tài chính tỉnh Sơn La báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở TC;
- Lưu: VT; Ttra; QLGCS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đỗ Thế Hường

Số:645 /STC-QLG&CS

Phú Thọ, ngày 24 tháng 4 năm 2024

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Văn bản số 1349/UBND-KTTH ngày 8/4/2024 của UBND tỉnh về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (Sau đây gọi tắt là Dự thảo Nghị định) theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Văn bản số 3578/BTC-QLCS ngày 4/04/2024.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định, các tài liệu liên quan và ý kiến tham gia của Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ tham gia ý kiến như sau:

- Nhất trí với bố cục Dự thảo Nghị định.
- Về nội dung Dự thảo Nghị định:

Tại khoản 2, Điều 37 Dự thảo Nghị định: “2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai, cơ quan quản lý đường sắt đô thị chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan có ý kiến về việc thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia”.

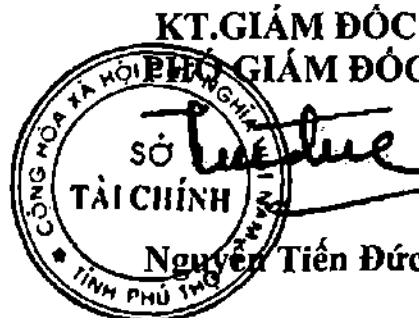
Trong đó Văn bản lấy ý kiến gồm các nội dung: Lý do thu hồi đất; diện tích đất thu hồi; sự phù hợp của việc thu hồi đất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; sự phù hợp của vị trí mới được bố trí để đầu tư xây dựng tài sản thay thế (nếu có)...

Đề nghị cơ quan chủ quản làm rõ cơ sở quy định “Sở Tài chính cho ý kiến về việc thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia” để làm rõ nhiệm vụ Sở Tài chính phải thực hiện theo quy định trên.

Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ trân trọng báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên.
- UBND tỉnh (để b/c);
- GD, PGD (ô. Đức);
- Lưu QLG&CS (Th).



Số: 1112 /STC-QLG&CS

Quảng Trị, ngày 23 tháng 4 năm 2024

V/v tham gia ý kiến về dự thảo
Nghị định quy định việc quản lý,
sử dụng và khai thác tài sản kết
cấu hạ tầng đường sắt

Kính gửi: Cục Quản lý công sản – Bộ Tài chính

Thực hiện ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024, ý kiến của UBND tỉnh tại Công văn số 1650/UBND-KT ngày 09/4/2024 về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị tổng hợp và cơ bản thống nhất dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định của Chính phủ và tham gia một số nội dung sau:

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh lại nội dung quy định tại Điều 21 của dự thảo Nghị định để đảm bảo không trái với quy định Luật Đất đai 2013 và Luật đất đai 2024, cụ thể tại Điều 21 dự thảo quy định: “*Trước khi quyết định thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Giao thông vận tải, trường hợp tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia thì cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai đồng thời có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Văn bản lấy ý kiến cần nêu rõ: Lý do thu hồi đất; diện tích đất thu hồi; sự phù hợp của việc thu hồi đất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; sự phù hợp của vị trí mới được bố trí để đầu tư xây dựng tài sản thay thế (nếu có) và các nội dung cần thiết khác.*”

Lý do: Luật Đất đai 2013 và Luật Đất đai 2024 không quy định khi nhà nước thu hồi đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai phải có văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị có ý kiến gửi Cục Quản lý công sản (Bộ Tài chính) tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QLG&CS(5).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH QUẢNG TRỊ
Nguyễn Anh Phương

**UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1087 /STC-QLCS&TH

Bắc Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2024

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản).

Căn cứ Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt,

Thực hiện Công văn số 1756/UBND-KTTH ngày 08/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính.

Sau khi nghiên cứu nội dung của dự thảo Tờ trình của Bộ Tài chính; dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ) và tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị. Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang nhất trí với các nội dung của văn bản dự thảo.

Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) để tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- GD, PGD số (đ/c Linh);
- Lưu: VT, QLCS&TH, Dương.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thùy Linh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: 2202/UBND-STC

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy
định việc quản lý, sử dụng và khai
thác tài sản kết cấu hạ tầng đường
sắt

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày 22 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông nhận được Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến vào Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Bộ Tài chính soạn thảo.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
TU. CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN**



**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH
Nguyễn Hồng Quang**

**UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ TÀI CHÍNH**

Số: 1300/STC-QLGCS

V/v tham gia góp ý dự thảo
Nghị định quy định việc quản lý,
sử dụng và khai thác tài sản kết
cấu hạ tầng đường sắt

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 24 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Cục Quản lý công sản - Bộ Tài chính

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Định tại Công văn số 2579/UBND-KT ngày 08/4/2024 về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; trong đó UBND tỉnh Bình Định giao Sở Tài chính Bình Định chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải Bình Định và các đơn vị có liên quan tham gia ý kiến theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024. Về nội dung này, qua nghiên cứu nội dung dự thảo và trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Tài chính Bình Định kính báo cáo Cục Quản lý công sản - Bộ Tài chính cụ thể như sau:

Sở Tài chính Bình Định thống nhất với các nội dung trong dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Sở Tài chính Bình Định kính báo cáo Cục Quản lý công sản - Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/cáo);
- Lưu: VT, QLGCS.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 595 /UBND-KTTH
V/v tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định
quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác
tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

Hòa Bình, ngày 23 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình có ý kiến như sau:

Nhất trí với nội dung của hồ sơ lấy ý kiến của Bộ Tài chính, bao gồm:

(1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ.

(2) Dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó CT UBND tỉnh Quách Tất Liêm;
- Sở Tài chính;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH (BM).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Quách Tất Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1402 /UBND-KTTH

Kon Tum, ngày 23 tháng 4 năm 2024

V/v tham gia ý kiến dự thảo
Nghị định quy định việc quản
lý, sử dụng và khai thác tài sản
kết cấu hạ tầng đường sắt

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản).

Thực hiện Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia ý kiến như sau:

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum thống nhất bố cục và nội dung dự thảo dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; dự thảo Tờ trình của Bộ Tài chính kèm theo Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum báo đề Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KTTH, STC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
TU. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH**



Nguyễn Văn Diệu

**UBND TỈNH THÁI BÌNH
SỞ TÀI CHÍNH**

Số: 1083 /STC-QLGCS

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định
quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác
tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Bình, ngày 22 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Văn bản số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024, và Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình tại Văn bản 1280/UBND-KT ngày 09/4/2024 về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Văn bản 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024. Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính Thái Bình có ý kiến như sau:


Trên địa bàn tỉnh Thái Bình hiện không có hạ tầng đường sắt, do đó Sở Tài chính Thái Bình không có ý kiến tham gia đối với dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tài chính Thái Bình kính gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc sở;
- Lưu: VT, QLCS.

**KT. GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI CHÍNH**



Vũ Huy Hoàng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3688/UBND-DN
V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị
định quy định việc quản lý, sử
dụng và khai thác tài sản kết cấu
hạ tầng đường sắt

Thừa Thiên Huế, ngày 16 tháng 4 năm 2024

| | |
|-------------------------------------|--|
| BỘ TÀI CHÍNH | |
| ĐẾN Số:.....34.897..... | |
| Ngày: 19-04-2024 | |
| Chuyên:..... <i>Acc. PLLC</i> | |
| Số và ký hiệu HS:..... | |

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.


Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thống nhất nội dung dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Bộ Tài chính soạn thảo ban hành kèm theo Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, DN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Quý Phương

UBND TỈNH BẮC KẠN
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 721 /STC-QLCS

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Kạn, ngày 19 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý Công sản)

Thực hiện Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Sau khi phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định do Bộ Tài chính soạn thảo.

Với nội dung trên, Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn kính gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý Công sản) tổng hợp./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như trên;
- UBND tỉnh (B/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT; QLCS (H).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đinh Quang Hưng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2336 /UBND-TCĐT

Bến Tre, ngày 16 tháng 4 năm 2024

V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định việc quản lý, sử dụng
và khai thác tài sản kết cấu hạ
tầng đường sắt

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre thống nhất nội dung dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt gửi kèm theo Công văn nêu trên của Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre có ý kiến đề Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Phòng: TH, TCĐT;
- Lưu: VT, Ph.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
ĐẠI BIỂU CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trúc Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 3266 /UBND-KT

V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định việc quản lý, sử
dụng và khai thác tài sản kết
cấu hạ tầng đường sắt

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản)

Thực hiện Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có ý kiến như sau:

Thông nhất với nội dung của dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ) kèm theo Công văn nêu trên của Bộ Tài chính.

Với nội dung trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KT (cn 2b).

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **676** /UBND-TH
V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định việc quản lý, sử
dụng và khai thác tài sản kết
cấu hạ tầng đường sắt.

Quảng Bình, ngày **17** tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

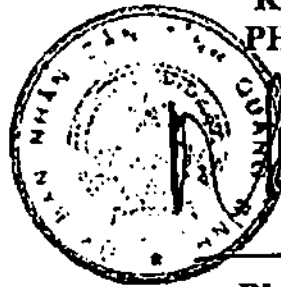
Phúc đáp Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình có ý kiến như sau:

Thông nhất với bố cục và nội dung Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ) do Bộ Tài chính soạn thảo.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c PCT UBND tỉnh Phan Phong Phú;
- Sở Tài chính;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Phong Phú

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 1480 /STC-GCS

V/v đóng góp ý kiến đối với dự
thảo Nghị định quy định việc quản
lý, sử dụng và khai thác tài sản kết
cấu hạ tầng đường sắt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 16 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản)

Thực hiện Công văn số 2610/UBND-XD ngày 08/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện nội dung Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính (kèm theo Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 và dự thảo Nghị định). Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

Sau khi nghiên cứu dự thảo Tờ trình, Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (thay thế Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018); đồng thời qua rà soát trên địa bàn tỉnh Cà Mau không có tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, vì vậy Sở Tài chính tỉnh Cà Mau thống nhất với nội dung dự thảo.

Sở Tài chính tỉnh Cà Mau báo cáo Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay b/c);
- Ban Giám đốc (iO);
- Lưu: VP; GCS(L).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thanh Toàn

UBND TỈNH LAI CHÂU
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 546 /STC-GCS&TCDN

Lai Châu, ngày 10 tháng 4 năm 2024

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Nghị định quy định việc quản lý, sử
dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ
tầng đường sắt


Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 1254/UBND-KTN ngày 09/4/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo nội dung Công văn số 3578/BTC-QLCS ngày 04/4/2024 của Bộ Tài chính. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định, Sở Tài chính tỉnh Lai Châu nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt do Bộ Tài chính soạn thảo.

Sở Tài chính Lai Châu kính gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Quản lý công sản (BTC);
- UBND tỉnh;
- Giám đốc Sở; } b/c
- Lưu: VT, GCS&TCDN.

KT. GIÁM ĐỐC
HỒ GIÁM ĐỐC

Phạm Quý Dương